

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG**



KỶ YẾU HỘI THẢO

**ĐỔI MỚI PPDH PHÙ HỢP VỚI PHƯƠNG THỨC
ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

Phú Thọ, tháng 05 năm 2010

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG
KỶ YẾU HỘI THẢO

CHỊU TRÁCH NHIỆM NỘI DUNG

PGS. TS. Cao Văn

Hiệu trưởng

BAN BIÊN TẬP

PGS. TS. Cao Văn – Trưởng ban

PGS. TS. Phùng Quốc Việt – Phó trưởng ban

ThS. Nguyễn Văn Hùng – Phó trưởng ban

ThS. Đỗ Tùng – Ủy viên

ThS. Dương Bích Liên – Ủy viên

ThS. Phạm Duy Hưng – Ủy viên

ThS. Ngô Ngọc Tuyên – Ủy viên

CN. Đoàn Thị Hằng – Ủy viên

CN. Nguyễn Ngọc Anh – Ủy viên

CN. Nguyễn Trung Kiên – Ủy viên

Phú Thọ, tháng 05 năm 2010

MỤC LỤC

1. Ban tổ chức	Lời nói đầu	
2. Ths. Nguyễn Ngọc Cường	Tự học của sinh viên là một giải pháp cần phải được quan tâm hơn nữa	1
3. Ths. Lê Đình Thảo	Một số kinh nghiệm giảng dạy các môn lý luận chính trị theo yêu cầu của học chế tín chỉ	6
4. Ths. Lưu Thế Vinh	Hướng dẫn sử dụng tài liệu một phương pháp dạy học tích cực	10
5. Ths. Bùi Thị Lý	Một số kinh nghiệm hướng dẫn sinh viên tự học trong dạy học theo tín chỉ	14
6. Th.s Hoàng Thị Thuận	Thực trạng đổi mới phương pháp dạy học và thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ ở Bộ môn Tâm lý giáo dục	16
7. Th.s Lê Thị Xuân Thu	Hướng dẫn sinh viên tìm kiếm thông tin trên internet	18
8. Ths. Lê Quang Toán	Phương pháp hướng dẫn sinh viên đọc sách, tài liệu	21
9. Th.s Nguyễn Thị Mai Hương	Vận dụng phương pháp định hướng hành động theo lý thuyết của P.I.A Galperin vào dạy học giáo dục học theo hình thức đào tạo tín chỉ	23
10. Ths. Nguyễn Đức Thắng	Một vài ý kiến về đào tạo theo hệ thống tín chỉ	27
11. Ths. Phạm Thị Kim Cúc	Nâng cao chất lượng giảng dạy thông qua đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ tại bộ môn Tiếng Anh	31
12. Bùi Văn Hùng	Đôi điều về những việc đã và đang làm, những định hướng để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo cử nhân Tiếng Trung theo học chế tín chỉ	34
13. Nguyễn Thị Tố Loan	Ứng dụng công nghệ thông tin trong nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên ngoại ngữ trong đào tạo theo học chế tín chỉ	38
14. Ths. Trần Văn Thục	Về vấn đề xây dựng đội ngũ cố vấn học tập đối với ngành Việt nam học	41
15. Ths Triệu Thị Hương Liên	Một số suy nghĩ về đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ	44
16. Ths Nguyễn Thị Thịnh	Một số vấn đề về tăng cường đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ ở Khoa Khoa học xã hội và nhân văn	47
17. Ths. Nguyễn Tiên Mạnh	Thực trạng và một số giải pháp nhằm nâng cao chất lượng trong đào tạo theo học chế tín chỉ tại Khoa Toán Công nghệ	51
18. Ths. Nguyễn Văn Nghĩa	Vấn đề học và tự học của sinh viên ngành đại học Toán, đại học Toán - Lý	55
19. KS. Đinh Thái Sơn	Về hoạt động học tập của sinh viên trên Thư viện	57
20. Ths. Phan Thị Tình	Rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm ngành Toán theo học chế tín chỉ ở trường ĐH Hùng Vương	59
21. Nguyễn Quang Hưng	Một vài biện pháp nhằm đổi mới phương pháp giảng dạy môn luật xa gần và giải phẫu tạo hình cho K7 CD Mỹ thuật	62

22. Dương Văn Hậu	Một số vấn đề đổi mới phương pháp dạy học môn Lý thuyết âm nhạc cơ bản theo yêu cầu học chế tín chỉ	65
23. Trình Thị Việt Ngân	Một số thuận lợi và khó khăn trong bước đầu áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ đối với môn Trang trí lớp K7 Cao đẳng Mỹ thuật	68
24. Nguyễn Huy Oanh	Một vài ý kiến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học môn Nhạc cụ học phần Đàn phím điện tử theo học chế tín chỉ	71
25. Ths. Phạm Thanh Loan	Nhận thức chung về đào tạo theo học chế tín chỉ thực trạng và giải pháp trong đào tạo theo học chế tín chỉ và vấn đề đổi mới phương pháp dạy học	73
26. Ths. Mai Thúy Hồng	Quan điểm về xây dựng mô hình dạy học tích cực ở bậc đại học	79
27. Ths. Nguyễn Thị Ngọc Liên	Thực trạng và giải pháp trong đào tạo theo học chế tín chỉ và vấn đề đổi mới phương pháp dạy học	81
28. BSTY. Trịnh Thị Quý	Phương pháp dạy học thực hành theo học chế tín chỉ của ngành Nông - Lâm nghiệp trong điều kiện hiện nay	84
29. Phạm Đức Triển	Thúc đẩy mối quan hệ cán bộ thư viện – giảng viên trước yêu cầu chuyên đổi phương thức đào tạo niên chế sang học tín chỉ	88
30. Ths. Hà Quế Cường	Nhiệm vụ đổi mới PPGD theo học chế tín chỉ ở Khoa Khoa học Tự nhiên	93
31. Ths. Triệu Quý Hùng	Trao đổi một số nội dung về đào tạo theo học chế tín chỉ tại Bộ môn Hoá học trường đại học Hùng Vương	95
32. Nguyễn Bích Thuỷ	Đôi nét về thực trạng áp dụng học chế tín chỉ ở Trường đại học Hùng Vương	98
33. Th.S Vũ Hương Giang	Hình thành các môđun dạy học một trong các hướng thực hiện đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ ở đại học	101
34. Lê Văn Lĩnh	Bộ môn Toán với việc sử dụng PPDH phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ trong giờ lý thuyết	104
35. Lê Thị Hồng Chi	Triển khai làm tiểu luận trong chương trình đào tạo theo tín chỉ	107
36. Th.s Lưu Ngọc Sơn	Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo tín chỉ trong thời gian tới	112
37. CN. Vũ Huyền Trang	Phương pháp dạy một tiết học lý thuyết trong đào tạo theo học chế tín chỉ	115
38. CN. Phùng Thị Khang Ninh	Tham luận phương pháp tổ chức thực tập và rèn nghề cho sinh viên khoa Kinh tế & QTKD	119
39. Ths. Ngô Thị Thanh Tú	Bản tham luận về PP dạy 1 tiết thảo luận trên lớp	122
40. Ths. Đỗ Thị Minh Hương	Tham luận về việc tổ chức tốt việc tự học cho sinh viên	125
41. TS. Phạm Tuấn Anh	Kỹ năng hay là văn hóa tín chỉ	127

LỜI NÓI ĐẦU

Trường Đại học Hùng Vương thành lập theo Quyết định số 81/2003/QĐ-TTg ngày 29 tháng 4 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ, là trường Đại học công lập, đa ngành, đa cấp, có nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao cho tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận.

Từ khóa tuyển sinh Năm học 2009 – 2010, Trường Đại học Hùng Vương đã triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Một trong những triết lý của hệ thống đào tạo này là “lấy người học làm trung tâm” trong đó người học tự đặt ra kế hoạch học tập cho toàn khóa, từng học kỳ tùy theo năng lực, điều kiện cụ thể của cá nhân trên cơ sở kế hoạch chung của Nhà trường, còn Nhà trường luôn cố gắng đáp ứng đến mức cao nhất những yêu cầu cụ thể của từng sinh viên. Vì thế quá trình tổ chức đào tạo là một quá trình rất phức tạp, đòi hỏi hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên phải vận hành một cách khoa học và chính xác. Mặt khác, người học cũng phải có trách nhiệm rất cao với chính việc học tập của cá nhân, những thông số đầu vào phục vụ cho việc tổ chức đào tạo phải được sinh viên cân nhắc, suy nghĩ thấu đáo, thậm trí hỏi tư vấn trước khi quyết định.

Sau gần một năm hệ thống đi vào hoạt động, để tổng kết, đánh giá lại những việc đã làm được, chưa làm được trong công tác đào tạo, tổ chức, quản lý, cơ sở vật chất phục vụ đào tạo...; từ đó đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng các yêu cầu của học chế tín chỉ. Nhà trường đã chỉ đạo các khoa, bộ môn tổ chức hội thảo “Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ” nhằm đánh giá thực trạng công tác giảng dạy và học tập trong Nhà trường; tạo diễn đàn trao đổi, thảo luận những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến phương pháp đào tạo và đổi mới phương pháp đào tạo theo học chế tín chỉ; thúc đẩy việc đổi mới phương pháp đào tạo và quản lý đào tạo theo học chế tín chỉ ở tất cả các khoa/bộ môn, phòng/ban chức năng trong toàn trường.

Chỉ sau một thời gian ngắn triển khai, Ban tổ chức đã nhận được trên 40 bài tham luận của các thầy cô giáo, được chọn lọc từ hàng trăm bài tham luận của các đơn vị. Đây là một tín hiệu đáng mừng cho thấy chúng ta đang có một mối quan tâm chung và sẵn sàng chia sẻ với đồng nghiệp mối quan tâm ấy. Hy vọng rằng, hội thảo “Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ” sẽ có tác động tích cực đến hoạt động giảng dạy và học tập của giảng viên và sinh viên, vì một mục đích chung là nâng cao chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ.

Nhân dịp này, Ban tổ chức xin giới thiệu với quý thầy cô giáo cuốn Kỷ yếu hội thảo: **“Đổi mới phương pháp dạy học phù hợp với phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ”** năm học 2009 – 2010.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong quá trình biên tập, song không tránh khỏi những hạn chế, thiếu sót. Rất mong quý thầy cô giáo đóng góp ý kiến để cuốn Kỷ yếu lần sau hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng cảm ơn.

Phú thọ, ngày 26 tháng 5 năm 2010

BAN TỔ CHỨC

TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN LÀ MỘT GIẢI PHÁP CẦN PHẢI ĐƯỢC QUAN TÂM HƠN NỮA

*Ths. Nguyễn Ngọc Cường
Bộ môn Lý luận chính trị*

Tự học là một vấn đề hoạt động nhận thức của cá nhân nhằm nắm vững tri thức, kỹ năng và thái độ của việc tự học là do chính bản thân người học tiến hành ở trên giảng đường hoặc ở ngoài như: thư viện, ký túc xá... hoặc không theo chương trình và sách giáo khoa đã ấn định sẵn. Điều này người học tự tiến hành tùy theo trình độ nhận thức về nhiệm vụ và trách nhiệm, tùy theo hứng thú khoa học và nghề nghiệp, tùy theo đặc điểm thói quen làm việc, sinh hoạt riêng của từng người.

Có thể nói vấn đề tự học được đặt ra có ý nghĩa rất lớn, rất thời sự khi chúng ta chủ trương thực hiện khẩu hiệu của thời đại: Học thường xuyên, học suốt đời.

Một học giả đã nói: *“Tự học là một đức tính mà phải tự tập mới có”*. Vấn đề tự học của mọi người nói chung và của sinh viên đại học hiện nay còn là một vấn đề đáng suy nghĩ, cần phải được quan tâm nhiều hơn nữa. Bởi vì thực tế hiện nay việc tự học của sinh viên trong các trường Cao đẳng, Đại học nói chung còn chưa làm tốt cả hai phía: phía nhà trường và phía sinh viên.

Để làm tốt nhiệm vụ là người học – sinh viên cần phải quan tâm đến những vấn đề sau: phương pháp (cách) nghe giảng bài, cách đọc giáo trình, sách, tài liệu tham khảo, tự xây dựng quản lý kết hoạch học tập cá nhân...

Mặt khác về phía người dạy, người quản lý dạy học: gợi ý, hướng dẫn cách tự học như thế nào, trao đổi, cải tiến cách học cho sinh viên, quản lý việc tự học ra sao? Tất cả những việc đó đều là những cố gắng giúp cho sinh viên tự học tốt, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo.

Trước hết là phương pháp tự học của sinh viên.

Cách nghe giảng

Thực tế cho thấy sinh viên năm thứ nhất chưa quen cách giảng bài ở đại học, thậm chí còn bỡ ngỡ lúng túng thiếu tự tin. Không biết làm thế nào vừa nghe giảng vừa ghi chép được. Đặc biệt là các môn khoa học Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh có tính lý luận cao, đòi hỏi tư duy khái quát lớn, nhiều thuật ngữ mới mẻ và khó hiểu. Đòi hỏi sinh viên phải rèn luyện kỹ năng nghe giảng bài tốt: tập trung tư tưởng, ghi ngay được những khái niệm, vấn đề mới chưa hiểu, đánh dấu để hỏi lại. (có thể hỏi ngay trong thời gian ở trên lớp - để lâu sẽ quên)

Nhưng trước hết chúng tôi muốn bàn đến khâu chuẩn bị nghe giảng bài trên lớp như thế nào để đạt được hiệu quả tối ưu: Có lẽ nên bắt đầu từ bài học trước, nhớ việc nhớ lại tài liệu tri thức đã lĩnh hội từ bài học trước mà sinh viên sẽ hiểu tốt bài sau hơn, nhất là các môn khoa học lý luận thì vấn đề này càng rõ bởi tính logic của lý luận giúp cho chúng ta suy luận có định hướng tốt mục đích tốt hơn.

Tiếp đến là khâu nghe giảng ở trên lớp: trước hết là khâu nghe giảng phải tập trung cao độ, gạt bỏ tất cả những suy nghĩ còn vương vấn trong thời gian trước đó để nghe được lời thầy cô giảng bài, hướng dẫn tài liệu – lúc này tư duy làm việc hết sức tích cực, khẩn trương. Nghe giảng như thế nào cho tốt?

Có nên vừa nghe vừa ghi không? Tất cả các vấn đề đó người ta phải tính toán kỹ lưỡng lựa chọn để phân phối chú ý cho hợp lý - đạt hiệu quả tối ưu. Trường hợp đối với những môn học không có tài liệu hoặc ít tài liệu mà thầy cô đọc chép là chủ yếu thì người học cũng phải thích

ứng: nghe đọc cũng phải bài bản một chút. Ví dụ: câu đọc đầu tiên của thầy cũng phải chú ý nghe để hiểu, (mặc dù chưa hiểu hết) rồi mới bắt đầu ghi, cố gắng ghi nhanh, có thể viết tắt những từ và tập hợp từ quen thuộc theo ký hiệu riêng của mình. Thực tế, khi thầy cô vừa đọc nhiều sinh viên đã lập tức ghi ngay thì chỉ được vài chữ thì đã quên hết đoạn sau, nếu thầy cô không nhắc sẽ để “hông” cả một đoạn kiến thức, gây khó khăn cho tư duy logic thậm chí sai lầm trong suy diễn.

Theo chúng tôi việc ghi chép cho người học nên ghi theo cách của bản thân là tốt nhất và nó bảo đảm tính độc lập, tính sáng tạo, khi xem lại dễ hiểu. Có thể nói ghi chép khi nghe giảng là một nghệ thuật. Nó đòi hỏi tính sáng tạo, phù hợp với từng môn học, nhất là những môn khoa học xã hội người học cần có sự chuẩn bị để có thể ghi nhanh, nhiều. Đương nhiên môn nào cũng vậy. Việc ghi chép trong khi nghe giảng phải tuân thủ logic của bài giảng, các đề mục sắp xếp thứ tự, hợp lý để xem. Có thể chia trang giấy ra làm hai phần: phần lớn ghi đề mục và kiến thức bài giảng, phần nhỏ ghi những điều chưa rõ, chưa đồng ý, cần bổ sung...

Thứ tự số đề mục cũng phải lựa chọn cho hợp lý theo kết cấu bài giảng, số lượng: số La mã, Ả rập, chữ cái thường, hoa thị...

Tuy vậy khi về nhà việc chỉnh lý lại bài giảng ghi có ý nghĩa rất quan trọng, nó giúp sinh viên điều chỉnh ngay những chỗ chưa hợp lý những chỗ còn nghi ngờ. Nếu ghi chép xong mà để đấy thì chỉ vài ngày sau sẽ quên đi rất nhiều, những chỗ sai không thể chỉnh lý được.

Một khâu quan trọng nữa của tự học là đọc sách, đọc tài liệu chúng ta cùng trao đổi cách đọc sách cho tốt từ đó mới gây hứng thú đọc sách – một thói quen của giới trí thức.

Vấn đề là đọc như thế nào? Trước hết phải xác định mục đích đọc sách. Đọc sách có nhiều mục đích khác nhau:

Một là, đọc để tìm hiểu toàn bộ nội dung cuốn sách, tác phẩm hay giáo trình

Hai là, đọc để tìm hiểu một vấn đề, một khía cạnh nào đó của tác phẩm.

Ba là, đọc để sưu tầm tài liệu, tham khảo, bổ sung cho những vấn đề mình đang nghiên cứu.

Bốn là, đọc để tìm hiểu, nhận thức một cách chuẩn xác định nghĩa, khái niệm, về một số vấn đề nào đó.

Năm là, đọc để thu thập thông tin, tri thức nhằm giải quyết một số vấn đề thực tiễn đặt ra.

Sáu là, đọc để tìm những cái hay cái mới bổ sung, nâng cao nhận thức hoặc giải trí...

Cũng có thể đọc chỉ nhằm một trong nhiều mục đích, và cũng có thể nhằm nhiều mục đích cùng một lúc, song dù như thế nào thì cũng cần phải xác định rõ mục tiêu ngay từ đầu thì mới có kết quả.

Theo kinh nghiệm bản thân chúng tôi cho rằng khi mở cuốn sách ta cần đọc ta thường phải quan tâm xem tên tác giả tên sách, nơi và năm xuất bản – Mục lục – Lời tựa (lời bạt, lời nói đầu). Nhiều người không làm được vấn đề này thường sẽ lúng túng khi tiếp cận nghiên cứu tác phẩm.

Sau đó tiến hành việc đọc từng chương, nhanh hay chậm là tùy theo mục đích vạch ra của người đọc. Nhấn mạnh (đọc kỹ) ở chỗ nào có thuật ngữ khó hiểu, chỗ diễn đạt phức tạp.... phải có ghi chép, đánh dấu lại để hỏi thầy, cô hoặc nhiều người hiểu biết về vấn đề này.

Việc ghi chép khi đọc sách là cần thiết là tất yếu bởi nó sẽ giúp chúng ta tăng cường biện pháp ghi nhớ và có sản phẩm để truy cứu sau này khi cần đến. Theo kinh nghiệm ghi chép khi đọc có nhiều kiểu tùy theo mục đích như sau:

Thứ nhất, ghi chép kiểu đề cương: là ghi lại những vấn đề cơ bản của nội dung cuốn sách. Có thể ghi đề cương sơ lược hoặc chi tiết.

Thứ hai, ghi chép kiểu trích dẫn nghĩa là chép lại nguyên văn câu nói hoặc luận điểm của tác giả, của lãnh tụ, vĩ nhân, danh nhân, của văn bản nghị quyết, đường lối cách mạng... theo từng chuyên đề. Vấn đề này chúng tôi đã áp dụng cho môn học tư tưởng Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt. Chú ý trích dẫn phải thật chính xác và có ghi xuất xứ trích dẫn.

Ba là, ghi chép theo luận đề là hình thức ngắn gọn trình bày một luận điểm nào đó của tác giả ngắn gọn, khái quát.

Và chúng ta cũng dễ dàng lý giải được các số liệu thống kê sau đây:

- *Nghe không thôi chỉ nhớ 20%*
- *Nhìn không thôi chỉ nhớ 30%*
- *Vừa nghe vừa nhìn thì nhớ 50%*
- *Nói lại được thì nhớ 80%*
- *Còn vừa nói vừa làm nhớ 90%*

Đúng là: "Trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một làm"

Phương pháp vạch kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch tự học

Đây cũng là một vấn đề quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo nhất là việc làm cho năng lực tự học của sinh viên nâng cao, họ quen dần với việc tự học, tự nghiên cứu. Một năng lực cần thiết của người học mà phải tập mới có.

Trước hết phải mừng tượng ra các công việc của người học trong ngày: với các nội dung trong và ngoài giờ lên lớp như:

- Dự các buổi học theo thời khóa biểu.
- Chuẩn bị cho các buổi học cá nhân (tự học), học nhóm.
- Chuẩn bị làm bài tập kiểm tra.
- Tham gia các hoạt động ngoại khóa, hoạt động giải trí: văn nghệ, thể dục, thể thao..
- Vấn đề xây dựng kế hoạch cần phải rành mạch rõ ràng, nội dung công việc sắp xếp phải khoa học thì khi thực hiện mới triệt để và đạt hiệu quả cao.

* *Lưu ý:* Phải giữ đúng nguyên tắc giờ nào việc nấy, không để chồng chéo do tranh thủ, do bị động kế hoạch.

Phương pháp thảo luận theo tổ nhóm:

Người xưa có câu "*học thầy không tày học bạn*" thật là chí lý. Đối với các môn lý luận thì việc học theo tổ nhóm – thảo luận – sẽ lại càng cần thiết.

Thực sự phương pháp này chứa đựng nhiều ưu điểm trên các mặt:

Một là, nâng cao nhận thức (dễ thuộc bài)

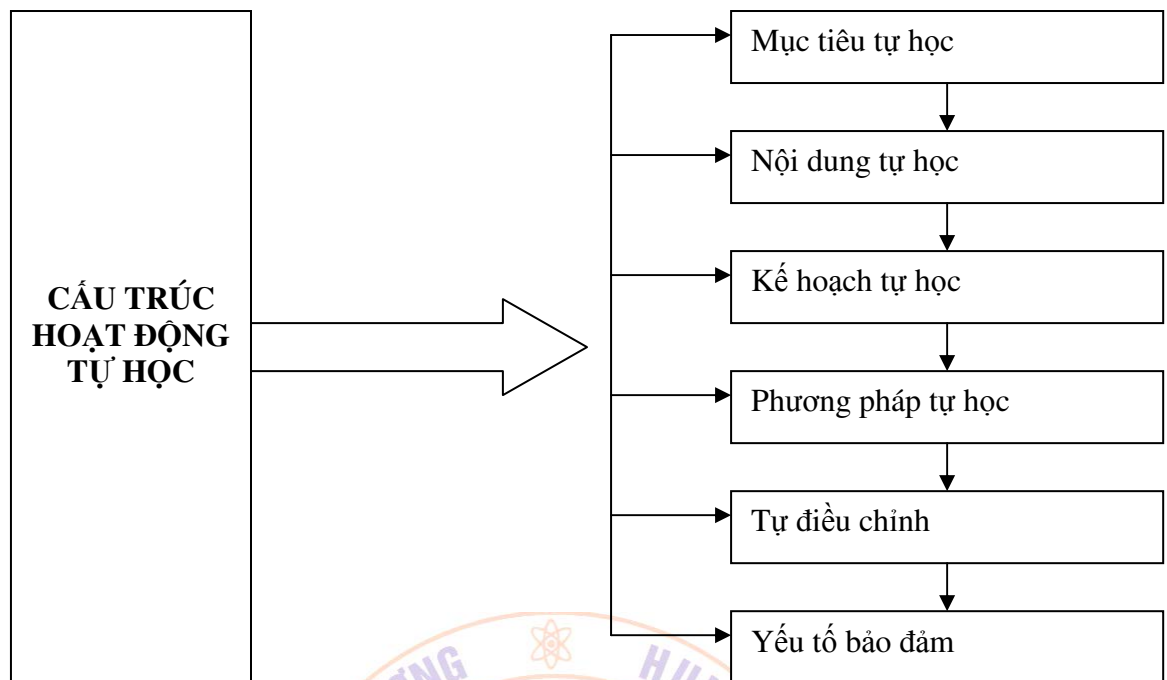
Hai là, học tập lẫn nhau (cách diễn đạt, năng lực khái quát...)

Ba là, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, bản lĩnh, phát triển năng lực tư duy.

* *Lưu ý:* Cách tổ chức đơn giản, không cầu kỳ, hình thức.

Ví dụ: Chia tổ nhóm 3 – 4 người vạch kế hoạch – nội dung trao đổi – kết luận... Khi thực hiện một số buổi nào đó thuận lợi; thường hai ba buổi trong tuần.

Dựa vào quan điểm tâm lý học sư phạm và quan điểm dạy học đại học, có thể xác định cấu trúc của hoạt động tự học bao gồm các nhân tố sau:



** Về mục tiêu tự học.*

Trong từng bài học, giờ học dù ở trên lớp hay tự nghiên cứu ở nhà sinh viên phải luôn đặt ra cho mình mức độ chiếm lĩnh kiến thức đến đâu (năm, hiểu, nhớ...) tùy theo mục tiêu yêu cầu của từng nội dung học tập làm cơ sở cho việc xác định nội dung phương pháp thực hiện cũng là thể hiện tính tự giác, tự đào tạo trong dạy học.

** Về nội dung tự học.*

Trên cơ sở mục tiêu yêu cầu tự học đối với từng bài học, trong từng buổi nghiên cứu, quỹ thời gian tự học để xác định tự học vấn đề gì, hướng nỗ lực học tập vào những nội dung quan trọng. Không tự cho phép mình bỏ qua, bỏ sót các nội dung, nhiệm vụ học tập, ý định tự học đã dự kiến vì sẽ tạo ra những “lỗ hổng” trong việc nắm nội dung.

** Về kế hoạch tự học.*

Các buổi tự học ở nhà cần phải có kế hoạch tự học thể hiện phong cách học khoa học, chủ động. Kế hoạch tự học phải phù hợp với ý đồ tự học cá nhân qua thời gian thực tế. Quyết tâm thực hiện đúng kế hoạch tự học đã xây dựng nhưng cũng linh hoạt điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế.

** Về phương pháp tự học.*

Căn cứ vào yêu cầu và đặc điểm của từng môn học; trình độ nhận thức cá nhân và điều kiện cho phép người học xác định, lựa chọn những phương pháp tự học phù hợp. Thường xuyên coi trọng việc cải tiến phương pháp học, tránh học theo lối mòn, bắt chước một cách máy móc kinh nghiệm tự học của người khác.

** Về tự kiểm tra điều chỉnh.*

Tính tích cực học tập và tự đào tạo đòi hỏi mỗi sinh viên phải luôn luôn tự kiểm tra, tự đánh giá nghiêm khắc hoạt động tự học của mình, để phát huy, nhân lên, tiếp tục những mặt tốt, cách học tốt và kịp thời khắc phục những cách làm, cách học chưa hiệu quả

** Về các yếu tố bảo đảm.*

Các điều kiện như: tập trung thời gian tự học, giáo trình, tài liệu, các phương tiện dạy học và vật chất bảo đảm khác là một yếu tố của nâng cao chất lượng tự học, cần khai thác, phát huy chúng trong quá trình tự học.

Các nhân tố trên có mối quan hệ tác động lẫn nhau, muốn nâng cao chất lượng tự học đòi hỏi phải nâng cao chất lượng của từng nhân tố ấy, trong đó phương pháp tự học đóng vai trò đặc biệt quan trọng.

** Cách thức xây dựng đề cương*

Ở nhà trường Đại học, xây dựng đề cương là một hình thức tự học rất quan trọng liên quan mật thiết và gắn bó chặt chẽ với nhiều hình thức tổ chức dạy học khác như: xeneima, làm các bài tập nghiên cứu khoa học, thực hiện luận văn tốt nghiệp... Phân tích các kết quả cho thấy:

Đa số học viên khi xây dựng đề cương trong tự học mới chỉ ở mức tái hiện nội dung đã học; sự mở rộng, đào sâu hệ thống tri thức, khả năng liên hệ giữa lý luận và thực tiễn còn nhiều hạn chế.

Khảo sát ý kiến về đề xuất thắc mắc trong xeneima; về việc đọc thêm tài liệu ở thư viện cho thấy khoảng 40% học viên chưa có nhu cầu mạnh mẽ, chưa có hứng thú cao trong việc tìm tòi khám phá những thông tin mới bổ sung, làm giàu vốn hiểu biết của mình.

Các loại đề cương tự học của học viên còn bộc lộ những hạn chế: tính logic, hệ thống, khái quát chưa cao; nguồn thông tin ngoài bài giảng còn nghèo. Điều nhấn mạnh là học viên vẫn chưa nắm được quy trình xây dựng đề cương trong tự học.

Luyện tập các thao tác nghề nghiệp

Như trên đã nêu luyện tập các thao tác nghề nghiệp trong tự học được học viên sử dụng ở mức thấp nhất. Chất lượng hình thức hoạt động tự học này cũng chưa cao, hiện nay có khoảng 36,44% học viên chưa nắm vững lý thuyết về quy trình luyện tập thực hành.

Tình trạng trên cùng với sự thiếu thốn về phương tiện cũng như những hạn chế trong tổ chức luyện tập dẫn tới phần lớn học viên chỉ vận dụng tri thức vào tình huống tương tự. Số học viên thực hiện các thao tác chính xác, thuần thục, có hệ thống; biết vận dụng linh hoạt, sáng tạo.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM GIẢNG DẠY CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ THEO YÊU CẦU CỦA HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Ths. Lê Đình Thảo
Bộ môn Lý luận chính trị*

Một trong những đặc trưng của đào tạo theo học chế tín chỉ là tăng cường việc tự học tập, nghiên cứu của sinh viên. Vì vậy, theo chúng tôi, đổi mới phương pháp giảng dạy theo yêu cầu của học chế tín chỉ là nhằm yêu cầu và hướng dẫn để phát huy được tốt nhất việc tự học tập, nghiên cứu của sinh viên. Trước đây ở đào tạo theo niên chế, chúng ta cũng đã nói đến điều này. Điều đó cho thấy việc yêu cầu và hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu không phải là vấn đề mới, đến bây giờ mới đề cập. Cái mới ở đây chỉ là yêu cầu và hướng dẫn sinh viên phải tự học tập, nghiên cứu nhiều hơn trước đây mà thôi. Nếu trước đây sinh viên phải tự học tập, nghiên cứu ít thì nay phải tự học tập, nghiên cứu nhiều hơn.

Mặc dù chúng ta đã nói nhiều đến việc phải yêu cầu và hướng dẫn để phát huy tính tích cực học tập, nghiên cứu của sinh viên, song để thực hiện được yêu cầu này một cách đúng đắn, có hiệu quả nhằm nâng cao chất lượng đào tạo thì lại là một việc không dễ dàng, không phải ai cũng thực hiện được. Từ đó đặt ra vấn đề là phải yêu cầu và hướng dẫn như thế nào để phát huy và giúp sinh viên tự học tập, nghiên cứu đạt được kết quả tốt? Nghiên cứu tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học kinh nghiệm là việc làm cần thiết nhằm giải quyết vấn đề đặt ra. Từ thực tế còn ít ỏi của việc giảng dạy theo yêu cầu của học chế tín chỉ, chúng tôi bước đầu rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, giảng dạy theo yêu cầu của học chế tín chỉ đòi hỏi phải tăng cường việc tự học tập, nghiên cứu của sinh viên ở nhà, ở thư viện...sau khi được nghe giảng, được hướng dẫn của giáo viên ở trên lớp.

Hướng dẫn là chỉ bảo, dẫn dắt để sinh viên biết tự học tập, nghiên cứu. Hướng dẫn có thể là hướng dẫn để sinh viên tự học tập, nghiên cứu ở ngay trên lớp và có hướng dẫn để sau đó sinh viên tự học tập nghiên cứu ở nhà hoặc ở thư viện...Chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ, khi thời gian lên lớp đã giảm đi rất nhiều so với trước đây, đòi hỏi giáo viên phải chủ yếu hướng dẫn để sinh viên tự học tập, nghiên cứu ở nhà hoặc ở thư viện...

Ví dụ như việc dạy phần *vật chất và ý thức*, khi chưa chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ, thời gian dành cho việc giảng ở trên lớp là từ 5 đến 6 tiết thì nay chỉ còn tối đa là 2 đến 3 tiết. Trước đây do có nhiều thời gian nên ở ngay trên lớp, giáo viên có thể yêu cầu sinh viên suy nghĩ, trao đổi, thảo luận và trả lời các câu hỏi như: *Điểm chung trong quan niệm về vật chất của các triết học duy vật trước Mác là gì? Triết học Mác – Lênin quan niệm như thế nào về vật chất? Tính sáng tạo của ý thức được thể hiện như thế nào? Vì sao nói ý thức là hình ảnh chủ quan về thế giới khách quan? Điểm cơ bản để phân biệt phản ánh ý thức với những hình thức phản ánh khác là gì?...*Nay do thời gian dành cho việc giảng ở trên lớp có hạn nên với những vấn đề đã nêu, sau khi được giáo viên hướng dẫn, sinh viên phải tự nghiên cứu, trao đổi, thảo luận ở nhà, sau đó (có thể ở buổi học sau) báo cáo kết quả với giáo viên. Sau khi sinh viên báo cáo kết quả tự học tập nghiên cứu, căn cứ vào đó giáo viên có thể tiếp tục hướng dẫn hoặc giảng giải để bổ sung, hoàn thiện nhận thức cho các em.

Một số giáo viên có thể sợ rằng nếu yêu cầu và hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu nhiều thì sẽ thừa thời gian, còn có gì để nói ở trên lớp. Thực ra chúng ta không có gì phải sợ hay

boăn khoản về điều này. Sở dĩ như vậy là vì thời gian lên lớp hiện nay đã giảm đi rất nhiều so với trước đây và do đó chỉ sợ thiếu thời gian chứ không sợ thừa thời gian. Hơn nữa ngay cả khi thời gian lên lớp vẫn giữ như trước đây, nhưng nếu biết khai thác, đào sâu kiến thức thì không sợ gì thừa thời gian hay sợ không có gì để nói. Chẳng hạn khi dạy phần *Vật chất và ý thức*, chúng ta có thể giúp sinh viên có được nhận thức sâu sắc hơn thông qua giải quyết các vấn đề như: *Vì sao các nhà triết học duy vật trước Mác rơi vào quan niệm coi vật chất là vật thể (là một cái gì đó cụ thể)? Vì sao về mặt triết học, vật chất cần phải được hiểu là tất cả những gì tồn tại khách quan, ở bên ngoài và không phụ thuộc vào ý thức của con người?...*

Cũng soay quanh vấn đề đã nêu có thể có một số giáo viên cho rằng nếu yêu cầu và hướng dẫn sinh viên tự học nhiều thì sợ các em không hiểu bài hoặc sợ các em đánh giá là không giỏi, không uyên bác. Quan niệm như vậy là không đúng đắn. Theo chúng tôi, đây là một trong những nguyên nhân cản trở việc đổi mới phương pháp giảng dạy ở nhiều giáo viên hiện nay. Cần phải có nhận thức là một người khi đã nêu ra được vấn đề gì thì thường ở họ đã có câu trả lời về vấn đề đó. Chỉ cần thông qua những vấn đề mà họ nêu ra là có thể biết được họ giỏi hay không giỏi. Một bài dạy hay là thể hiện ở sự sâu sắc, thiết thực của những vấn đề đặt ra và ở sự tài tình, khéo léo gợi mở, dẫn dắt để từ đó sinh viên biết cách tự giải quyết. Việc hiểu của sinh viên cũng cần được quan niệm là hiểu về những vấn đề được đưa ra ở trong bài giảng và còn là hiểu về những gợi ý của giáo viên để giải quyết được các vấn đề đặt ra, chứ không phải là hiểu về những kiến thức có sẵn.

Thứ 2, khi hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu cần phải căn cứ vào nội dung, những điều đã được trình bày ở trong giáo trình và ở trong các tài liệu tham khảo.

Hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu, cần phải đưa ra các yêu cầu, các câu hỏi và bài tập để tạo ra động lực và cũng để định hướng cho việc đọc, nghiên cứu tài liệu ở các em. Cần tránh tình trạng chỉ yêu cầu sinh viên đọc, nghiên cứu tài liệu mà không yêu cầu các em giải quyết bất cứ một nhiệm vụ cụ thể nào. Song các câu hỏi và bài tập mà giáo viên đưa ra chỉ là cần thiết, đảm bảo tính khoa học, có khả năng tạo ra động lực và hướng dẫn sinh viên học tập khi nó được xây dựng trên cơ sở căn cứ vào nội dung của giáo trình và của các tài liệu tham khảo.

Phải căn cứ vào nội dung của giáo trình và của các tài liệu tham khảo, giáo viên mới biết được nội dung nào cần hướng dẫn, còn nội dung nào không cần hướng dẫn. Những phần kiến thức dễ thì không cần hướng dẫn. Những phần kiến thức khó, sinh viên có thể hiểu không đầy đủ, không đúng đắn, những phần cần phải đánh giá, rút ra ý nghĩa, phần vận dụng thì cần có những yêu cầu, những câu hỏi và bài tập để hướng dẫn.

Nếu không căn cứ vào nội dung của giáo trình và của các tài liệu tham khảo, giáo viên rất dễ đưa ra các yêu cầu, các câu hỏi và bài tập không cần thiết, không có khả năng hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu. Ví dụ như khi dạy *mối quan hệ giữa vật chất và ý thức*, một số giáo viên có thể hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu thông qua các câu hỏi như: *Hãy cho biết quan điểm của chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo về mối quan hệ vật chất và ý thức. Chủ nghĩa duy vật trước Mác giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức như thế nào? Triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng) khẳng định như thế nào về mối quan hệ này? Ý nghĩa phương pháp luận rút ra từ việc nghiên cứu quan điểm duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là gì?...* Nghiên cứu nội dung của giáo trình và của các tài liệu tham khảo, chúng ta thấy những câu hỏi như đã nêu không tạo ra động lực và không giúp ích gì cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, vì ở trong giáo trình và ở trong các tài liệu hỏi và đáp đã viết và đã trình bày khá rõ về những vấn đề đã nêu.

Ở đây, nếu căn cứ vào những gì đã trình bày ở trong giáo trình và ở các tài liệu hỏi và đáp, việc yêu cầu và hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu phải bằng các câu hỏi như: *Hạn chế của chủ nghĩa duy vật trước Mác khi giải quyết mối quan hệ giữa vật chất và ý thức là gì? Theo*

quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng thì vật chất có trước, vật chất quyết định ý thức được thể hiện như thế nào? Lấy ví dụ minh họa. Ý thức tự bản thân nó có vai trò gì đối với hiện thực khách quan không? Vai trò của ý thức đối với hoạt động thực tiễn được thể hiện như thế nào?...

Thứ 3, hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu phải hướng tới đạt được mục tiêu của từng bài học, của môn học và phải phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên.

Theo yêu cầu của đào tạo tín chỉ thì sự sâu sắc của một bài dạy thể hiện ở sự sâu sắc của những vấn đề yêu cầu và hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu, chứ không phải là sự sâu sắc của những kiến thức có sẵn cho sinh viên. Song sự sâu sắc của bài dạy như thế nào là đủ, là đạt yêu cầu? Căn cứ vào đâu để đánh giá một bài dạy là sâu sắc hay chưa sâu sắc? Chúng ta biết rằng mọi đổi mới xét đến cùng là nhằm hướng tới đạt được một cách tốt nhất mục tiêu của bài học và của môn học, có như vậy mới nâng cao được chất lượng đào tạo. Vì vậy, để việc hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu đạt được những yêu cầu về mặt nội dung đòi hỏi giáo viên phải xác định được đúng đắn mục tiêu của bài học.

Khi giảng **mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**, một số người có thể xác định mục tiêu của nó là: *Giúp sinh viên hiểu được quan điểm duy vật biện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, từ đó luôn xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn, đồng thời biết phát huy vai trò của ý thức lý luận, của nhân tố con người.* Xác định mục tiêu giảng **mối quan hệ giữa vật chất và ý thức** như vậy là không thực sự đúng đắn.

Chúng tôi cho rằng khi giảng **mối quan hệ giữa vật chất và ý thức**, mục tiêu cần phải đạt được là: *Giúp sinh viên **nhận thức được tính đúng đắn** của quan điểm duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức, từ đó **thấy được sự cần thiết** phải luôn xuất phát từ thực tế khách quan, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan trong nhận thức và trong hoạt động thực tiễn, đồng thời biết phát huy vai trò của ý thức lý luận, của nhân tố con người.*

Với việc xác định mục tiêu của việc giảng **mối quan hệ giữa vật chất và ý thức** như vậy, chúng ta sẽ thấy được sự cần thiết phải yêu cầu và hướng dẫn sinh viên trả lời các câu hỏi và bài tập như:

Nhiều người cho rằng: *“Quan điểm khẳng định vật chất có trước, vật chất quyết định ý thức của triết học Mác là không hoàn toàn đúng? Bởi vì thực tế cho thấy không phải khi nào vật chất cũng quyết định ý thức. Chẳng hạn như ở thời kỳ đất nước còn có chiến tranh, với tinh thần yêu nước, theo lời kêu gọi của Đảng và Bác Hồ, lớp lớp thanh niên đã vác súng ra mặt trận, đấu tranh không sợ hy sinh gian khổ, đâu phải vì xuất phát từ lợi ích vật chất hay lợi ích kinh tế”.* Quan điểm này đúng hay sai? Vì sao?

Xét đến cùng vật chất là có trước, vật chất quyết định ý thức. Trong lãnh đạo, nếu không thấy được điều này, Đảng ta có thể mắc phải sai lầm gì?

Cần vận dụng quan điểm khẳng định vật chất có trước, vật chất quyết định ý thức như thế nào để phát huy được tốt nhất tinh thần trách nhiệm của người lao động?

Nêu những việc làm thể hiện việc nhận thức được vai trò quan trọng của ý thức lý luận...

Những vấn đề đã nêu có thể khó đối với nhiều sinh viên. Trong những trường hợp đó, để phù hợp với trình độ nhận thức của sinh viên, giúp các em trả lời được các câu hỏi, bài tập, chúng ta có thể có những hướng dẫn, gợi ý thêm.

Thứ 4, để yêu cầu và hướng dẫn sinh viên học tập, ngoài giáo trình, giáo viên còn phải giới thiệu cho các em biết các tài liệu tham khảo cần nghiên cứu.

Việc chỉ ra cho sinh viên biết các tài liệu cần phải đọc là rất cần thiết. Bởi vì thông qua đọc và nghiên cứu các tài liệu đã được chọn lọc, có liên quan đến nội dung bài dạy, sinh viên có thể tìm ra được các câu trả lời cho các vấn đề đặt ra. Ví dụ thông qua đọc *Bài phát biểu tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc*, ngày 10 tháng 01 năm 1946, của Hồ Chí

Minh, sinh viên có thể tìm ra được câu trả lời cho bài tập: *Nhiều người cho rằng “Quan điểm khẳng định vật chất có trước, vật chất quyết định ý thức của triết học Mác là không hoàn toàn đúng?”...Quan điểm này đúng hay sai? Vì sao?*

Trong giảng dạy đòi hỏi giáo viên phải có tài liệu. Song không dễ dàng gì có được những tài liệu cần thiết phục vụ cho việc giảng dạy một bài nào đó. Để có được nguồn tài liệu phong phú phục vụ cho việc giảng dạy đòi hỏi giáo viên phải đọc nhiều, phải sưu tầm, tích lũy. Nhưng để làm được điều đó đòi hỏi người giáo viên phải có tinh thần trách nhiệm trong giảng dạy, thường xuyên suy nghĩ, trăn trở về bài dạy của mình.

Thứ 5, hướng dẫn sinh viên học tập, nghiên cứu đòi hỏi phải làm tốt việc kiểm tra đánh giá.

Thực hiện tốt việc kiểm tra đánh giá là cần thiết nhằm tạo ra động lực học tập, nghiên cứu ở sinh viên. Theo yêu cầu của đào tạo tín chỉ, việc kiểm tra đánh giá đòi hỏi phải chủ yếu hướng tới kiểm tra đánh giá về khả năng hiểu và vận dụng kiến thức của sinh viên.

Kiểm tra đánh giá có kiểm tra đánh giá thường xuyên và kiểm tra đánh giá sau khi kết thúc học phần. Chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi giáo viên phải quan tâm làm tốt việc kiểm tra đánh giá thường xuyên. Nó không chỉ tạo ra động lực cho việc học tập, nghiên cứu ở sinh viên, mà còn là cần thiết nhằm giúp giáo viên biết được các sinh viên đã tự học tập, nghiên cứu được đến đâu, từ đó kịp thời có những điều chỉnh về nội dung và phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

Vấn đề đặt ra đối với việc kiểm tra đánh giá thường xuyên là làm thế nào để thực hiện được tốt công việc này trong một thời gian ngắn nhất. Với các môn lý luận chính trị, sinh viên được tổ chức học theo lớp ghép, có số lượng lớn ở những giờ học lý thuyết và cần thiết phải tách ra thành các lớp nhỏ đối với những giờ thảo luận. Giáo viên chỉ có thể thực hiện được việc kiểm tra đánh giá thường xuyên thông qua những giờ thảo luận. Ở những giờ lý thuyết, giáo viên chủ yếu làm nhiệm vụ giảng, yêu cầu và hướng dẫn sinh viên tự học tập, nghiên cứu. Giờ lý thuyết và giờ thảo luận cần phải được đan xen với nhau, ngay sau mỗi phần giảng lý thuyết phải tổ chức những giờ thảo luận. Thông qua những giờ thảo luận, phân trình bày của sinh viên là cơ sở để giáo viên đánh giá được kết quả tự học tập, nghiên cứu của các em.

Trên đây là một số bài học kinh nghiệm về đổi mới phương pháp giảng dạy các môn khoa học lý luận chính trị theo yêu cầu của đào tạo tín chỉ. Đây thực chất cũng chính là những bài học của việc yêu cầu và hướng dẫn sinh viên tự học tập, nghiên cứu. Từ thực tế giảng dạy, chúng tôi nhận thấy để hướng dẫn được sinh viên học tập, nghiên cứu, đòi hỏi giáo viên phải nắm vững kiến thức chuyên môn. Để soạn được một bài dạy theo yêu cầu của đổi mới không phải là một việc dễ dàng, nó đòi hỏi giáo viên phải có nhiều sự đầu tư suy nghĩ. Trước mắt, để nhanh chóng thực hiện được các bài dạy theo yêu cầu của học chế tín chỉ, mỗi giáo viên chỉ nên đảm nhận một hay một số chương của một học phần nào đó; phải thường xuyên có sự trao đổi về nội dung và phương pháp giảng dạy đối với từng bài dạy cụ thể trong các nhóm chuyên môn; mời thỉnh giảng và dự giờ học tập kinh nghiệm của giáo viên thỉnh giảng...

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TÀI LIỆU MỘT PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TÍCH CỰC

*Ths. Lưu Thế Vinh
Bộ môn Lý luận chính trị*

1. Phương pháp dạy học tích cực hướng tới việc tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học.

Trong đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, phải có sự hợp tác của thầy và trò, sự phối hợp giữa hoạt động dạy và hoạt động học mới thành công. Hướng dẫn sử dụng tài liệu học tập là hết sức quan trọng, giáo viên chỉ rõ cho người học những kiến thức cơ bản, hướng dẫn sinh viên cách thức tiếp cận, nắm bắt những nội dung cơ bản. Cũng giống như các phương pháp dạy học tích cực khác, phương pháp hướng dẫn sử dụng tài liệu (HDSDTL) học tập cũng có đầy đủ những đặc trưng cơ bản của một phương pháp dạy học tích cực

** Trò là chủ thể của hoạt động giáo dục*

Với phương pháp HDSDTL, người học được chủ động tích cực phát huy năng lực tư duy sáng tạo của mình. Ở đây, trò học tích cực bằng hành động của chính mình, tức là người học tự mình tìm ra “cái chưa biết”, “cái cần khám phá”, tự mình tìm ra kiến thức, chân lý. Đứng trước những tình huống thực tế, cụ thể, phong phú của cuộc sống, kích thích người học cảm thấy có nhu cầu, hứng thú giải quyết những khó khăn, mâu thuẫn trong nhận thức của mình. Quá trình tìm kiếm, lĩnh hội tri thức của người học thông qua giáo trình, tài liệu không dập theo một khuôn mẫu sẵn có, đó đều là những tri thức và phương pháp tiếp cận hoàn toàn mới của mỗi cá nhân tùy theo nhận thức và trình độ của mỗi người.

Như vậy, thông qua phương pháp HDSDTL học tập, người học đã học tích cực bằng hành động của chính mình. Trong giờ học, người học được làm việc và thông qua việc làm của mình mà trưởng thành: “Làm” dần dần trở thành “biết làm”, “muốn làm” và cuối cùng “muốn tồn tại và phát triển” tạo nên một con người lao động tự chủ, năng động và sáng tạo.

** Lớp học – cầu nối giữa thầy và trò*

Hiệu quả sử dụng tài liệu trong học tập, không thể nào là một hành động cá nhân thuần túy mà là một hành động hợp tác được diễn ra trong môi trường xã hội là lớp học. Kiến thức mà người học thu được từ giáo trình, tài liệu vừa là kết quả hành động của bản thân người học lại vừa là sản phẩm của cả tập thể lớp học trước khi nó trở thành khoa học.

Trong quá trình tự mình khám phá tri thức thông qua giáo trình, tài liệu có sự định hướng của thầy, người học có thể sáng tạo ra những tri thức mới, phương pháp hành động mới, song những sản phẩm đó có thể chưa đầy đủ, khách quan, khoa học. Chính vì vậy, người học phải trình bày, bảo vệ tri thức mà mình đã thu lượm được ra trước tập thể lớp học để trao đổi, tranh luận với các bạn cùng lớp. Có như vậy, kiến thức chủ quan của người học mới giảm bớt được phần chủ quan, phiến diện, tăng thêm tính khách quan, khoa học cho tri thức. Học bạn, biết cách học bạn, hợp tác với các bạn trong hoạt động học tập của mình, người học mới có thể tự nâng mình lên trình độ mới

Như vậy, học bạn là bước đầu cần thiết mà người học thu nhận được từ lớp học, từ sự tranh luận với bạn về những vấn đề trong tài liệu mà người học biết học mọi người, mọi nơi, mọi lúc, mọi thứ và bằng mọi cách.

** Thầy – người dẫn đường thông thái*

Trong phương pháp HDSDTL, thầy giáo là người định hướng cho người học tự mình khám phá ra kiến thức, khám phá ra phương pháp tiếp cận kiến thức. Nếu để người học tự đọc tài liệu

thì đó là việc làm khó khăn nếu không có sự hướng dẫn của người thầy. Thầy là người sẽ nêu ra vấn đề, giới thiệu những tài liệu liên quan, hướng dẫn cho sinh viên phương pháp tiếp cận tra cứu tài liệu để có thể lựa chọn được những tri thức phù hợp với vấn đề mà thầy nêu ra. Như thế không có nghĩa là hạ thấp vai trò của người thầy: thầy giáo từ chỗ là người chỉ biết truyền đạt tri thức có trong giáo trình tài liệu đã vươn lên thành người thầy giỏi chủ yếu dạy cách tìm ra tri thức khoa học trên cơ sở những giáo trình, tài liệu đó. Người thầy dạy cho người học cách tra cứu tài liệu, cách xử lý dữ liệu, cách tổng hợp những tri thức thu được vào giải quyết vấn đề mà thầy đặt ra. Thầy trở thành người hướng dẫn, cố vấn và là điểm tựa cho người học trong quá trình đi tìm, làm việc với tài liệu học tập. Trong quá trình người học vừa tự mình tìm tòi, nghiên cứu tài liệu đồng thời cùng hợp tác với bạn để củng cố kiến thức đã tìm được thì chính thầy giáo là người định hướng cho cá nhân người học hành động, đồng thời cũng là người đạo diễn, tổ chức tập thể lớp giúp cho tri thức mà cá nhân người học tự tìm ra mang tính xã hội, khách quan, khoa học hơn.

Như vậy, trong phương pháp HDSCTL học tập, thầy là người đạo diễn, tổ chức cho người học biết cách hành động và hợp tác với các bạn, tự mình tìm ra tri thức khoa học và biết cách ứng dụng những tri thức đó vào thực tế cuộc sống.

** Chú trọng rèn luyện phương pháp tự học cho trò.*

Có lẽ trong số các phương pháp dạy học tích cực hiện nay, thì phương pháp HDSCTL học tập là phương pháp gắn liền với việc rèn luyện tính tự học cho học sinh. Bản thân phương pháp này đã thể hiện tính tích cực, tự lực của học sinh trong học tập, tự học ở trên lớp và tự học ở nhà: Trước khi đến lớp, người học phải có quá trình tra cứu, tìm kiếm tài liệu rồi đọc, nghiên cứu để tích lũy kiến thức chuẩn bị cho bài học trên lớp; ở trên lớp, dưới sự hướng dẫn, gợi mở của thầy, cộng với thông tin thu lượm được của bản thân, người học được trình bày ý kiến hiểu biết của mình về vấn đề thầy nêu ra, rồi cùng tranh luận với các bạn nhằm giải quyết vấn đề; ngoài giờ lên lớp, sinh viên lại phải chủ động tìm kiếm những tài liệu học tập có liên quan đến những vấn đề đã học và sắp học để tích lũy kiến thức, hiểu biết xã hội.

** Kiểm tra của thầy và tự đánh giá của trò*

Việc kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên được giáo viên hướng dẫn để cho họ tự kiểm tra, đánh giá mình và đánh giá bạn bè mình dưới sự giám sát, kiểm tra của thầy.

Trong quá trình tự mình tìm kiếm thông tin qua giáo trình, tài liệu thì tri thức mới sẽ nảy sinh về một vấn đề nào đó nhưng có thể là chưa chính xác, chưa khoa học, chưa phù hợp với yêu cầu của vấn đề mà thầy nêu ra thì người học sẽ trao đổi, hợp tác với bạn, được các bạn nhận xét góp ý cùng với nhận xét kết luận của thầy, người học tự đánh giá lại tri thức ban đầu của mình, tự điều chỉnh, sửa chữa những sai lầm, thiếu sót, rồi tự rút kinh nghiệm về cách học, cách giải quyết vấn đề và tự điều chỉnh, tự hoàn thiện tri thức của mình cho chính xác hơn, khoa học hơn.

Một khi người học tự biết nhận ra sai sót của mình và tự mình biết cách sửa sai, đó là người biết học, biết cách học, cần được thầy đánh giá, ghi nhận. Cho nên, khi thầy kiểm tra, đánh giá người học sẽ căn cứ vào kết quả tự đánh giá và tự sửa sai của trò.

2. Những vấn đề đặt ra trong việc sử dụng tài liệu học tập trong dạy học phần Kinh tế Chính trị của môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

** Về phía giảng viên:*

- Phương pháp của giảng viên hiện nay phần lớn vẫn là phương pháp diễn giảng, thuyết trình, đọc chép, cách kiểm tra đánh giá của giảng viên cũng chỉ dừng lại ở những kiến thức mà giảng viên cung cấp vì thế không tạo động lực cho học viên sử dụng tài liệu học tập, làm cho sinh viên trở nên thụ động

- Phần lớn giảng viên sử dụng tài liệu dạy học theo cảm tính, tự phát của bản thân nên

thiếu hệ thống, thiếu đồng bộ.

- Giảng viên chưa chú trọng việc giới thiệu tài liệu, giao nhiệm vụ, yêu cầu và hướng dẫn sinh viên trong việc tìm kiếm, sử dụng tài liệu trong học tập học phần của mình. Cũng có những giảng viên đã quan tâm, thực hiện vấn đề này nhưng lại không kiểm tra, giám sát, đôn đốc sinh viên thực hiện yêu cầu của mình dẫn tới chất lượng và hiệu quả của việc sử dụng tài liệu học tập chưa cao.

** Về phía sinh viên*

- Về cơ bản là sinh viên chưa được rèn luyện, hướng dẫn trong việc tìm kiếm, sử dụng tài liệu trong học tập. Sinh viên lại thiếu tính tích cực, tự giác và độc lập trong việc đi tìm và sử dụng tài liệu học tập. Nhìn chung, họ rất lười đọc sách, ngay cả những tài liệu bắt buộc như giáo trình, tài liệu tham khảo sinh viên cũng chỉ đọc khi thi cử, đọc qua loa mang tính đối phó là chính.

- Sinh viên không có hứng thú đọc sách và những tài liệu tham khảo khác, mặc dù giáo trình tài liệu khi giảng viên yêu cầu phải có các em có thể có. Nhưng thực tế, khi đến lớp học các em hầu như không mang theo giáo trình học cho nên việc học sinh sử dụng giáo trình trong giờ học là rất ít, nhất là đối với các môn Lý luận Chính trị

- Hơn nữa, điều kiện học tập của sinh viên còn thiếu thốn, đời sống sinh hoạt của sinh viên còn gặp nhiều khó khăn cả vật chất lẫn tinh thần gây ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả của việc sử dụng tài liệu học tập

** Về cơ sở vật chất*

Hiện nay, trường đã được trang bị hệ thống thư viện, phòng đọc sách, phòng mượn giáo trình tài liệu, phương tiện hiện đại hỗ trợ cho hoạt động dạy và học như phòng máy, Internet...Tuy nhiên, quy mô của hệ thống thư viện còn nhỏ, chủng loại sách chưa phong phú nhất là những đầu sách về các vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội. Phần lớn tài liệu để tham khảo đã lâu và quá cũ, không cập nhật. Cho nên khi học tập đến vấn đề về kinh tế hàng hoá, những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản hay những vấn đề kinh tế trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam...sinh viên gặp nhiều khó khăn và sẽ làm cho phương pháp HDSDTL học tập về vấn đề đó khó thực hiện.

3. Những điều kiện cần thiết để áp dụng phương pháp HDSDTL học tập phần Kinh tế Chính trị của môn Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

** Đối với giảng viên*

Trước tiên, giảng viên phải có đủ về số lượng và trình độ chuyên môn để có thể sẵn sàng hướng dẫn sinh viên tháo gỡ những băn khoăn, thắc mắc trong quá trình học tập. Giảng viên phải không ngừng học hỏi, rèn luyện nâng cao trình độ, hiểu biết xã hội, cập nhật thông tin thường xuyên, đặc biệt là những thông tin về tình hình kinh tế, chính trị, xã hội.

Giảng viên phải là người tâm lý, nhận biết được những đặc điểm tâm lý của sinh viên; là giảng viên nhưng đồng thời cũng trở thành người bạn lớn gần gũi của các em để trong quá trình tìm kiếm, nghiên cứu, sử dụng tài liệu giáo trình các em có gặp khó khăn, thắc mắc sẽ mạnh dạn trao đổi với thầy mà không thấy ngại ngùng, e sợ cản trở tính năng động, sáng tạo và tranh luận ở sinh viên.

** Đối với sinh viên*

Trong quá trình học tập trên lớp, 100% sinh viên phải có giáo trình tài liệu cần thiết; phải linh hoạt, sáng tạo. Phải tích cực rèn luyện, tự giác nghiên cứu giáo trình học tập, chủ động đi tìm, đọc thêm những tài liệu khác liên quan đến nội dung bài học; tích cực nêu vấn đề và tự tìm

cách giải quyết vấn đề ở trên lớp cũng như tự học ở nhà; biết tranh thủ học mọi nơi, mọi lúc và bằng mọi cách để tìm ra tri thức khoa học...

** Những điều kiện về cơ sở vật chất*

Trước hết, sách giáo trình và tài liệu học tập là loại cơ sở vật chất rất cần thiết. Việc đảm bảo đầy đủ cho sinh viên giáo trình và các tài liệu học tập là quan trọng và cần thiết, phải phong phú về số lượng và chủng loại, đảm bảo các yêu cầu về mặt khoa học, sự phạm và thẩm mỹ cao.

Thứ hai, có hệ thống thư viện: trong thư viện có phòng đọc sách, phòng tự học, đủ chỗ ngồi, đảm bảo vệ sinh, thoáng mát... tạo điều kiện thuận lợi nhất để kích thích được hứng thú và niềm say mê của sinh viên lên thư viện mượn và đọc sách, coi việc tìm kiếm, nghiên cứu giáo trình và tài liệu tham khảo là việc không thể thiếu trong quá trình học tập thường ngày.

** Thay đổi cách kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên.*

Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên là một khâu quan trọng, không thể thiếu được trong quá trình giáo dục. Hiện nay, phần lớn những câu hỏi kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên thường mang tính tái hiện, sinh viên học thuộc bài một cách máy móc và sau khi kiểm tra xong cũng quên luôn.

Cho nên, khi áp dụng phương pháp HDSDTL học tập, đồng thời giảng viên cũng phải đổi mới cách đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo hướng phát triển trí thông minh, sáng tạo của sinh viên, khuyến khích sinh viên tự tìm tòi, chủ động, vận dụng linh hoạt các kiến thức, kỹ năng đã học vào trong từng tình huống cụ thể: giảng viên nên thường xuyên đánh giá hiệu quả học tập của sinh viên trong cả giờ học, mỗi khi giảng viên nêu ra vấn đề cho sinh viên nghiên cứu giáo trình tài liệu để tìm cách giải quyết vấn đề thì đồng thời cũng phải đưa ra hình thức giám sát, kiểm tra để kịp thời hướng dẫn, điều chỉnh. Kết thúc mỗi chương, mỗi phần, giáo viên nêu ra những vấn đề có tính bao quát cùng với những tài liệu liên quan phục vụ cho vấn đề đó, rồi hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu giải quyết vấn đề mà mình nêu ra.

4. Một số kiến nghị

Để đảm bảo tốt những điều kiện cần thiết ấy, tôi mạnh dạn đề xuất một số kiến nghị, mà việc đáp ứng nó như là điều kiện cơ bản để thực hiện HDSDTL học tập có hiệu quả.

Thứ nhất, cần phải coi phương pháp HDSDTL học tập là một trong những phương pháp dạy học tích cực, đồng thời yêu cầu giáo viên thường xuyên áp dụng phương pháp này trong quá trình dạy học của mình để nhằm phát huy tính tích cực, tự lực, năng động và linh hoạt của sinh viên.

Thứ hai, thông qua phương pháp HDSDTL, giảng viên cần tăng cường yêu cầu cao đối với sinh viên trong hoạt động học tập, hạn chế tối đa các bài lên lớp theo lối diễn giảng, thông báo tri thức sấp sẵn. Tăng cường các hình thức dạy học để đòi hỏi sinh viên phải làm việc nhiều với sách như thảo luận, xêmina, bài tập nghiên cứu, dạy học nêu vấn đề, phương pháp tìm tòi, khám phá... Chú trọng đến công tác tự học của sinh viên, giáo viên có thể đưa ra một vấn đề, giới thiệu giáo trình và những tài liệu sách báo, tạp chí liên quan, hướng dẫn sinh viên về nhà tìm kiếm, tra cứu, tự mình giải quyết vấn đề thầy nêu ra, sau đó đến lớp cùng thảo luận với tập thể có sự kiểm tra, giám sát của thầy để đi tới kết luận cuối cùng.

Trường cần tăng cường xây dựng, phát triển, tiến tới hiện đại hoá hệ thống thư viện, phòng đọc và cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu học tập của sinh viên. trong đó chú trọng cho việc đầu tư, mua sắm, biên soạn và in ấn hệ thống sách, giáo trình, tài liệu học tập, xây dựng hệ thống phòng đọc đạt chuẩn, đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu đọc sách của sinh viên.

Sách, giáo trình, tài liệu học tập, hệ thống phòng đọc... là những điều kiện vật chất tối cần thiết, mà nếu thiếu nó thì hoàn toàn không có khả năng để nâng cao hiệu quả của phương pháp HDSDTL học tập của giáo viên và sinh viên.

MỘT SỐ KINH NGHIỆM HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TỰ HỌC TRONG DẠY HỌC THEO TÍN CHỈ

*Ths. Bùi Thị Lý
Bộ môn Lý luận chính trị*

Tín chỉ là đại lượng dùng để đo khối lượng kiến thức, kỹ năng của một môn học mà người học cần phải tích lũy trong một khoảng thời gian nhất định thông qua các hình thức:

- Học tập trên lớp
- Học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác (có sự hướng dẫn của giáo viên)
- Tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài ...

Trong phương thức đào tạo truyền thống, người dạy có một số vai trò, trong đó có hai vai trò nổi bật nhất “người biết mọi tri thức về môn học liên quan” và “người quyết định mọi hoạt động dạy - học trong lớp học”. Trong vai trò thứ nhất, người dạy được xem như là nguồn kiến thức duy nhất, và người học chỉ cần tiếp thu được nguồn kiến thức này từ người dạy là đủ. Trong vai trò thứ hai, người dạy được xem như là người có toàn quyền quyết định dạy cái gì (nội dung) và dạy như thế nào (phương pháp); người học được xem là những “con chiên” ngoan đạo, nghe giảng bài, ghi chép và học thuộc những gì được dạy, không được phép can thiệp vào những công việc của người dạy.

Trong dạy học theo tín chỉ giảng viên ngoài hai vai trò truyền thống là người có kiến thức chuyên môn sâu về môn học và quyết định mọi hoạt động dạy - học trong lớp học, còn phải đảm nhận ba vai trò nữa là:

- Cố vấn cho quá trình học tập
- Người tham gia vào quá trình học tập
- Người học và nhà nghiên cứu

Với tư cách là cố vấn cho quá trình học tập, khi giảng bài cũng như khi hướng dẫn thảo luận, người dạy phải chọn những vấn đề cốt lõi, quan trọng để giảng mà nếu không có người dạy thì người học khó có thể lĩnh hội được, tạo điều kiện cho người học tiếp thu và khám phá.

Là cố vấn trong quá trình học tập, người dạy sẽ:

- Giúp cho chính mình hiểu được người học, hiểu được những gì họ cần trong quá trình học tập và những gì họ có thể tự làm được để có thể chuyển giao những nhiệm vụ này cho họ thông qua hướng dẫn và giám sát.
- Giúp người học thể hiện rõ hơn những ý định của họ để qua đó học có thể phát huy được vai trò chủ động và sáng tạo và những nguồn lực của chính họ để học tốt môn học.
- Với sự tham gia tích cực của người học vào những mục tiêu thực tế nhất của giáo dục hiện đại: học gắn với hành.

Trong vai trò người tham gia vào trong quá trình dạy- học, người dạy hoạt động như là một thành viên tham gia vào quá trình học tập ở trên lớp với các nhóm người học. Với tư cách vừa là người cố vấn vừa là người tham gia vào quá trình học tập, người dạy còn có thêm một vai trò bổ sung nữa; đó là người tham khảo cho người học, giúp học tháo gỡ những khó khăn trong quá trình học tập và nghiên cứu.

Trong vai trò là người học và người nghiên cứu, với tư cách là một thành viên tham gia vào quá trình học tập ở trên lớp, người dạy, ở một mức độ nào đó có điều kiện trở lại vị trí của người học hiểu và chia sẻ những khó khăn và trách nhiệm học tập với họ. Có thực hiện được vai trò của người học thì người dạy mới có thể phát huy được vai trò tích cực của người học, lựa chọn được phương pháp và thủ thuật giảng dạy phù hợp

Trong dạy học theo tín chỉ một vấn đề rất quan trọng là hướng dẫn tự học cho sinh viên, vì giảng viên muốn làm tốt những vai trò của mình thì phải xác định được nội dung tự học và giúp cho học sinh có phương pháp để thực hiện được hoạt động này.

Qua một năm thực hiện việc đào tạo theo tín chỉ với môn những nguyên lý của chủ nghĩa Mác – Lênin, tôi xin nêu một số kinh nghiệm của bản thân trong việc hướng dẫn sinh viên tự học

học phần thứ hai của môn này.

Phần thứ hai của môn nguyên lý là phần học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất TBCN. Phần này gồm 3 chương là học thuyết giá trị, học thuyết giá trị thặng dư và học thuyết CNTBDQ và CNTBDQ nhà nước.

Chương 4: Học thuyết giá trị. Ở chương này gồm 4 phần là:

- Điều kiện ra đời, đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa
- Hàng hóa
- Tiền tệ
- Quy luật giá trị

Với chương này, chúng tôi yêu cầu sinh viên tự học phần 1 và phần 3

Chương 5: Học thuyết giá trị thặng dư

Trong chương này gồm 4 phần

- Sự chuyển hóa tiền thành tư bản
- Quá trình sản xuất giá trị thặng dư trong xã hội tư bản
- Tích lũy tư bản
- Các hình thái của tư bản và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư

Trong chương này sinh viên có hai phần tự học là phần 3 và phần 4

Chương 6: Học thuyết CNTBDQ và CNTBDQ nhà nước

Trong chương này gồm 3 phần

- Chủ nghĩa tư bản độc quyền
- Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước
- Đánh giá chung về vai trò và giới hạn lịch sử của chủ nghĩa tư bản

Trong chương này sinh viên có hai phần tự học là phần 2 và phần 3

Với những nội dung tự học nêu trên, tôi đã sử dụng một số biện pháp sau:

- Sau khi giao cho sinh viên tự nghiên cứu tài liệu ở nhà, trong giờ lý thuyết tôi yêu cầu sinh viên tự tóm tắt phần tài liệu đã đọc bằng các câu hỏi có tính khái quát như:

Với phần đặc trưng và ưu thế của sản xuất hàng hóa (chương 4) có thể dùng câu hỏi: “*Tại sao trong nền kinh tế hàng hóa và kinh tế thị trường khách hàng là thượng đế?*”

Với phần các hình thái giá trị có thể dùng câu hỏi “*Tại sao nói vàng bạc sinh ra vốn không phải là tiền, nhưng tiền sinh ra đã là vàng bạc?*”

- Đối với phần chương 5 là một chương khó, dung lượng kiến thức lớn, sinh viên phải hoàn thành hai nội dung tự học là phân tích tích lũy tư bản và phần các hình thái của tư bản và các hình thức biểu hiện giá trị thặng dư, có thể hướng dẫn tự học bằng yêu cầu sinh viên sau khi nghiên cứu tài liệu phải làm một số câu hỏi trắc nghiệm dưới dạng “đúng, sai”; trắc nghiệm so sánh và giải một số bài tập nhằm kiểm tra việc nắm khái niệm của sinh viên như các câu hỏi từ 1- 15 (chương 5) và bài tập từ 16 – 20 (chương 5)

- Với một số phần kiến thức chẳng hạn như phần 3 chương 5 và chương 6 có thể dùng câu hỏi yêu cầu sinh viên phải giải quyết một số vấn đề thực tiễn để hướng dẫn sinh viên tự học chẳng hạn: “*Có một số người cho rằng hiện nay trong các nước tư bản phát triển không còn hiện tượng người bóc lột người vì giới chủ chủ yếu sử dụng các nhà máy tự động hóa?*”. Quan điểm này đúng hay sai, vì sao?

Hoặc “*Qua sự vận dụng của quy luật giá trị, anh (chị) hãy chỉ ra những biện pháp để nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam?*”.

Với những loại câu hỏi này là câu hỏi nêu tình huống có vấn đề và yêu cầu sinh viên giải quyết, nên cần có sự trợ giúp của giáo viên bằng cách trao đổi trực tiếp, sinh viên nghiên cứu các tài liệu tham khảo và thảo luận nhóm.

Trên đây là một số kinh nghiệm bước đầu của tôi trong hướng dẫn tự học cho sinh viên qua một năm đầu thực hiện đào tạo tín chỉ, rất mong được sự đóng góp của các quý vị đại biểu và của các đồng nghiệp, xin trân trọng cảm ơn!

THỰC TRẠNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở BỘ MÔN TÂM LÝ GIÁO DỤC

*Th.s Hoàng Thị Thuận
Bộ môn Tâm lý- Giáo dục*

Cùng với nhà trường, năm học qua bộ môn Tâm Lý giáo dục cũng đã có nhiều nỗ lực đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp, hình thức dạy học, phù hợp với hình thức đào tạo theo tín chỉ. Những cố gắng ấy đã tạo ra những chuyển biến đáng kể trong phong trào thi đua Dạy tốt-Học tốt của Bộ môn cũng như của của toàn trường. Hầu hết các bài giảng của cán bộ giảng viên trong bộ môn đã áp dụng đổi mới phương pháp, vận dụng khá nhuần nhuyễn các phương pháp dạy học tích cực trong các bài giảng của mình. Cụ thể thực trạng quá trình đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ ở Bộ môn Tâm lý- Giáo dục như sau:

1. Nhận thức mục tiêu

Tất cả cán bộ giảng viên trong Bộ môn Tâm lý- Giáo dục đã quán triệt thực hiện nghiêm túc nội dung Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII: *"Khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại hoá trong quá trình dạy học, bảo đảm điều kiện và định hướng tự học, tự nghiên cứu cho học sinh, nhất là sinh viên Đại học"*

2. Nhận thức trong nội dung đổi mới phương pháp dạy học theo tín chỉ

Chúng tôi nhận thấy rằng đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến, vì thế nó đòi hỏi sự đổi mới trong phương pháp dạy và học, từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận phương pháp. Phương pháp dạy học truyền thống, truyền thụ một chiều không còn đủ khả năng truyền tải một khối lượng chương trình ngày càng lớn với tốc độ ngày càng cao và đòi hỏi của thực tiễn ngày càng mạnh. Vì thế, để giải quyết được vấn đề trên, quan trọng và then chốt là áp dụng phương pháp dạy học thích hợp nhằm tạo nên phong cách *"làm việc mới"* của sinh viên. (Tức là mục tiêu của giảng dạy ở Đại học là phải phát triển tri thức và tư duy của sinh viên, khả năng hiểu biết và đánh giá các vấn đề, các kỹ năng giải quyết tình huống; khả năng phân tích và nhận biết các mối quan hệ trong các kiến thức đã học một cách sâu sắc hơn. Người giảng viên cung cấp cho sinh viên phương thức nghiên cứu, sáng tạo và độc lập suy nghĩ trong quá trình học tập).

Từ nhận thức đó Bộ môn Tâm lý- Giáo dục đã thực hiện đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ theo những định hướng sau:

- Dạy học ở Đại học không chỉ tạo ra các giá trị chất lượng mà còn tạo giá trị sáng tạo chất lượng.
- Dạy học ở Đại học gắn chặt với nghiên cứu khoa học; các công trình nghiên cứu khoa học phải phục vụ thiết thực quá trình đào tạo và nhu cầu của đời sống và sản xuất.
- Dạy học ở Đại học phải khơi dậy tính tự học, tự nghiên cứu, tự sáng tạo, chủ động của sinh viên.
- Dạy học ở Đại học phải hướng tới đào tạo sinh viên ra trường tinh thông nghề nghiệp, đáp ứng được nhu cầu xã hội hiện nay.
- Phương pháp giảng dạy phải phù hợp với nội dung trong quá trình truyền tải kiến thức tới sinh viên
- Các phương tiện dạy học hiện đại cùng với sử dụng công nghệ thông tin trong quá trình dạy học ở Đại học là rất quan trọng nhưng vẫn không thay thế được vai trò của giảng viên.
- Tăng cường và vận dụng linh hoạt các phương pháp truyền thụ kiến thức cho sinh viên.
- Nâng cao năng lực sư phạm, kỹ năng sử dụng phương tiện phục vụ bài giảng của giảng viên.

3. Những hoạt động đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ đã triển khai ở Bộ môn

- Chúng tôi đã sử dụng hệ thống các phương pháp dạy học tích cực như: phương pháp nêu vấn đề, phương pháp dạy học khám phá, phương pháp dạy học chương trình hoá, phương pháp dạy học thuyết trình, phương pháp tạo tình huống, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp góc, phương pháp tự đọc, phương pháp đóng vai, phương pháp phát vấn... Cùng với các kỹ thuật dạy học như: kỹ thuật khăn phủ bàn, kỹ thuật các mảnh ghép, kỹ thuật 635, kỹ thuật phòng tranh, kỹ thuật bể cá...

- Nâng cao năng lực tự học, đầu tư nguồn kiến thức, kỹ năng sử dụng phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình dạy học

- Nhận thức được phương pháp và phương tiện là hai phạm trù khác nhau nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Phương tiện dạy học có tác động trực tiếp đến phương pháp dạy học. Vì thế lãnh đạo bộ môn đã yêu cầu các giảng viên trong bộ môn cần phải đổi mới, sử dụng những phương tiện dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ thông tin vào quá trình cung cấp kiến thức, hướng dẫn sinh viên hiểu và nắm chắc kiến thức đã được học...

- Hàng tuần trong các buổi sinh hoạt chuyên môn, đã có nhiều báo cáo chuyên đề của các giảng viên trong bộ môn đã đề cập đến hoạt động của người giảng viên trong việc tổ chức hoạt động học tập cho sinh viên. Có nhiều mô hình tổ chức học tập phát huy vai trò tích cực, sáng tạo của sinh viên. Tạo ra thời cơ để sinh viên tiếp cận, có điều kiện tỏ rõ quan điểm của mình...

4. Vấn đề thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ ở bộ môn

Chúng tôi đã xây dựng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ trên cơ sở của sự kế thừa chương trình đào tạo theo niên chế, cùng với sự học tập, tham khảo của một số trường Sư phạm trọng điểm như trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Đại học Sư phạm Thái Nguyên... Về cơ bản chương trình đào tạo các học phần Tâm lý- Giáo dục theo học chế tín chỉ là tương đối hợp lý. Tuy nhiên sau một năm thực hiện cùng với việc rút kinh nghiệm qua đợt đi tham quan thực tế ở Trường Đại học công nghiệp Thái Nguyên vừa rồi, chúng tôi thấy chương trình ở khối ĐHSP chưa có tính liên thông dọc cũng như liên thông ngang cao. Nay xin được đề nghị thay đổi như sau:

- Chương trình đào tạo giáo viên trình độ Đại học sư phạm khoa cơ bản học phần Tâm lý học (mã số học phần TG1401) số lượng tín chỉ là 04 tín chỉ. Tách ra thành 2 học phần là Tâm lý học đại cương 02 tín chỉ và Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm 02 tín chỉ.

- Chương trình đào tạo giáo viên trình độ Đại học sư phạm khoa cơ bản học phần Giáo dục học (mã số học phần TG1402) số lượng tín chỉ là 04 tín chỉ. Tách ra thành 2 học phần là Giáo dục học đại cương 02 tín chỉ và Lý luận dạy học và lý luận giáo dục 02 tín chỉ. Tách ra như vậy để đảm bảo tính liên thông giữa các ngành đào tạo với nhau.

5. Kết luận

Qua đây chúng tôi mạnh dạn kết luận rằng: Đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ muốn đi đến những kết quả sâu rộng và bền vững, trước hết phải xuất phát từ bản thân người giáo viên, mỗi giảng viên coi đổi mới phương pháp dạy học như là một nhu cầu tự thân, không mang tính áp buộc từ bên trên, tự họ tìm tòi, không ngừng đổi mới và hoàn thiện tri thức, kỹ năng áp dụng và sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực thì việc đổi mới phương pháp dạy học mới thực sự sâu rộng, có hiệu quả và bền vững. Chỉ khi nào đổi mới dạy học trở thành nhu cầu tự thân trong mỗi giảng viên thì hoạt động dạy học ấy mới thật sự khởi sắc.

HƯỚNG DẪN SINH VIÊN TÌM KIẾM THÔNG TIN TRÊN INTERNET

Th.s Lê Thị Xuân Thu
Bộ môn Tâm lý- Giáo dục

Một trong các ứng dụng nổi tiếng của Google là công cụ tìm kiếm, công cụ này giúp người dùng Internet có thể dễ dàng tìm được trang Web có các thông tin cần thiết. Google hỗ trợ sử dụng nhiều ngôn ngữ, trong đó có ngôn ngữ tiếng Việt.

Truy cập vào trang Web của Google <http://www.google.com/> (tiếng Anh) hoặc <http://www.google.com.vn/> (tiếng Việt).



Tìm kiếm đơn giản:

Để tìm kiếm thông tin, trước tiên cần phải xác định **Từ khóa (Key Word)** của thông tin muốn tìm kiếm, đây là phần rất quan trọng, từ khóa là từ đại diện cho thông tin cần tìm. Nếu từ khóa không rõ ràng và chính xác thì sẽ cho ra kết quả tìm kiếm rất nhiều, rất khó phân biệt và chọn được thông tin như mong muốn. Còn nếu từ khóa quá dài thì kết quả tìm kiếm có thể không có.

Thông thường chỉ cần nhập từ khóa muốn tìm và nhấn **Tìm với Google (Search)** hoặc nhấn phím **Enter** thì Google sẽ cho ra nhiều kết quả tìm kiếm bao gồm địa chỉ liên kết đến trang Web có từ khóa và vài dòng mô tả bên dưới, chỉ cần nhấn trái chuột vào địa chỉ liên kết sẽ mở được trang Web có thông tin muốn tìm. Nhấn vào nút **Xem trang đầu tiên tìm được** thì Google sẽ tìm và tự động mở trang Web đầu tiên trong kết quả tìm kiếm. Lật trang để truy tìm tài liệu.

Tìm kiếm nâng cao

1-[intitle:]

Cú pháp **intitle:giá trị cần tìm** khi dùng từ khóa này Google sẽ tìm tất cả các trang có tiêu đề chứa "giá trị cần tìm" mà chúng ta muốn tìm.

Ví dụ bạn hãy gõ vào ô tìm kiếm của Google **intitle:tamlyhoc** Google sẽ tìm các trang có từ **tamlyhoc** trong tiêu đề.

2-[intext:]

Với từ khóa này Google sẽ chú ý đến từ chúng ta tìm thôi. Nó không chú ý đến những thứ khác. Bạn có thể không cần chức năng này vì có chức năng tương đương của nó là nhập dấu nháy kép vào trước từ cần tìm.

Cú pháp **intext:tu_cần_tìm** . Ví dụ **intext:giáo dục đạo đức cho học sinh** google sẽ giới hạn kết quả tìm kiếm của bạn chỉ trong **nội dung văn bản**

3-[inurl:]

Từ khoá này sẽ giúp bạn tìm những địa chỉ URL(đường dẫn) có từ bạn cần tìm. Cú pháp **inurl:từcầntìm**. Ví dụ muốn tìm những đường dẫn nào mà có từ "**tamlyhoc**" trong nó thì gõ **inurl:tamlyhoc** vào ô tìm kiếm. Google sẽ liệt kê những trang có từ **tamlyhoc** trong đường link của nó.

4-[filetype:]

Có những lúc muốn tìm e-book hoặc là những tài liệu có đuôi .doc thì làm sao. Từ khoá filetype: cũng sẽ giúp bạn.

Cú pháp **filetype:phânmởngcủatài liệu**. Từ khóa này cần kết hợp với từ khóa **site:** thì mới làm việc hiệu quả được.

Ví dụ bạn gõ vào ô tìm kiếm **filetype:docbài giảng giáo dục học đại cương** và tìm. Lúc đó Google sẽ tìm những tài liệu word có trên web HUT.

5- Brupt: www.brupt.com

Bên cạnh các lệnh filetype của google còn có một công cụ tìm kiếm theo định dạng file đó là **Brupt**. Thế giới Internet đầy ắp dữ liệu cho bạn tham khảo, tra cứu thuộc đủ mọi loại, ngoài thông tin dạng web (HTML) còn có những tập tin văn phòng như DOC, PPT, XLS và PDF. Nếu bạn tìm kiếm tập tin kiểu này bằng Google, bạn sẽ mất nhiều thời gian vì Google đưa ra mọi loại kết quả. Chính vì thế, Brupt ra đời để giúp bạn tìm tập tin nhanh hơn. Nó dựa trên Google Custom Search Engine và sử dụng tham số Filetype để chỉ tìm tập tin thỏa mãn yêu cầu. Mặc định Brupt tìm kiếm tập tin Word (DOC), bạn cũng có thể chọn Power Point (PPT), Excel (XLS) và PDF để tìm kiếm loại tập tin theo nhu cầu.



Ví dụ: Tìm kiếm tài liệu "*giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở*" *định dạng file power point*. Trước hết vào địa chỉ www.brupt.com, sau đó lựa chọn định dạng *file trên brupt*, sau đó gõ "*giáo dục đạo đức cho học sinh trung học cơ sở*" (*lưu ý tài liệu cần tìm gõ không dấu*). Kết quả sẽ cho tài liệu là những *file power point* cần tìm.

Tuy Google là công cụ tìm kiếm thông dụng nhất nhưng những thông tin tìm được thường chủ yếu là dưới dạng tin tức. Muốn tìm kiếm những bài báo khoa học, chúng ta phải kết hợp sử dụng nhiều công cụ khác. Bên cạnh Google, trên Internet còn có nhiều công cụ tìm kiếm thông tin rất mạnh mẽ và hữu ích. Xin giới thiệu thêm với các bạn một số công cụ thông dụng nhất được sử dụng trên thế giới.

Ask (<http://www.ask.com/>)- Công cụ tìm kiếm đứng thứ 5 trên thế giới. Với công cụ Ask, người sử dụng có thể tự chọn hình nền cho giao diện của mình bằng cách upload những hình ảnh đơn giản. Khi tìm thông tin, kết quả tìm kiếm sẽ hiển thị cả những câu hỏi gợi ý khác có liên quan đến câu hỏi truy vấn trong phần Q&A, giúp người sử dụng nghiên cứu sâu hơn vấn đề của họ. Cấu trúc gợi ý phần bên phải của trang kết quả khá hiệu quả. Nếu người sử dụng tìm kiếm với ngôn ngữ không phải là tiếng Anh, phần gợi ý của Ask có khả năng nhận biết và đưa ra gợi ý sử dụng từ điển dịch. Phần search ảnh có chức năng phân loại ảnh màu và ảnh đen trắng.

Google Scholar (<http://scholar.google.com/>)- Công cụ tìm kiếm dành cho học giả. Google Scholar là công cụ tìm kiếm chuyên sâu giúp người dùng tìm kiếm các tài liệu học thuật (luận văn, luận án, sách, các bài báo khoa học,...) về nhiều lĩnh vực. Google Scholar có chức năng tìm kiếm đơn giản và chức năng tìm kiếm nâng cao để tăng tính chính xác và hiệu quả cho việc tìm thông tin. Ngoài ra người dùng còn có thể sử dụng chức năng "Scholar preferences" để lựa chọn cách hiển thị kết quả tìm kiếm hay chức năng "Library Links- online and offline" để tìm hiểu xem một thư viện đại học bạn đang quan tâm có tài liệu đó hay không.

Scirus(<http://www.scirus.com/>) là công cụ tìm kiếm web về thông tin khoa học toàn diện nhất với hơn 450 triệu nguồn thông tin khoa học. Scirus cho phép các nhà khoa học tìm kiếm không chỉ nội dung các bài báo, các trang web của các nhà khoa học, các phần mềm học tập, các tài liệu chưa được xuất bản,...mà còn cả các thông tin riêng của các tổ chức khoa học. Việc tìm kiếm trên Scirus có thể dẫn đến những cơ sở dữ liệu khác nhau.

Trên đây là một số thủ thuật đơn giản và một số công cụ thông dụng để giúp bạn tìm tài liệu nhanh hơn và chính xác hơn. Nếu bạn biết kết hợp các thủ thuật trên lại với nhau. Thì lúc đó khả năng "săn tin" của bạn nâng cao đáng kể.

PHƯƠNG PHÁP HƯỚNG DẪN SINH VIÊN ĐỌC SÁCH, TÀI LIỆU

*ThS. Lê Quang Toán
Bộ môn Tâm lý - Giáo dục*

1. Về phương pháp hướng dẫn sinh viên đọc sách, tài liệu

Tổ chức cho sinh viên đọc sách, nghiên cứu tài liệu tham khảo và giáo trình là phương pháp giúp cho sinh viên nắm vững, hiểu sâu sắc hơn, rộng hơn những tri thức khoa học, tự hình thành các quan niệm, quan điểm khoa học thông qua việc tự đọc, nghiền ngẫm các văn bản.

Đối với người học, đây đồng thời là con đường quan trọng hình thành phương pháp tự học, tự nghiên cứu của mỗi cá nhân suốt đời.

Dạy học sẽ có hiệu quả hơn nếu sinh viên biết liên hệ giữa những điều họ nghe với những điều họ đọc và suy ngẫm, từ đó hiểu thấu đáo các vấn đề trên cơ sở nhận thức bằng nhiều góc độ khác nhau.

Với sinh viên, đọc tài liệu là cách thức tiếp cận tri thức thường xuyên, phù hợp với khả năng hiện có, tích lũy sau nhiều năm học trước đó của bản thân và yêu cầu của việc học tập – nghiên cứu trong chương trình học đại học.

Sau nhiều năm học phổ thông sinh viên đã có một số vốn kiến thức, kỹ năng đọc sách, nghiên cứu nhất định. Họ có điều kiện để phát triển bản thân nhờ cách đọc sách và tài liệu. Đây là kênh thông tin dần dần trở thành một trong các kênh nhận thức chính yếu của mỗi sinh viên. Đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ, tự đọc và tự nghiên cứu là phương pháp học cần phải có của sinh viên.

Để đạt được mục đích nhận thức bằng con đường tự đọc sách, tự nghiên cứu, người đọc cần có các kỹ năng cơ bản trong đọc, nghiên cứu tài liệu sau đây:

- Kỹ năng biết, hiểu tài liệu.
- Kỹ năng vận dụng, sử dụng nội dung tài liệu
- Kỹ năng phân tích – tổng hợp tài liệu
- Kỹ năng khái quát tài liệu
- Kỹ năng phê phán, đánh giá tài liệu
- Kỹ năng sáng tạo

Trình tự sắp xếp các kỹ năng như trên nói lên các mức độ tiếp cận tài liệu từ thấp đến cao của mỗi cá nhân đối với tài liệu cụ thể. Các kỹ năng trên vừa là mục tiêu vừa là phương tiện giáo dục đào tạo.

2. Các khâu chủ yếu hướng dẫn sinh viên đọc sách, tài liệu:

Do tính chất quan trọng của phương pháp hướng dẫn sinh viên đọc sách, tài liệu cho nên các khâu hình thành các kỹ năng đọc, tự nghiên cứu là việc rất cần quan tâm.

Trong đó 2 khâu sau đây là chủ yếu:

2.1. Làm xuất hiện nhu cầu đọc

Đó là việc nhà sư phạm bằng các biện pháp, thủ thuật hình thành ở sinh viên sự đòi hỏi và phải được đáp ứng bằng cách đọc sách, tài liệu. Ở mức độ cao là sự xuất hiện hứng thú, say mê đọc sách, tài liệu. Hiệu quả của việc làm xuất hiện nhu cầu đọc ở người học phụ thuộc rất nhiều vào kinh nghiệm sư phạm, nghệ thuật nghề... của giảng viên. Sau đây là những thủ thuật thông dụng nhất:

- Giao nhiệm vụ đọc cho sinh viên: Đây là khâu định hướng, giúp cho sinh viên xác định được mục tiêu cần đạt được cho mình, từ đó xuất hiện nhu cầu, rồi tìm cách khai thác tài liệu để thực hiện nhiệm vụ học tập được giao.

- Ra các câu hỏi, bài tập đòi hỏi sinh viên phải đọc thì mới trả lời được.
- Yêu cầu sinh viên tóm lược, trích dẫn, khái quát, bổ sung... tài liệu.
- Tổ chức các hoạt động thích hợp mà sinh viên phải đọc tài liệu mới có thể hoàn thành được.
- Hướng dẫn sinh viên vận dụng những nội dung đã đọc trong tài liệu vào thực tiễn. Ví dụ:

Giải quyết có hiệu quả một tình huống

- Yêu cầu đưa ra ý kiến cá nhân về tài liệu ...

2.2. Hướng dẫn cách đọc

a/ Một số khó khăn của sinh viên hiện nay

- Nhiều sinh viên chưa có thói quen, nhu cầu đọc sách
- Kỹ năng đọc sách yếu
- Dễ chấp nhận quan niệm
- Chưa mạnh dạn hoặc chưa có cơ hội bày tỏ chính kiến

b/ Một vài đòi hỏi cần có trong nghiên cứu tâm lý học, giáo dục học hiện nay.

- Đổi mới giáo dục bao gồm cả đổi mới nhận thức, đổi mới quan niệm trong tâm lý học, giáo dục học. Đòi hỏi người đọc phân định được các tính khoa học, tính chân lý trong từng tài liệu.
- Hiện còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, phần nhiều các tài liệu đều có những mặt khiếm khuyết, đòi hỏi người đọc nhìn nhận vấn đề phải biện chứng và có óc phê phán. Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại trên cơ sở khoa học xác thực.

c/ Một số lưu ý khi hướng dẫn cho người đọc

- Hình thành các kỹ năng, kỹ xảo phục vụ việc đọc và nghiên cứu tài liệu (tìm kiếm, phân loại, lựa chọn, sắp xếp tài liệu...)
- Sử dụng nhiều giác quan đồng thời khi đọc sách, nghiên cứu tài liệu. Ví dụ thói quen vừa đọc vừa ghi chép...
- Tạo cơ hội cho người sinh viên được trải nghiệm thực tế để hình thành niềm tin. Ví dụ: Vận dụng kiến thức trong sách, tài liệu để giải quyết nhiệm vụ thực tế.
- Rèn luyện khả năng tập trung chú ý cao khi đọc, nghiên cứu.
- Đọc và nghiên cứu tài liệu theo mục tiêu nhất định. (Căn cứ vào mức độ cần thâm nhập tài liệu để đề ra mục tiêu cụ thể: Tóm tắt, trích dẫn, lấy ý chính...)
- Vận dụng các cách học mới vào việc đọc, nghiên cứu tài liệu (lập sơ đồ tư duy...)
- Định hướng, uốn nắn tư tưởng, hình thành quan niệm đúng đắn. Tự đọc, tự nghiên cứu các tài liệu đòi hỏi có nhãn quan khoa học, quan điểm, quan niệm cá nhân... Vì vậy cần giúp cho sinh viên biết bày tỏ chính kiến của mình một cách đúng mực, dần hình thành các quan niệm khoa học. Cần tạo cơ hội cho sinh viên được tiếp cận với đa dạng quan điểm từng tồn tại, tránh áp đặt, giáo điều...
- Trong khi hướng dẫn cách đọc cần lưu ý đến đặc điểm nhân cách, những đặc tính của cá nhân. Mỗi cá nhân có đặc điểm riêng về cấu trúc hệ thần kinh, về vốn kinh nghiệm, về nhu cầu, sở thích... Vì thế không thể không chú ý đến cá biệt hoá trong hướng dẫn, đề ra yêu cầu...
- Các tài liệu đều mang sắc thái đặc trưng, thể hiện ở trong nó những quan niệm, quan điểm nhất định, phản ánh tính lịch sử – cụ thể... Cần gợi ý để sinh viên tự nhận thức, tự đánh giá, chất lọc những tinh hoa. Đồng thời cần luôn thể hiện sự tôn trọng cách thức tiếp cận tài liệu của mỗi cá nhân.

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP ĐỊNH HƯỚNG HÀNH ĐỘNG THEO LÝ THUYẾT CỦA P.I.A GALPERIN VÀO DẠY HỌC GIÁO DỤC HỌC THEO HÌNH THỨC ĐÀO TẠO TÍN CHỈ

*Th.s Nguyễn Thị Mai Hương
Bộ môn Tâm lý- Giáo dục*

1. Đặt vấn đề

Theo Gs.Ts.Hồ Ngọc Đại: Dạy học để phát triển trí tuệ học sinh, tuy nhiên trong thời đại ngày nay, khi công nghệ thông tin là công cụ đắc lực mở rộng phạm vi kiến thức của các em thì việc dạy “ Cái” và “Cách” trong nhà trường là cực kì quan trọng.

Việc tiếp cận những cách thức lĩnh hội tri thức cơ bản, mới mẻ không những tạo cho người học năng lực chiếm lĩnh tri thức mà còn hình thành ở các em tính chủ động, sự tự giác trong học tập. Đây là tiền đề cần thiết để hòa nhập và đáp ứng yêu cầu của xã hội trong thời đại mới.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy việc dạy học của chúng ta hiện nay chưa thực sự chú trọng tới việc dạy cách học cho người học. Hiện trạng này phổ biến ở các các môn học và tồn tại trong hầu hết các trường.

Để khắc tình trạng này, cần thiết phải có những nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp dạy học mới nhằm phát huy cao độ nội lực của người học trong học tập. Đặc biệt là trong đào tạo tín chỉ.

Xuất phát từ những lí do trên trong khuôn khổ bài viết của mình tôi lựa chọn nội dung: Vận dụng phương pháp định hướng hành động theo lý thuyết của P.I.A GALPERIN vào dạy học giáo dục học theo hình thức đào tạo tín chỉ, là vấn đề trình bày chính.

2. Lý luận chung về phương pháp định hướng hành động theo lý thuyết của P.I.A GALPERIN

2.1 Cơ sở của phương pháp

Khởi đầu hoạt động khoa học của Galperin gắn liền với sự phát triển của tâm lý học đại cương về hoạt động. Ông là cộng sự thân cận nhất của A.N.Leonchev trong thời gian làm việc ở Khac Cov. Dựa trên luận điểm căn bản của tâm lý học hoạt động, trước hết là sự giống nhau của cấu trúc hoạt động bên ngoài, hoạt động nhận thức, hoạt động bên trong, hoạt động trí tuệ ông đã đề xuất và thực nghiệm phương pháp hình thành các hành động trí tuệ theo tuổi và hệ thống phương pháp định hướng trong dạy học.

2.2 Nội dung phương pháp định hướng hành động theo lý thuyết của P.I.A GALPERIN

a. Khái quát chung về phương pháp định hướng hành động theo lý thuyết của Galperin

** Định hướng hành động là gì?*

Nghiên cứu của Galperin chỉ ra rằng quá trình hình thành hành động trí tuệ bất kì nào cũng phải được bắt đầu từ sự định hướng của chủ thể vào đối tượng và quá trình thực hiện hành động. Định hướng hành động là một cơ chế điều khiển hướng hành động của chủ thể vào việc làm. Trong hệ thống lí luận của Galperin phân định hướng vừa là bước đầu tiên của hành động trí tuệ, vừa là một hành động độc lập, kiểm tra và điều chỉnh trong suốt quá trình thực hiện các bước của một hành động.

** Chức năng của định hướng hành động.*

Định hướng hành động có ba chức năng cơ bản:

- + Nhận thức (hiểu rõ cần phải làm gì)
- + Lập kế hoạch (làm như thế nào trong điều kiện cụ thể)
- + Kiểm tra hành động để điều chỉnh nó phù hợp với kế hoạch đã được xác định.

Tóm lại: Định hướng thực chất là hệ thống thao tác triển khai trên vật mẫu (chứa đựng vật liệu, thao tác và sản phẩm của hành động) có chức năng định hướng, dẫn chủ thể hướng vào việc triển khai hoạt động trên vật liệu mới. Đó là hành động của chính chủ thể.

** Phân loại định hướng hành động*

Chất lượng việc định hướng không chỉ phụ thuộc vào khả năng của chủ thể. Trong đa số trường hợp, nó phụ thuộc phần lớn vào chất lượng của vật mẫu và sự chỉ dẫn của giáo viên, tức là cách định hướng. Nói cách khác, trong quá trình hành động trí tuệ mới, phải tách bạch nội dung định hướng tâm lý nằm trong cơ cấu triển khai một hành động của chủ thể với các tác động của bên ngoài nhằm giúp cho việc định hướng có hiệu quả hơn.

- Để phân loại các định hướng khác nhau, người ta thường căn cứ vào các tiêu chuẩn:

- + Độ khái quát của việc định hướng
- + Tính đầy đủ của việc định hướng
- + Chủ thể định hướng

- Về lý thuyết, nếu tổ hợp ba tiêu chuẩn trên ta có 8 loại định hướng phổ biến. Tuy nhiên, trong thực tế có 3 loại điển hình tạm gọi như sau:

- + Loại 1: Từng phần, không đủ, học sinh tự định hướng
- + Loại 2: Từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn
- + Loại 3: Khái quát, đầy đủ, học sinh tự làm

Trong phạm vi bài viết của mình để phù hợp với đào tạo theo tín chỉ, và đặc trưng môn giáo dục học tôi chỉ đi sâu vào loại định hướng thứ hai: *Từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn*.

b. Nội dung phương pháp định hướng từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn.

Với loại định hướng này, trong dạy học giáo viên vừa phải xây dựng mẫu hành động và sản phẩm dạy học mang lại, vừa có cả các chỉ dẫn để người học tiến hành đúng những hành động đó trên vật liệu mới (bài mới). Vì vậy nếu người học tuân theo những chỉ dẫn của giáo viên thì hành động sẽ tránh được sai lầm và thực hiện nhanh chóng, hiệu quả.

- Trong dạy học phương pháp này được cụ thể ở những bước sau:

- + Giáo viên chỉ ra các điểm tựa (mốc triển khai)
- + Giáo viên chỉ ra các điều kiện để làm đúng hành động

+ Học sinh luyện tập và tự mình tái hiện lại chúng trên vật liệu đã có. Nhờ đó, các em biết cách phân tích đúng mức nhất định tài liệu theo góc độ hành động sắp thực hiện.

Phương pháp định hướng từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn có ưu điểm: học sinh không chỉ biết rõ mục đích hành động, mà còn biết triển khai đến mục đích đó không qua cơ chế thử và sai do đó tiết kiệm và rút ngắn thời gian học tập cho người học

2.3 Vận dụng phương pháp định hướng từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn vào dạy học môn Giáo dục học

Từ quan điểm của Galperin quá trình dạy học môn GDH được tiến hành theo các bước sau:

Bước 1: *Giáo viên chỉ ra các điểm tựa các mốc triển khai bài học*

Trong giai đoạn này sự định hướng của giáo viên là cực kỳ quan trọng, việc chỉ ra các điểm tựa được cụ thể hóa ở việc xây dựng và đưa ra dàn ý (những ý cơ bản, xương sống của phần giảng, bài giảng..) từ đó sinh viên xác định nhanh chóng vấn đề phải giải quyết.

Với mỗi vấn đề cần giải quyết, việc đề ra các mốc triển khai, các điểm tựa được xây dựng theo nguyên tắc trả lời những câu hỏi: + Nó là cái gì? (định nghĩa, khái niệm)

- + Nó như thế nào? (biểu hiện)
- + Tại sao lại như vậy? (nguyên nhân)
- + Làm thế nào để phát triển hay hạn chế nó (giải pháp)
- + Liên hệ mở rộng, áp dụng vào giải thích thực tế.

Bước 2: Giáo viên chỉ ra các điều kiện để sinh viên làm đúng hành động

Đối với GDH đây là bước giáo viên giúp sinh viên sử dụng đúng tài liệu và khai thác những thông tin cần thiết từ nguồn tài liệu phục vụ môn học.

Đây cũng là giai đoạn giáo viên thông qua tương tác với sinh viên giúp sinh viên vận dụng vốn kinh nghiệm của bản thân giải quyết và làm phong phú hơn vấn đề được đặt ra.

Bước 3: Sinh viên hoàn thiện bài giảng trên cơ sở các mốc, các kiến thức, điều kiện đã có.

Bước 4: Giáo viên kiểm tra mức độ lĩnh hội của sinh viên, tiếp nhận thông tin ngược, tổng kết bài học

2.3.3 Minh họa việc sử dụng phương pháp định hướng từng phần, đầy đủ, giáo viên hướng dẫn vào giảng một bài giáo dục học cụ thể

Chương 2- Mục đích giáo dục và nhiệm vụ giáo dục

Bài giảng: Các nhiệm vụ giáo dục ở nhà trường phổ thông

Tiết 1: Nhiệm vụ giáo dục đạo đức

Cách thức tiến hành:

Bước 1: Giáo viên chỉ ra các điểm tựa các mốc triển khai bài học

*Trong giai đoạn này sự định hướng của giáo viên thể hiện ở việc xây dựng và đưa ra dàn ý (những ý cơ bản, xương sống của phần giảng, bài giảng..) cụ thể trong bài này dàn ý được xây dựng như sau

- Cấu trúc chương 3 gồm các phần cơ bản:

1. Mục đích giáo dục
2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam
3. Các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường
 - 3.1 Giáo dục đạo đức
 - 3.2 Giáo dục trí tuệ
 - 3.3 Giáo dục thể chất
 - 3.4 Giáo dục thẩm mỹ
 - 3.5 Giáo dục lao động và kỹ thuật tổng hợp
4. Quản lý giáo dục

*Nội dung bài giảng 3.1 Giáo dục đạo đức đóng vai trò là một vấn đề cần giải quyết. Vì vậy giáo viên phải đề ra các mốc triển khai, các điểm tựa cụ thể như sau:

- + Định nghĩa giáo dục đạo đức (Giáo dục đạo đức là gì?)

+ Tại sao phải giáo dục đạo đức ở trường phổ thông? (nguyên nhân giáo dục đạo đức trong nhà trường)

+ Những biểu hiện cụ thể của giáo dục đạo đức trong nhà trường phổ thông (Nội dung của giáo dục đạo đức)

+ Làm thế nào để giáo dục đạo đức trong nhà trường phổ thông (Con đường giáo dục đạo đức cho học sinh)

+ Liên hệ mở rộng, áp dụng vào giải thích thực tế giáo dục đạo đức cho học sinh hiện nay ở các trường phổ thông..

Bước 2: Giáo viên chỉ ra các điều kiện để sinh viên làm đúng hành động

- Để trả lời những câu hỏi được đặt ra sinh viên dựa vào những tài liệu:

1. Hà Thế Ngữ, Đặng Vũ Hoạt- Giáo Dục Học. NXBGD-1998

2. PGS Nguyễn Sinh Huy, PGS Nguyễn Văn Lê- Giáo Dục Học Đại Cương. HN 1995

3. PGS.TS Hà Thị Đức- Giáo Dục Học Đại Cương. Trung tâm đào tạo từ xa Huế 2002...

- Sinh viên huy động vốn kinh nghiệm, ví dụ thực tế bản thân để trả lời câu hỏi theo móc đã có.

c. Bước 3: Sinh viên hoàn thiện bài giảng trên cơ sở các móc, các kiến thức, điều kiện đã có.

d. Bước 4: Giáo viên kiểm tra mức độ lĩnh hội của sinh viên, tiếp nhận thông tin ngược, tổng kết bài học

- Kiểm tra qua hệ thống bài tập:

Bài tập 1: Hoàn thiện định nghĩa giáo dục đạo đức dưới đây bằng lựa chọn phù hợp.

Giáo dục đạo đức là quá trình.....

a. Hình thành thói quen

b. Hình thành niềm tin đạo đức

c. Là một bộ phận quan trọng trong giáo dục nhà trường

d. Là quá trình biến hệ thống các chuẩn mực đạo đức từ những đòi hỏi bên ngoài thành những đòi hỏi bên trong của cá nhân, thành niềm tin, nhu cầu, thói quen của người được giáo dục.

Bài tập 2: Lấy những dẫn chứng cụ thể trong cuộc sống mà em biết về đạo đức và hành vi đạo đức.

3. Kết luận chung

-Việc áp dụng phương pháp định hướng hành động của Galperin vào dạy môn GDH tạo nên tính hệ thống, logic cho quá trình nhận thức của sinh viên, giúp các em hình dung và thực hiện mạch lạc hoạt động học. Nhờ đó việc trình bày, thể hiện kiến thức môn học được cô đặc, súc tích, đầy đủ và hệ thống đưa tới hiệu quả học tập cao.

- Trong thực tế giảng dạy, tùy theo từng môn học, bài học giáo viên vận dụng linh hoạt các bước trong phương pháp định hướng hành động của Galperin sao cho hiệu quả giảng dạy đạt được ở mức cao nhất.

MỘT VÀI Ý KIẾN VỀ ĐÀO TẠO THEO HỆ THỐNG TÍN CHỈ

Ths. Nguyễn Đức Thắng
Khoa Ngoại Ngữ

1. Chuyển đổi hệ thống đào tạo từ niên chế sang tín chỉ là tất yếu:

1.1. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là gì? (Credit- based stem)

- “Credit” là sự công nhận của xã hội tổ chức có thẩm quyền về thành công của một người trong lĩnh vực nào đó. Với sinh viên là sự công nhận việc hoàn thành một khoá học tính theo trên một khối lượng và nội dung kiến thức theo thiết kế. Sinh viên có đủ năng lực và trình độ đáng tin cậy để mưu sinh tham gia hoạt động và quản lý xã hội sau khi ra trường.

- Nói cách khác: Tín chỉ là đại lượng đo khối lượng lao động học tập trung bình mà người học sử dụng để học một môn học gồm: Thời gian học trên lớp, thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, hoặc làm các việc khác theo đề cương môn học và thời gian dành cho việc tự học ngoài giờ như đọc, tham khảo tài liệu chuẩn bị bài.

1.2. Sự khác biệt giữa đào tạo theo niên chế và đào tạo theo hệ thống tín chỉ

1.2.1. Đào tạo theo niên chế:

Thường là 4 năm với các học phần (Modul) theo quy định và có một số lựa chọn. Sinh viên đến lớp theo thời gian biểu do trường, khoa sắp xếp tuân theo lịch cố định, không có sự lựa chọn, thay đổi, không học vượt, không học ít hơn, mỗi học trình thường là 15 tiết (gồm lý thuyết và thực hành) và không có quy định bắt buộc của hoạt động ngoài giờ lên lớp.

1.2.2- Đào tạo theo học chế tín chỉ:

Về thời gian: Sinh viên có khoảng thời gian tương tự để họ tốt nghiệp. Song họ có thể tốt nghiệp sớm hơn nếu họ có năng lực thực sự và chủ động sắp xếp lịch học do cơ sở đào tạo gợi ý, được đăng ký học vượt nếu đủ các điều kiện.

Một tín chỉ bằng 15 tiết, chuẩn bằng 12 tiết lý thuyết và 6 tiết lên lớp thảo luận, hoặc thực hành bằng 18 tiết. Rõ ràng để được 1 tín chỉ sinh viên mất nhiều thời gian và công sức. Giờ lý thuyết giảm, giờ thực hành, thảo luận tăng. Thời gian cơ sở đào tạo theo học chế tín chỉ chỉ là sự gợi ý, không bắt buộc, sinh viên được tự chủ về thời gian học tập.

1.3. Chương trình đào tạo:

Việc chuyển đổi từ hệ thống đào tạo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, không chỉ đơn thuần là sự thay đổi về chương trình theo tính toán số học (từ 210 đơn vị học trình của đào tạo theo niên chế) thành 130 hay 135 tín chỉ theo đào tạo tín chỉ. Điều quan trọng là sự chuyển đổi này đòi hỏi các điều kiện sau:

- Tỷ lệ khối kiến thức phải đảm bảo tính liên thông (gồm liên thông ngang, liên thông dọc) giữa các bậc đào tạo, giữa các ngành...Để sinh viên có thể học ngành khác của khoa khác, trường khác theo quy chế đào tạo.

- Đảm bảo tỷ lệ hợp lý giữa khối kiến thức chuyên môn bắt buộc và tự chọn.

- Chương trình đào tạo đảm bảo thoả mãn, đáp ứng yêu cầu của xã hội (lý luận, tính thực tiễn, tính năng động và linh hoạt, các kỹ năng tác nghiệp của người học sau khi ra trường). Trong

việc xây dựng chương trình đào tạo theo tín chỉ cần có điều tra xã hội học, tham khảo ý kiến các chuyên gia, các chủ doanh nghiệp... và khả năng phán đoán xu thế phát triển của xã hội. Để có sự linh hoạt và cập nhật của chương trình và nội dung đào tạo.

1.4. Về phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ:

Đào tạo theo học chế tín chỉ đặt trọng tâm cao độ vào người học, lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo. Theo đó vai trò của người học được xác định rõ hơn qua các hoạt động trên lớp, giờ và các hoạt động thảo luận, tự nghiên cứu. Người học phải biết đọc và khái quát hoá, tổng hợp các kiến thức phục vụ mục tiêu chương trình qua từng bài, chương, từng đơn vị tín chỉ.

Nói cách khác người học phải phát huy năng lực tự đọc, tự học, tự tìm hiểu vấn đề và giải quyết vấn đề. Có thể thấy vai trò truyền thông của người thầy chuyển dịch một phần sang người học một cách tích cực.

2. Điều kiện phải có của đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ đòi hỏi các điều kiện bắt buộc nếu muốn thành công theo đúng nghĩa.

2.1. Tạo được sự đồng thuận trong đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ và đội ngũ giảng viên. Sự đồng thuận để có sự quyết tâm, sự cộng đồng và chia sẻ vì lợi ích của trường của người học.

2.2. Quy mô số lượng người học tuyển hàng năm đủ nhiều để hình thành các lớp tự chọn môn, chọn thầy. Khi người học không được tự chọn theo đúng nghĩa thì bản chất của đào tạo theo hệ thống tín chỉ vẫn cơ bản như đào tạo theo niên chế.

2.3. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo theo học chế tín chỉ phải đảm bảo: Thư viện, phòng đọc, nguồn học liệu, phòng học, giảng đường, phòng thảo luận, thiết bị dạy học và mạng Internet...

2.4. Xác định lại vai trò của giảng viên trong hệ thống đào tạo theo tín chỉ

- Cũng như trong đào tạo niên chế, trong đào tạo tín chỉ, vai trò của người thầy vẫn đóng vai trò quyết định đến chất lượng và tạo cơ hội đối với sinh viên.

- Từ vai trò nặng về thuyết giảng, cung cấp những kiến thức cơ bản, nặng lý luận có khi phi thực tiễn, nay người thầy cần và phải không chỉ hướng tới người học các kỹ năng cơ bản trong nội dung đào tạo, mà còn phải trang bị cho các kỹ năng thể hiện thành thực nội dung đã được trang bị, giúp họ chủ động và linh hoạt với cái mới, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh từ thực tiễn đầy biến đổi.

- Một khi sinh viên có quyền ra quyết định ngày càng cao, sự lựa chọn ngày càng nhiều, thì yêu cầu của họ với người thầy cũng ngày càng tăng theo tỉ lệ thuận. Do đó, người thầy luôn phải làm mới mình qua trí thức cập nhật và phương pháp chuyển tải trí thức đó tới người học. Trong phương pháp giảng dạy theo hệ thống tín chỉ, người thầy không thể là “truyền đạo” hoặc “thuyết pháp”, mà phải biết định hướng, tư vấn và kiểm tra người học. Sẽ không ngạc nhiên nếu người thầy phải làm việc nhiều hơn để có thể thoả mãn nhu cầu tìm tòi, muốn khám phá của người học.

2.5. Vai trò của người học

- Người học cần nhận thức rõ là: Họ là nhân vật trung tâm của quá trình đào tạo, họ có cơ hội, có quyền và nhiều sự lựa chọn hơn. Tuy nhiên họ cần có ý thức rõ ràng hơn về bản phận của mình.

- Cần chủ động tiếp cận các nguồn học liệu khác nhau ngoài giáo trình (Từ trung tâm thông tin thư viện, các giảng viên, Internet).

- Thay đổi cách học: Từ cách học vẹt.. tư duy sơ cứng, chuyển sang lối học biết tư duy, chất lọc khai thác vấn đề một cách khoa học. Biến tri thức chung thành cái riêng, trên kiến thức nền biết sáng tạo, hoặc nảy sinh ý tưởng mới.

- Học cách làm việc độc lập, làm việc theo nhóm. Độc lập để phát huy tính tự chủ theo nhóm để học hỏi kinh nghiệm, rèn luyện khả năng công tác, mềm dẻo trong môi trường linh hoạt và thường biến động. Do vậy, trong các buổi thảo luận, người học cần chủ động thể hiện vai trò như những nhà hùng biện khoa học.

- Sinh viên phải biết tận dụng tối đa quyền của mình, đó là quyền chọn thầy và chọn môn thay thế. Sự a dua trong lựa chọn quyết định sẽ phải trả giá thái độ tiêu cực đối với việc học sẽ làm cho họ tụt hậu và bị đào thải. Họ phải học suốt đời. Thực tiễn là người thầy vĩ đại nhất, đặt ra những vấn đề mà sinh viên phải giải quyết.

2.6. Xây dựng hệ thống cố vấn học tập

Trong đào tạo theo niên chế, không tồn tại hệ thống cố vấn học tập vì mọi thứ đều được lập kế hoạch. Giáo viên và người học chỉ cần thực hiện đúng, đủ, lên lớp và ra trường. Lớp học cố định từ năm đầu đến năm cuối, không khí lớp học bình lặng như một gia đình truyền thống theo thứ bậc. Sinh viên khá giỏi nói dễ thuyết phục hơn sinh viên trung bình, yếu. Từ đó dẫn đến tình trạng người hay nói thì luôn nói và áp đặt, người ít nói thì thụ động chỉ nghe và phục tùng.

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ tạo cơ hội cho học sinh về sự lựa chọn và ra quyết định thông thường xảy ra sau kì 1, khi các điều kiện tiên quyết môn học đã hình thành. Để tránh tình trạng sinh viên quyết định lựa chọn môn học, thầy dạy theo phong trào, cảm tính, hệ thống cố vấn học tập ở cấp khoa, trường ra đời là hết sức khách quan. Các giảng viên được bổ nhiệm là cố vấn học tập phải là giảng viên có năng lực, kiến thức rộng, có phẩm chất và trách nhiệm cao, có phương pháp làm việc nguyên tắc, với chức năng giúp sinh viên có đủ thông tin về ngành đào tạo, chức năng ngành, chương trình đào tạo, quy chế đánh giá. Cố vấn học tập phải quan tâm đến lợi ích của sinh viên, hiểu năng lực từng sinh viên để tư vấn, giúp sinh viên lập kế hoạch học tập và ra quyết định chính xác. Rõ ràng vai trò của cố vấn học tập là cực kỳ quan trọng và càng quan trọng hơn khi mô hình lớp học truyền thống bị thay đổi để phù hợp với lớp học. Theo hệ thống đào tạo theo tín chỉ (1 lớp gồm sinh viên nhiều ngành và chỉ tồn tại trong 1 hoặc vài tín chỉ).

3. Bước đầu đánh giá việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ áp dụng cho sinh viên K7 Khoa Ngoại Ngữ trường Đại học Hùng Vương.

Thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với sinh viên K7 Khoa Ngoại Ngữ được áp dụng từ năm 2009. Mặc dù kết quả cuối năm chưa có để có cái nhìn cụ thể và khách quan, song xét trên các điều kiện cần có, ta có thể cảm nhận được kết quả ban đầu.

3.1. Chương trình đào tạo

Cơ bản đã xây dựng được chương trình đào tạo dựa trên chương trình đào tạo theo niên chế bằng cách phiên ngang mang tính cơ học. Chương trình đã thể hiện được mục tiêu kiến thức, mục tiêu kỹ năng và mức tiêu nghề nghiệp. Chương trình phân định được các môn học bắt buộc,

môn tự chọn... Để đạt được tổng khối lượng bắt buộc là 135 tín chỉ. Tuy nhiên chương trình mới chưa thể hiện rõ tính liên thông dọc, tính liên thông ngang. Sinh viên K7 (Anh- Trung). Khó có khả năng lấy được 2 bằng Đại học trong 4 hoặc 5 năm theo chương trình hiện tại. Về lâu dài cần có sự điều chỉnh để cơ hội lựa chọn của sinh viên được rõ ràng hơn. Chương trình đào tạo K7 tiếng Trung cần xếp lại, theo đó môn kỹ năng tổng hợp chỉ được coi là 1 môn. Các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết nên xếp thành các kỹ năng có điểm đánh giá độc lập, không tính vào đơn vị thành phần của môn tổng hợp như hiện nay.

3.2. Nội dung đào tạo

Nội dung đào tạo hiện tại cơ bản phiên ngang từ nội dung đào tạo theo niên chế vì vậy khối lượng kiến thức đảm bảo đủ theo yêu cầu nghề nghiệp trong tương lai. Tuy nhiên thời gian đảm bảo cho nội dung chương trình có điều chỉnh theo hướng giảm giờ hoạt động trên lớp, tăng cường thời gian tự học (1 giờ trên lớp và 3 giờ tự đọc, nghiên cứu). Nếu sinh viên không tự giác đọc, nghiên cứu và thảo luận, thì việc thực hiện nội dung chương trình sẽ gặp nguy cơ về chất lượng đặc biệt là với sinh viên Ngoại Ngữ mỗi ngành đòi hỏi sự tằm mình thường xuyên trong môi trường ngôn ngữ, mà môi trường ngôn ngữ chỉ có thể có được trong hoạt động nhóm, tổ. Việc mỗi cá thể tự tạo môi trường không hiệu quả hoặc hiệu quả rất thấp.

3.3. Một số thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

+ Qua gần 1 năm thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ đối với K7 dường như những khó khăn thực sự chưa nảy sinh vì mọi việc vận hành cơ bản theo cung cách của đào tạo theo niên chế trừ quy chế đánh giá xếp loại sinh viên. Tuy nhiên từ năm thứ 2 của K7 khi sinh viên thể hiện quyền lựa chọn môn học và thầy giảng dạy, thì việc tổ chức lớp học sẽ ra sao khi mỗi ngành chỉ có 1 lớp (trên dưới 50 sinh viên). Sự lựa chọn có thể thuận lợi với hệ đào tạo tiếng Anh không chuyên, song với 1 quy mô quá lớn (do chọn giáo viên) thì cơ hội thực hành các kỹ năng sẽ hạn chế, kết quả sẽ không như mong muốn.

+ Cơ sở vật chất hiện nay có nhưng chưa đủ từ học liệu, nguồn tham khảo, phương tiện nghe nhìn, phòng học, phòng thảo luận.

+ Sinh viên còn thụ động chưa biểu thực chất của hệ thống đào tạo theo tín chỉ, chưa hiểu được cái thuận, cái khó của hệ thống này. Trong khi đó vai trò của cố vấn học tập chưa rõ ràng, chưa thể hiện được nhiều trong vai trò tư vấn và cố vấn.

+ Giảng viên Khoa Ngoại Ngữ khá quen thuộc, trong tổ chức lớp hoạt động theo nhóm, tổ để thảo luận. Đây là lợi thế song song, để đánh giá chính xác hoạt động của sinh viên trong hoạt động này còn nhiều vấn đề nảy sinh cần phải có các cuộc hội thảo ở tổ, bộ môn để tìm giải pháp thỏa đáng.

4. Kiến nghị

- Việc áp dụng hệ thống đào tạo theo tín chỉ là cần thiết, chúng ta đã bắt đầu và cần tiếp tục vừa làm, vừa học và điều chỉnh qua các bài học thực tiễn.

- Ở cấp quản lý vĩ mô cần có kế hoạch đảm bảo các điều kiện cho việc áp dụng hệ thống này 1 cách mạch lạc, xác định rõ vai trò trách nhiệm của các phòng ban, khoa, tổ và hệ thống cố vấn học tập.

- Tiếp tục đi học hỏi kinh nghiệm của các cơ sở đào tạo khác có kinh nghiệm trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ. Điều này sẽ giúp chúng ta lường và tránh được những khó khăn có thể xảy ra.

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIẢNG DẠY THÔNG QUA ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI BỘ MÔN TIẾNG ANH

*Ths. Phạm Thị Kim Cúc
Khoa Ngoại Ngữ*

Đặt vấn đề

Cùng với việc mở rộng các loại hình đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo là một nhiệm vụ then chốt của các trường đại học nhất là với một trường mới ra đời như Đại học Hùng Vương. Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo công tác đổi mới phương pháp giảng dạy là một hoạt động hết sức quan trọng. Kể từ năm học 2009-2010, trường Đại học Hùng Vương đã chính thức triển khai thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, một hình thức đào tạo tiên tiến, nhiều ưu điểm song cũng đem lại nhiều khó khăn trở ngại trong quá trình triển khai thực hiện chương trình đào tạo hiện nay. Trong những năm học vừa qua, hoạt động đổi mới phương pháp dạy học vẫn luôn là hoạt động mà hai bộ môn Tiếng Anh chuyên và Tiếng Anh không chuyên chú trọng và đẩy mạnh. Tuy nhiên, với hình thức đào tạo mới như đào tạo theo học chế tín chỉ, việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đang đặt ra nhiều vấn đề cần bàn thảo. Bài viết này trình bày nhận thức về mục tiêu của bộ môn về đổi mới phương pháp giảng dạy trong đào tạo theo học chế tín chỉ, những nội dung đổi mới phương pháp mà bộ môn đã quán triệt và triển khai, đồng thời nêu lên một số khó khăn khúc mắc trong quá trình thực hiện.

1. Mục tiêu của hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy trong đào tạo theo học chế tín chỉ.

Từ trước tới nay hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy vẫn luôn được đặt ra đối với giảng viên trong quá trình giảng dạy. Khi chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ vấn đề này được quan tâm chú ý đặc biệt. Mục tiêu của hoạt động đổi mới phương pháp trong đào tạo theo học chế tín chỉ, theo chúng tôi, cần hướng đến hai mục tiêu, đó là mục tiêu về mặt nhận thức về tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ, và mục tiêu về nội dung cần thực hiện trong các hoạt động đổi mới phương pháp.

Thứ nhất, về mục tiêu nhận thức, việc triển khai các hoạt động đổi mới phương pháp hướng vào nhận thức của giảng viên về tầm quan trọng của đổi mới phương pháp giảng dạy. Mặc dù việc đổi mới phương pháp là việc vẫn làm song trong đào tạo tín chỉ nó có một ý nghĩa rất lớn. Bản chất của đào tạo theo học chế tín chỉ và những thực tiễn đặt ra yêu cầu quá trình giảng dạy, nhất là phương pháp giảng dạy phải được đổi mới. Trước hết, cần phải có sự đổi mới về nhận thức đối với việc đào tạo theo học chế tín chỉ, nhận thức về tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy trong đào tạo theo học chế tín chỉ. Các cấp quản lý và bản thân mỗi giảng viên phải nhận thức đúng đắn những ưu điểm của hình thức đào tạo này, và xác định được nhiệm vụ và vai trò của mình trong quá trình đổi mới.

Thứ hai, mục tiêu về nội dung đổi mới cần được xác định rõ. Nhiệm vụ của vấn đề đổi mới phương pháp dạy học nói chung là áp dụng phương pháp dạy học tích cực, phát huy tư duy sáng tạo, tính năng động, tính tự học, tự tìm hiểu của học sinh với vai trò hướng dẫn, nêu vấn đề của người thầy. Đổi mới phương pháp dạy học phải nhìn nhận vấn đề một cách rộng rãi và linh hoạt theo ba hướng: “phát triển năng lực nội sinh của người học, đổi mới quan hệ thầy trò, đưa công nghệ hiện đại vào nhà trường” [1]. Xét với những đặc thù của bộ môn tiếng Anh, chúng tôi nhận thấy việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải hướng tới:

+ *Nâng cao năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề*

Nếu như phương pháp giảng dạy truyền thống coi học ngoại ngữ như một quá trình truyền thụ kiến thức từ thầy sang trò. Việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải hướng vào việc sử

dụng phương pháp thực hành giao tiếp. Biến quá trình dạy và học thành một quá trình khám phá, trong đó người học được tiếp cận kiến thức ngôn ngữ và văn hóa, dần biến các kiến thức đó thành của mình và sử dụng ngôn ngữ phù hợp với những mục đích giao tiếp cụ thể.

+ *Tăng cường học tập có thể phối hợp với học tập hợp tác*

Thiết kế, phân bổ thời gian hợp lý giữa các khâu giảng, giữa thời lượng truyền đạt kiến thức mới và thời lượng cho người học thực hành. Tăng cường thực hành theo nhóm, theo cặp nhằm tạo điều kiện cho người học phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, giảm được tâm lý ngại ngùng, tăng tính chủ động, tính hợp tác giữa người học; học lẫn nhau và luyện được cách học tập, làm việc đồng đội, tập thể.

+ *Phát triển khả năng tự học*

Bước đầu bàn thảo vấn đề "Dạy trên lớp như thế nào để sinh viên có thể tự học?", Bắt đầu từ bước chuẩn bị giáo án, tổ chức hoạt động tự học đến khâu kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

+ *Sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại*

Sử dụng linh hoạt các phương tiện dạy học hiện đại, phát huy lợi thế của Internet và các phần mềm học tiếng Anh.

2. Những hoạt động đổi mới phương pháp trong đào tạo theo học chế tín chỉ mà bộ môn đã triển khai.

- Dưới sự chỉ đạo của lãnh đạo nhà trường và của lãnh đạo khoa, bộ môn tiếng Anh đã có các hình thức trao đổi, thảo luận nhằm nâng cao nhận thức của giảng viên về đào tạo theo tín chỉ, tạo nhận thức đúng về tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp giảng dạy, quán triệt khái niệm ý nghĩa của việc sinh viên tự học. Có thể nói cách đây hơn một năm những cụm từ như 'học chế tín chỉ', 'đào tạo theo tín chỉ' là cái gì đó nghe rất xa vời đối với nhiều giảng viên. Sau hơn một năm triển khai và thực hiện 100% giảng viên đã nhận thức những ưu điểm của hình thức đào tạo tiên tiến này. Tất cả giảng viên xác định rõ nhiệm vụ đổi mới phương pháp dạy học là vấn đề then chốt, là bước quan trọng thực hiện các yêu cầu đặt ra của hình thức đào tạo theo tín chỉ.

- Nhấn mạnh vào mục tiêu phát triển năng lực giao tiếp ở người học, lựa chọn các hoạt động học tập sao cho có ích, phù hợp với nhu cầu của người học và phải đặt vào trong những bối cảnh thật mà người học có nhiều khả năng sẽ gặp phải trong cuộc sống hàng ngày.

- Sử dụng hệ thống các phương pháp dạy học khác nhau, phát huy ưu điểm của mỗi phương pháp kết hợp nhuần nhuyễn các phương pháp trong giờ lên lớp. Tổ chức các hoạt động theo cặp, nhóm giúp sinh viên nâng cao tinh thần hoạt động hợp tác.

- Thiết kế các dạng bài tập theo hướng tạo tính chủ động sáng tạo cho người học và tùy theo trình độ của người học. Đối với người học có trình độ thấp thì tăng cường đưa bài tập thực hành theo hướng "nhận biết - bắt chước - tư duy sáng tạo". Đối với người học có trình độ cao thì áp dụng thực hành theo hướng "nhận biết - liên hệ - tư duy sáng tạo".

- Đa số các giảng viên đều sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại trong quá trình soạn giảng lên lớp nhằm nâng cao hứng thú, chất lượng bài dạy. Hướng dẫn sinh viên ứng dụng công nghệ thông tin và các phần mềm học tiếng Anh, chủ động tìm hiểu, khắc sâu và mở rộng kiến thức.

- Hàng tuần trong các buổi sinh hoạt chuyên môn có sự bàn thảo, thống nhất các nội dung cần giảng dạy đánh giá, điều này tạo ra sự thống nhất chung giữa các giảng viên, đặc biệt khi giảng dạy học phần tiếng Anh chung giữa các khối lớp.

3. Những khó khăn nảy sinh trong quá trình thực hiện

Việc triển khai thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ mới đang ở học kì 2 (đối với K7 ĐH Tiếng Anh) và đang ở học kì đầu tiên (đối với các khối lớp không chuyên). Trong quá trình triển khai thực hiện chúng tôi thấy có một số khó khăn nổi lên như sau:

- Phương pháp giảng dạy vẫn chưa theo kịp với yêu cầu. Đặc biệt là hình thức tổ chức phần tự học của sinh viên. Trong chương trình thiết kế mỗi đơn vị tín chỉ được tính bằng 15 tiết lên lớp và 30 tiết chuẩn bị cá nhân. Như vậy một học phần gồm 3 TC phải có 45 tiết lên lớp và 90 tiết chuẩn bị ở nhà. Nhưng trên thực tế có thể thấy ít sinh viên đạt được phần này.

- Việc phân chia giờ lý thuyết hay bài tập đối với giờ học tiếng Anh không thể phân chia rạch ròi, việc giảng dạy tiếng Anh đòi hỏi phát triển các kỹ năng, do vậy việc giao sinh viên tự học chưa phát triển được các kỹ năng cần thiết của bộ môn.

- Một phần quan trọng trong đào tạo theo học chế tín chỉ là thời gian lên lớp giảm, tăng giờ tự học của sinh viên. Việc giao tự học hiện nay cần được cụ thể hóa với những yêu cầu cụ thể nhằm tạo sự thuận lợi cho người học. Với mỗi phần tự học cần đặt ra mục tiêu cần đạt được, hướng dẫn tỉ mỉ và hình thức đánh giá. Tuy nhiên điều này chưa thống nhất ở các giảng viên giảng dạy, hơn nữa thời gian trên lớp eo hẹp nên phần giao tự học hiện nay còn gây nhiều lúng túng cho người học.

- Các lớp học hiện nay vẫn giữ theo hình thức lớp học theo đào tạo niên chế, số lượng sinh viên trong lớp đông (trên 50 sinh viên, cá biệt có lớp gần 70 sinh viên) gây khó khăn trong quá trình triển khai các hoạt động học tập trên lớp, cũng như việc đánh giá, kiểm tra phần tự học của sinh viên.

- Việc tính giờ hiện nay chưa khuyến khích giáo viên. Nếu giờ tự học của sinh viên được coi là một phần của môn học thì việc giảng dạy của giáo viên hiện nay chưa được đánh giá tương ứng. Trong khi trong thực tế giáo viên vẫn phải thực hiện đầy đủ số giờ lý thuyết đứng lớp, và phải rất vất vả trong việc chấm bài và kiểm tra bài tự học của sinh viên.

- Tính chủ động của sinh viên thấp. Sinh viên chưa có thói quen coi những giờ tự học, những buổi chuẩn bị là một phần của môn học vì vậy nhiều sinh viên không chuẩn bị bài hoặc chuẩn bị bài chưa chu đáo làm hiệu quả giờ dạy chưa được như mong muốn.

Kết luận

Đổi mới phương pháp giảng dạy nói chung và đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ nói riêng chính là đổi mới cách thức tổ chức giảng dạy, là phải lấy người học làm trung tâm, cách dạy mới phải phù hợp với khả năng tiếp thu và nhu cầu của người học, làm cho người học yêu thích môn học nhằm đảm bảo hiệu quả truyền đạt cao nhất cho người học. Chúng tôi cho rằng việc đổi mới phương pháp dạy học phải bắt đầu từ nhận thức. Mỗi giảng viên phải thấy đây là một việc phải làm và làm thường xuyên. Hơn nữa, một phương pháp giảng dạy cố định không thể là chìa khóa chung cho mọi giảng viên mà phải tùy thuộc từng hoàn cảnh lớp học, đối tượng học, nội dung học để mỗi giảng viên điều chỉnh các hoạt động giảng dạy hợp lý. Một điều quan trọng nữa đó là việc đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cần có sự đồng thuận của tất cả các thành viên tham gia vào quá trình đào tạo. Có như vậy việc đổi mới phương pháp giảng dạy mới thật sự có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

**ĐÔI ĐIỀU VỀ NHỮNG VIỆC ĐÃ VÀ ĐANG LÀM, NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG
ĐỂ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO CỬ NHÂN TIẾNG TRUNG
THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ**

*Bùi Văn Hùng
Khoa Ngoại Ngữ*

Dù còn nhiều trở ngại, song để đuổi kịp và bắt nhịp với các trường đại học trong vùng và cả nước, để hoàn thành nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực mới, có trí thức giúp một vùng đất đầy tiềm năng trỗi dậy, bước vào thời kỳ công nghiệp, tồn tại và đứng vững trong thời kỳ hội nhập. Trường Đại học Hùng Vương đã mạnh dạn quyết định chuyển hướng từ đào tạo theo Niên chế, sang đào tạo theo Học chế tín chỉ. Tuy còn những cam go, song được sự chỉ đạo sát sao của lãnh đạo các cấp, sự đồng tình và quyết tâm của từng thành viên trong trường “ Cây Tín chỉ ” bước đầu đã đâm trời nảy lộc.

Việc sau gần một năm thực hiện đào tạo theo Học chế tín chỉ, các khoa đang sôi nổi tổ chức hội thảo, đánh giá điểm mạnh điểm yếu tìm ra những phương pháp dạy và học hay hơn, phù hợp với đối tượng mà nâng cao được chất lượng giảng dạy. Điều này, minh chứng sự nỗ lực tìm ra định hướng đúng, và quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ đào tạo theo học chế tín chỉ của toàn trường ngay từ năm đầu, khoá đầu.

Theo chúng tôi, sau khi tham khảo quỹ thời gian mà các trường trong cả nước đã xây dựng, Trường Đại học Hùng Vương quyết định số định lượng tín chỉ trong một khoá học là 145 (trong đó khối kiến thức đại cương: 45, chuyên ngành: 90) là hợp lý. Căn cứ vào số tín chỉ dành cho kiến thức chuyên ngành, bộ môn tiếng Trung Quốc đã dựa vào chương trình khung của Bộ, xây dựng một dung lượng kiến thức cần và đủ trong các tín chỉ nhằm giúp cho sinh viên khi ra trường đáp ứng được yêu cầu xã hội, và có thể tiếp tục học lên ở cấp học cao hơn.

Cụ thể với chuyên ngành tiếng Trung, trong đào tạo theo Học chế tín chỉ còn có vấn đề gì nữa không?

Câu trả lời thứ nhất là sinh viên theo học chuyên ngành tiếng Trung ở Đại học Hùng Vương điểm xuất phát cơ bản là từ con số không, mà số giờ dạy có chuyển đổi từ 600 tiết/ năm theo niên chế xuống còn 345 tiết / năm theo Học chế tín chỉ, đó thực sự là một thách thức, hai là đây là một lớp ngoại ngữ mà số lượng sinh viên lên tới 47 sinh viên thì người dạy phải chọn phương pháp nào đây, để đạt chất lượng bài giảng? Từ thực tế ấy, thầy và trò bộ môn tiếng Trung phải nghĩ ra cách tổ chức dạy và học thế nào, để sinh viên vẫn cập nhật đủ kiến thức, để hữu dụng và có ích cho xã hội trong tương lai.

Sau khi bàn bạc bộ môn đã thống nhất: Để sản phẩm của mình khi ra trường đáp ứng được yêu cầu xã hội, theo chúng tôi phải có sự vượt khó, quyết tâm từ hai phía: Trò - Thầy, thầy định hướng, trò tìm tòi nghiên cứu tự chiếm lĩnh kiến thức chứ không thụ động, tức là dạy và học theo phương pháp tích cực. Nhưng trước khi bàn về phương pháp xin được nói đôi lời về tư tưởng: với sinh viên chúng tôi thẳng thắn chỉ ra rằng, bố mẹ cho tiền đến đây là để học nghề, tiếng

Trung là cái nghề mà bản thân đã chọn, cái nghiệp này sẽ theo các em suốt đời, muốn tồn tại và được xã hội coi trọng phải có đủ kiến thức, phải giỏi. Ngược lại, phía thầy nếu không đủ kiến thức, sản phẩm ra trường không đạt chuẩn, liệu còn chỗ đứng trên bục giảng nữa không?

Với tư duy, với nỗi niềm ấy, chúng tôi cũng chỉ cho người học thấy, muốn giỏi phải thấm nhuần lời dạy của Lê-nin: “Học , học nữa, học mãi” và lời dạy của các bậc tiền nhân:” Tiếng Hán tuy khó nhưng rất có ý nghĩa, muốn giỏi phải viết nhiều, nói nhiều, đọc nhiều”. Từ những tư tưởng chỉ đạo ấy, chúng tôi đã định hình cách dạy và cách học cho giảng viên và sinh viên như sau.

Trước hết, thầy và trò bộ môn phải nhận thức được rằng, kiến thức tiếng của năm thứ nhất là kiến thức cơ sở, kiến thức nền. Cụ thể là rèn bốn kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết vì vậy người dạy phải bao quát được lớp, không để có hiện tượng sinh viên mất gốc (trừ trường hợp cá biệt), vì muốn có nhà cao thì cái móng phải tốt, còn nếu không chỉ là lâu đài trên cát. Bởi thế, phía người dạy, trước hết phải có đủ giáo trình, tập bài giảng, giới thiệu các tài liệu tham khảo cần có cho sinh viên, phải định vị được nội dung chính của bài. Cần căn cứ vào nội dung để chọn hình thức lên lớp thích hợp, tận dụng và sử dụng hợp lý các phương tiện dạy học mà Trường trang bị hoặc cá nhân tự có để nâng cao hiệu quả giờ dạy, nhưng dù hình thức nào vẫn là phương pháp dạy học tích cực, kích ngưỡng được sinh viên, khiến họ có hứng thú học, nắm vững được kiến thức cốt lõi của bài, sau đó mở rộng để phát triển khẩu ngữ, nâng cao trình độ chuyên ngành.

Với định lượng một giờ tín chỉ, phải có hai giờ tự học, vì thế số giờ đứng lớp giảm xuống còn phân nửa, nhưng lượng kiến thức bài giảng vẫn giữ nguyên. Để đảm bảo chất lượng của bài giảng trong từng tín chỉ, Bộ môn yêu cầu mỗi giảng viên phải định lượng được dung lượng kiến thức cần truyền thụ trong từng bài lên lớp, mỗi vấn đề đều có những bài tập và câu hỏi thảo luận giao cho sinh viên chuẩn bị trước. Khi lên lớp, còn những thắc mắc về kiến thức khi tự học chưa hiểu, từng em, từng nhóm sẽ đề suất với thầy cô giảng dạy. Về vấn đề kiến thức chuyên ngành trong những câu hỏi sinh viên đưa ra, theo chúng tôi người dạy chưa vội trả lời ngay mà nên nêu gợi ý, để sinh viên tiếp tục tranh luận, giải mã. Cuối cùng có thể có hai phương án xảy ra, một là với sự gợi mở của thầy cộng trí tuệ tập thể của trò, các em sẽ tìm ra được đáp án đúng, hai là người dạy sẽ giải mã tức là đưa ra đáp án đúng. Cả hai phương án đều gây được hưng phấn cho người học, vì trong quá trình nghiên cứu tìm tòi, tháo gỡ từng nút kiến thức, cuối cùng kết quả đã được tìm ra, bài toán khó đã có lời giải, sinh viên đã nắm vững kiến thức bài học, như thế người học nào chả vui, chả hứng thú, chả muốn tham gia xây dựng bài giảng.

Những vấn đề vừa bàn ở trên có thể còn đôi chút lý thuyết, chúng tôi xin đưa ra vài ví dụ cụ thể hơn. Ở giai đoạn đầu khi trọng tâm là học phát âm, yêu cầu sinh viên ở nhà phải nắm được bộ vị phát âm của từng nguyên âm, phụ âm, sơ đồ thanh điệu. Mỗi sinh viên đều phải hiểu một âm tiết Hán ngữ gồm 3 bộ phận tạo thành (thanh mẫu, vận mẫu, thanh điệu). Khi lên lớp sinh viên nghe băng, nghe cô giáo đọc mẫu, sau đó các em tập phát âm. Khi gặp âm khó, sinh viên đề nghị thầy cô phát âm mẫu để học theo, khi luyện phát âm, trước hết phải gọi một người đọc bài tập ngữ âm, thầy cô yêu cầu cả lớp tập trung nghe, sau đó gọi một số sinh viên khác nhận xét

đánh giá mạnh yếu, cuối cùng thầy giáo mới đưa ra nhận xét bình giá, chỉnh sửa, chỉ một vài động thái như vậy nhưng không khí lớp học sẽ sôi động hơn, sinh viên sẽ cảm thấy tự tin, kiến thức bài học được khắc sâu hơn. Mặt khác trong giai đoạn đầu cần hướng dẫn sinh viên các dùng nhíp tay phụ hoạ để đọc đúng thanh điệu, dùng bút màu đánh dấu một số hiện tượng cần nhớ (hai thanh ba, hai thanh bốn đi liền nhau, sự biến điệu của âm: "y" "i" ...).

Về tập viết chữ lại càng quan trọng hơn, vì chữ Hán rất khó viết, khó nhớ. Chúng tôi định hướng cho người học ở nhà phải tập viết đến mức thành thạo các nét cơ bản, sau đó là viết các chữ có trong bài theo bài tập đã hướng dẫn, viết theo quy tắc bút thuận, mỗi con chữ nằm gọn trong một ô vuông, mỗi lần nhắc bút là một nét. Và để nhớ được chữ Hán cách tốt nhất là học và dần tới ghi nhớ nằm lòng 214 bộ thủ của Mai Ứng Tộ. Ngoài ra do đặc thù bộ môn chúng tôi khuyến khích mỗi sinh viên nên có một bộ phích chữ để ghi những chữ Hán và các kết cấu chữ Hán khó thường dùng để không ngừng nâng cao vốn từ vựng và sự hiểu biết của từng cá nhân. Khi lên lớp các em tận dụng được thời gian, nhờ các thầy cô hướng dẫn cách viết, cách dùng các từ khó kiến thức bài giảng được mở rộng hơn. Trong giai đoạn đầu, thầy cô cũng phải định hướng cho sinh viên hiểu về kết cấu câu trong tiếng Hán là "từ tự" (trật tự sắp xếp từ), một câu tiếng Hán thông thường có sáu thành phần (chủ, vị, tân, trạng, bổ, định), thành phần nào đứng trước, thành phần nào đứng sau, từ loại nào thường làm chủ ngữ, từ loại nào làm vị ngữ ... Thông qua các câu mẫu làm ví dụ điếm, sau đó yêu cầu người học mô phỏng đặt câu mới, dùng từ mới cùng từ loại thay thế các thành phần của câu. Theo chúng tôi đó là sự định hướng tạo cho các em cách học mang tính khoa học mà hiệu quả, không tốn nhiều thời gian trên lớp mà vẫn nắm vững được nội dung bài giảng. Dần dần theo cách thức ấy, hướng các em tập viết, tập diễn đạt các đoạn văn, các bài văn để nâng cao và dần hoàn thiện kiến thức chuyên ngành.

Để giải quyết vấn đề sinh viên của lớp quá đông và thời gian trên lớp hạn hẹp, chúng tôi cũng định hướng cho sinh viên K7 chủ động tìm gặp và nhờ các anh chị cùng chuyên ngành lớp trên giúp đỡ giải mã những kiến thức Hán ngữ không quá khó, một định hướng khác hay hơn, về điều này trước khi nêu cụ thể, cho chúng tôi chân thành cảm ơn các đồng chí Lãnh đạo trường đã tạo cho bộ môn một môi trường tiếng tốt, đó là các đoàn giáo sinh thực tập Trung Quốc, chúng tôi đã tận dụng triệt để cơ hội này, mời các bạn lên lớp cùng, sinh viên K7 Hán ngữ được nghe người bản địa phát âm, luyện giọng thực hành tiếng, các bạn nhận được sự giúp đỡ, giải mã những thắc mắc về kiến thức tiếng cả trong và ngoài giờ lên lớp, cả ban ngày lẫn buổi tối, trình độ Hán ngữ của các em nâng cao rõ rệt. Tuy vậy về vấn đề này còn có những vấn đề tế nhị của tuổi trẻ mà chúng tôi cần nhắc để các bạn sinh viên lưu ý, đó là sự hơi phô kiến thức của một số anh chị lớp trên và sự tự ti của một số sinh viên đàn em lớp dưới, vì thế mỗi chúng ta cần nhường nhịn và có một cách xử sự lịch thiệp hơn, người lớn hơn.

Sau những loạt bài giảng mang tính nhập môn, mỗi giảng viên cần định hướng cách học, cách chuẩn bị bài ở nhà cho sinh viên ở cấp độ cao hơn. Theo chúng tôi trong mỗi bài đều có từ mới, việc thuộc từ và cách sử dụng các kết cấu, hầu hết phụ thuộc vào sự nỗ lực chuẩn bị của

từng cá nhân, khi lên lớp dưới sự dẫn dắt của thầy cô, cả lớp tập trung tìm hiểu nghĩa và cách dùng của những từ, những kết cấu khó, như vậy giờ học mới sôi động, mới đạt hiệu quả cao. Khi giải mã kiến thức, người dạy phải có những câu hỏi mang tính tiểu kết buộc sinh viên phải động não, phải tranh luận để trả lời. Ví dụ một câu hỏi tưởng rất đơn giản như: Anh (chị) hãy cho biết từ loại của hai từ “kou” và “ge”, cách dùng có điều gì giống và khác nhau? Sau khi suy nghĩ đưa ra được đáp án đúng, chắc chắn những kiến thức đó các em sẽ nhớ lâu hơn.

Về bài khoá, chúng ta học là học cách đọc, cách viết một bài văn theo chủ đề, cách viết theo phong cách Trung Quốc. Khi đọc, phải tra âm đọc và nghĩa các từ mới, tập đọc cho lưu loát và đúng ngữ điệu, đọc song phải hiểu được bài khoá đó có mấy nhân vật, nội dung của mỗi đoạn và cả bài là gì? Tự đặt câu hỏi và trả lời. Như vậy là người học mới nắm được nội dung cơ bản của bài học, đánh dấu những vấn đề còn chưa hiểu, ghi thành câu hỏi, khi lên lớp cùng các bạn phân tích, tranh luận dưới sự chỉ đạo của thầy cô tìm ra cốt lõi của vấn đề. Trên lớp học khi nghe đọc, nếu có thể các bạn không cần nhìn sách khi đã chuẩn bị kỹ bài, vì khi nghe bạn đọc, chúng ta có thêm một cơ hội để thẩm định lại kiến thức của chính mình, nếu hiểu tức là trình độ của mình đã đạt chuẩn, nếu chưa hiểu phải tìm ra căn nguyên tại đâu, tìm cách khắc phục vươn lên, đó chính là sự thi đua lành mạnh, tạo nên cảm hứng học tập, thuộc bài trên lớp, dựa vào nội dung các bài đã học phân vai lên tham gia giao lưu, thể hiện những kết cấu Hán ngữ khó, giao tiếp nói theo chủ đề, góp phần xây dựng bài học cùng các bạn nắm vững nội dung bài học, đó là một cách học hay, nhưng cần phải kiên trì, vì kiên trì là mẹ đẻ của thành công. Như kiến tha mồi lâu ngày đầy tổ, kiến thức của sinh viên đầy lên lúc nào không hay, và chỉ có thể các bạn mới đáp ứng được yêu cầu của xã hội sau khi ra trường.

Thưa các thầy, các cô trên đây là một số ý kiến của bộ môn Tiếng Trung Quốc về những việc đã và đang làm, những định hướng về phương pháp dạy và học cho những tín chỉ sau, những tín chỉ có những kiến thức ở chiều sâu hơn mang tính chuyên ngành hơn. Để đảm bảo lượng kiến thức truyền thụ, ngoài việc phát huy những điều đã làm được, chúng tôi định hướng cứ sau một số bài sẽ có một buổi Cimime, những buổi nói chuyện chuyên đề, chiếu những bộ phim Trung Quốc có nội dung lành mạnh và phù hợp với trình độ do cô giáo Lương Phương đảm nhiệm, nhằm nâng cao kỹ năng nghe và dịch, ngoài ra cần tăng cường giao lưu với các thầy cô thực tập, để học cách nói, cách diễn đạt như người Trung Quốc nói. Với những định hướng như vậy, chúng tôi tin rằng thầy trò bộ môn tiếng Trung sẽ hoàn thành được nhiệm vụ của mình trong việc đào tạo ra những cử nhân tiếng Trung theo học chế tín chỉ./.

ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ HỌC, TỰ NGHIÊN CỨU ĐỐI VỚI SINH VIÊN NGOẠI NGỮ TRONG ĐT THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Nguyễn Thị Tố Loan
Khoa Ngoại ngữ*

1. Vai trò của việc tự học, tự nghiên cứu của sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ

Việc khuyến khích sinh viên trong các trường đại học tự học, tự nghiên cứu hiện nay đang là vấn đề nhiều nhà giáo dục, nhiều trường đại học quan tâm, nhất là theo hình thức dạy học theo tín chỉ. Tuy nhiên muốn làm tốt việc này cần giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của việc tự học quan trọng như thế nào? Có thể nói, tự học là **nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo** ở các trường đại học. Bởi vì, phương hướng chủ yếu của trường đại học trong giai đoạn này là nhanh chóng biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo và làm cho sinh viên tự hoàn thiện và làm phong phú thêm vốn tri thức bằng sự nỗ lực tự học, tự nghiên cứu.

Không chỉ có vậy, tự học còn có vai trò to lớn trong việc **giáo dục, hình thành nhân cách** cho sinh viên. Việc tự học rèn luyện cho sinh viên thói quen độc lập suy nghĩ, độc lập giải quyết vấn đề khó khăn trong nghề nghiệp, trong cuộc sống, giúp cho họ tự tin hơn trong việc lựa chọn cuộc sống cho mình. Hơn thế, tự học thúc đẩy sinh viên lòng ham học, ham hiểu biết, khát khao vươn tới những đỉnh cao của khoa học, sống có hoài bão, ước mơ.

Quá trình tự học trong việc học ngoại ngữ rất quan trọng và vô cùng cần thiết. Do thời lượng bài giảng trên lớp bị rút ngắn lại, nên lượng kiến thức giáo viên có thể truyền đạt cho sinh viên trên lớp là không nhiều. Ngoài ra, để phục vụ cho các môn học khác, sinh viên ngoại ngữ cần phải có sự hiểu biết về tất cả các lĩnh vực khác như văn hóa, xã hội, kinh tế, chính trị không chỉ của nước mình mà còn của các nước có nền văn hóa đó. Do vậy, nếu không tự học, tự nghiên cứu một cách nghiêm túc, khoa học thì sinh viên sẽ không thể hoàn thành tốt các môn học.

2. Sự hỗ trợ của CNTT trong việc tự học, tự nghiên cứu

Với sự bùng nổ của nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa, CNTT là một phần không thể thiếu trong cuộc sống của chúng ta. Trong thực tế đào tạo hiện nay, dù ở tính chất và mức độ khác nhau nhưng hầu hết cả người dạy và người học đều đã sử dụng các phương tiện CNTT trong học tập, giảng dạy và nghiên cứu. Hiện nay, trung tâm thông tin thư viện của trường Đại học Hùng Vương đã được xây dựng với thư viện điện tử hiện đại, giúp sinh viên có thể dễ dàng truy cập, khai thác tài liệu và trao đổi thông tin đa chiều giữa giáo viên với sinh viên và giữa sinh viên này với sinh viên khác. Đối với việc dạy và học môn tiếng Anh, phương tiện phổ biến nhất là khai thác các thông tin, hình ảnh, video clip, sách báo được đăng tải trên các website trên internet.

Các phương tiện CNTT có vai trò rất quan trọng trong việc tự học, tự nghiên cứu. Nếu biết cách sử dụng và khai thác có hiệu quả, sinh viên có thể có rất nhiều lợi ích, như:

- Nắm kịp thời, đầy đủ, chính xác các nội dung, thông tin cần thiết trong quá trình đào tạo, đề cương chi tiết các môn học, thời khóa biểu, địa điểm học.

- Nhận nhiệm vụ học tập, yêu cầu từ giáo viên kịp thời, chính xác để có thể lập kế hoạch học tập, nghiên cứu và chủ động thực hiện kế hoạch đó.

- Thu thập tài liệu để phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của mình. Ngoài ra, sinh viên có thể tìm hiểu thông tin về những phần mềm ứng dụng khác, phục vụ cho việc học tập của mình.

- Tham gia các khóa học từ xa, hoặc tham gia trao đổi, thảo luận trên các diễn đàn giữa sinh viên với sinh viên, hoặc giữa sinh viên với giáo viên và với các nhà nghiên cứu, những người có chuyên môn, học thuật trong từng môn học, học hỏi lẫn nhau. Có thể nói, internet là cầu nối giữa tất cả mọi người, giữa sinh viên trường mình với sinh viên ở những trường khác, cả trong và ngoài nước.

- Ngoài ra, sinh viên có thể tự kiểm tra quá trình tự học của mình bằng việc đưa các nhận xét, đánh giá của mình lên các diễn đàn và nhận lại được sự đánh giá công bằng, khách quan từ những người khác về một vấn đề cùng quan tâm.

- Nắm được các thông tin khác về các lĩnh vực của đời sống như văn hóa, kinh tế, xã hội, v...v, để có được cái nhìn toàn diện, khách quan, giúp hình thành và phát triển nhân cách, và những kỹ năng xã hội cần thiết khác.

3. Hướng dẫn sinh viên ứng dụng CNTT trong việc tự học, tự nghiên cứu

Nhận thức được tầm quan trọng của việc sử dụng CNTT trong tự học, tự nghiên cứu là một vấn đề quan trọng đối với mỗi sinh viên. Tuy nhiên, vấn đề này còn là một khái niệm khá mới mẻ đối với sinh viên. Do đó, việc thực hiện chưa đồng đều, chất lượng, hiệu quả chưa cao. Một hệ quả nữa là vẫn còn nhiều sinh viên chưa có các kỹ năng khai thác, chuyển tải thông tin trên các phương tiện CNTT, do vậy vẫn còn nhiều hạn chế trong việc sử dụng và ứng dụng vào quá trình học tập nói chung và quá trình tự học, tự nghiên cứu nói riêng.

Muốn hướng dẫn sinh viên biết cách sử dụng có hiệu quả các phương tiện CNTT và ứng dụng vào việc học tập để nâng cao chất lượng, hiệu quả của quá trình đào tạo, giáo viên phải thực hiện tốt các vấn đề sau:

- Định hướng, phổ biến giúp sinh viên nhận thức đầy đủ, rõ ràng về vai trò của CNTT đối với hoạt động dạy học và việc tự học, tự nghiên cứu.

- Giới thiệu các chương trình, các website hữu ích sinh viên cần truy cập, khai thác và có thể sử dụng trong quá trình tự học, tự nghiên cứu của mình.

- Ngoài ra, có thể tổ chức các buổi học ngoại khóa, các câu lạc bộ hướng dẫn, tập huấn có sinh viên về các cách thức, kỹ năng sử dụng các phương tiện CNTT trong việc dạy và học để mọi người có thể trao đổi, học hỏi lẫn nhau.

- Bản thân mỗi giáo viên đều phải là những người đi đầu trong việc ứng dụng CNTT vào việc giảng dạy của mình để tạo được môi trường, buộc những sinh viên khác đều phải biết sử dụng CNTT trong hoạt động học tập, nghiên cứu của mình. Có thể lấy ví dụ ra một số hoạt động như sau:

+ Đưa chương trình, kế hoạch giảng dạy, yêu cầu cụ thể, và đề cương ôn tập, hệ thống các bài tập, tài liệu tham khảo, các chủ đề học tập, nghiên cứu lên website của trường, công khai kế hoạch, tiêu chí đánh giá, thi cử để sinh viên có thể nắm được.

+ Giới thiệu, hướng dẫn sinh viên tìm hiểu, khai thác tài liệu từ các phần mềm khác, hoặc các địa chỉ website khác để bổ sung cho môn học.

+ Ra điều kiện bắt buộc sinh viên phải sử dụng CNTT trong quá trình tự học, tự nghiên cứu của mình. Ví dụ như khi dạy Tiếng Anh chuyên ngành, giáo viên có thể chia nhỏ các chủ đề, và yêu cầu sinh viên hoạt động nhóm, tìm hiểu các thông tin cần thiết về chủ đề của mình và tự thuyết trình, phản biện trên lớp với sự hỗ trợ của các phương tiện CNTT (powerpoint, video, v..v). Hoặc giáo viên có thể tổ chức các buổi semina về một chủ đề nào đó rồi yêu cầu sinh viên viết các bài báo cáo, sử dụng các kỹ năng về tin học văn phòng và có sự kiểm tra, đánh giá, khuyến khích những sinh viên tích cực.

KẾT LUẬN

Thực chất tự học là một quá trình “lao động khoa học thực sự” , bởi vì người học phải tự xây dựng cho mình cách học và sử dụng hợp lý các điều kiện, hình thức, phương tiện học tập để đạt được kết quả mong muốn. Có thể nói rằng tự học của sinh viên không chỉ là một nhân tố quan trọng trong lĩnh vực tri thức mà còn có ý nghĩa to lớn trong việc hình thành nhân cách sinh viên.

Việc hiểu biết và ứng dụng hiệu quả CNTT sẽ giúp cho việc tự học, tự nghiên cứu ngoại ngữ hiệu quả và tích cực hơn. Do đó, cả giáo viên và sinh viên cần ý thức được đầy đủ tầm quan trọng và lợi ích của việc ứng dụng CNTT trong tự học, tự nghiên cứu. Trong quá trình nâng cao chất lượng của việc tự học, tự nghiên cứu chúng ta không những đổi mới về nội dung, về phương pháp dạy học mà còn phải chú trọng đến đổi mới về nhận thức của người học. Nếu sử dụng CNTT có hiệu quả, chắc chắn người học sẽ có hứng thú tìm hiểu, khám phá những điều mới mẻ để làm giàu thêm vốn tri thức của mình.

Tài liệu tham khảo

[1] Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD&ĐT ngày 15/8/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

[2] Bộ giáo dục và đào tạo, “*Ứng dụng CNTT trong dạy học*”, Hà Nội, 2006.

[3] Nguyễn Thị Huỳnh Lộc, Nguyễn Thị Phương Thảo, *Các đường hướng ứng dụng công nghệ trong việc dạy học ngoại ngữ*, Tạp chí khoa học và công nghệ, Đại học Đà Nẵng, số 6 (29), 2008.

<http://www.kh-sdh.udn.vn/zipfiles/So29/23.5.loc-thao.pr01.Tram.pdf>

[4] Butler-Pascoe, M. E., & Wiburg, K. M. (2003). *Technology and teaching English language learners*. New York: Pearson Education, Inc.

[6] Kenning, M. M., & Kenning, M. J. (1990). *Computers and language learning*. New York: Ellis Horwood.

VỀ VẤN ĐỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CỐ VẤN HỌC TẬP ĐỐI VỚI NGÀNH VIỆT NAM HỌC

Ths. Trần Văn Thục
Khoa Khoa học XH & NV

Từ đào tạo chuyên ngành chuyển sang liên môn, liên ngành (như ngành Việt Nam học); từ đào tạo niên chế chuyển đổi sang hệ thống tín chỉ, một số giảng viên trực tiếp đứng lớp dễ cảm thấy bị hẫng về kiến thức. Ví dụ môn học *Văn học thế giới* trước đây đào tạo theo khối ngành ĐH Sư phạm là 300 tiết, nay đào tạo mã ngành Việt Nam học chỉ có 06 tín chỉ tương đương với 90 tiết chuẩn; môn học *Tiếng Việt* trước đây đào tạo theo khối ngành ĐH Sư phạm là 350 tiết, nay đào tạo mã ngành Việt Nam học chỉ có 08 tín chỉ tương đương với 120 tiết chuẩn. Các phân môn *Văn học Việt Nam, Lịch sử, Địa lý, Ngoại ngữ...* cũng tương tự như vậy. Nhưng cần phải thấy là: số giờ dạy trên lớp tuy có giảm song phương pháp và cách thức đào tạo đã có sự đổi mới căn bản. **Vấn đề đặt ra ở đây với tất cả chúng ta là phải xác định rõ phương châm: dạy cho ai (?), dạy để làm gì (?) dạy cái gì (?) và dạy như thế nào (?)**

1. Trước hết, Việt Nam học là khoa học liên ngành, tích hợp kiến thức liên môn. Cùng với kiến thức, sinh viên tốt nghiệp cũng cần có những kỹ năng nghề nghiệp cơ bản về quản lý văn hoá, nghiệp vụ du lịch, nghiệp vụ báo chí, phương pháp nghiên cứu, năng lực hoạt động thực tiễn.... Như vậy, người giảng viên đứng lớp cũng như các cấp quản lý cần phải biết **trang bị kiến thức mang tính đặc thù Việt Nam học**, chú ý thích đáng đến đối tượng, lấy người học làm trung tâm mà soạn thảo *Đề cương chi tiết* cho thoả đáng, quan tâm thực sự đến mối quan hệ kiến thức tích hợp giữa **tính liên ngành khu vực học** và **độ chuyên sâu**, nhất là lựa chọn phương pháp dạy học làm sao **phát huy tối đa tính tích cực** của người học.

2. Chiều sâu của sự khác biệt giữa đào tạo theo niên chế và hệ thống tín chỉ còn ở chỗ: ngành Việt Nam học đặc biệt quan tâm đến “đầu ra” của người học, tức **việc làm của sinh viên** trong tương lai. Vì vậy, chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ chú trọng hơn đến việc **chủ động lựa chọn nghề nghiệp của người học**. Trong chương trình đào tạo, nhà trường thiết kế nhiều học phần “**tự chọn**” cho sinh viên tự mình đăng ký theo nguyện vọng và sở trường. Kết hợp với điều đó, chương trình cũng biên soạn các học phần **học tập thực tế**, thực tập tốt nghiệp, rèn luyện kỹ năng và nghiệp vụ thích ứng với việc chọn nghề cho cả khoá học. Không những thế, chương trình còn nhấn mạnh đến việc **tự học, tự nghiên cứu** của sinh viên, mỗi 01 tiết học trên lớp phải có 02 giờ tự học. Điều khác biệt ở đây là: việc tự học, tự nghiên cứu không đơn giản chỉ là “xào - sáo - nhớ” lại bài học trên lớp mà quan trọng hơn là **phát triển tư duy, mở rộng “phông” và tự trang bị thêm kiến thức mới, tài liệu mới và chuẩn bị cho công tác hướng nghiệp trong tương lai**. Cho nên, việc đào tạo theo hệ thống tín chỉ cần có “**cố vấn học tập**”; mỗi học phần cần có từ 02 giảng viên đứng lớp trở lên để sinh viên có quyền tự do lựa chọn người dạy và lớp học. Đây là điểm “**nóng**” mà Trường Đại học Hùng Vương cần phải tạo được các yếu tố “cần và đủ”, “muốn và có” để đáp ứng với các nhân tố “cung và cầu” của người học. Mỗi giảng viên đứng lớp cần phải soạn thảo *Kế hoạch giảng dạy* và *Đề cương chi tiết học phần* sao cho từng bước thích ứng được quy trình đào tạo mới này. **Cố vấn học tập** là người có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc **định hướng học tập - nghiên cứu khoa học - chọn nghề của sinh viên**.

Chính điểm khác biệt trên mà các giảng viên cần phải lưu tâm đến quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả của cả quá trình dạy - học, **đổi mới các hình thức đánh giá** sao cho linh hoạt mềm dẻo, nhằm đánh giá được thực chất kết quả học tập và tự nghiên cứu của sinh viên, chú ý hơn đến hình thức thi vấn đáp và bài tập tiểu luận khoa học.

3. Trên tinh thần đó, chúng tôi đề nghị các cấp quản lý cần quan tâm sát sao, cụ thể đến công tác **tự bồi dưỡng và NCKH của giảng viên**, chú trọng hơn đến việc **biên soạn giáo trình** các môn học và **tài liệu tham khảo** theo hướng tích hợp kiến thức liên môn, liên ngành đúng với **đặc thù Việt Nam học**, nhất là những giảng viên có bề dày kinh nghiệm và học vấn cao. Bên cạnh đó, CỐ VẤN HỌC TẬP và tất cả chúng ta cũng cần làm cho xã hội, **các đơn vị sử dụng nguồn nhân lực** hiểu rõ ngành đào tạo Việt Nam học, trình độ và năng lực của sinh viên để công nhận và sử dụng đúng đối tượng và có hiệu quả đích thực.

Điều đó sẽ tạo điều kiện vô cùng quan trọng và cơ hội rất lớn đối với **việc làm** của sinh viên khi tốt nghiệp ra trường. Để làm được yêu cầu mới này, các cấp quản lý, nhất là Khoa KHXH & NV và Bộ môn Việt Nam học cần có chiến lược phát triển lâu dài, ổn định và bền vững, tránh tình trạng sinh viên được đào tạo ra “*cái gì*” cũng biết, song thực chất lại “*không thành thạo một cái gì cả*”, tất cả chỉ trong trạng thái “*lơ lơ mơ*”, “*cưỡi ngựa xem hoa*”.

4. Công việc của **cố vấn học tập**: Cố vấn học tập là người phải nắm vững chương trình, nội dung, kỹ năng, thao tác... hướng nghiệp – rèn nghề của sinh viên. Nhưng quan trọng hơn, cố vấn học tập phải là người thấu hiểu căn cơ sở trường, sở đoản, sở thích, năng lực... cũng như nguyện vọng của từng sinh viên trong từng lớp học mà mình phụ trách. Để làm được điều đó, hiển nhiên là CVHT phải có mối liên hệ, liên kết chặt chẽ không những với từng sinh viên mà còn với tất cả những giảng viên đứng lớp, các trưởng - phó bộ môn, và cả giáo viên chủ nhiệm. Khi phát hiện ra sở trường, năng khiếu, năng lực và nguyện vọng của một sinh viên nào đó, CVHT sẽ tư vấn cho sinh viên ấy chọn đúng nghề và tích cực rèn nghề theo hướng đã chọn trong suốt quá trình học, nhất là trong rèn luyện các kỹ năng nghiệp vụ. Chẳng hạn như: sinh viên A là nữ có ngoại hình ưa nhìn, có giọng hát hay, ngoại ngữ tạm được lại có sở trường về thuyết minh, có năng khiếu thẩm mỹ và giao tiếp thì CVHT sẽ tư vấn cho nữ sinh này nên theo nghề *Hướng dẫn viên du lịch* rồi sẽ điều dắt người đó cho đến khi tốt nghiệp ra trường. Nếu phát hiện sinh viên B có sở trường nghiên cứu khoa học, lại là người thích phiêu lưu mạo hiểm, có năng lực về văn hoá, văn học dân gian hoặc lịch sử, khảo cổ học... thì CVHT sẽ tư vấn cho sinh viên này phấn đấu thành *Nhà nghiên cứu văn hoá* hoặc làm giảng viên *giảng dạy ở trường chuyên nghiệp*. Muốn vậy, CVHT phải là người có đủ khả năng, kỹ thuật nghiên cứu, đồng thời hiển nhiên phải tư vấn cho người đó học thêm nghiệp vụ sư phạm và có kỹ năng giải mã những “*mật mã*” văn hoá.

5. Vì Việt Nam học là khoa học liên ngành nên các giảng viên cần biết lồng ghép phần liên hệ thực tế giữa các môn học với nhau một cách thường xuyên. Trong chương trình có nhiều mảng rèn luyện nghiệp vụ khác nhau nên **giảng viên trực tiếp đứng lớp** phụ trách **mảng rèn luyện nghiệp vụ** nào cũng cần phải hết sức tinh thông nghề nghiệp. Trong quá trình giảng dạy ở trên lớp cũng như hướng dẫn sinh viên tự học, tự nghiên cứu, giảng viên hiển nhiên phải chú trọng phần lý thuyết hàn lâm hay nói chính xác hơn là phải dùng kết quả thực tiễn mà củng cố lý thuyết hàn lâm, lấy kỹ năng thực hành là nguyên tắc số một. Rõ ràng thời gian hướng nghiệp – rèn nghề ở đây phải thường xuyên liên tục, nên người giảng viên phải nắm được năng khiếu, sở trường, sở đoản... của từng sinh viên mà hướng cho họ nên chuyên tâm vào học tập và chọn nghề gì. Chẳng hạn như giảng viên giảng dạy học phần: “*Rèn luyện kỹ năng văn hoá*”, nếu phát hiện thấy trong lớp xuất hiện những sinh viên có năng lực điền dã và giải mã văn hoá thì nên chẳng hãy hướng cho sinh viên đó chuyên tâm vào nghề nghiên cứu văn hoá. Để việc tư vấn của mình có thể có hiệu quả đích

thực, giảng viên cần có mối quan hệ với CVHT, giáo viên chủ nhiệm cũng như các giảng viên khác để thường xuyên theo dõi, giúp đỡ, bồi dưỡng cho những sinh viên đó toại nguyện, tinh thông nghề nghiệp họ đã chọn. Cho nên bản thân giảng viên trực tiếp đứng lớp cũng cần có vai trò như một cố vấn học tập.

6. **Hướng nghiệp và rèn nghề** là hai mặt song song tồn tại một cách biện chứng khách quan, có cái nọ cũng có cái kia và nó luôn luôn có tác động qua lại, tương hỗ lẫn nhau. Tuy lý luận là vậy nhưng trong thực tế, chúng ta thường mắc bệnh sáo mòn, bệnh “đầu voi đuôi chuột”, “đánh trống bỏ dùi”, “nói nhiều làm ít”... Để công tác này có hiệu quả tích cực, thiết nghĩ **chúng ta phải vận hành động bộ từ các cấp quản lý đến các đơn vị, bộ môn, sinh viên, các cơ sở thực tế**... Chính vì thế, chúng tôi thấy nhà trường chúng ta còn thiếu quá nhiều cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ đào tạo ngành Việt Nam học: máy ảnh, camera, bản đồ, biểu đồ, cẩm nang du lịch, từ điển văn hoá lễ hội, phong tục, lịch sử, địa lý,... Những giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập và tham khảo cho sinh viên Việt Nam học còn hạn chế, tình trạng dạy chay, học chay vẫn còn, giờ thực tế vẫn có tình trạng mô phỏng bằng lý thuyết suông mà sinh viên không được thực hành... Hướng nghiệp rèn nghề mà sinh viên chỉ nhận biết mà không được trực tiếp thực hành thì chẳng khác nào “chuồn chuồn đập nước”, học cái gì cũng biết, cũng nghe nói đến mà kết cục “chẳng làm được một cái gì cả”. Trước thực trạng đó, chúng tôi đề nghị:

- Khoa KHXH&NV và Bộ môn Việt Nam học phải chịu trách nhiệm chính trong việc rèn nghề, hướng nghiệp cho sinh viên, đặc biệt phải quan tâm thấu đáo hơn, có liên kết đào tạo chặt chẽ hơn đối với các cơ sở sinh viên đến học tập thực tế. Ngoài ra, đơn vị còn cần phải thường xuyên tổ chức cho sinh viên học tập ngoại khoá, tổ chức các dạ hội về “Sắc màu Việt Nam học”, hướng dẫn sinh viên làm bài tập tiểu luận khoa học.v.v ... Các bộ môn khác và các giảng viên trực tiếp tham gia đào tạo Việt Nam học cần phải có kế hoạch sát sao cụ thể đối với từng sinh viên trong công tác hướng nghiệp – rèn nghề và phải có mối liên hệ tương tác lẫn nhau để giúp sinh viên một cách hiệu quả.

- Các bộ phận khác trong trường cần phải có kế hoạch mua sắm đồ dùng thiết bị dạy học và nhất là các công cụ thực hành, ví dụ như một chiếc trống đồng Đông Sơn để sinh viên trực tiếp nghiên cứu và giải mã văn hoá, một bộ cặp vá Mùng, khăn Piêu... để giúp sinh viên có thể được học tập thực tế một cách bài bản.

7 - Đặc biệt, các bạn **sinh viên** phải là người nhận thức rõ hơn ai hết hoạt động hướng nghiệp dạy nghề là dành cho chính bản thân mình. Có tinh thông nghề nghiệp khi đang ngồi học trên ghế nhà trường thì việc xin việc làm khi tốt nghiệp ra trường mới có tính khả thi. Vì vậy, sinh viên cần chủ động thực tập, thực hành, rèn luyện các thao tác kỹ năng nghiên cứu, nắm vững các quy trình nghiên cứu thực tế, thực hành, thực sự năng động trong giao tiếp nhất là kỹ năng dịch thuật và đối thoại bằng ngoại ngữ. Việc **chủ động tự chọn nghề nghiệp cho mình** sẽ có vai trò quyết định trong tương lai với xu thế hội nhập của thế giới ngày nay. Đó là điều không ai làm thay, học thay cho các bạn được.

Ngành đào tạo Việt Nam học là một mã ngành mới mẻ mà rất giàu ý nghĩa nhân văn. Chương trình đào tạo theo hệ thống tín chỉ là một chương trình theo **hệ thống “mở”, tính linh hoạt của nó rất cao**. Chúng ta phải có tư duy hệ thống kiến thức vừa chuyên sâu, vừa liên ngành, vừa uyên thâm vừa uyên bác, vừa mang tính hàn lâm vừa đảm bảo tính thực tiễn, đồng thời còn rất cần có phương pháp dạy - học phù hợp, thích ứng thì mới có hiệu quả đích thực được. Rất mong sự nỗ lực và sự toàn tâm toàn ý của quý vị đại biểu, các nhà khoa học và các nhà giáo. Phương châm chung của chúng ta là phải mạnh dạn phấn đấu đi từ không đến có, từ ít đến nhiều, từ đơn giản đến phức tạp, không ngừng học hỏi và tự làm mới bản thân mình, khó khăn nào cũng vượt qua.

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Th.s Triệu Thị Hương Liên
Khoa Khoa học XH & NV*

1. Những vấn đề chung về đổi mới PPDH

Đổi mới PPDH được hiểu là đổi mới nội dung, giáo trình, cách tiến hành các phương pháp dạy và phương pháp học, đổi mới các phương tiện và hình thức triển khai phương pháp trên cơ sở khai thác triệt để ưu điểm của các phương pháp truyền thống và vận dụng linh hoạt một số phương pháp dạy - học tiên tiến nhằm nâng cao tính chủ động, sáng tạo, năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề, phát huy tối đa tính tích cực, chủ động và sáng tạo của người học, nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, nâng cao các kỹ năng cần thiết về nghề nghiệp, kỹ năng làm việc với người khác, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin, kỹ năng trình bày, thuyết phục, kỹ năng tự phát triển. Đổi mới PPDH góp phần tăng cường vai trò tổ chức, hướng dẫn, định hướng, điều khiển của giảng viên đối với hoạt động học, hoạt động tư duy sáng tạo và rèn luyện kỹ năng của sinh viên; thúc đẩy và tăng cường mối liên kết giữa đào tạo và nghiên cứu khoa học; nâng cao chất lượng đào tạo nói chung, dạy học nói riêng; thúc đẩy việc triển khai thành công phương thức đào tạo theo tín chỉ.

2. Thực trạng về đổi mới phương pháp dạy học Khoa KHXH & NV trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Đổi mới phương pháp dạy học là chủ đề được bàn luận từ nhiều năm nay. Đặc biệt khi Trường Đại học Hùng Vương bắt đầu triển khai thực hiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì việc đổi mới phương pháp dạy học lại trở nên cần thiết và cấp bách hơn bao giờ hết. Xuất phát từ thực tế này mà đội ngũ giảng viên Khoa KHXH & NV nhận thức rất rõ vai trò của việc đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ và tạo ra được những sản phẩm đáp ứng yêu cầu xã hội bởi trong quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ, vai trò chủ động của người học vừa được coi là mục tiêu, vừa là điều kiện quyết định.

Sau gần một năm học thực hiện nhiệm vụ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tập thể giảng viên khoa KHXH & NV đã có rất nhiều cố gắng tích cực triển khai nhiều hoạt động nhằm đổi mới PPDH phù hợp với đào tạo theo học chế tín chỉ:

Khoa đã tổ chức được một cuộc hội thảo về: “*Đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ*”, đa số giảng viên trong khoa đã nhận thức được sự quan trọng và tính cấp thiết về việc đổi mới phương pháp dạy học phù hợp theo học chế tín chỉ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Đa số giảng viên đã thực hiện đổi mới PPDH phù hợp với đào tạo theo học chế tín chỉ: xây dựng đề cương môn học, tập bài giảng, hướng dẫn sinh viên tự học, làm bài tập, tiểu luận, tự nghiên cứu, tích cực sử dụng các phương tiện hiện đại để hỗ trợ đổi mới PPDH (máy vi tính,

projecto...), những kết quả trên đây là sự nỗ lực của lãnh đạo khoa, sự nỗ lực cố gắng, tinh thần trách nhiệm của đội ngũ giảng viên trong khoa

Tuy nhiên, việc đổi mới PPDH nhằm đáp ứng các yêu cầu của học chế tín chỉ cũng còn tồn tại những hạn chế cần khắc phục:

Một số giảng viên chậm thực hiện về công khai đề cương môn học, chưa có nhiều biện pháp tăng cường tự học của sinh viên, sử dụng phương tiện dạy học hiện đại để hỗ trợ đổi mới PPDH còn chưa thường xuyên, các kỹ năng thực hiện phương pháp dạy học mới chưa nhuần nhuyễn, do đó chưa đạt được hiệu quả cao trong dạy học.

Những hạn chế nêu trên, theo chúng tôi xuất phát từ các nguyên nhân sau đây: cơ sở vật chất còn thiếu thốn, đội ngũ giảng viên đi học nhiều nên một giảng viên phải dạy nhiều học phần, sinh viên còn ngỡ ngàng với phương thức đào tạo mới...

3. Một số đề xuất về đổi mới PPDH theo yêu cầu của học chế tín chỉ

Xuất phát từ những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân nêu trên, có thể rút ra được một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc đổi mới PPDH giúp người học chuyển từ cách học bị động sang cách học chủ động:

Đổi mới phương pháp giảng dạy đòi hỏi sự phối hợp chặt chẽ giữa giảng viên và sinh viên, trong đó, giảng viên giữ vai trò chủ đạo.

Về phía giảng viên:

Giảng viên cần nghiên cứu và nắm rõ các qui định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD & ĐT và của Trường ĐH Hùng Vương. Giảng viên phải quyết tâm và có kiến thức đầy đủ về phương thức đào tạo theo tín chỉ, PPDH theo yêu cầu tín chỉ.

Giảng viên phải thực sự là người tâm huyết với nghề nghiệp và có phong kiến thức sâu rộng. Mỗi giảng viên phải tự mình ý thức việc tự học để không ngừng nâng cao hiểu biết, trau dồi về chuyên môn nghiệp vụ; ngoài chuyên ngành của mình phải có phong kiến thức rộng... Có kiến thức rộng, giảng viên cần phải đầu tư chiều sâu cho chuyên ngành của mình giảng dạy.

Xác định rõ nhiệm vụ của giảng viên trước khi lên lớp và ngoài giờ lên lớp: Xây dựng đề cương môn học, đặc biệt lưu ý nội dung hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu đối với sinh viên; phải xây dựng quy trình kiểm tra - đánh giá phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ nhất là việc đánh giá tự học của sinh viên; chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc dạy học như tập bài giảng, tài liệu bổ trợ, các phương tiện dạy học cho giảng viên, chủ động phối hợp các phương pháp và sử dụng thiết bị dạy học phù hợp để đạt hiệu quả tối ưu.

Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học và đưa kết quả nghiên cứu vào giảng dạy, thường xuyên trao đổi kinh nghiệm, thảo luận đề xuất các hình thức tổ chức dạy học theo tín chỉ ở mỗi môn học, ngành học, trao đổi kinh nghiệm, kết quả áp dụng PPDH theo yêu cầu của tín chỉ.

Đặc biệt, trong đổi mới phương pháp giảng dạy thì việc giảng viên tổ chức các lớp học thảo luận có ý nghĩa rất lớn để thực hiện “Biến quá trình đào tạo thành tự đào tạo”. Vì thế giảng viên cần coi trọng và tăng cường thực hiện xêmina của sinh viên. Đây là một vấn đề quan trọng,

thiết thực cho đổi mới phương pháp của giảng viên, vì thông qua xêmina sinh viên có điều kiện trực tiếp trao đổi, thảo luận đưa ra những chính kiến của mình cả về lý luận và thực tiễn; cả những vấn đề đúng và chưa đúng... Thông qua xêmina, giảng viên kiểm nghiệm được sinh viên đã nắm được bài giảng đến mức độ nào; phương pháp giảng dạy của giảng viên đã đạt được hiệu quả hay không? Kiến thức của giảng viên còn có chỗ nào chưa thật vững để tự mình điều chỉnh bổ sung. Thực hiện xêmina, giảng viên nên chọn một sinh viên học lực khá, có khả năng điều hành giao cho họ tự thảo luận, giảng viên là người trọng tài, nghe các ý kiến phát biểu, tổng hợp và giải đáp khi sinh viên thảo luận đưa ra các ý kiến không phân thắng bại. Thực hiện tốt xêmina buộc sinh viên phải đọc tài liệu, nghiên cứu, chuẩn bị, từ đó sẽ tạo nên động lực và hứng thú của người học, giúp cho họ nắm vững được lý luận vận dụng vào thực tiễn được tốt và có hiệu quả.

Như vậy, thông qua xêmina, người thầy không chỉ truyền cho sinh viên phương pháp tư duy và kiến thức mà còn truyền cho họ ngọn lửa tình yêu nghề nghiệp và niềm say mê học tập.

Về phía sinh viên:

Cái chúng ta cần ở sinh viên ngày nay khi ra trường không phải là những kiến thức ghi chép được trong một quyển vở mà thầy đọc cho như trước kia, mà là năng lực tự học, sáng tạo, để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn, thậm chí chưa bao giờ được học ở trường.

Vì vậy đổi mới PPDH phù hợp theo học chế tín chỉ đòi hỏi về phía sinh viên cần có những hiểu biết nhất định về các Quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD & ĐT và của Trường ĐH Hùng Vương. Sinh viên buộc phải thay đổi hoàn toàn để thích ứng với phương thức mới (chuyển từ cách tiếp cận nội dung sang tiếp cận phương pháp), hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu.

Kết luận

Chuyển đổi phương thức đào tạo từ niên chế sang tín chỉ là nhiệm vụ trọng tâm của các trường đại học, cao đẳng nói chung và Trường ĐH Hùng Vương nói riêng theo lộ trình chung của Bộ GD & ĐT. Để triển khai đào tạo theo hệ thống tín chỉ thành công cần phải đổi mới đồng bộ chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, cách học, cách quản lý và đảm bảo đầy đủ cơ sở vật chất cần thiết khác. Và trong tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thì chất lượng giảng dạy của giảng viên là yếu tố quyết định. Vì vậy, đổi mới phương pháp dạy học đại học theo hệ thống tín chỉ trong điều kiện và hoàn cảnh của Trường ĐH Hùng Vương hiện nay phải bắt đầu từ giảng viên. Trong quá trình dạy học theo hệ thống tín chỉ, giảng viên vừa là người viết “kịch bản”, vừa là người “đạo diễn”, đó là những yếu tố quan trọng có tính chất quyết định đến chất lượng dạy học.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TĂNG CƯỜNG ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở KHOA HOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

*Th.s Nguyễn Thị Thịnh
Khoa Khoa học XH & NV*

Đổi mới phương pháp nhằm nâng cao chất lượng dạy học là một việc làm thường xuyên và cần thiết ở trường Đại học Hùng Vương và Khoa KH Xã hội và Nhân văn.

Để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chuyên môn của khoa, các nhiệm vụ giáo dục và đào tạo của trường, phương pháp dạy học chỉ là một phần trong rất nhiều nhiệm vụ lớn lao đó. Phương pháp dạy học và thực hiện đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ sao cho đạt hiệu quả cao nhất là vấn đề cần được quan tâm đặc biệt trong tình hình dạy học của khoa, của trường hiện nay.

Vấn đề đặt ra trong đào tạo theo học chế tín chỉ ở khoa Khoa học xã hội và Nhân văn, trường Đại học Hùng Vương với đa số các giảng viên là làm thế nào để dạy tốt và đạt hiệu quả cao trong dạy học theo học chế tín chỉ?

Vì vậy, dưới góc độ là một giảng viên, được giao trọng trách quản lý chuyên môn của Bộ môn Địa lí và là một trong những thành viên xây dựng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ, chúng tôi trên tinh thần: Chấp nhận khó khăn nhiều mặt của thực tại như cơ sở vật chất, đối tượng đào tạo...v.v hết sức cố gắng thực hiện tốt **bổn phận, trách nhiệm của mình** với nhà trường, với sinh viên, với xã hội; tìm mọi biện pháp có thể, đào tạo được sinh viên có kiến thức và có năng lực sư phạm, có khả năng tự tìm kiếm việc làm sau khi tốt nghiệp, được xã hội chấp nhận.

Được sự phân công của lãnh đạo khoa, trong sự băn khoăn tìm hướng đi hợp lí của quá trình đào tạo theo học chế tín chỉ, chúng tôi xin được chia sẻ và tham góp một số cách nghĩ, cách làm nhằm đạt hiệu quả cao trong dạy học theo học chế tín chỉ mà chúng tôi tâm đắc.

Chúng tôi xin trao đổi ở các khía cạnh:

- 1). Nhận thức cơ bản về đào tạo theo học chế tín chỉ.**
- 2). Thực trạng dạy học ở khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn**
- 3). Một số biện pháp tăng cường đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ.**

Cụ thể như sau:

1. Nhận thức cơ bản về đào tạo theo học chế tín chỉ.

Chúng tôi không bàn nhiều đến các vấn đề xoay quanh học chế tín chỉ, vì chúng ta đã và đang thực hiện chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ và thực tế trường Đại học Hùng Vương cũng đã ban hành đầy đủ và kịp thời quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ.

Tuy nhiên, chúng ta cần nhắc lại là Tín chỉ là đơn vị căn bản để đo khối lượng kiến thức và đánh giá kết quả học tập của sinh viên. Lượng kiến thức dành cho sinh viên gồm hai khối cơ bản: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên môn. Mỗi khối kiến thức có 2 nhóm học phần: học phần bắt buộc là những kiến thức bắt buộc sinh viên phải học và thi đạt mới được học tiếp sang học

phần khác; nhóm học phần tự chọn gồm những kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được chọn theo hướng dẫn, tư vấn của nhà trường. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết. Để hoàn thành một tiết lý thuyết sinh viên phải có 2 tiết chuẩn bị. Như vậy, cứ 30 tiết thảo luận trên lớp, bài tập, thí nghiệm hoặc 45-60 tiết thực tập, kiến tập, làm tiểu luận hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp được tính tương đương 1 tín chỉ.

2. Thực trạng dạy – học ở khoa KH Xã hội và Nhân văn

- Về các chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ đa số có sự “nén” so với chương trình đào tạo so với học chế niên chế.

Chúng tôi xin lấy ví dụ ở chương trình đào tạo cao đẳng Địa – GDGD (đào tạo theo học chế niên chế so với đào tạo theo học chế tín chỉ) như sau:

Bảng: So sánh một số nội dung trong chương trình đào tạo theo học chế niên chế so với đào tạo theo học chế tín chỉ của cao đẳng Địa - GDGD

Phân bổ kiến thức ngành	Học chế niên chế	Học chế tín chỉ
Khối lượng kiến thức toàn khóa	175 đơn vị học trình	105 tín chỉ
Khối lượng kiến thức ngành sư phạm địa lí (môn 1)	54 đvht	30 tín chỉ (<i>bắt buộc: 28 tín chỉ, tự chọn: 2 tín chỉ</i>).
Học phần Địa lí các châu 1+ 2	7 đơn vị học trình	2 tín chỉ
Học phần Địa lí KT XH đại cương 1+2	5 đvht	2 tín chỉ
...		

- Về phương pháp giảng dạy của giảng viên: cùng một lúc thực hiện giảng dạy ở hai loại hình đào tạo theo học chế niên chế và học chế tín chỉ, các giảng viên thực dạy ít vì số lượng giảng viên đang đi học nhiều. Vì thế, mặc dù đã rất nỗ lực thực hiện nhiều phương pháp dạy học khác nhau, nhưng việc giảng dạy của nhiều giảng viên gặp khó khăn ở khâu làm sao để truyền tải được hết nội dung bài giảng và nội dung kiến thức của học phần, trong khi so với chương trình đào tạo theo niên chế, số tiết lên lớp với sinh viên đã bị hạn chế rất nhiều;

- Về phía sinh viên: sinh viên năm thứ nhất phải hoàn thành các thủ tục nhập học, tâm lý chưa ổn định, tâm thế học tập còn bị động, sinh viên năm thứ nhất chưa có nhiều kinh nghiệm học tập trong môi trường đại học, đa phần sinh viên ngại tham khảo các tài liệu khác nhau và rất vất vả khi đọc chỉ một cuốn giáo trình...

- Các vấn đề khác (phòng học, sách giáo trình...) nhìn chung đều thiếu thốn và đang cố gắng thích ứng với các hoạt động dạy học theo học chế tín chỉ.

3. Một số biện pháp tăng cường đổi mới trong dạy học theo học chế tín chỉ

PGS.TS Phan Quang Thế - Phó Hiệu trưởng trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên – bằng những trải nghiệm của mình, trong một bài viết về đổi mới phương pháp dạy học, Ông đã đúc kết rằng, ở Hoa Kỳ, các giáo sư, các giảng viên được coi là những: “*Instructor*” = “*Người hướng dẫn*” và họ đã đạt được nhiều thành công trong dạy học.

Từ định hướng như trên, theo chúng tôi, ở khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn nói riêng, với đặc thù các học phần giảng dạy đa số liên quan đến kiến thức khoa học xã hội và nhân văn, phong kiến thức rộng và nhiều tài liệu tham khảo khác nhau. Theo chúng tôi, để thực hiện tốt việc dạy học theo học chế tín chỉ, một số biện pháp đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ cần được áp dụng cho mỗi giảng viên là:

- Trước hết, cần nâng cao ý thức tích cực, chủ động trong học tập của sinh viên và chủ động trong giảng dạy của giảng viên.

○ **Về phía giảng viên:** Bên cạnh việc chuẩn bị tri thức, mỗi giảng viên cần phải luôn luôn tự trả lời câu hỏi: Mình hiểu như thế nào về học chế tín chỉ? Mình cần phải làm thế nào để dạy tốt khi dạy học theo học chế tín chỉ?...

○ Đào tạo theo học chế tín chỉ bắt buộc cả giảng viên và sinh viên đều phải tăng cường tính chủ động, về phía giảng viên: tính chủ động thể hiện trong việc tự tìm hiểu về quy chế đào tạo, thường xuyên trao đổi với đồng nghiệp, chuẩn bị tốt đề cương môn học, bài giảng...

○ Thấm nhuần phương châm dạy học theo học chế tín chỉ là giúp người học chuyển cách học từ bị động sang chủ động. Điều này không đơn giản là sử dụng các công cụ trợ giảng dạy như máy tính, máy chiếu ... mà phải thay đổi có kế thừa tư duy trong giảng dạy và tạo ra môi trường giảng dạy tích cực, thân thiện.

○ **Về phía sinh viên:** giảng viên nên giúp sinh viên thấm nhuần phương châm sinh viên tự giác, tích cực, chủ động chiếm lĩnh tri thức và làm chủ tri thức.

- Trong quá trình dạy học, cần tạo ra môi trường học tập tích cực, thân thiện. Môi trường học tập tích cực được bắt đầu từ bài giảng công phu, cập nhật; giờ học sinh động, giảng viên và sinh viên cùng nhau trao đổi kiến thức và phương pháp một cách cởi mở...

- Giảng viên cần nâng cao hơn nữa vai trò là người thầy, đồng thời là “người hướng dẫn”.

○ Lí do để thực hiện biện pháp này là vì trên thực tế, thời gian giảng viên tiếp xúc với sinh viên trên lớp ít hơn so với đào tạo theo niên chế. Lấy ví dụ từ dạy học địa lí, giảng viên trong quá trình giảng bài chỉ cần vẽ xong một biểu đồ, chép xong một bảng số liệu lên bảng, hoặc thậm chí cho sinh viên ghi chép xong một bảng số liệu thống kê đã mất khá nhiều thời gian của một giờ học. Vì vậy, cần mạnh dạn hơn nữa ở việc hướng dẫn sinh viên từ những khái niệm cơ bản và từ các bài tập vận dụng kiến thức cơ bản.

○ Với vai trò là người hướng dẫn, giảng viên cũng cần tăng cường trao đổi với sinh viên thông qua nhiều cách khác nhau, có thể sử dụng sức mạnh của công nghệ thông tin trong dạy học như trao đổi qua hộp thư điện tử, qua các diễn đàn...

○ Trong dạy học, giảng viên cần nên sử dụng các thiết bị trợ giảng như máy tính, máy chiếu... Tuy nhiên, cần lưu ý việc đảm bảo các thiết bị trợ giảng phải hoạt động tốt, tin cậy để không làm bài giảng bị gián đoạn, gây ức chế cho cả người dạy và người học trong giờ học.

○ Các gợi ý giúp giảng viên chỉ ra cho sinh viên con đường mà sinh viên sẽ phải đi, cách đi trên con đường đó và sinh viên bắt buộc phải tự đi trên con đường này trong suốt quá trình một học phần:

§ Giảng viên cần đi sâu vào bản chất các khái niệm ban đầu của từng chương, từng bài, nhắc lại những kiến thức là nền tảng để hình thành nên các khái niệm đó. Điều này sẽ làm cho sinh viên định hướng được cái mà họ phải phát triển từ những điều họ biết. Hãy giúp cho sinh viên hình dung ra khái niệm ban đầu đó là gì.

§ Sau đó, chỉ ra cái đích mà họ phải đi tới, cũng như cách đi thông qua các kiến thức của học phần trước đó đã trang bị và cuối cùng họ phải tự tìm, tự học để hiểu những vấn đề cốt lõi của học phần. Vì thế, người thầy cần phải đưa ra những vấn đề đòi hỏi được sinh viên đầu tư công sức và thời gian để đọc. Nếu người thầy không đưa ra được vấn đề và các bài tập tự học như vậy cho sinh viên thì dù có cố ép sinh viên đọc một tài liệu tham khảo nào đó thì sinh viên cũng không bao giờ đọc.

§ Thêm vào đó, người thầy cần phải chú ý để phát hiện ra sinh viên đã và đang đi chệch ra khỏi con đường cần phải đi để giúp sinh viên trở lại quỹ đạo ban đầu.

- ***Cần tăng cường các hoạt động tương tác trong giờ học***, giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên. Tương tác giữa giảng viên và sinh viên trong một môi trường học tập tích cực là một nghệ thuật sư phạm, nếu thực hiện tốt, giảng viên không những truyền cho sinh viên phương pháp tư duy, kiến thức mà còn truyền cho sinh viên ngọn lửa tình yêu nghề nghiệp và sự say mê trong học tập. Hơn nữa, đây cũng là cơ hội để giảng viên tìm hiểu để biết được cảm nhận của sinh viên sau mỗi giờ giảng, để tự điều chỉnh bài giảng và cách truyền đạt cho phù hợp và hiệu quả.

Đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo học chế tín chỉ là việc làm cần thiết và quan trọng ở khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn nói riêng và trường Đại học Hùng Vương nói chung. Để làm được điều đó, cần phải đổi mới trước hết là ở tư duy trong dạy học và tạo ra môi trường giáo dục thân thiện.

Chúng ta đã và đang tiếp tục thực hiện đổi mới phương pháp trong dạy học. Trong thời điểm hiện nay, để giữ vững chất lượng và nâng cao hơn nữa hiệu quả của đào tạo theo học chế tín chỉ của trường Đại học Hùng Vương và Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, vai trò chủ động của giảng viên và sinh viên có ý nghĩa to lớn.

THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI KHOA TOÁN CÔNG NGHỆ

*Th.s Nguyễn Tiến Mạnh
Khoa Toán – Công nghệ*

1. Thuận lợi

1.1. Về giảng viên

Nhìn chung, giảng viên đã bước đầu tiếp cận và làm quen với hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ và đều nhất trí với tính ưu việt của loại hình đào tạo này.

Đa số các giảng viên của khoa còn trẻ nên dễ thích ứng với những thay đổi và còn nhiều cơ hội để bồi dưỡng, phấn đấu.

Các giảng viên nhìn chung đều say mê chuyên môn nghiệp vụ và có ý thức cao trong việc giảng dạy, nghiên cứu.

Trong khoa có môi trường làm việc lành mạnh, giữa các giảng viên có tinh thần đoàn kết cao và phối hợp chuyên môn chặt chẽ.

1.2. Về sinh viên

Hầu hết các sinh viên của khoa đều có lối sống giản dị, trong sáng lành mạnh, có quan hệ tốt đẹp với bạn bè và thầy cô, đặc biệt là sinh viên ngành sư phạm.

Các sinh viên có tính nhanh nhạy và sôi nổi trong nhiều hoạt động, đặc biệt là sinh viên ngành CNTT.

Đầu vào của sinh viên tuy chưa cao nhưng kiến thức phổ thông của các em cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu của giáo dục ở bậc đại học, cao đẳng.

Đa số sinh viên có ý thức học tập và đã dần làm quen với việc học tập, nghiên cứu ở bậc đại học, cao đẳng.

1.3. Về quy chế và chương trình đào tạo

Về cơ bản nhà trường đã ban hành quy chế đào tạo kịp thời và chỉ đạo hoàn thành chương trình đúng tiến độ. Do đó về cơ bản khoa đã thực hiện tốt kế hoạch đào tạo của nhà trường.

Chương trình chi tiết được chỉnh sửa và giảm tối đa sự chồng chéo, đan xen nội dung giữa các học phần.

Chương trình đã thể hiện được yêu cầu tự học cao, tính tích cực trao đổi hợp tác đối với sinh viên trong quá trình học tập (có giờ thảo luận, giờ tự học...).

Chương trình và Quy chế đào tạo buộc người học phải có trách nhiệm và tính chủ động cao trong quá trình học tập đồng thời cũng tạo nhiều cơ hội để sinh viên kết thúc sớm khóa học (sinh viên không được thi lần hai mà phải học lại, sinh viên được phép học vượt và thi cải thiện điểm...)

2. Khó khăn

Bước đầu thực hiện hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ, ngoài những thuận lợi nêu trên Khoa Toán – Công nghệ đã gặp không ít khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

2.1. Về giảng viên

Trước hết, phải chú ý rằng đội ngũ của chúng ta còn thiếu, đặc biệt là các giảng viên có trình độ chuyên sâu. Đây là khó khăn chung của hầu hết các trường đại học đặc biệt là các trường đại học mới thành lập. Nhiều giảng viên phải đi học nâng cao trình độ nên số người đứng lớp của một số ngành còn thiếu nhiều, phải mời thỉnh giảng.

Tiếp đó là khó khăn về phương pháp giảng dạy. Mặc dù mỗi giảng viên đều hiểu thế nào là phương pháp dạy học tích cực nhưng để vận hành nó nhằm thu được hiệu quả thì không hề đơn giản. Hầu hết, mỗi giảng viên phải đảm nhận nhiều học phần nằm ở các chuyên ngành khác nhau nên rất khó đảm bảo tính sâu sắc của bài giảng.

Ngoài ra, khả năng thực hành của giảng viên còn hạn chế (Tin học, Vật lí, Toán học, Kỹ thuật Công nghiệp – Kỹ thuật Nông nghiệp).

Cuối cùng là về nhận thức của cả giảng viên về loại hình đào tạo theo tín chỉ. Chúng ta chưa hiểu đầy đủ về nó, chưa thấy được hết những nét đặc trưng nổi bật của nó ...vì vậy đón nhận nó chưa thật sự chu đáo, chưa thật sự cởi mở và tự nhiên.

2.2. Về sinh viên

Có thể nói, đầu vào của sinh viên chúng ta còn thấp, kiến thức phổ thông nhiều lỗ hổng kể cả những môn thuộc khối các em tham gia thi tuyển sinh đại học, chưa kể đến các môn khác.

Ý thức đạo đức, nề nếp kỉ luật chưa cao (đây cũng là hậu quả của giáo dục phổ thông và sự tác động của các mặt trái xã hội).

Một bộ phận không nhỏ sinh viên còn thụ động, chưa quyết tâm cao và thiếu tinh thần vượt khó trong quá trình học tập rèn nghề.

Các sinh viên đều tỏ ra “hăng hực” khi tiếp cận với chương trình giáo dục ở bậc đại học, cao đẳng (chẳng hạn: cách học, cách thi và nội dung kiến thức).

Sinh viên còn hạn chế nhiều trong nhận thức về Quy chế, Chương trình Đào tạo đối với loại hình đào tạo tín chỉ. Điều này một mặt do bản thân sinh viên, mặt khác cũng do một số giáo viên chủ nhiệm chưa trú trọng tập trung bồi dưỡng cho các em về các nội dung này.

2.3. Về quy chế và chương trình đào tạo

Trước hết là về mặt dung lượng kiến thức, về cơ bản khối lượng kiến thức vẫn đảm bảo như đào tạo niên chế nhưng thời lượng lên lớp của giảng viên lại giảm đi vì hình thức đào tạo theo tín chỉ yêu cầu rất nhiều việc tự học tự nghiên cứu của sinh viên (tất nhiên là có sự hỗ trợ của giảng viên). Tuy nhiên, trong thực tế thì khá nhiều sinh viên của chúng ta chưa đáp ứng được yêu cầu trên: học tập thụ động, không tự giác tìm tòi nghiên cứu, học chỉ vì điểm số...

Tiếp theo phải kể đến là khung chương trình, mặc dù đã rà soát kiểm tra nhưng tuy nhiên khi thực hiện vẫn bộc lộ nhiều hạn chế hoặc bất cập. Chẳng hạn về điều kiện tiên quyết, kế hoạch giảng dạy... Đặc biệt là về điều kiện tiên quyết, một đặc trưng hoàn toàn khác so với đào tạo niên chế.

Theo Quy chế về đào tạo theo tín chỉ, sinh viên không được thi lại và việc tổ chức học kỳ phụ lại phụ thuộc vào điều kiện nhà trường. Vì vậy trong quá trình thực hiện, tính chủ động và kịp thời chưa cao. Thêm vào đó việc tính điểm có nhiều khác biệt cả về hình thức và việc học lại, học cải thiện so với đào tạo theo niên chế.

Việc ban hành một số tài liệu, văn bản hướng dẫn chưa được kịp thời (chẳng hạn: Sổ tay CVHT).

3. Một số giải pháp

Trước hết, phải tăng cường rèn luyện một cách nghiêm khắc cho sinh viên về ý thức tổ chức kỉ luật, quy chế học đường, tinh thần và khả năng tự quản. Đây là một việc làm thường xuyên, quan trọng vì nguồn nhân lực của chúng ta ngoài trình độ chuyên môn, tay nghề thì bắt buộc phải có tính kỉ luật và đạo đức nghề nghiệp. Tuy nhiên để làm tốt điều này, nhà trường cũng phải chỉ đạo các phòng ban chức năng sớm hoàn thiện các văn bản liên quan đến công tác quản lí, giáo dục sinh viên).

Tổ chức bồi dưỡng cho sinh viên theo định kì về qui chế đào tạo tín chỉ. Việc làm này góp phần bồi dưỡng cho sinh viên những hiểu biết về quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ. Đầu tư thời gian cho giảng viên để nâng cao trình độ chuyên môn. Thực tế hiện nay cho thấy, giảng viên ngoài việc giảng dạy nghiên cứu phải kiêm thêm nhiều công việc hành chính khác như công tác chủ nhiệm, công tác sinh viên... Những công việc này đã chi phối nhiều thời gian của giảng viên, trong khi đó giảng viên của chúng ta còn rất nhiều hạn chế cần nhiều thời gian cho việc

nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Nên chăng có những bộ phận chuyên trách về những việc này ở mỗi khoa (hoặc có thể thay GVCN bằng Cố vấn Học tập).

Trú trọng công tác đổi mới PPDH. Cần phải chú ý rằng dù là PPDH nào cũng phải đảm bảo phát huy tính tự giác, tích cực chủ động trong học tập nghiên cứu của giảng viên cũng như sinh viên.

Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên. Bởi vì đây là hoạt động đặc trưng của một trường đại học. Các kết quả nghiên cứu góp phần không nhỏ vào việc khẳng định sự phát triển của đội ngũ và sản phẩm đào tạo. Nhưng cũng cần phải thẳng thắn mà nói rằng phần lớn các đề tài nghiên cứu vẫn còn hạn chế về chiều sâu cũng như tính ứng dụng. Đây là tình trạng khó khăn chung, theo chúng tôi một trong những giải pháp khắc phục là chúng ta phải đẩy mạnh việc liên kết với các viện hoặc các trường đại học có bề dày trong công tác này. Trên cơ sở đó, bắt tay vào xây dựng các nhóm nghiên cứu.

Cần đẩy mạnh công tác tổ chức và hướng dẫn sinh viên cách thức học tập nghiên cứu. Các giảng viên đã thực hiện công việc này, bản thân sinh viên cũng đã định hình được hoạt động này, tuy nhiên hiệu quả chưa cao. Không ít sinh viên vẫn học tập thụ động, không say mê học tập nghiên cứu. Chúng tôi cho rằng, một trong những nguyên nhân là khâu giám sát, kiểm tra đánh giá đối với kết quả công việc của sinh viên chưa được sâu sát và kịp thời. Mấu chốt là phải nghiêm khắc trong việc đánh giá cho điểm thì mới “ép” được sinh viên có trách nhiệm học tập. Trên cơ sở đó, sinh viên sẽ tích cực, say mê học tập nghiên cứu một khi đã nắm bắt và thành thạo với cách thức của hoạt động này.

Tăng cường việc rèn nghề cho sinh viên. Nên đổi mới nội dung rèn nghề cho phù hợp với thực tế, đặc biệt nên có hợp tác và giao lưu chặt chẽ với các cơ sở bên ngoài để từ đó có thể đánh giá và điều chỉnh công tác giáo dục đào tạo. Trong bối cảnh đội ngũ giảng viên của khoa còn non trẻ, chưa có những nhà khoa học của các chuyên ngành hẹp, chúng tôi cho rằng để sinh viên ra trường có thể cạnh tranh và thích ứng được với đòi hỏi của xã hội thì chúng ta nên trú trọng đầu tư và bồi dưỡng cho họ những kỹ năng kỹ xảo nghề nghiệp (chẳng hạn: tăng cường khả năng thực hành của sinh viên CNTT, tăng cường khả năng thực hành, kỹ năng tính toán và nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên ngành Toán, Toán – Lí, Lí – Hóa...).

Tập trung đầu tư cho một số môn học mũi nhọn, có tính thiết thực để đảm bảo khi sinh viên tốt nghiệp đáp ứng ngay yêu cầu cơ bản trước mắt (để có việc, tiếp cận nhanh với công việc, dễ dàng thâm nhập thực tế cuộc sống...). Trong bối cảnh nhà trường còn nhiều khó khăn về đội ngũ và cơ sở vật chất, chúng tôi cho rằng việc đầu tư một cách trọng điểm là bước đi quan trọng đảm bảo tính chiến thuật và chiến lược. Thực hiện theo cách này, chúng ta sẽ tận dụng được nguồn lực hiện có để đẩy nhanh việc khẳng định thương hiệu nhà trường. Ngoài ra cũng cần lưu ý thêm rằng, đa số các trường đại học của nước ta hiện nay thậm chí là các trường đại học lớn việc đào tạo nguồn nhân lực nhìn chung vẫn chưa đáp ứng đòi hỏi của xã hội (thực tế là các doanh nghiệp luôn phải tốn thời gian cho việc đào tạo lại). Đây cũng là một vấn đề nhức nhối mà nguyên nhân của nó vẫn đang gây nhiều tranh cãi: *do chương trình đào tạo không phù hợp, dàn trải nhiều môn, không có sự tập trung vào một chuyên ngành cụ thể, học theo kiểu “cưỡi ngựa xem hoa”...*

Khuyến khích và động viên sinh viên tham gia các lớp học Ngoại ngữ, Tin học... để sinh viên có đầy đủ hành trang khi ra trường. Hai môn học này là rất thiết thực đối với sinh viên, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập ngày nay. Nhà trường cũng đã có TT Tin học & Ngoại ngữ, tuy nhiên vẫn chưa thu hút được nhiều sinh viên tham gia. Theo chúng tôi, cần có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa khoa với TT Tin học & Ngoại ngữ để có một chương trình giảng dạy phù hợp với sinh viên của khoa Toán – Công nghệ (chẳng hạn: Tin học không chỉ dạy Word, Excel hay Powpoint... mà có thể xen vào việc quản trị cơ bản, cài đặt và hướng dẫn sử dụng các phần mềm

chuyên dụng cho các ngành đào tạo, sử dụng các trang thiết bị hiện đại, dạy tiếng Anh chuyên ngành ...)

Duy trì và tăng cường mối quan hệ hợp tác với các cơ sở đào tạo (Khoa Toán – Công nghệ vẫn có các giảng viên của Đại học Bách khoa Hà Nội về thỉnh giảng). Bởi vì không có cơ sở đào tạo nào chiếm ưu thế tuyệt đối, cần phải có sự giao lưu hợp tác để học hỏi và tận dụng những mặt mạnh của nhau, từ đó cùng phát triển.

Tăng cường các sân chơi giải trí văn nghệ - thể thao và đặc biệt là hoạt động mang đậm sắc thái chuyên môn. Điều này cũng rất quan trọng vì học tập và nghiên cứu cuối cùng vẫn là để hoàn thiện nhân cách và kỹ năng sống, các hoạt động này góp phần làm giảm sự căng thẳng và trang bị cho sinh viên khả năng hòa nhập cộng đồng (ngoài các hoạt động văn nghệ thể thao, sinh viên của khoa đã có hai hoạt động vui chơi mang đậm dấu ấn chuyên môn là: Vật lý vui, Vui để học).

Tích cực tham gia các cuộc thi do các ban ngành, đoàn thể và hội phát động. Đặc biệt là các cuộc thi Olympic Toán, Tin, Vật lý. Tham gia hoạt động này giúp sinh viên hiểu mình, biết người để từ đó có kế hoạch tu dưỡng phấn đấu. Ngoài ra, các hoạt động này là một hình thức rất hiệu quả trong việc quảng bá thương hiệu cho trường.

Phát huy vai trò của Cố vấn Học tập. Nghiên cứu về nhiệm vụ của CVHT trong cuốn “Sổ tay CVHT”, chúng tôi cho rằng hoàn toàn có thể thay thế GVCN bởi CVHT.

4. Kết luận

Dù là loại hình đào tạo nào thì người học vẫn là trung tâm, tự quyết định việc học tập nghiên cứu của bản thân, người dạy chỉ đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ... Yếu tố người học theo chúng tôi vẫn là quyết định. Nếu chúng ta nghiêm khắc tăng cường rèn luyện cho người học tinh thần thái độ học tập tích cực, thì tức khắc người dạy phải không ngừng hoàn thiện nâng cao trình độ để đáp ứng. Đây cũng là câu trả lời cho một sự thật: những ai dạy ở các trường chuyên, chất lượng cao thường phát triển rất nhanh về năng lực chuyên môn nghiệp vụ.

Dĩ nhiên để rèn luyện được cho người học tinh thần thái độ học tập tích cực và các phẩm chất đạo đức, thì người làm công tác giáo dục phải là một tấm gương về đạo đức và chuyên môn. Điều này chứng tỏ vai trò quan trọng của người dạy.

Thay thế một loại hình đào tạo truyền thống bằng một loại hình đào tạo mới với nhiều nét đặc trưng chắc chắn không tránh khỏi những vướng mắc khi thực hiện. Nhưng cũng phải chú ý rằng loại hình đào tạo này ngoài một số nét đặc trưng ưu việt, về cơ bản cũng như đào tạo niên chế mà thôi. Có rất nhiều việc đáng ra phải được thực hiện từ khi còn đào tạo niên chế thì phải chờ đến đào tạo tín chỉ chúng ta mới tiến hành (chẳng hạn: chỉnh sửa và sắp xếp lại chương trình đào tạo, đặc biệt là loại bỏ những kiến thức đan xen chồng chéo và giao nhau một cách không cần thiết giữa các học phần). Nói như vậy để chúng ta thấy loại hình đào tạo này hoàn toàn gần gũi, rất bình thường với chúng ta và nếu chúng ta mềm dẻo, linh hoạt trong quá trình thực hiện thì chắc chắn sẽ thành công.

VẤN ĐỀ HỌC VÀ TỰ HỌC CỦA SINH VIÊN NGÀNH ĐẠI HỌC TOÁN, ĐẠI HỌC TOÁN - LÝ

*ThS. Nguyễn Văn Nghĩa
Khoa Toán – Công nghệ*

Tóm tắt

Tự học là hình thức học tập không thể thiếu được của sinh viên đang học tập tại các trường đại học. Tổ chức hoạt động tự học một cách hợp lý, khoa học, có chất lượng, hiệu quả là trách nhiệm không chỉ ở người học mà còn là sự nghiệp đào tạo của nhà trường. Đặc biệt khi trường Đại học Hùng Vương đang chuyển dần từ đào tạo theo niên chế sang học chế tín chỉ. Bài viết dưới đây nhằm đề cập thực trạng học - tự học và đưa ra một số ý kiến cá nhân nhằm nâng cao ý thức tự học của sinh viên của sinh viên đại học ngành toán, toán - lý K7.

Trong quá trình hội nhập và phát triển, một trong những ưu tiên hàng đầu của nước ta là đổi mới và phát triển giáo dục phù hợp với sự phát triển của đất nước và xu hướng chung của nền giáo dục thế giới. Không nằm ngoài xu hướng chung, giáo dục đại học đang có những đổi mới tích cực nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác đào tạo. Một trong những đổi mới đó là chuyển từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ, với nhiều ưu thế cho người học và phù hợp với xu hướng chung của giáo dục thế giới.

Hiện ở trường Đại học Hùng Vương, đào tạo theo học chế tín chỉ đang được thực hiện ở sinh viên K7, bước đầu đã có những thành công nhất định, làm cơ sở để thực hiện ở các năm học tiếp theo. Với việc đổi mới hình thức đào tạo từ niên chế sang học chế tín chỉ, có nghĩa tính tích cực của người học được phát huy, người học là trung tâm của quá trình dạy - học. Vấn đề học - tự học của sinh viên được ưu tiên hàng đầu trong hình thức đào tạo mới này. Khi đó vai trò của giảng viên là rất quan trọng, không chỉ có vai trò truyền đạt kiến thức mà còn phải hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học, tự nghiên cứu, kích thích tính tích cực của sinh viên, chủ động chiếm lĩnh kiến thức.

Trong khuôn khổ của tham luận chuyên môn, tôi xin được đưa ra những ý kiến của mình về vấn đề học và tự học, cũng như một số giải pháp nhằm nâng cao ý thức tự học của sinh viên đại học toán, đại học toán - lý. Tham luận của tôi sẽ triển khai hai ý lớn:

Thứ nhất: Thực tiễn vấn đề học và tự học của sinh viên đại học toán, toán - lý.

Thứ hai: Một số ý kiến cá nhân nhằm nâng cao ý thức tự học của sinh viên đại học toán, toán - lý.

1. Thực tiễn vấn đề học và tự học của sinh viên đại học toán, toán - lý

Trước hết về mặt ưu điểm:

- Vấn đề học và tự học của sinh viên được lãnh đạo trường, khoa và các giảng viên môn toán quan tâm, giúp các em có đủ tài liệu học tập và đưa ra phương pháp phù hợp cho từng môn học.

- Các sinh viên ngành đại học toán, toán - lý nhìn chung là chăm chỉ và có ý thức tự học.

- Ở những năm đầu tiên, còn ít môn chuyên ngành khó nên việc tiếp thu kiến thức ở lớp và tự học ở nhà không quá khó khăn. Sinh viên có thể tự học thêm vì các môn chuyên ngành toán còn tương đối gần gũi với các môn toán đã học ở phổ thông.

- Các giảng viên của khoa là những cán bộ giảng dạy nhiệt tình trong công tác đào tạo sẵn sàng giúp đỡ các em về chuyên môn cũng như phương pháp học.

Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn những tồn tại:

- Mới tốt nghiệp phổ thông nên phương pháp học tập của các em sinh viên, đặc biệt là các môn chuyên ngành toán còn nhiều hạn chế, vẫn thụ động trong việc lĩnh hội kiến thức mà chưa chủ động học, và tự học.

- Các môn toán nói chung là phức tạp, đặc biệt là các môn chuyên ngành vẫn mang tính hàn lâm, trừu tượng cao. Để nắm vững các môn này là điều tương đối khó khăn cho các sinh viên mới, vốn vẫn quen với những vấn đề cụ thể.

- Vì đặc trưng là một trường đại học ở tỉnh nên tài liệu học tập, đặc biệt là tài liệu các môn chuyên ngành toán còn hạn chế, gây rất nhiều khó khăn cho sinh viên trong việc học và tự học.

Nhìn chung sinh viên ngành toán, toán - lý về mặt căn bản là có ý thức trong việc học và tự học, tuy nhiên phương pháp tự học còn hạn chế.

2. Một số ý kiến cá nhân nhằm nâng cao ý thức tự học của sinh viên Đại học toán, Toán - Lý

Đối với nhà trường:

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất phục vụ cho công việc dạy và học : cơ sở học tập, trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở thực tập, thực hành, thí nghiệm, thư viện.

- Tổ chức tốt cơ sở học liệu, đặc biệt là thư viện điện tử giúp cho cả người học và người dạy có điều kiện lấy thông tin phục vụ cho việc dạy và học.

- Cần nghiên cứu chương trình đào tạo sao cho hợp lý, tránh đào tạo hàn lâm và quá tải về kiến thức trong từng môn học. Chương trình đào tạo cần thiết kế lại sao cho cả thầy và trò có thời gian hơn để thực hành. Cụ thể là sinh viên phải có thời gian nhiều hơn để tự học, tìm tòi tài liệu.

- Không nên bố trí giảng dạy lớp đông.

Đối với giảng viên:

- Luôn nghiên cứu tìm ra các phương pháp giảng dạy phù hợp, áp dụng các phương pháp giảng dạy mới, nâng cao tính chủ động, sáng tạo của người học.

- Tạo cho sinh viên làm quen với việc tự học và tự định hướng việc học của mình, tự tìm tòi tài liệu, chủ động lên kế hoạch học tập cho bản thân cũng như chủ động thảo luận về bài học với bạn học và giảng viên. Hướng dẫn sinh viên khả năng tư duy, tự giải quyết vấn đề, làm việc nhóm.

- Không ngừng nghiên cứu khoa học để nâng cao chuyên môn.

- Giảng viên cần tạo không khí sôi nổi, trao đổi, đối thoại trong giờ học, làm cho sinh viên trở thành chủ thể trong quá trình học tập. Vai trò hướng dẫn, chỉ đạo của giảng viên cũng cần được phát huy tối đa.

Đối với sinh viên :

- Chủ động trong việc học và tìm tòi tài liệu để nghiên cứu. Và tham khảo ý kiến các giảng viên về phương pháp tự học của từng môn. Đặc biệt là các môn chuyên ngành toán là những môn khó, trừu tượng nên cần tích cực tự học, tự nghiên cứu.

- Đối với mỗi lớp có thể thành lập các nhóm học tập, giúp đỡ lẫn nhau tự học. Tổ chức các buổi thuyết trình của lớp về những bài tập khó, định lý quan trọng và những chuyên đề bổ trợ cho các môn chuyên ngành, những chuyên đề về toán phổ thông....

- Sinh viên cần tích cực tự học tự nghiên cứu ở nhà, trong giờ lên lớp cần chủ động trao đổi với giảng viên về những phần chưa hiểu rõ hay những bài tập khó.

Kết luận

Với sinh viên ngành toán, toán - lý việc tự học có vai trò rất quan trọng giúp sinh viên chủ động trong quá trình lĩnh hội kiến thức. Với những sinh viên chuyên ngành toán, toán - lý đã có ý thức trong việc học và tự học, tuy nhiên còn yếu phương pháp đặc biệt với những môn chuyên ngành toán khó và trừu tượng. Vì vậy vai trò của nhà trường, của khoa và của mỗi giảng viên là rất lớn, nhằm hình thành phương pháp, ý thức tự học, tự nghiên cứu, để quá trình học tập đạt kết quả cao nhất.

VỀ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRÊN THƯ VIỆN

*KS. Đinh Thái Sơn
Khoa Toán – Công nghệ*

Mở đầu

Công tác đào tạo theo học chế tín chỉ là một chủ trương lớn của Bộ GD&ĐT. Xu hướng chuyển đổi từ đào tạo truyền thống (theo niên chế) sang đào tạo theo tín chỉ là tất yếu, hợp lý và cần thiết. Việc chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ ở các bậc học trong các trường đại học có thể được coi là một bước đi quan trọng trong tiến trình cải cách hệ đào tạo tại các trường đại học ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay.

Trong thực tế việc chuyển đổi theo học chế tín chỉ đòi hỏi một trường đại học cần phải chuẩn bị thật tốt từ cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị, nguồn nhân lực, nguồn tài chính... Một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng lớn tới chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ là hiệu quả hoạt động của sinh viên trên thư viện trong nhà trường. Trường Đại học Hùng Vương đang có một hệ thống thư viện hiện đại cung cấp sách và tài liệu tham khảo cho sinh viên học tập, nguồn tài nguyên học tập điện tử đa dạng và phong phú theo nhiều định dạng giúp sinh viên có thể khai thác nguồn tài nguyên trong thư viện bất kỳ lúc nào và bất cứ nơi đâu. Điều đó sẽ giúp sinh viên tích cực tìm kiếm thông tin, tự nâng cao trình độ, khả năng phân tích và đánh giá các vấn đề nêu ra trong quá trình học tập.

Nội dung

Đối với sinh viên, ngoài việc tiếp thu kiến thức trên giảng đường, việc đào sâu tìm hiểu mở rộng thêm kiến thức vốn có là rất quan trọng. Nó góp phần nâng cao hiểu biết, thúc đẩy sự đam mê tìm tòi nghiên cứu khoa học, nâng cao tính tự học trong môi trường đại học. Vì vậy nhu cầu tìm hiểu thông tin, tra cứu tài liệu của sinh viên là rất lớn. Với cơ sở vật chất hiện đại, đã có một số lượng đông đảo sinh viên đến học tập, nghiên cứu tại thư viện.

Ở thư viện sinh viên có thể tìm thấy mọi động lực thúc đẩy học tập: Một không gian yên tĩnh dành cho việc học tập, một nguồn tài liệu phong phú. Số lượng sách tại thư viện bao gồm đầu sách và giáo trình điện tử càng ngày càng đa dạng, luôn đáp ứng đầy đủ nhu cầu học tập của sinh viên trong trường.

Trong thư viện sinh viên có thể học nhóm, trao đổi tài liệu giữa các nhóm, có thể tìm một góc riêng để nghiên cứu, hoặc truy cập Internet tìm tài liệu tham khảo phục vụ cho việc học tập. Quá trình này làm tăng tính chủ động cho sinh viên. Thông qua quá trình tìm hiểu, nghiên cứu trên thư viện, sinh viên có thể hiểu rõ hơn về bài giảng trên lớp cũng như mở rộng thêm các vấn đề, nhất là các vấn đề thuộc chuyên ngành mà các em đang theo đuổi.

Ngoài ra với số lượng đầu sách tập trung vào từng chuyên ngành, thường xuyên đổi mới cập nhật thông tin mới công nghệ mới, thư viện đang trở thành điểm học tập thứ hai của sinh

viên sau mỗi giờ học căng thẳng trên giảng đường góp phần nâng cao tính tự học, kỹ năng đọc sách, kỹ năng tra cứu tài liệu cho sinh viên.

Đảm bảo cho sinh viên sau khi ra trường được trang bị đầy đủ kỹ năng cũng như kiến thức để bước vào cuộc sống.

Ngoài những nhu cầu thiết thực của sinh viên như đã trình bày ở trên, tôi xin đưa ra một số giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên của thư viện:

1. Nâng cao hơn nữa cơ sở vật chất hiện có, tăng cường thêm số lượng máy tính phục vụ tra cứu thông tin của người đọc.
2. Nâng cao chất lượng đầu sách, giáo trình điện tử ở thư viện. Đẩy mạnh việc kiểm tra sàng lọc lại số lượng sách, giáo trình điện tử, đổi mới cập nhật cho phù hợp với nhu cầu hiện tại.
3. Đẩy mạnh việc liên kết giữa các thư viện trong cả nước, nhằm giao lưu, học hỏi kinh nghiệm và hợp tác có hiệu quả trong lĩnh vực thông tin và quản lý thư viện.
4. Thường xuyên cử các cán bộ thư viện đi tập huấn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng nhu cầu phát triển của thư viện trong thời gian tới .

Kết luận

Hoạt động học tập của sinh viên trong thư viện là một trong những yếu tố góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, gắn liền với hoạt động đào tạo của trường, là một trong những điều kiện quan trọng đảm bảo chất lượng đào tạo theo học chế tín chỉ. Nâng cao chất lượng và đổi mới hoạt động thư viện là đòi hỏi cấp thiết của trường ĐHHV, đáp ứng được nhu cầu thông tin phong phú của người dùng khi áp dụng học chế tín chỉ. Để đảm bảo cho chất lượng hoạt động TT-TV ngày càng cao, yếu tố con người luôn là một trong những điều kiện tiên quyết. Hy vọng với những giải pháp đưa ra hoạt động thông tin thư viện của trường ĐHHV ngày càng được nâng cao, thỏa mãn tối đa nhu cầu thông tin của cán bộ giảng dạy và sinh viên trong công tác đào tạo theo học chế tín chỉ.

RÈN LUYỆN NGHIỆP VỤ CHO SINH VIÊN SƯ PHẠM NGÀNH TOÁN THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

*Th.s Phan Thị Tình
Khoa Toán – Công nghệ*

1. Đặt vấn đề

Rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm chính là thực hiện xây dựng cầu nối giữa lý luận đào tạo nghề làm thầy với thực tiễn giáo dục phổ thông, là quá trình hiện thực hoá “tính sư phạm”, hiện thực hoá vấn đề “làm những gì và làm như thế nào” các công việc của thực tiễn công tác sau này. Đây là việc làm không thể thiếu ở trường đại học sư phạm. Điều 39, mục 3, Luật Giáo dục năm 2005 quy định mục tiêu đào tạo đại học: “*Đào tạo trình độ đại học giúp sinh viên nắm vững kiến thức chuyên môn và có kỹ năng thực hành thành thạo, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo*”. Để thực hiện mục tiêu đó. “*Phương pháp đào tạo đại học và cao đẳng phải coi trọng việc bồi dưỡng ý thức tự giác trong học tập, năng lực tự học, tự nghiên cứu, phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện khả năng thực hành, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu, thực nghiệm, ứng dụng.*” (Điều 40, mục 2, Luật Giáo dục năm 2005). Như vậy, việc biến những tri thức về chuyên môn, nghiệp vụ mà sinh viên tích lũy được thành năng lực thực tiễn của họ ngay trong quá trình đào tạo là một trong những nhiệm vụ hướng tới mục tiêu đào tạo của trường sư phạm. Theo đó, tổ chức và quản lý vấn đề rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên cho giáo sinh là vấn đề quan trọng. Hơn nữa, cùng với các học phần khác của các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm góp phần làm cho hệ thống chương trình đào tạo giáo viên trở nên hoàn chỉnh, toàn diện.

2. Về rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên theo đào tạo học chế tín chỉ ở trường ĐH Hùng Vương.

2.1 Chương trình và thời lượng môn nghiệp vụ sư phạm.

Theo chương trình đào tạo học chế tín chỉ, phần rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên sư phạm ngành toán ở trường Đại học Hùng Vương gồm 03 tín chỉ. Mục tiêu của môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là: Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nghiệp vụ sư phạm; những kiến thức cơ bản về lao động sư phạm trong điều kiện hiện nay; các yêu cầu của xã hội đối với ngành GD-ĐT nói chung, đối với giáo viên phổ thông nói riêng; các yêu cầu của hoạt động giáo dục và hoạt động học tập bộ môn; hình thành cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về học tập, giao tiếp, xử lý tình huống sư phạm xảy ra trong giáo dục, dạy học, giao tiếp; rèn luyện những kỹ năng cơ bản về hoạt động dạy học thuộc bộ môn toán; hình thành, phát triển những kỹ năng vận dụng phương pháp dạy học tích cực trong dạy học toán phục vụ cho thực tập sư phạm và dạy học sau này.

Nội dung cơ bản chính của chương trình môn học: Học tập và rèn luyện những kỹ năng công cụ chung trong dạy học, kỹ năng công cụ trong dạy học toán nói riêng; tập xử lý các tình huống sư phạm; tập làm đồ dùng dạy học; tập viết một số văn bản hành chính; tìm hiểu phương pháp tổ chức các hoạt động ngoại khoá, các hoạt động ngoài giờ lên lớp ở trường phổ thông;

nghiên cứu cấu trúc chương trình toán trung học phổ thông (THPT), sách giáo khoa toán THPT; sách hướng dẫn giáo viên giảng dạy toán THPT; nghiên cứu nội dung giáo trình kiến tập sư phạm; thiết kế bài giảng, soạn giáo án theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học ở THPT; tổ chức dự giờ của giáo viên THPT môn toán; nghiên cứu nội dung, học tập giáo trình thực tập sư phạm; lập kế hoạch dạy học ở bộ môn; tập soạn giáo án, thi soạn giáo án; thực hành tập giảng các giáo án đã soạn theo định hướng đổi mới phương pháp dạy học.

2.2. Những thuận lợi và khó khăn của việc rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên theo đào tạo học chế tín chỉ.

Thuận lợi. Theo đào tạo học chế tín chỉ, sinh viên có thể chủ động xây dựng kế hoạch học tập môn nghiệp vụ sư phạm một cách thích hợp nhất cho bản thân: Họ chủ động về mặt thời gian và có thể tự lựa chọn nguồn cung cấp tri thức môn học, lựa chọn tiến trình học tập phù hợp với điều kiện, năng lực của mình. Từ đó, tiềm lực, tính chủ động, tích cực học tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của mỗi giáo sinh được phát huy tối đa. Hơn nữa, thiết kế những chương trình ngoài giờ lên lớp cho sinh viên là một đặc điểm của đào tạo theo học chế tín chỉ và thông qua hoạt động này, giảng viên đã góp phần nâng cao ở sinh viên khả năng xây dựng, hướng dẫn và thực hiện những hoạt động ngoại khoá, hoạt động ngoài giờ lên lớp cho học sinh phổ thông (đây vốn là một trong những nội dung của môn rèn luyện nghiệp vụ sư phạm).

Khó khăn. Về phía sinh viên, một bộ phận lớn chưa quen với làm việc độc lập, chưa quen với việc coi những giờ tự học, tự rèn luyện nghiệp vụ là một phần của việc học tập môn nghiệp vụ sư phạm. Do đó, việc tự tìm kiếm nguồn tài liệu, tự tích lũy kiến thức môn học theo mục tiêu môn học không đáp ứng được yêu cầu môn học. Về phía giảng viên, việc thực hiện đầy đủ, nghiêm ngặt các giờ rèn luyện nghiệp vụ trên lớp theo thời khoá biểu theo đúng lịch trình của từng tuần học khó thực hiện được do những điều kiện khách quan và chủ quan. Điều này dẫn tới những xáo trộn về việc bố trí thời gian tiếp cận tri thức môn học trên lớp của người học. Mặt khác, theo đào tạo học chế tín chỉ, người học rất cần một tài liệu hướng dẫn tự rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, điều này chưa được đáp ứng trong điều kiện hiện nay.

2.3. Một số định hướng tăng cường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho giáo sinh ngành Toán.

Khai thác những mặt thuận lợi và hạn chế dần những khó khăn khi hướng dẫn sinh viên ngành Toán rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, chúng tôi đề xuất một số định hướng giúp tăng cường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, nhằm chuẩn bị nghề cho họ một cách toàn diện hơn trong quá trình đào tạo giáo viên theo học chế tín chỉ.

a. Việc bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho sinh viên phải được đặt ra một cách toàn diện, đồng bộ, phù hợp với quy luật phát triển của Khoa học giáo dục. Tổ chức các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên phải là một quá trình thường xuyên, liên tục, diễn ra trong suốt quá trình đào tạo. Hơn nữa, việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên phải được xác định rõ là không phải công việc chỉ của riêng các giảng viên thuộc bộ môn Tâm lý, Giáo dục, Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn toán mà là công việc của tất cả các giảng viên tham gia vào quá trình đào tạo giáo sinh. Giảng viên cần chia sẻ trách nhiệm của mình trong việc giáo dục nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên qua từng bài học, tiết học, trong từng điều kiện có thể

được. Đây là vấn đề cần thiết để hình thành và định hướng cho sự phát triển nhân cách của người giáo viên tương lai, đảm bảo cấu trúc quy trình logic trong rèn luyện và phát triển năng lực sư phạm cho giáo sinh.

b. Cần lập kế hoạch bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, phân công nội dung công việc đã được cụ thể hoá từ nội dung chương trình môn nghiệp vụ sư phạm cho từng nhóm theo từng tháng, từng năm đảm bảo tất cả các giảng viên toán đều tham gia vào quá trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm (chẳng hạn: Sinh viên năm thứ nhất: Bộ môn Toán ứng dụng phụ trách kết hợp với giảng viên Bộ môn Tâm lý, giáo dục và thực hiện các nội dung: Rèn luyện các kỹ năng công cụ, xử lý các tình huống sư phạm, tập điều hành hoạt động của một nhóm học sinh, tập trình bày khúc triết một vấn đề trước cuộc họp lớp hoặc trước phụ huynh học sinh, tìm hiểu các hoạt động ngoại khoá, tập phê học bạ...; Sinh viên năm thứ hai: Bộ môn Toán cao cấp phụ trách kết hợp với giảng viên Bộ môn Tâm lý, giáo dục,...)

c. Cần phát huy tối đa tính tích cực của sinh viên trong học tập và rèn luyện nghiệp vụ sư phạm: Sinh viên tự chuẩn bị các nội dung cần luyện tập và trao đổi, tự lập chương trình hoạt động theo sự định hướng của giảng viên, tự học hỏi lẫn nhau, lưu lại sản phẩm để giảng viên hướng dẫn đánh giá.

d. Tăng cường sự kết hợp chặt chẽ giữa trường Đại học Hùng Vương với các trường THPT trong địa bàn và các khu vực lân cận để sinh viên được dự giờ, thực tập, học hỏi kinh nghiệm hành nghề, hình thành năng lực sư phạm thực tiễn ở điều kiện thuận lợi nhất.

e. Cần cụ thể hoá các tiêu chí đánh giá chất lượng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm của giáo sinh và thực hiện các đề tài xây dựng tài liệu hướng dẫn tự rèn luyện nghiệp vụ cho giáo sinh sư phạm Toán để họ có những chỉ dẫn tốt nhất phục vụ cho công tác tự bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm.

3. Kết luận.

Trường sư phạm là một trường dạy nghề và là trường dạy nghề hết sức đặc biệt. Dù đào tạo giáo viên THPT theo niên chế học phần hay học chế tín chỉ thì việc rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên là không thể không chú trọng trong suốt quá trình đào tạo. Phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn ban đầu trong việc thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ, trường Đại học Hùng Vương cần chuẩn bị cho giáo sinh tương lai một nền tảng vững vàng hơn nữa cả về chuyên môn và nghiệp vụ để họ thích ứng với điều kiện công tác, thích ứng được với những yêu cầu ngày càng cao của nền giáo dục Việt nam.

MỘT VÀI BIỆN PHÁP NHẪM ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP GIẢNG DẠY MÔN LUẬT XA GẦN VÀ GIẢI PHẪU TẠO HÌNH CHO K7 CĐ MỸ THUẬT

*Nguyễn Quang Hưng
Khoa Nhạc – Họa*

Với bối cảnh của toàn cầu hóa và trong giai đoạn mới của sự phát triển giáo dục đại học cho cập với các nước phát triển trên thế giới, Bộ giáo dục và đào tạo yêu cầu các trường Đại học trong nước từ năm 2009 bắt đầu chuyển hướng đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Vậy tiêu chí quan trọng để *đổi mới* phương pháp dạy và học theo tín chỉ là gì?

Bài viết này không đề cập sâu đến toàn bộ các tiêu chí đổi mới phương pháp giảng dạy theo học chế tín chỉ mà chỉ đưa ra một số biện pháp đã áp dụng và đổi mới phương pháp giảng dạy cho sinh viên K7 CĐ Mỹ thuật- trường Đại học Hùng Vương học tập tích cực trong môn Luật xa gần và giải phẫu tạo hình trong kỳ I năm học 2009-2010

Để học tốt môn Luật xa gần và giải phẫu tạo hình sinh viên không chỉ cần nghe thấy, mà phải được nhìn thấy và tốt hơn nữa là trực tiếp làm điều đó trong một quá trình. Phương pháp giảng dạy theo chúng tôi phải làm sao huy động được càng nhiều giác quan của người học tham gia vào quá trình giảng dạy thì càng tốt..

Để nhìn nhận những tồn tại hạn chế, những mặt tích cực trong đào tạo tín chỉ môn **Luật xa gần và giải phẫu tạo hình** kì I nhằm tìm ra hướng khắc phục cho các học phần tiếp theo, chúng tôi xin trình bày những ý kiến sau

1. Đánh giá những tồn tại, hạn chế trong quá trình giảng dạy môn Luật xa gần và giải phẫu tạo hình(LXG&GPTH)* đào tạo theo tín chỉ kỳ I năm học 2009-2010

1.1. Về phía giảng viên

Thực sự vẫn còn bỡ ngỡ, lúng túng trong việc triển khai đào tạo tín chỉ vào đào tạo môn học đặc thù năng khiếu này.

Việc áp dụng tín chỉ vào giảng dạy thực tế vẫn còn khá nhiều bất cập như: cách tính điểm, thực hành, lý thuyết, thảo luận với môn học năng khiếu này.

1.2. Về phía sinh viên

Sinh viên mới vào trường chưa bao giờ tiếp cận tới lề lối học tập và làm việc theo thời khóa biểu đào tạo chuyên nghiệp chứ đừng nói đến vấn đề đào tạo theo tín chỉ (đặc biệt là sinh viên năng khiếu)

Không có sự chọn lựa về giáo viên giảng dạy (Do số lượng giảng viên giảng dạy học phần này ít)

Thời gian học trên lớp giảm, thời gian tự học tăng dẫn đến sự lúng túng trong cách học, cách tiếp cận kiến thức mới.

2. Một vài biện pháp đổi mới phương pháp giảng dạy môn Luật xa gần và giải phẫu tạo hình(LXG&GPTH) đào tạo theo tín chỉ kỳ I năm học 2009-2010

2.1. Tổ chức tốt tiết giảng và cách giảng bài

Để các sinh viên K7 Mỹ thuật dễ tiếp thu môn học này thì giảng viên phải phác thảo, định rõ, nhắc lại những khái niệm quan trọng nhất, có minh họa phù hợp và tóm tắt ngắn gọn. Kỹ năng trình bày là rất quan trọng. Ví dụ, với mở đầu môn LXG&GPTH* giảng viên đưa ra vấn đề. “Tại sao phải học môn này ?, nó có quan trọng lắm không?... ” trước khi giảng để định hướng sinh viên vào những thông tin nhất định. Khi giảng bài giảng viên tập trung chú ý đến sinh viên và làm sáng tỏ nội dung bài, làm cho các ý bên ngoài cuộc sống gắn kết liên quan đến các tình huống cụ thể có trong môn học VD : con người sinh ra từ đâu? từ loài vượn hay từ truyền thuyết

A đam, Eva...Muôn vậy, giảng viên phải có kiến thức sâu rộng và có nhiều kinh nghiệm thực tiễn.

2.2. Tăng cường đặt câu hỏi và khuyến khích người học đưa ra câu hỏi

Giảng viên có thể tạo sự tham gia tích cực của học viên bằng cách đưa ra nhiều câu hỏi và khuyến khích họ đặt câu hỏi. Câu hỏi là phần cốt lõi của một quá trình học.

Giảng viên yêu cầu các sinh viên đặt câu hỏi, chú ý lắng nghe và đưa chúng vào những lần dạy sau để khuyến khích các sinh viên đặt câu hỏi VD như “*Xương nam trung niên khác xương người già ở đặc điểm gì?*”. VD: *Vì sao lại có thóp thỏ, cơ nào là cơ khỏe nhất trong con người, tầm nhìn nào là xa nhất...*. Đồng thời, giáo viên cũng phải thường xuyên đặt câu hỏi để buộc mỗi học viên phải tích cực suy nghĩ tìm ý trả lời. Nếu giáo viên biết lắng nghe các ý kiến trả lời của sinh viên, có đánh giá kết quả học tập thông qua hỏi và trả lời câu hỏi trên lớp thì người học sẽ có thêm “động cơ” để học tập tích cực hơn trong quá trình học trên lớp. Giảng viên phân tích tình huống đặt ra để sinh viên biết cách áp dụng những gì đã học vào cuộc sống của người học sau này VD: “*..tìm hiểu những xương nào quan trọng nhất trong hệ thống xương mặt..*”. Trong khi giảng bài, giảng viên áp dụng phương pháp “động não” để kích thích sinh viên suy nghĩ bằng cách đưa ra một chủ đề hoặc một vấn đề để các sinh viên đưa ra đề nghị hoặc gợi ý. Sinh viên có thể hỏi giảng viên hoặc ngược lại để tóm tắt kiến thức, làm rõ vấn đề hoặc minh họa việc áp dụng kiến thức. Việc hỏi cũng có thể được tiến hành riêng rẽ và coi như là cơ hội để thầy trò chia sẻ quan điểm, kinh nghiệm và đề ra những kế hoạch áp dụng kiến thức vào thực tế.

2.3. Dùng phương tiện trực quan nhằm hỗ trợ bài giảng

Dùng những hình minh họa trực quan để làm cho bài giảng bớt trừu tượng. Để học được một vấn đề, sinh viên luôn đòi hỏi phải được nhìn tận mắt ngay cả khi vừa được nghe về nó VD: cơ người, xương người, nội tạng người... Do vậy, giảng viên thường sử dụng các phương tiện như: mô hình, hình vẽ cắt lớp, máy chiếu projector, băng video... để hỗ trợ giảng dạy. Mục đích việc dùng các phương tiện nghe nhìn là làm cho bài giảng môn GPTH&LXG sinh động hơn, tiết kiệm thời gian viết bảng để giành thời gian cho giảng viên giải thích, cho sinh viên đặt câu hỏi và thảo luận.

2.4. Khuyến khích học tập theo nhóm và tăng cường thảo luận

Giáo viên có thể bắt đầu bài học bằng một cuộc thảo luận để lấy ý kiến và quan điểm của sinh viên, cũng có thể xen giữa bằng một cuộc thảo luận để làm sáng tỏ một vấn đề hoặc để tóm tắt củng cố nội dung. VD *nam giới quyết định thế giới hay nữ giới quyết định, sức mạnh cơ bắp nam giới và nữ giới bên nào bên hơn?* Giáo viên có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng cách đưa ra một lời phát biểu, một câu hỏi hoặc một vấn đề, cũng có thể dùng các đoạn phim minh họa hoặc bài tập. Các buổi thảo luận có thể là một nhóm nhỏ từ 4-6 người về một vấn đề (VD: *nếu tìm hiểu đường chân trời ngoài thực tế, điểm tụ thường có ở đâu trong không gian..*) trong khi những người còn lại ngồi nghe, tổng hợp ý kiến có thể trả lời đại diện hoặc cá nhân, nhằm mục đích tăng cường tính chủ động sáng tạo của người học..

2.5. Chuẩn bị chu đáo các tài liệu tham khảo

Trước khi giảng bài, nhất là khi giảng viên sử dụng bài giảng PowerPoint, nên phân phát đề cương bài giảng cho sinh viên. Các tài liệu này giúp người học dễ theo dõi những ý chính, tóm tắt nội dung, phát triển các ý và áp dụng chúng. Ngoài ra giảng viên có thể giới thiệu nguồn tài liệu đọc thêm liên quan môn GPTH&LXG để sinh viên có thể nghiên cứu sâu hơn về vấn đề đã được giảng trên lớp.

2.6. Khuyến khích khả năng tự học tập của sinh viên

Trước, trong và sau bài giảng, giảng viên phải yêu cầu sinh viên viết để trình bày các câu hỏi, ý kiến, quan điểm hoặc làm các bài tập vận dụng. Các bài tập này sẽ giúp người học phải tự đào sâu tìm hiểu rõ kiến thức lý thuyết, nhận biết được các yêu cầu nội dung của bài, xem xét

phân tích, bóc tách mối quan hệ giữa lý thuyết và thực hành các môn LXG&GPTH. Việc giao cho sinh viên viết các bài tiểu luận theo chủ đề có hướng dẫn của giảng viên: nên đọc tài liệu gì? Đọc như thế nào? Cách đọc ra sao, cách tóm tắt, cách trình bày thông tin liên quan đến chủ đề đó như thế nào? Yêu cầu sinh viên tự vẽ hệ thống cơ, hệ thống xương, các bộ phận quan trọng của cơ thể, tìm thông tin trên Internet... sau đó trình bày trước lớp. Điều đó rất cần thiết trong việc đổi mới cách tư duy của sinh viên.

2.7. Tăng cường trao đổi thông tin giữa giảng viên và sinh viên

Mở đầu môn học LXG&GPTH giảng viên thường dành chút thời gian làm quen, tìm hiểu sinh viên về tên với sinh viên, cho họ số điện thoại, địa chỉ liên hệ và email...ngay từ buổi lên lớp đầu tiên. Nhớ tên của sinh viên càng nhanh càng tốt để gọi tên họ trong lớp học nhằm tạo ra môi trường học tập thân thiện. Gọi điện cho sinh viên nếu họ vắng mặt để hỏi thăm lý do và thảo luận cách khắc phục. Lấy thông tin phản hồi đều đặn từ sinh viên xem đánh giá tiết dạy, giờ dạy của mình như thế nào để điều chỉnh được kịp thời. Hỏi han tình hình học tập, sức khỏe sinh viên vào thời gian thích hợp. Tôn trọng, lắng nghe những nhận xét và quan điểm của sinh viên, làm cho sinh viên cảm thấy rằng các ý kiến, nhận xét và quan điểm của họ là có giá trị. Thường xuyên trao đổi sách vở, tài liệu với sinh viên. Trả bài kiểm tra, tiểu luận v.v. cho sinh viên càng sớm càng tốt, trong đó có ghi nhận xét tỉ mỉ, kỹ càng về kiến thức vào những chỗ phù hợp. Thường xuyên thay đổi các kỹ thuật dùng trong giảng dạy (giảng giải, thảo luận nhóm, chiếu phim, v.v.). Dùng nhiều kỹ năng giảng dạy khác nhau, trong đó sử dụng càng nhiều phương tiện nghe nhìn càng tốt.

Kết luận

Việc dạy cần hướng vào phát triển cá nhân sao cho cá nhân đó thấy hứng thú học tập vì biết rằng mình có thể áp dụng những kiến thức thu được ở trường học vào công việc ngoài đời và trong suốt cả cuộc đời của họ. Đồng thời, quá trình đào tạo phải giúp sinh viên biết rèn luyện việc tự học và duy trì việc học suốt đời, chứ không chỉ dừng lại sau khi tốt nghiệp đại học hoặc chỉ học khi đến trường học. Muốn vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy phải hướng tới trang bị cho người học *cách học* để họ có thể cập nhật kiến thức thường xuyên và liên tục. Đổi mới phương pháp giảng dạy là nhằm phát huy mạnh mẽ là tính chủ động của người học. Để đáp ứng được những đòi hỏi như đã nêu trên, giảng viên cần phải có tâm huyết, giành rất nhiều thời gian và công sức để nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ. Trong điều kiện trường Đại học Hùng Vương, với điều kiện vật chất còn nhiều khó khăn, thì việc đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng đào tạo theo tín chỉ không phải dễ dàng. Điều này đòi hỏi phải có những giải pháp đúng đắn. Tuy nhiên, một khi người thầy thật sự tâm huyết với nghề nghiệp và nhà trường có trách nhiệm cao đối với sự tiến bộ của xã hội thì chắc chắn sẽ tìm được cách để vượt qua được các trở ngại.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám hiệu, sự nỗ lực của Lãnh đạo khoa, cá nhân các giáo viên chủ nhiệm nhất định thời gian tới sự nghiệp đào tạo của nhà trường sẽ có những bước phát triển mới, góp phần tiếp tục khẳng định vị thế của Trường.

* Ghi chú : LXG & GPTH (viết tắt của Luật xa gần và Giải phẫu tạo hình)

Tài liệu tham khảo

1. Đặng Quốc Bảo, Nguyễn Đắc Hưng- Giáo dục Việt Nam hướng tới tương lai- Vấn đề và giải pháp . NXB Chính trị Quốc gia-2004.

2. Bộ giáo dục và Đào tạo- Kỹ yếu Hội thảo khoa học Đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo, bồi dưỡng giáo viên âm nhạc và mỹ thuật nhằm đáp ứng nhu cầu giáo dục những năm 2000. Hà Nội -2000.

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN LÝ THUYẾT ÂM NHẠC CƠ BẢN THEO YÊU CẦU HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Dương Văn Hậu
Khoa Nhạc – Hòa*

Học chế tín chỉ (HCTC) đang mang lại nhiều lợi ích cho người dạy và người học. Quá trình đào tạo linh hoạt, mềm dẻo, tạo điều kiện cho sinh viên (SV) dễ dàng lựa chọn và thay đổi chương trình học thích hợp. Phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ phải hướng tới sự phát triển tối đa tự chủ của SV trong học tập và tự nghiên cứu trên cơ sở kế hoạch học tập, phát huy cao độ tính tích cực, độc lập, sáng tạo của SV.

Hiện nay, Trường Đại học Hùng Vương nói chung và khoa Nhạc Hoà nói riêng đang triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ các bậc học Đại học và Cao đẳng. Ngành học âm nhạc hệ Cao đẳng văn hóa nghệ thuật đang tiếp cận và triển khai dạy học theo chương trình đào tạo học chế tín chỉ. Tuy nhiên, qua một năm triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ hệ Cao đẳng âm nhạc, từ thực tế giảng dạy môn học *Lý thuyết âm nhạc cơ bản* (LTANCB) chúng tôi thấy còn có một số vấn đề tồn tại cần phải được giải quyết.

Về tài nguyên học tập:

Yếu tố quan trọng ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng đào tạo theo HCTC là nguồn tài nguyên học tập. Tài nguyên học tập là giáo trình chính, tài liệu tham khảo, các bộ sưu tập tài liệu phù hợp với ngành đào tạo âm nhạc

Hiện nay ngành đào tạo âm nhạc hệ Cao đẳng văn hoá còn thiếu giáo trình, trong đó có giáo trình LTANCB chính thống. Hiện tại giảng viên và sinh viên đang sử dụng giáo trình “*Lý thuyết cơ bản về âm nhạc*” - Trường CĐSP Nhạc Hoà TW và giáo trình “*Lý thuyết âm nhạc cơ bản*” - Nhà xuất bản Đại học sư phạm. Hai giáo trình này chưa phù hợp với chương trình chi tiết (*hiện tại SV đang học song song hai giáo trình này*) vì vậy SV rất khó khăn trong việc nghiên cứu và chuẩn bị kiến thức trước khi lên lớp.

Về phương pháp giảng dạy.

Giảng viên vẫn nặng về thuyết trình, giảng giải còn người học thụ động tiếp thu kiến thức. Chương trình thiết kế theo logic nội dung bài học, chú trọng hệ thống kiến thức lý thuyết, sự phát triển về khái niệm, quan tâm trước hết đến việc thực hiện của giáo viên, chưa phát huy tính tích cực chủ động trong học tập môn học LTANCB của SV.

Giảng viên thường làm nhiều việc khác nhau để bù đắp cho mức lương thấp, do vậy không có thời gian chuẩn bị bài giảng, cho các hoạt động đánh giá và phát triển chuyên môn.

Về phương pháp học tập của sinh viên:

Là SV năm thứ nhất (K7 CĐ) nên phương pháp học tập của các em còn mang nặng tính phổ thông. Vì vậy nên các em SV gặp một ít khó khăn trong việc làm quen với phương pháp học tập ở ĐH, đặc biệt là phương pháp học tập theo yêu cầu đào tạo tín chỉ.

Sự khác nhau về phương pháp học tập, cách tiếp cận kiến thức môn học giữa bậc trung học phổ thông (THPT) và bậc học đại học (ĐH) đã tạo nên những khó khăn trong SV.

Học theo tín chỉ là phải áp dụng phương pháp học tích cực, đó là tự học. Giờ lý thuyết chủ yếu là nghe, viết và suy ngẫm thì giờ thảo luận phải là nói nhiều và tranh luận, đặt câu hỏi hơn là trả lời. SV tự mình triển khai những vấn đề cụ thể của học phần như giải bài tập, chuẩn bị câu hỏi cho các giờ thảo luận trên lớp.

Với môn học Lý thuyết âm nhạc cơ bản, SV tự nghiên cứu kiến thức bài học, chuẩn bị các câu hỏi, nghiên cứu các ví dụ minh họa của từng đề mục, từng phần, từng chương, làm các bài tập. Trong năm học vừa qua, SV chưa tự học và tự nghiên cứu kiến thức trước khi lên lớp, vì vậy quá trình tiếp thu và nắm vững kiến thức môn học chưa được cao.

Để gửi các bài tập môn học LTANCB sinh viên phải biết sử dụng phần mềm chép nhạc Encore hoặc phần mềm chép nhạc Finale, hiện tại chương trình học ngành Cao đẳng âm nhạc không có môn học tin học âm nhạc. Vì vậy SV sẽ rất khó khăn trong việc làm bài và gửi bài tập bằng hòm thư điện tử đến giảng viên giảng dạy.

Từ thực tế giảng dạy, để thực hiện đổi mới phương pháp giảng dạy các môn học thuộc ngành âm nhạc, trong đó có môn học LTANCB cần thực hiện một số vấn đề sau:

Một là, khoa, bộ môn đề xuất với Phòng Quản lý khoa học và quan hệ quốc tế về vấn đề biên tập các giáo trình điện tử chuyên ngành Cao đẳng âm nhạc trong đó có giáo trình LTANCB, làm được như vậy SV sẽ chủ động và tích cực trong việc tự học và tự nghiên cứu. Đặc thù của ngành học âm nhạc là âm thanh và sự phát triển tai nghe âm nhạc, giáo trình điện tử sẽ đáp ứng được mục đích, yêu cầu của môn học, tạo ra sự hứng thú trong học tập và nghiên cứu của SV.

Hai là, cụ thể hoá chương trình chi tiết môn học vào trong giáo trình chính gồm những phần SV lên lớp học, những phần SV tự học và nghiên cứu và những phần thảo luận ở trên lớp. Làm được như vậy SV sẽ chủ động trong việc nghiên cứu kiến thức, tự triển khai, thiết kế, chuẩn bị các câu hỏi thảo luận trên lớp về những vấn đề cụ thể của từng chương, từng phần.

Ba là, giảng viên cần dành nhiều thời gian chuẩn bị bài giảng và thiết kế nội dung bài học cho từng nhóm SV. Giáo án cần có nhiều phương án theo kiểu phân nhánh linh hoạt nhằm giúp cho giảng viên có thể điều chỉnh phù hợp với từng nhóm SV. Chú trọng kỹ năng thực hành, vận dụng kiến thức, năng lực giải quyết các vấn đề thực tiễn. Giảng viên cần phải có hòm thư điện tử Email và thông báo hòm thư điện tử, thời gian nhận và trả bài tập về nhà nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho SV trong việc trao đổi, gửi bài tập.

Trước khi môn học bắt đầu, giảng viên phải soạn đề cương chi tiết môn học, phát cho SV trong buổi học đầu tiên và đưa lên trang web của trường từ đầu học kỳ. Nội dung đề cương chi tiết của môn học gồm những nội dung như : Nội dung môn học, giáo trình chính, giáo trình tham khảo, thời gian và địa điểm thi và những quy định, yêu cầu riêng của giảng viên đối với môn học.

Xây dựng nội dung, kế hoạch, hình thức đánh giá khoa học, chính xác đối với phần tự học của SV nhằm khuyến khích SV tham gia học tập, nghiên cứu các môn học ngành âm nhạc và môn học LTANCB trước khi lên lớp.

Bốn là, với đặc điểm cơ bản là trao quyền chủ động cho SV trong việc đăng kí môn học, tự quyết định, hoạch định kế hoạch học tập cho toàn bộ thời gian học, SV linh động hoá chương trình đào tạo theo đúng khả năng và thời khoá biểu riêng. Vì vậy SV có nhiều thời gian và cơ hội theo đuổi con đường học tập của mình.

Môn học LTANCB là môn học bắt buộc SV phải dành nhiều thời gian đọc tài liệu, nghiên cứu và làm bài tập trước khi lên lớp. Vì vậy SV cần phải tăng cường giờ học và làm bài tập ở nhà trước khi lên lớp, cần có nhóm học tập để cùng nhau đào sâu nghiên cứu kiến thức môn học và hỗ trợ nhau trong học tập.

Tăng cường trao đổi kiến thức bài học và bài tập theo nhóm, người biết khi giảng cho người chưa biết sẽ càng giỏi hơn, người chưa biết hỏi người biết sẽ hiểu được vấn đề, nắm vững kiến thức và bài tập của môn học.

Bổ sung những kỹ năng mềm, ngoại ngữ, tin học căn bản và tin học âm nhạc từ đó SV thuận lợi trong việc làm bài tập, gửi bài tập đã làm đến giảng viên giảng dạy qua hòm thư điện tử Email.

Một số ý kiến đề xuất

1. Đối với giảng viên.

Giảng viên cần chú trọng đổi mới tư duy, đổi mới phương pháp dạy học, thiết kế các hoạt động học tập, cập nhật kỹ năng và kiến thức chuyên ngành âm nhạc. Nâng cao kỹ năng khai thác và tập hợp thông tin trên mạng Internet. Sử dụng thành thạo thiết bị hỗ trợ dạy học như máy vi tính, phần mềm dạy học, phần mềm soạn thảo âm nhạc, phần mềm biên tập âm thanh. Giảng viên giảng dạy cần phải có hòm thư điện tử Email, tạo điều kiện SV gửi và nhận bài tập.

Ngoài thời gian giảng dạy trên lớp, các giảng viên cần phải có lịch làm việc ở văn phòng khoa để SV có thể tới hỏi bài, trao đổi những kiến thức SV chưa nắm vững trên lớp.

2. Đối với khoa, tổ bộ môn.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của trưởng bộ môn, phó trưởng bộ môn, vai trò cố vấn học tập. Thường xuyên tổ chức hội thảo đổi mới phương pháp giảng dạy âm nhạc đào tạo theo học chế tín chỉ, tăng cường các buổi sinh hoạt chuyên đề. Đó là những chuyên đề về kiến thức chuyên môn cũng như những chuyên đề về đổi mới phương pháp giảng dạy.

Điều chỉnh, bổ sung môn học tin học âm nhạc vào trong chương trình đào tạo ngành Cao đẳng âm nhạc nhằm đáp ứng mục đích, yêu cầu của môn học LTANCB và các môn học khác theo hình thức đào tạo tín chỉ ngành âm nhạc.

Thay đổi hình thức thi đối với môn học Thanh nhạc và Nhạc cụ. Thi hết môn phải có loa máy và thiết bị âm thanh, nhằm tạo ra sự hưng phấn và sáng tạo trong học tập của SV.

Đề xuất lãnh đạo trường bổ sung trang thiết bị dạy học như máy vi tính, thiết bị âm thanh trong các phòng học âm nhạc đáp ứng yêu cầu dạy học. Khuyến khích giảng viên tham gia các đề tài ứng dụng âm nhạc, biên soạn giáo trình điện tử tạo điều kiện SV học tập và nghiên cứu.

3. Đối với nhà trường.

Tổ chức các buổi tham quan học tập cho giảng viên tại các trường đào tạo nghệ thuật, tăng cường kinh phí các đề tài nghiên cứu ứng dụng âm nhạc. Đánh giá, khen thưởng giảng viên có những nỗ lực bên ngoài lớp học (như thiết kế các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động thảo luận với SV về phương pháp học tập) một cách tương xứng về mặt khối lượng công việc đã làm.

Bổ sung trang thiết bị dạy học âm nhạc, tăng cường hệ thống mạng internet không dây trong khuôn viên nhà trường tạo điều kiện SV học tập ở mọi nơi, mọi lúc.

Trên đây là một số ý kiến về đào tạo học chế tín chỉ ngành âm nhạc và môn học Lý thuyết âm nhạc cơ bản, kính mong quý vị đại biểu và các thầy cô giáo đóng góp ý kiến cho bản tham luận được đầy đủ.

MỘT SỐ THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN TRONG BƯỚC ĐẦU ÁP DỤNG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ ĐỐI VỚI MÔN TRANG TRÍ LỚP K7 CAO ĐẲNG MỸ THUẬT

*Trình Thị Việt Ngân
Khoa Nhạc – Họa*

Năm vừa qua trường ta đã mạnh dạn chuyển từ đào tạo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ đối với các lớp K7 đại học và cao đẳng chính qui. Với phương thức đào tạo này tôi nhận thấy có những ưu điểm nổi trội đó là có khả năng liên thông, người học chủ động nhiều trong việc lựa chọn ngành nghề, có thể thay đổi thời gian học phù hợp với điều kiện cá nhân. Đào tạo theo tín chỉ có tính mềm dẻo, có khả năng thích ứng cao, sv chủ động ghi tên vào những học phần khác nhau, sv dễ dàng thay đổi ngành chuyên môn trong quá trình học tập mà không phải học lại từ đầu và cũng có thể khẳng định đào tạo theo tín chỉ là một tất yếu của quá trình hội nhập về giáo dục với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Môn trang trí là một môn học bắt buộc đối với sv k7cdmt, là một môn học đòi hỏi sự tiếp thu, lĩnh hội nhiều kiến thức mới và có số lượng bài tập tương đối lớn, đòi hỏi sv có sự chủ động nghiên cứu tìm tòi, sáng tạo mới do vậy bước đầu khi áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ tôi nhận thấy còn gặp nhiều lúng túng và khó khăn. Với đặc thù của môn học như trên nhưng khi thực hiện thì cũng giống như những môn học khác, sv k7cdmt phải tổng hợp được toàn bộ lượng thời gian bắt buộc như thời gian trên lớp, thời gian thực tế, hay thời gian tự học, tự nghiên cứu, đọc sách, chuẩn bị bài, và khác với đào tạo niên chế sv k7cdmt có số thời gian tự học thuộc thời lượng bắt buộc của chương trình môn học, cụ thể có 45 tiết học trên lớp thì 90 tiết tự học, nhưng với môn năng khiếu có số giờ chủ yếu là thực hành thì bước đầu khi áp dụng phương thức đào tạo này thầy và trò đã gặp nhiều khó khăn, với lượng thời gian trên lớp giảm, mà ở mỗi bài lại là kiến thức mới, có nhiều lúc gv đã rất băn khoăn và đặt câu hỏi, với thời gian như vậy và với lượng bài tập đưa ra liệu sv có thể hoàn thành bài tập đúng tiến độ và có chất lượng tốt, liệu với phương thức đào tạo mới này có mang lại hiệu quả tốt hơn trước kia nhưng trải qua một thời gian nghiên cứu và tìm hiểu về phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ tôi tin rằng với sự quan tâm của các cấp lãnh đạo trường và được trang bị đầy đủ về cơ sở vật chất và sự cố gắng của thầy và trò thì sẽ mang lại hiệu quả.

Qua việc chủ nhiệm và giảng dạy môn trang trí lớp k7cdmt tôi nhận thấy bước đầu đã đạt được một số thuận lợi và khó khăn nhất định khi áp dụng đào tạo theo học chế tín chỉ:

1. Thuận lợi

1.1: Giáo viên

- Cán bộ giáo viên giảng dạy bộ môn này đã nhận thức được đầy đủ những ưu điểm của việc đào tạo theo học chế tín chỉ và ủng hộ chủ trương này của nhà trường.
- Đào tạo theo học chế tín chỉ có số thời gian giáo viên đứng lớp ít hơn đào tạo niên chế nên giáo viên có điều kiện hơn trong việc trau dồi, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có điều kiện nghiên cứu khoa học và có nhiều thời gian chuẩn bị bài soạn chu đáo
- Có điều kiện hướng dẫn sv phát triển khả năng tư duy, sáng tạo, nâng cao tính tích cực chủ động trong học tập.

1.2. Sinh viên

- Sinh viên có thời gian tự học, tự nghiên cứu tìm tòi, có phương pháp tìm tư liệu hiệu quả.

- Sv được đề cao tính tích cực chủ động trong học tập.
- Sv tận dụng sự chỉ bảo của cố vấn học tập cũng như của giáo viên bộ môn.
- Lớp có số lượng sv ít nên việc chia nhóm học tập được dễ dàng và giáo viên có điều kiện quan tâm sát sao tới từng sv.

2. Khó khăn:

2.1. Giáo viên:

- Vì là khóa đầu thực hiện đào tạo theo phương thức mới nên khi triển khai còn gặp nhiều lúng túng. Trước đây quen soạn bài và chuẩn bị bài dạy theo học chế niên chế nay chuyển sang đào tạo tín chỉ chúng tôi phải soạn lại giáo án, phương pháp giảng dạy có thay đổi, số tiết trên lớp giảm nhưng lại không được cắt ngắn mà gv phải biết thu xếp hợp lý phần giảng trên lớp và phần giao cho sv tìm tòi nghiên cứu.

- Đội ngũ gv chưa đồng đều về chất lượng, nhiều gv đi học nên việc phân công gv đảm nhiệm môn học này không ổn định.

2.2. Sinh viên.

- Sinh viên chưa tiếp cận với phương pháp học đại học, cao đẳng, vẫn quen cách học phổ thông là gv chú trọng nhiều vào thuyết trình, mà môn trang trí đòi hỏi sv phải có sự liên hệ thực tế cao, có tư duy và óc sáng tạo.

- Sinh viên còn thụ động chưa chăm học, khó khăn trong việc lấy tư liệu để làm bài, thiếu giáo trình, ít đọc sách, nghiên cứu, ít tham khảo internet, thư viện, cũng như đi lấy tư liệu ngoài thực tế.

- Do chất lượng đầu vào thấp, số lượng sv 1 lớp ít, cụ thể k7cđmt có 26 sv do vậy sẽ gặp nhiều khó khăn khi học ở những học phần sau (vì điều kiện để tổ chức 1 lớp là từ 40 sv và nếu thiếu thì khi tổ chức lớp sv sẽ phải nộp bù tiền học phí cho những số sv thiếu).

- Sinh viên chưa biết tận dụng thời gian tự học. Vấn đề tự học trên lớp đang được điểm danh và quản lý sát sao tuy nhiên chưa mang lại hiệu quả cao mà có lẽ là do sv còn thụ động, học đối phó, thiết nghĩ khi sv có được một phương pháp học tập tốt thì việc tự học trên lớp được điểm danh tự nó sẽ trở nên vô nghĩa vì sv ở bất cứ đâu, ở thời điểm nào cũng phải tự học. Vậy khi gv giúp sv có hướng nghiên cứu tốt thì việc tự học là do sv tự quản lý, tự làm chủ bản thân, tự lên kế hoạch, xây dựng chương trình tự học cho bản thân mình và thường xuyên chủ động trao đổi với gv hay cố vấn học tập vào một khoảng thời gian hợp lý. Nhưng để làm được điều này không phải một lúc mà cần phải có thời gian và cũng phải nhờ vào sự quan tâm của gia đình, từ nhu cầu của bản thân, của xã hội, định hướng của gv.

- Điều kiện phục vụ cho sv tự học môn trang trí còn nhiều hạn chế, thiếu tư liệu tham khảo, băng đĩa tranh ảnh.

3. Vậy để sinh viên K7 CĐ Mỹ thuật học được tốt môn trang trí theo phương thức đào tạo tín chỉ tôi xin đưa ra một số ý kiến sau:

Với giáo viên:

- Trước khi lên lớp yêu cầu sv nghiên cứu kỹ tài liệu, giáo trình.

- Gv nhấn mạnh vào những vấn đề mà sv cần chú ý ở trong giáo trình và tài liệu tham khảo của môn trang trí.

- Trên lớp gv giải đáp những thắc mắc, những khó khăn trong quá trình sv tự nghiên cứu bài, vd sv chưa hiểu về phương pháp kẻ mẫu chữ cơ bản, bố cục chữ, hay hình thức trang trí.

- Phân nhóm học, hướng dẫn và theo dõi sv trong giờ thảo luận từ đó định hướng những vấn đề mà sv còn băn khoăn.
- Gv hướng dẫn sv phương pháp thực hành phương pháp lấy tư liệu để làm bài tập, vd phương pháp ghi chép, nghiên cứu hoa lá, ghi chép và cách điều gà, cá như thế nào.
- Quá trình sv làm bài thực hành gv quan tâm nhận xét từng sv, giúp sv thuần thục những kỹ năng thực hành như ghi chép, sắp xếp bố cục, pha màu và ke nhằm thúc đẩy sv thường xuyên học tập có hiệu quả tốt.
- Kết thúc bài học có tổ chức cùng sv nhận xét đánh giá điểm và rút kinh nghiệm bài làm cho sv.

Với sinh viên

- Phải đổi mới phương pháp học tập cụ thể là ở giờ lý thuyết môn trang trí sv chú ý lắng nghe, tiếp thu và suy ngẫm. Giờ thảo luận sv trao đổi và tự đặt ra hệ thống câu hỏi, để làm được điều này sv cần nghiên cứu tài liệu trước khi đến lớp, tăng cường trao đổi bài học theo nhóm.
- Đặc biệt sv dành nhiều thời gian cho việc thực hành, quan tâm tới tìm tư liệu, nắm vững phương pháp thực hành, yêu cầu cụ thể từng bài, cũng là kẻ chữ nhưng yêu cầu của kẻ khẩu hiệu rất khác với kẻ bản trích.
- với số lượng bài tập của môn trang trí rất lớn mà thời gian học trên lớp ít do vậy sv cần phải biết phân bố một cách hợp lý các bước tiến hành để hoàn thành bài tập hiệu quả và đúng tiến độ.
- Luôn đề cao tính tích cực chủ động học tập, cùng với niềm đam mê môn chuyên ngành chắc chắn sv sẽ đạt kết quả tốt.
- Trong năm qua trường ta có tổ chức rất nhiều hoạt động, phong trào lớn, qua đó cũng là những lần sv k7cđmt được làm quen và ứng dụng học phần trang trí cơ bản vào thực tế, vd tham gia trang trí khánh tiết cho 1 số hội nghị, hội trường lớn, trang trí phòng truyền thống, tham gia trang trí phòng tranh của gv và sv đó là một phần trong việc rèn nghề của các em, qua đó giúp sv có được kết quả học tập tốt hơn, và khẳng định lý luận gắn liền với thực hành.

4. Kiến nghị

- Gv cần được trang bị kỹ và sâu hơn quan điểm đào tạo mới.
- Cần được tổ chức nhiều hội thảo chuyên môn, trao đổi, rút kinh nghiệm trong gv.
- Cần trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như phòng học, mua sắm trang thiết bị phù hợp với môn trang trí, như bổ sung thêm một số phiên bản vốn cổ, phiên bản tranh dân gian, sách tham khảo về trang trí cơ bản, mẫu chữ.
- Tổ chức cho sv những buổi thực tế lấy tư liệu phục vụ cho bài học, hay sv được đi tham quan học hỏi.

Kết luận

Trên đây là bản tham luận của bản thân tôi, nhưng chắc chắn vẫn chưa được đầy đủ, rất mong hội nghị cho ý kiến đóng góp nhằm mục đích đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nói chung và chất lượng trường ĐHHV nói riêng.

MỘT VÀI Ý KIẾN NHẪM NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC MÔN NHẠC CỤ HỌC PHẦN ĐÀN PHÍM ĐIỆN TỬ THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

Nguyễn Huy Oanh
Khoa Nhạc – Họa

Cùng với sự phát triển của đất nước, trong những năm qua nền giáo dục nước ta có những đổi mới trên tất cả cả phương diện, tạo ra một diện mạo mới cho nền giáo dục Việt Nam. Để thực hiện Nghị quyết đại hội IX của Đảng, giáo dục cần tiếp tục đổi mới về nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy “ coi đó là nhiệm vụ trọng tâm cấp bách của toàn ngành, của từng trường học, từng khoa, từng bộ môn, từng giáo viên”.

Là giáo viên trực tiếp giảng dạy bộ môn Đàn phím điện tử tại các lớp hệ CĐSP âm nhạc (trước đây) và hệ CĐÂN (hiện nay) tôi xin đưa ra một vài ý kiến nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Nhạc cụ “đàn phím điện tử” ở trường Đại học Hùng Vương hiện nay.

Trong những năm qua bộ môn âm nhạc đã đào tạo được một số khoá học hệ CĐSP âm nhạc, hệ CĐ Nhạc-Họa và CĐ âm nhạc, đến nay đã được 14 năm. Cùng với sự phát triển của nhà trường tổ bộ môn âm nhạc đã luôn cố gắng và không ngừng phát triển về số lượng và chất lượng giảng dạy các môn âm nhạc nói chung và chất lượng giảng dạy môn Nhạc cụ nói riêng.

Từ năm học 2009-2010 trường đại học Hùng Vương đã xây dựng chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Tổ bộ môn âm nhạc cũng đã xây dựng chương trình khung cho các môn và đã áp dụng dạy học từ K7 khoá 2009-2012. Đối với môn nhạc cụ học phần đàn phím điện tử thì việc học và dạy theo học chế tín chỉ là cách làm vẫn còn mới đối với đội ngũ giảng viên và sinh viên. Qua một năm thực hiện chúng tôi nhận thấy một số vấn đề cần được quan tâm và đưa ra thảo luận để nhằm dạy và học đạt hiệu quả tốt hơn cho các năm học tới như sau.

Đối với chương trình cũ (học theo niên chế) môn nhạc cụ với tổng số là 90 tiết chia đều trong 3 năm học, mỗi học phần là 30 tiết, mỗi tiết 2 sinh viên. Với chương trình học theo tín chỉ số tiết còn học trên lớp là 60 tiết 120 tự học mỗi tiết với thời gian là 50 phút. Như vậy vấn đề đặt ra ở đây là: sinh viên tự học như thế nào? giảng viên hướng dẫn và dạy như thế nào để sinh viên có thể tiếp thu những khối lượng kiến thức một cách đầy đủ? Trước hết chúng ta phải quan tâm đến vấn đề về chương trình, phương pháp giảng dạy, chất lượng đầu vào của sinh viên.

*** Vấn đề về chương trình.**

Trong công tác Giáo dục- Đào tạo việc xây dựng chương trình đào tạo cho từng môn học phải phù hợp, sát với trình độ của sinh viên và đảm bảo tính khoa học, tính thực tiễn. Để xây dựng chương trình khung thì các nhà sư phạm phải dự kiến trước hệ thống kiến thức cơ bản, hệ thống kỹ năng rèn luyện. Chương trình sẽ định hướng cho cả người dạy và người học, thể hiện sự phát triển của từng sinh viên. Đối với môn đàn phím điện tử thì hiện nay đã có nhiều tài liệu nói đến nhưng để có tài liệu chính thức cho chương trình học theo học chế tín chỉ thì chúng ta mới đang xây dựng, vì thế chúng ta cần sớm xây dựng hoàn thiện hệ thống bài giảng để phục vụ cho giảng dạy môn đàn phím điện tử.

*** Vấn đề về phương pháp.**

Khi dạy học giảng viên phải nắm rõ được mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung chương trình và phương pháp bộ môn có như vậy mới thực hiện được một giờ dạy tốt. Khi dạy môn Nhạc cụ đàn phím điện tử giảng viên cần nắm vững được các kiến thức cơ bản như: Lý thuyết âm nhạc cơ bản, hoà âm, phối khí, phân tích...

Ngoài ra theo tôi, giảng viên cũng cần phải yêu nghề, rèn luyện học hỏi thêm nhiều bài mới để đáp ứng nhu cầu của người học. Giảng viên hướng dẫn sinh viên các bài luyện tập ở trên lớp và phần tự học ở nhà thật cụ thể, học theo hệ thống, có phương pháp rèn luyện cụ thể đối với từng sinh viên. Hướng tới đối tượng học là chủ thể, trung tâm: Người học cần phải chủ động, biết suy luận để phân tích, vận dụng theo phương châm “ HỌC - HỎI - HIỂU - HÀNH”

Đối với sinh viên, muốn học tốt cần phải có sự nỗ lực, phấn đấu, học với niềm hứng thú say mê, học lý thuyết đi đôi với thực hành, điều gì chưa hiểu cần có sự trao đổi với giảng viên, phải chủ động lĩnh hội tri thức. Đối với môn đàn phím điện tử, thời gian luyện tập ở nhà là rất cần thiết, mỗi ngày ít nhất phải có được 2 giờ luyện tập mới mong có kết quả tốt, mỗi giờ học nên phân chia ra từng phần để học VD: Luyện gam, học các kỹ thuật cơ bản, tập tác phẩm và sau đó đến phần đệm hát. Khi học cần phải có phương pháp học, học có hệ thống và học với cả sự đam mê, học từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp không nên bỏ qua các phần cơ bản, không vội vàng, kiên trì đó là những điều phải có đối với những người học môn này.

*** Vấn đề về chất lượng đầu vào.**

Trong một số năm gần đây, do nhiều trường mở mã ngành đào tạo giáo viên âm nhạc, các tỉnh cũng bắt đầu khó khăn về công việc đầu ra cho ngành âm nhạc nên số lượng sinh viên đăng ký đầu vào ngày một giảm, đây cũng là một trong số những nguyên nhân làm cho khâu tuyển chọn bị hạn chế, sinh viên vào học có người đã biết nhạc, có người chưa biết nhạc nên chất lượng không đồng đều. Năng khiếu đầu vào còn thấp dẫn đến việc đào tạo cũng khó khăn hơn. Đây là một thực trạng mà ta đang phải đặt ra, làm thế nào để tuyển được người có năng khiếu? *

Một số ý kiến đề xuất

Theo tôi, chúng ta cần đoàn kết nỗ lực học hỏi để nắm vững chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ. Có như vậy mới đề ra các phương pháp học phù hợp và hợp lý.

Giảng viên luôn nhắc nhở, chỉ bảo, hướng dẫn sinh viên về tư thế chơi đàn, cánh tay, cổ tay, ngón tay... giúp sinh viên cách tự học ở nhà, giao các bài tập phù hợp với từng sinh viên, tạo niềm hứng thú say mê với môn học.

Tổ bộ môn cần thống nhất và in ấn tài liệu bài giảng cho các đồng nghiệp tham khảo và đóng góp ý kiến để sớm hoàn thiện tập bài giảng theo học chế tín chỉ đối với môn nhạc cụ đàn phím điện tử.

Đối với khoa cần phải có sự quan tâm, chỉ đạo, hướng dẫn sinh viên nắm rõ và hiểu được việc học theo học chế tín chỉ để từ đó sinh viên có ý thức học tập và rèn luyện. Các giảng viên cũng thường xuyên quan tâm nhắc sinh viên có ý thức tự học, tự giác, chủ động trong việc học tập để đạt được kết quả tốt.

Về thời gian nên xếp lịch học một cách ổn định hơn, một buổi 5 tiết là 10 sinh viên (2 sv/tiết), chúng ta nên xếp SV lên từ đầu buổi học và hết 5 tiết mới được ra về để cho thời lượng học trên lớp có nhiều thời gian hỏi bài hơn.

Đối với sinh viên, học để nắm vững những kỹ thuật của một nhạc cụ là khó, nhất là đối với đàn phím điện tử: Là một nhạc cụ phong phú và phức tạp, cần có sự hiểu biết cơ bản về lý thuyết âm nhạc đặc biệt là hoà thanh để ứng dụng trên đàn, đồng thời phải rèn luyện kỹ năng diễn tấu, dần làm chủ trên phím đàn, điều này đòi hỏi phải say mê khổ luyện và phải có lượng thời gian cần thiết; phải luyện được phản xạ nhanh khi chơi đàn, nhìn các ký hiệu chữ hoặc số của hoà thanh để vận dụng đệm cho ca khúc. Luôn chú ý tư thế chơi đàn và sự chỉ dẫn của giảng viên về ngón tay, bàn tay, cổ tay...

Chúng ta luôn nhớ rằng, mỗi người dạy cũng như người học luôn phải tìm tòi sáng tạo trong mỗi bài dạy, bài học. Sách vở và bản nhạc chỉ tạo cho bạn những yếu tố và kiến thức cơ bản, chung nhất. Cần có sự bổ sung vào các bài học những sự sáng tạo, các tác phẩm rất phong phú và đa dạng, sinh động nên chúng ta cần tham khảo thêm nhiều ở ngoài sách vở bằng hình thức nghe nhạc và xem các nghệ sĩ biểu diễn.

Trên đây là một vài ý kiến tham luận đóng góp vào việc dạy và học môn đàn phím điện tử theo học chế tín chỉ. Rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các đồng nghiệp, các quý thầy cô cùng toàn thể các bạn.

NHẬN THỨC CHUNG VỀ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*Th.s Phạm Thanh Loan
Khoa Nông – Lâm – Ngư*

1. Đặt vấn đề

Đào tạo theo niên chế hay đào tạo theo học chế tín chỉ là 2 hình thức tổ chức đào tạo khác nhau nhưng đều có chung một mục tiêu là đào tạo ra nguồn nhân lực có trình độ cao, đáp ứng được sự phát triển của các ngành nghề trong xã hội, trong từng giai đoạn lịch sử nhất định.

- **Đào tạo theo niên chế:** Là đào tạo theo năm học, mỗi chương trình đào tạo của một ngành học được quy định đào tạo trong một số năm nhất định. Ở trường Đại học Hùng Vương: Đào tạo trình độ cử nhân, kỹ sư là 4 năm, cao đẳng là 3 năm. Sinh viên học hết thời gian quy định nếu không bị lưu ban hoặc dừng tiến độ học tập thì được cấp bằng tốt nghiệp.

- **Đào tạo theo học chế tín chỉ:** Không tổ chức theo năm học mà theo học kỳ. Một năm học có thể tổ chức đào tạo từ 2 đến 3 học kỳ. Mỗi chương trình đào tạo của một ngành học nhất định không tính theo năm mà tính theo sự tích lũy kiến thức của sinh viên, sinh viên tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho một ngành học thì được cấp bằng tốt nghiệp.

2. Đặc điểm cơ bản của đào tạo theo học chế tín chỉ

- Quá trình học tập là sự tích lũy kiến thức của người học theo từng học phần.
- Sinh viên tự đăng ký học tập và tổ chức lớp học theo học phần.
- Đơn vị tính là học kỳ, xét kết quả học tập theo học kỳ chính (một năm học có 2 học kỳ chính và 1 học kỳ phụ).

- Đánh giá học phần là đánh giá quá trình, sử dụng thang điểm 10, thang điểm chữ và thang điểm 4, điểm trung bình chung tốt nghiệp phải $\geq 2,0$.

- Quy định khối lượng kiến thức (KLKT) phải tích lũy cho từng văn bằng (Đại học Hùng Vương là 135 TC đối với hệ đại học). Xếp năm học cho SV bậc đại học theo số tín chỉ tích lũy tại thời điểm xem xét như sau: SV năm thứ 1 (KLKT tích lũy dưới 35 TC), SV năm thứ 2 (KLKT tích lũy từ 35 TC đến dưới 71 TC), SV năm thứ 3 (KLKT tích lũy từ 71 TC đến dưới 109 TC), SV năm thứ 4 (KLKT tích lũy từ 109 TC đến 135 TC).

- Có hệ thống cố vấn học tập am hiểu về chương trình đào tạo và nắm vững tình hình học tập cụ thể của sinh viên.

- Chương trình đào tạo có tính liên thông cao.

- Phải đổi mới phương pháp dạy học trong đào tạo theo tín chỉ theo hướng phát huy tính chủ động sáng tạo của sinh viên, lấy sinh viên làm trung tâm của quá trình giảng dạy để chuyển quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo.

3. Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ

3.1. Chương trình đào tạo

- Một trong những điểm mấu chốt, quan trọng nhất trong xây dựng chương trình trong đào tạo theo học chế tín chỉ là các chương trình đào tạo có tính liên thông cao (có nhiều học phần học chung trong toàn trường và khối ngành). Liên thông ngang: Đào tạo 1 lúc 2 chương trình, SV sau khi tốt nghiệp có thể học văn bằng 2, tổ chức được lớp học lớn (nhiều SV), tạo điều kiện cho SV học lại (SV ngành A và ngành B có thể học chung các học phần có ở 2 ngành). Liên thông dọc: SV từ hệ cao đẳng có thể đăng ký học lên hệ đại học (chương trình đại học sẽ dạy những học phần mà cao đẳng chưa học, và không dạy lại những học phần đã học).

- Tách phần thí nghiệm, thực hành, thực tập riêng thành những học phần độc lập với học phần lý thuyết và phân cấp cho các bộ phận quản lý (VD: Trung tâm thực hành, thực nghiệm,...). SV phải tự đăng ký lịch học những HP thực hành, thực tập đó và Trung tâm sẽ mở lớp để thực hiện. Tách thực hành, thực tập ra khỏi phần lý thuyết, vì nếu để trong học phần, thì điểm của nội dung đó chỉ là điểm thành phần. Nếu tách ra thì đó là 1 HP mới -> SV tích cực học hơn (đã thực hiện ở ĐH Thái Nguyên).

- Các học phần đều phải có đề cương chi tiết dưới dạng lịch trình giảng dạy trong đó phân rõ: Tuần dạy lý thuyết, tuần thảo luận, bài tập, thực hành, các điểm và tỷ trọng đánh giá thành phần (30%), đánh giá thi kết thúc học phần (70%). Nên sử dụng 1 tín chỉ = 15 tiết chuẩn = 12 tiết lên lớp lý thuyết + 6 tiết lên lớp thảo luận, bài tập, thực hành (đã áp dụng ở Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế).

3.2. Đăng ký học phần của sinh viên

- Trong đào tạo theo tín chỉ, sinh viên phải tự đăng ký lịch học, sinh viên không đăng ký sẽ không có lịch học. Để làm được việc đó sinh viên phải: Nghiên cứu kỹ, nắm chắc các tài liệu của nhà trường như: Niên lịch đào tạo, sổ tay sinh viên, chương trình đào tạo, các học phần phải học trước, các học phần học song hành, phần kiến thức giáo dục đại cương, phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp,... để có thể có được đăng ký lịch học cho từng học kỳ cho phù hợp với quy định của nhà trường và sức học của sinh viên.

- Đăng ký học phần trong mỗi học kỳ của sinh viên phải đảm bảo điều kiện học phần tiên quyết, học phần học trước, học phần song hành trong chương trình đào tạo. Đăng ký khối lượng học tập đúng với năng lực của bản thân, dẫn đến kết quả học tập tốt, làm cho sinh viên phấn khởi trong học tập. Đăng ký vượt quá năng lực có thể dẫn đến kết quả học tập kém làm sinh viên hoang mang, bối rối, ảnh hưởng trực tiếp đến học tập trong học kỳ sau và có những quyết định sai lầm tiếp trong đăng ký các học phần tiếp theo.

- Nguyên tắc rất quan trọng khi đăng ký học tập theo học chế tín chỉ là *học đến đâu phải được đến đó*, có nghĩa là nếu sinh viên tích lũy được một số tín chỉ nào đó thì điểm TBCTL phải đạt ít nhất ở mức gần 2,0. Sinh viên xếp hạng học tập bình thường đăng ký từ 14 – 20 TC/học kỳ, SV có học lực yếu từ 10 – 14 TC/học kỳ, SV khá giỏi từ 14 – 25 TC/học kỳ. Việc học vượt cần phải cân nhắc rất kỹ. Nếu điểm TBCTL của sinh viên càng dưới 2,0 thì sinh viên càng phải đăng ký học lại và học cải thiện các học phần đã đạt là *chủ yếu*.

- Cần quan tâm cho SV được đăng ký học cải thiện điểm để nâng cao điểm TBCTL. VD: để SV có điểm TBK lên điểm Khá (2,48 -> 2,5), từ Khá lên Giỏi (3,1 -> 3,2),...

- Hệ thống thông tin phục vụ đào tạo và quản lý sinh viên trong nhà trường phải đủ mạnh để có thể triển khai tổ chức đăng ký học phần trực tuyến. Hiện nay, trường đã có Cổng thông tin điện tử ([Http://hvu.edu.vn](http://hvu.edu.vn)) và Tổ quản trị quản lý, điều hành website này. Bước đầu, Trường Đại học Hùng Vương sẽ cho đăng ký theo phiếu với Khoa, Khoa tổng hợp và nộp danh sách cho phòng Đào tạo.

3.3. Tổ chức lớp học phần

Trong đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, việc tổ chức lớp học phần và xếp thời khóa biểu phải thực hiện đến từng sinh viên và giảng viên. Việc tổ chức lớp học phần phải căn cứ vào những điều kiện cụ thể như sau:

- Những học phần dự định sẽ tổ chức giảng dạy trong mỗi học kỳ
- Số lượng sinh viên đăng ký học từng học phần
- Điều kiện cụ thể về số lượng giảng viên tham gia giảng dạy
- Điều kiện cụ thể về cơ sở vật chất đặc biệt là giảng đường

- Các lớp học phân lý thuyết và thảo luận phải bố trí học vào những tuần xác định trong học kỳ, nên tổ chức lớp học phân lý thuyết có số lượng SV nhiều.

Hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên phải vận hành theo yêu cầu riêng của từng sinh viên. Nếu trước kia sinh viên phải “thực hiện” theo kế hoạch của nhà trường thì bây giờ nhà trường phải “thực hiện” theo kế hoạch của từng sinh viên.

3.4. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần

- Cuối mỗi học kỳ, chỉ tổ chức 1 kỳ thi chính, không thi lại: Do điểm đánh giá cả quá trình học, nên khi trượt sẽ là trượt cả quá trình -> phải học lại. Ngoài ra, nếu tổ chức thi lại sẽ mất từ 2 – 3 tuần để thi và chấm -> không kịp thời gian để xét kết quả học tập cho học kỳ đó.

- Sau 2 tuần kể từ ngày thi, phải có điểm thi để tổng hợp kết quả xét kết quả học tập cho học kỳ đó, nên phải bố trí đủ giáo viên chấm và lên điểm thi (niên chế là xét cho từng năm học, nên sẽ có nhiều thời gian hơn).

3.5. Đổi mới phương pháp dạy và học

Đối với đào tạo theo tín chỉ, sinh viên khi ra trường không chỉ có những kiến thức ghi chép được từ người thầy như trước kia, mà là cách tiếp cận kiến thức của học phần, năng lực tự học, sáng tạo, để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn, thậm chí chưa bao giờ được học ở trường.

Trong đào tạo theo tín chỉ, khi chuyển đổi từ 1,5 ĐVHT sang 1 TC tức là từ 22,5 tiết giảng ở trên lớp (trong đào tạo theo niên chế) chỉ còn 15 tiết giảng (trong đào tạo theo tín chỉ) việc tiếp tục giảng dạy bằng phương pháp truyền đạt 1 chiều không còn phù hợp nữa. Nếu giảng viên cùng với phương tiện hỗ trợ (máy tính xách tay + Projector) tăng tốc độ giảng lên 1,5 - 2 lần để cho không bị "cháy giáo án" thì sinh viên sẽ bị quá tải về thông tin và không phân biệt được các vấn đề chính, vấn đề phụ của bài giảng, từ đó không hiểu bài, không hiểu bản chất của vấn đề, dẫn đến chất lượng học tập giảm sút. Đây là vấn đề rất lớn khi bước vào đào tạo theo tín chỉ.

Hoặc có xu hướng giảng viên coi việc đọc trước bài của sinh viên trước khi đến lớp đã có hiệu quả rồi, lên lớp chỉ giảng những vấn đề khó và trả lời các thắc mắc của sinh viên, kiểm tra nhận thức của sinh viên. Nếu theo xu hướng này bài giảng sẽ không có hệ thống không được trình bày theo giáo án và sự tự học của các sinh viên không đồng đều cũng không đạt được hiệu quả trong đào tạo.

Phương châm “giảng - dạy” là “học - hiểu”, dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên phải được tham gia vào từng vấn đề của bài giảng cho đến khi tất cả các vấn đề của bài giảng được làm sáng tỏ, được giải quyết.

Để đáp ứng được yêu cầu này sinh viên phải nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp, giảng viên phải tăng cường cho sinh viên tự học ngay trên lớp bằng các biện pháp như nêu ra các vấn đề của bài giảng để sinh viên tìm ra cách giải quyết theo định hướng của giảng viên để sinh viên có thói quen tự học.

- Tự học trong đào tạo theo tín chỉ

Trong đào tạo theo tín chỉ, đối với sinh viên tự học là vấn đề quan trọng nhất, sinh viên phải tự học ngay trên lớp, lên lớp là làm việc thực sự (chứ không phải đi nghe giảng, dự giờ). Muốn tự học trên lớp có hiệu quả sinh viên phải tự đọc tài liệu trước, không chỉ đọc giáo trình mà phải đọc tài liệu có liên quan, không phải đọc cả quyển tài liệu mà chỉ đọc những vấn đề trực tiếp liên quan đến bài giảng. Các vấn đề liên quan đều phải được đánh dấu lại, ghi chép lại hoặc có chỉ dẫn rõ ràng để khi cần lập tức có thể tra cứu được ngay.

Ghi bài trên lớp không phải là chép lại một cách thụ động tất cả những điều thầy cô đọc hoặc chiếu trên bảng mà phải ghi có chọn lọc, có suy nghĩ, ghi những ý chính, những ý cốt lõi của vấn đề, đồng thời phải biết cách viết tắt khi ghi. Những điều ghi được nên dùng để định

hướng, để tìm đúng chỗ trong sách và tài liệu tham khảo khi đọc, để hiểu được vấn đề mà học phần đặt ra chứ không phải ghi để làm tài liệu học ôn sau này.

Trao đổi bài cũng là một vấn đề rất quan trọng mà sinh viên cần kế thừa từ các thế hệ đi trước, trao đổi bài làm người chưa biết trở nên biết, người biết trở thành giỏi. Hãy trao đổi những vấn đề cảm thấy vướng mắc với bạn của mình bất cứ khi nào có thể, càng sớm càng tốt. Trao đổi, tranh luận trong học tập sẽ giảm đáng kể thời gian tự học của các em, nhưng điều quan trọng hơn là sau đó các em sẽ cảm thấy gần gũi bạn hơn, tự tin, hiểu và yêu môn học hơn.

- Phương pháp Giảng dạy truyền thống:

Là hình thức giảng dạy lấy giảng viên làm trung tâm, thầy nói trò ghi, thầy đọc trò chép. Đây là một hình thức giảng dạy xuất phát từ chỗ không có tài liệu, sách giáo khoa hình thành từ thời kháng chiến, lâu dần thành nếp truyền thụ một chiều. Ngày nay, đã có giáo trình nên phát sinh một hình thức mới là thầy giảng trò nghe, có sinh viên không nghe thì giảng viên cũng không thể kiểm soát được vì nghe hay không nghe không biểu hiện ra ngoài. Vào giờ học cuối sinh viên mất tập trung nên hiệu quả giờ giảng thấp, sinh viên ngồi cho hết giờ để được ra về.

Với phương pháp giảng dạy này người học rất nhàn vì trước khi đi học không cần chuẩn bị gì, khi đi học chỉ cần đem theo quyển giáo trình, ở trên lớp nếu thích thì nghe, mệt mỏi không nghe nữa thì cũng không ai kiểm soát được. Nhiều khi sinh viên không nắm được các vấn đề thuộc mục tiêu bài học nhưng cũng không dám hỏi.

- Phương pháp Giảng dạy tích cực:

Sinh viên phải đọc và nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp, nếu giáo trình, bài giảng viết rõ ràng, dễ hiểu, các vấn đề móc nối nhau có trật tự lôgic thì sinh viên có thể nắm bắt được rất nhiều vấn đề thuộc mục tiêu bài học.

Trong giờ học, giảng viên tạo điều kiện cho sinh viên tham gia vào bài giảng dưới nhiều hình thức khác nhau tùy theo mức độ tiếp thu và hiểu bài của sinh viên như phát vấn để kiểm tra kiến thức bài cũ và kiến thức liên quan. Cho sinh viên tham gia vào xây dựng bài mới, cho điểm cao khuyến khích những sinh viên hăng hái tham gia học tập, ngay trong giờ học đã hiểu sâu sắc các vấn đề thuộc mục tiêu bài học. Nếu đủ điều kiện thì tổ chức thảo luận ngắn để làm rõ các vấn đề thuộc về bản chất. Những vấn đề gì trò không thể làm được thì thầy sẽ là người định hướng, điều dắt, thuyết trình, minh họa làm cho trò rõ.

Giảng viên tổng kết, đánh giá, kết luận, khẳng định, khái quát lại các vấn đề cốt lõi thuộc về bản chất của từng vấn đề, kèm theo sự hỗ trợ của các phương tiện giảng dạy hiện đại như: máy tính xách tay, projector, bảng hình.

Giảng dạy theo phương pháp này sinh viên phải học thật sự, phải học cả trước trong và sau giờ học nhưng hứng thú và đạt hiệu quả cao trong đào tạo.

- Đánh giá học phần: Trong thời gian qua, đánh giá học phần chủ yếu được tiến hành sau khi giáo viên giảng dạy và sau một thời gian ôn tập, nên sinh viên sinh ra tâm lý chờ đợi, ỷ lại, xem giảng viên cho ôn phần nào để tập trung học vào phần giới hạn, phần đầu đạt kết quả cao. Đây là một nguyên nhân chính dẫn đến việc sinh viên không nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp dẫn tới không tích cực trong giờ học.

Hiện nay Quy chế đào tạo, cho phép đánh giá trong cả quá trình, cho phép đánh giá bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó có cả kiểm tra trong giờ học. Mỗi học phần đều có 2 điểm kiểm tra thường xuyên trở lên nên có thể sử dụng một điểm kiểm tra thường xuyên để cho điểm ngay trong giờ học, để cho điểm kiểm tra các kiến thức cũ, kiến thức có liên quan, cho điểm khuyến khích đối với các sinh viên chịu khó nghiên cứu tài liệu trước khi lên lớp, hăng hái tham gia học tập, ngay trên lớp đã nắm được các điểm chính yếu của bài học, từ đó tạo thành phong trào tự học sôi nổi trong sinh viên, rồi từ điểm nhân lên diện rộng và từ đó đổi mới được phương

pháp dạy - học. Đó là một biện pháp mang tính kích cầu trong dạy học tích cực (chứ không phải dạy học tích cực = kiểm tra trong giờ).

Nên hạn chế kiểm tra trí nhớ đơn thuần, học thuộc lòng, nói được nhưng không làm được, không hiểu bản chất vấn đề (vì học thuộc lòng rất tốn thời giờ mà lại chóng quên)

3.6. Quản lý sinh viên

- Trong đào tạo theo niên chế, sinh viên được biên chế ổn định theo các lớp chuyên ngành, mỗi lớp đều có hệ thống ban cán sự, tổ chức Đảng, tổ chức Đoàn thanh niên. Mọi hoạt động của lớp diễn ra nhịp nhàng theo sự chỉ đạo của phòng CTCT&HSSV và của Khoa. Mọi thông tin của nhà trường thông qua ban cán sự lớp được phổ biến đến tất cả các sinh viên và ngược lại.

- Trong đào tạo theo học chế tín chỉ có 2 hệ thống lớp: Lớp sinh viên và lớp học phần. Lớp sinh viên tồn tại từ khi sinh viên vào trường cho đến khi sinh viên cuối cùng của lớp ra trường (lớp chuyên ngành). Lớp học phần hình thành do việc đăng ký học tập của các sinh viên và do sự sắp xếp lịch của phòng Đào tạo, được tổ chức theo từng học kỳ. Sau khi học, kiểm tra đánh giá, thi hết học phần xong các lớp học phần sẽ không còn tồn tại nữa và lại hình thành những lớp học phần mới. Điều này dẫn đến sinh viên trong cùng 1 lớp sinh viên ít có cơ hội học cùng nhau nhưng 1 sinh viên lại có điều kiện giao lưu học hỏi từ rất nhiều sinh viên khác trong trường. Việc quản lý sinh viên vì thế nên thay đổi theo các hướng sau:

+ Quản lý sinh viên tại các lớp học phần là trách nhiệm của giảng viên trực tiếp giảng dạy và cán bộ lớp học phần.

+ Bố trí lịch sinh hoạt lớp cho các lớp sinh viên 4 - 5 buổi/học kỳ, lịch sinh hoạt của lớp sẽ được bố trí không trùng với lịch học của các lớp học phần để cho tất cả các sinh viên trong lớp có điều kiện sinh hoạt đoàn thể.

+ Tích cực sử dụng Cổng thông tin điện tử của trường để giảng viên chủ nhiệm có thể hàng ngày nhận được thông tin về sinh viên của lớp sinh viên từ nhiều nguồn khác nhau, đặc biệt là phản ánh của giảng viên trực tiếp giảng dạy.

+ Các hoạt động đoàn thể, đánh giá về rèn luyện chủ yếu vẫn được tổ chức và đánh giá ở các lớp sinh viên.

4. Những vấn đề khó khăn khi tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ của Khoa Nông - Lâm - Ngư, Trường Đại học Hùng Vương

4.1. Chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo của 3 ngành Chăn nuôi - Thú y, Lâm nghiệp, Trồng trọt chỉ có chung 18 học phần thuộc kiến thức Giáo dục đại cương. Còn lại là các học phần riêng cho từng ngành sẽ gây khó khăn cho việc tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ. Do đó, khi vào học kiến thức ngành (từ năm thứ 2 trở đi) sẽ vẫn chỉ là mở các lớp học riêng cho từng ngành (theo hình thức của đào tạo niên chế).

4.2. Đăng ký học phần của sinh viên

Thời gian sắp tới sẽ gặp vấn đề: Sinh viên không đọc, không hiểu Quy chế đào tạo mặc dù Quy chế đào tạo có thể Download trực tiếp từ Website của trường, không đề nghị được tư vấn học tập, không quan tâm đến những tư vấn của nhà trường, cố vấn học tập, không biết rút học phần trong thời hạn còn cho phép chính là nguyên nhân đẩy một số sinh viên đến những sai lầm khi đăng ký học phần và phải gánh chịu hậu quả là kết quả học tập kém và có thể bị buộc thôi học. Một số sinh viên muốn học nhanh để ra trường sớm, nhưng không lường hết những khó khăn khi học thêm một vài học phần cũng có những quyết định sai lầm tương tự.

- Những sinh viên có kết quả học tập kém, nói chung là những sinh viên lười học, hay bỏ tiết học, lười cập nhật thông tin, không đổi mới được phương pháp học tập -> Kéo dài thời gian đào tạo, thậm chí sẽ bị buộc thôi học.

- Đội ngũ cố vấn học tập còn thiếu kinh nghiệm trong việc tư vấn cho SV đăng ký lựa chọn học phần, số lượng tín chỉ/học kỳ -> ảnh hưởng đến kết quả học tập của sinh viên.

4.3. Đổi mới phương pháp dạy và học

Việc đổi mới phương pháp dạy và học là vấn đề khó khăn nhất trong đào tạo theo học chế tín chỉ đặc biệt là các giờ thảo luận. Sinh viên còn có sức ỳ lớn nhất là các em vẫn quen với tác phong học tập bị động phụ thuộc nhiều vào nội dung các thầy cô truyền đạt, một số em còn vẫn giữ quan điểm học tập bằng mọi giá thi đạt là được. Một số sinh viên còn lười học, say mê với chơi điện tử.

4.4. Quản lý sinh viên trong đào tạo theo học chế tín chỉ

Công tác quản lý sinh viên sẽ có nhiều khó khăn khi quản lý sinh viên theo lớp sinh viên và lớp học phần. Khó thiết lập mối quan hệ giữa nhà trường – giáo viên chủ nhiệm – sinh viên.

4.5. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo

- Các trang thiết bị, dụng cụ, giáo trình, sách giáo khoa phục vụ giảng dạy, thực hành, thực tập còn thiếu.

- Hệ thống thông tin, trang web,... chưa được phổ biến tới giáo viên và sinh viên trong Khoa.

5. Thuận lợi khi chuyển đổi sang đào tạo theo tín chỉ

Các chương trình đào tạo sẽ được xây dựng lại theo hướng liên thông và ngày càng hoàn chỉnh hơn, nhà trường sẽ tổ chức được rất nhiều các ngành học mới.

Sinh viên sẽ được tự do đăng ký học tập để mở mang kiến thức học tập thông qua các học phần tự chọn. Ngoài kiến thức của ngành chính sinh viên còn có thể nộp học phí đăng ký học thêm các học phần khác trong cùng khối ngành nếu có nhu cầu. Khả năng tự học của sinh viên sẽ được nâng cao.

Áp dụng giảng dạy bằng nhiều phương pháp phù hợp với mục tiêu và phù hợp với người học nhưng việc tích cực hóa sinh viên sẽ được đặt lên hàng đầu.

Khả năng tài chính của Nhà trường sẽ vững mạnh vì: Đáp ứng được các nhu cầu của xã hội như vấn đề chuyển đổi ngành nghề (đào tạo văn bằng hai), đào tạo liên thông, đào tạo ngắn hạn cấp chứng chỉ. Nhu cầu học lại, học cải thiện điểm của sinh viên tăng lên.

6. Kết luận

Đào tạo theo Hệ thống tín chỉ đòi hỏi cả nhà trường phải có những đổi mới cơ bản về tư duy tổ chức đào tạo để đáp ứng với yêu cầu chuyển từ đào tạo lấy nhà trường và thầy cô giáo làm trung tâm sang lấy người học làm trung tâm. Đây là vấn đề thuộc về tư tưởng nên không thể thay đổi trong một sớm, một chiều mà cần có thời gian trên con đường chuyển đổi từ cái cũ sang cái mới.

QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG MÔ HÌNH DẠY HỌC TÍCH CỰC Ở BẬC ĐẠI HỌC

*ThS. Mai Thúy Hồng
Khoa Nông – Lâm – Ngư*

Đổi mới mạnh mẽ phương pháp giáo dục - đào tạo, khắc phục lối truyền thụ một chiều, rèn luyện thành nếp tư duy sáng tạo của người học. Từng bước áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện hiện đại vào quá trình dạy - học, đảm bảo điều kiện và thời gian tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam.

1. Quan niệm dạy và học tích cực

Học cốt lõi là tự học, là quá trình sinh viên biết cách thu nhận kiến thức và xử lý thông tin lấy từ môi trường xung quanh để làm biến đổi mình và tự làm phong phú giá trị con người.

Dạy học là dạy cách hình thành kiến thức cho sinh viên.

2. Nội dung dạy cách học ở trường đại học

- Dạy cách lập kế hoạch
- Dạy cách nghe giảng và cách ghi bài trên lớp
- Dạy cách học bài (tự học, học nhóm)
- Dạy cách đọc sách và khai thác thông tin trên mạng internet
- Dạy cách nghiên cứu và giải quyết vấn đề
- Dạy cách vận dụng kiến thức để giải thích các hiện tượng trong thực tế

3. Vai trò mới của giáo viên với tư cách: Người thiết kế, uỷ thác, điều khiển và thể chế hoá

- Thiết kế là lập kế hoạch, chuẩn bị quá trình dạy học cả về mặt mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức

- Uỷ thác là biến ý đồ dạy học của thầy thành nhiệm vụ học tập tự giác của sinh viên, là chuyển giao cho sinh viên không phải những tri thức dưới dạng có sẵn mà là những tình huống để học sinh hoạt động và thích nghi

- Điều khiển, kể cả điều khiển về mặt tâm lý, bao gồm sự động viên, hướng dẫn, trợ giúp và đánh giá

- Thể chế hoá là xác nhận những kiến thức mới phát hiện, đồng nhất hoá những kiến thức riêng lẻ mang màu sắc cá thể, phụ thuộc hoàn cảnh và thời gian của từng sinh viên thành tri thức khoa học của xã hội, tuân thủ chương trình về mức độ yêu cầu cách thức diễn đạt và định vị tri thức mới trong toàn bộ hệ thống tri thức đã có

4. Xây dựng mô hình Dạy – Học tích cực, dạy tự học

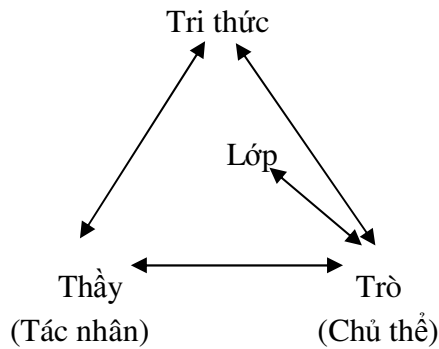
Mối quan hệ giữa dạy và học bao gồm 4 thành tố:

- Trò (chủ thể): Tự tìm ra kiến thức, tạo ra sản phẩm học ban đầu

- Lớp: Cộng đồng lớp học, môi trường, xã hội nơi trao đổi hợp tác giữa Trò – Trò, Trò – Thầy làm cho sản phẩm cá nhân mang tính xã hội

- Tri thức: do sinh viên tự tìm ra, với sự hợp tác của các bạn và sự hướng dẫn của thầy

Thầy (tác nhân): Hướng dẫn tổ chức, trọng tài, cố vấn cho sinh viên tự tìm ra tri thức với sự hợp tác của các bạn



a. Công tác chuẩn bị của sinh viên – giáo viên trước giờ học (ở nhà)

- Xác định mục tiêu của bài học hoặc phần trình bày.
- Đọc giáo trình các tài liệu tham khảo, các nguồn thông tin để viết tiểu luận hoặc chuẩn bị các nội dung cần thảo luận.

b. Hoạt động trên lớp

- Giáo viên nêu mục tiêu của tiết học và nội dung cơ bản, trọng tâm của kiến thức
- Kiểm tra sự chuẩn bị của sinh viên. Giáo viên tổ chức trao đổi, thảo luận
- Những kiến thức khó, trừu tượng giáo viên phải diễn giảng, giải thích
- Giáo viên và sinh viên có kết luận về nội dung kiến thức mới
- Giáo viên hướng dẫn sinh viên tự học chuẩn bị cho tiết học sau

c. Hoạt động thực hành, rèn nghề: rèn kỹ năng thực hành và thiết lập mối liên hệ giữa cơ sở lí thuyết với thực tiễn. Coi trọng công tác tự rèn nghề. Khi đã rèn luyện cho sinh viên thói quen tự học, tự nghiên cứu trên giảng đường trong phòng thí nghiệm và ngoài giờ học thì sinh viên sẽ biết tự học, tự tìm tài liệu để giải quyết các vấn đề của bài học.

5. Kết luận

Giảng dạy theo phương pháp tích cực là coi sinh viên là trung tâm của quá trình dạy học, trung tâm của quá trình nhận thức. Làm cho sinh viên tự nhận thức được các vấn đề khoa học do được tự khám phá dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Sinh viên được tham gia nhiều vào bài giảng theo định hướng của thầy tránh truyền đạt kinh viện, một chiều.

Người thầy giáo giỏi không chỉ truyền đạt chân lý mà phải dạy cho sinh viên biết cách tìm ra chân lý. Không chỉ truyền đạt cho sinh viên các kiến thức có sẵn, chỉ cần ghi nhớ mà còn tổ chức giảng dạy định hướng cho sinh viên biết tự mình khám phá tìm ra kiến thức mới.

Không có cách giảng dạy tích cực chung cho tất cả các môn học và cho tất cả các giảng viên, cũng như không có phương pháp tự học chung cho tất cả mọi người. Các Thầy giáo, Cô giáo hãy trải nghiệm và tìm ra cách tích cực hóa sinh viên cho mình và cho môn học mà mình tham gia giảng dạy

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ VÀ VẤN ĐỀ ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC

*Th.s Nguyễn Thị Ngọc Liên
Khoa Nông – Lâm – Ngư*

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là một bước đổi mới mạnh mẽ trong đào tạo cấp đại học ở Việt Nam, nhằm từng bước đưa nền giáo dục Việt Nam hoà nhập cùng cộng đồng quốc tế. Nhìn vào khung chương trình đào tạo và các quy chế ban hành kèm theo để thực hiện được khung chương trình đào tạo, chúng ta dễ dàng nhận thấy sự phát huy vai trò sáng tạo, chủ động học tập của sinh viên được phát huy cao độ, thể hiện ở số giờ tự học có thời lượng khá lớn trong các học phần. Tuy nhiên với yêu cầu phải dự lớp 80% của SV của Trường hiện nay thì vẫn là một yêu cầu khá cao về thời lượng trên lớp của GV và SV.

Bên cạnh đó, tôi nhận thấy, cách tính điểm học phần, điểm xét lên lớp,... theo học chế tín chỉ được quy đổi nhiều lần gây phức tạp, sai số rất lớn và gây khó khăn cho giảng viên, cố vấn học tập cũng như sinh viên trong việc theo dõi kết quả dạy - học. Vì vậy, đòi hỏi các cán bộ là cố vấn học tập cho các khoá sinh viên phải rất am hiểu về chương trình đào tạo, có trình độ nghiệp vụ rất chuyên nghiệp, phải phát huy cao độ vai trò tư vấn học tập cho sinh viên như vậy mới đạt hiệu quả cao được.

Theo kinh nghiệm của cá thân tôi nhận thấy trong chương trình đào tạo của Khoa Nông Lâm Ngư, thời lượng hay số tiết dành cho thực hành vẫn còn ít. Cơ sở vật chất phục vụ cho công tác thí nghiệm thực hành vẫn còn rất thiếu thốn. Do đó, nó có ảnh hưởng nhất định đến chất lượng đào tạo, hứng thú học tập của sinh viên cũng như kết quả dạy và học.

Tôi xin được lấy ví dụ: Ở một số Trường đại học như Trường Đại học Sư phạm I, Trường Đại học Khoa học, Trường Đại học Nông lâm và Trường Đại học Y Thái Nguyên, vẫn là học phần Vi sinh vật đại cương – 03 tín chỉ thì có ít nhất 01 tín chỉ dành cho thực hành. Còn trong khung chương trình đào tạo của Khoa, thì thực hành được xây dựng chỉ chiếm 5 tiết. Trong khi đó, giảm thời lượng học lý thuyết, tăng thời gian thực hành và tự học luôn là xu thế của nền giáo dục quốc tế và ở Việt Nam hiện nay.

Chính vì vậy, tôi nhận thấy, việc học tập, tham khảo chương trình và kinh nghiệm giảng dạy của các Trường bạn, cũng như mềm hoá chương trình và có chỉnh sửa bổ sung nội dung chương trình hàng năm để phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất của Khoa và Nhà Trường là hết sức cần thiết, không thể bỏ qua được.

Đi đôi với công việc trên, để nâng cao hiệu quả, chất lượng dạy - học, chúng ta phải không ngừng đầu tư và trang bị về cơ sở vật chất cần thiết, các phương tiện phục vụ cho công tác giảng dạy của giảng viên cũng như công tác học tập của sinh viên như máy chiếu, loa đài, phòng thí nghiệm, thư viện, phòng tự học, phòng thảo luận, đặc biệt là hệ thống thư viện điện tử... . Đây là một trong những yếu tố quan trọng để phát huy năng lực tự học, phát huy tính sáng tạo, say mê

học hỏi, nâng cao trình độ của cả sinh viên cũng như giảng viên. Nó ảnh hưởng rất lớn đến kết quả, chất lượng dạy - học và ảnh hưởng trực tiếp đến phương pháp dạy - học.

Trong thực trạng của Khoa Nông Lâm Ngư hiện nay, về cơ sở vật chất vẫn còn rất thiếu thốn nhưng với đội ngũ giảng viên đều còn rất trẻ, nhiệt tình với công việc, dù cuộc sống vẫn còn rất nhiều khó khăn, đặc biệt là phải đi lại thường xuyên giữa 2 cơ sở I và II của Trường, nhưng vẫn phát huy cao độ tinh thần học hỏi đặc biệt là đã không ngừng đổi mới phương pháp giảng dạy cho phù hợp với nhu cầu đào tạo hiện nay. Các giảng viên cần không ngừng rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, nâng cao trình độ hơn nữa để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác đào tạo, giáo dục đại học.

Với tình hình trên, trong thực tế giảng dạy tại Khoa, luôn đòi hỏi các GV phải sử dụng phối hợp một cách linh hoạt các phương pháp dạy - học khác nhau. Bao gồm các phương pháp chính như thuyết trình, vấn đáp, trực quan minh họa, giao bài về nhà, thảo luận nhóm, semina... nhằm đạt được hiệu quả cao nhất. Các GV đã vận dụng linh hoạt, mềm dẻo các khâu lên lớp, kiểm tra đánh giá...

Trong thực tế giảng dạy học phần Vi sinh vật học đại cương tại lớp K7CNTY, để tích cực hoá vai trò chủ động học tập của SV, bản thân tôi đã áp dụng một số PPDH như thuyết trình, vấn đáp, trực quan minh họa, thảo luận nhóm, semina... Cuối tiết học tôi có giao bài tập và hệ thống câu hỏi logic liên quan đến vấn đề giảng dạy cùng hệ thống tài liệu và trang web để hướng dẫn và giúp SV tự học. Khi vào tiết học mới hoặc chương học mới, tôi luôn tiến hành kiểm tra đầu giờ, cũng như cho phép SV và nhóm SV tự trình bày các vấn đề được giao tự học. Bản thân tôi chỉ đóng vai trò định hướng, chính xác hoá nội dung và kiến thức, tổng kết lại vấn đề đã nêu ra cho SV trong tiết học hoặc chương học trước. Cùng với công việc này, tôi luôn cung cấp thêm những kiến thức mới liên quan đến thực tiễn ngành nghề mà SV đã lựa chọn.

Cùng đến một mục đích, có nhiều con đường. Vì vậy, cần cho phép GV đăng ký hình thức dạy học và hình thức thi cho PĐT trước mỗi năm học mới và kỳ học mới để thuận tiện cho công tác quản lý, thực hiện mà GV và SV không cần phải dự lớp đến 80% thời lượng học phần. Ví dụ trong công tác đánh giá kết quả học tập của sinh viên, PĐT cũng như Nhà Trường cần cho phép các GV có thể đăng ký các hình thức thi kết thúc học phần cho SV với PĐT như thi viết, thi trắc nghiệm, thảo luận, viết tiểu luận, vấn đáp... giống như nhiều Trường Đại học khác trong cả nước đã áp dụng.

Ngoài các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục là phương tiện dạy học, cơ sở vật chất, nội dung chương trình và phương pháp dạy học, thì một yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả dạy học, cũng như phương pháp dạy học là trình độ học vấn, tài năng và trình độ nghiệp vụ sư phạm của người giảng viên.

Thực trạng là Trường Đại học Hùng Vương và Khoa NLN mới thành lập, bước đầu đi vào “nề nếp” nhưng muốn theo kịp các Trường bạn ở Hà Nội, Thái Nguyên,... nhất là hội nhập quốc tế thì một số yếu tố quan trọng là mỗi GV cần phải tự bồi dưỡng nâng cao trình độ của

mình cũng như Nhà Trường cần quan tâm đến việc bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ, trình độ cho GV thông qua các lớp tập huấn giao lưu với các Trường Đại học bạn, trong và ngoài nước cũng như mời các chuyên gia nước ngoài, mở các lớp học ngoại ngữ để tăng tính giao lưu, hợp tác.

Để nâng cao hiệu quả và chất lượng dạy - học hơn nữa, tôi xin mạnh dạn kiến nghị một số ý kiến sau:

1. Cần phải đầu tư trang bị phòng thí nghiệm thực hành, thư viện...tạo môi trường học tập, môi trường tự học, tự nghiên cứu đa dạng cho sinh viên và GV.

2. Các phòng ban cần chuyên môn hoá cao về chức năng, cần phối hợp và phát huy hiệu quả hơn nữa trong việc phục vụ cho công tác giáo dục đào tạo của Nhà Trường và các Khoa. Cần giảm nhẹ các thủ tục cho giảng viên và đưa về cho các phòng ban chuyên trách.

VD: Việc dự trù kinh phí, hoá chất phục vụ nghiên cứu và thực hành cần được tiến hành trước một năm để P KHTC lên tổng số và cuối năm như các Trường ĐH khác thường làm là chỉ cần một hoá đơn đồ chung chứ không thanh toán và làm thủ tục lẻ tẻ từng môn học và quá phức tạp như hiện nay. Đặc biệt nó lại gây phức tạp, khó khăn cho GV đảm nhận những học phần có thực hành. Đây là một số yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo hiện nay cũng như ảnh hưởng đến phương pháp dạy học và là thực tiễn, thực trạng cũng như chúng ta cần quan tâm đưa ra giải pháp khắc phục hiện nay.

3. Cần trao quyền tự chủ, tự quyết hơn nữa cho Khoa và các giảng viên để họ có thể chủ động, sáng tạo, linh hoạt và tự chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác chuyên môn của mình.

4. Cần có một cơ chế quản lý, thanh kiểm tra linh hoạt để khuyến khích được người giảng viên yên tâm công tác, cống hiến, gắn bó với Nhà Trường và sự nghiệp giáo dục.

5. Cần chuyên nghiệp hoá, linh hoạt tất cả các khâu, xây dựng và thực hiện theo một cơ chế mở để hội nhập và theo kịp các Trường ĐH trong và ngoài nước.

6. Cần giảm các giờ họp và sinh hoạt không cần thiết để GV có thời gian tập trung vào chuyên môn, đặc biệt là việc nghiên cứu tài liệu, nhất là trong tình hình GV Khoa NLN phải đi lại 2 cơ sở là một việc gây khó khăn hiện nay và để tránh tốn kém công sức, tiết kiệm thời gian, tiền bạc và an toàn sức khoẻ cho GV. Cần tăng cường trao đổi thông tin qua các phương tiện hiện đại thông dụng hiện nay như điện thoại di động, email, SMS...vẫn đạt được hiệu quả cao, có thể cung cấp thông tin cần thiết đến từng cá nhân liên quan mà không cần phải triệu tập tất cả mọi người như hiện nay.

PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC THỰC HÀNH THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ CỦA NGÀNH NÔNG - LÂM NGHIỆP TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

*BSTY. Trịnh Thị Quý
Khoa Nông – Lâm - Ngư*

Khoa Nông - Lâm - Ngư hiện đang đào tạo theo học chế tín chỉ các ngành Chăn nuôi Thú y, Lâm nghiệp và Trồng trọt. Đây là những ngành thực nghiệm nên đòi hỏi phải có nhiều kiến thức thực tế, vì vậy thực hành là một mảng có vai trò quan trọng đối với các ngành nghề trên.

Các ngành trên mới được thành lập, nhà trường cũng đang từng bước trang bị cơ sở vật chất thực hành cho các môn học của Khoa. Cho nên bước đầu còn chưa đảm bảo được các điều kiện cơ sở vật chất phục vụ cho thực hành. Xong các cụ đã có câu: “Cái khó ló cái khôn”. Tùy từng điều kiện thực tế mà chúng ta xây dựng các giờ thực hành cho phù hợp, đặc biệt là khi chúng ta chuyển sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Khi xây dựng một giờ học thực hành có hiệu quả ta phải xác định rõ nhiệm vụ của giảng viên và sinh viên.

1.1. Nhiệm vụ của giảng viên

a. Giảng viên dạy thực hành phải chuẩn bị kịch bản cho từng buổi hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu từng môn học, trong đó có nêu các vấn đề về an toàn lao động liên quan.

b. Xây dựng và giao cho sinh viên chuẩn bị nội dung, vấn đề trước khi triển khai thực hành, thực tập, thí nghiệm.

c. Chỉ đạo và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm.

d. Hướng dẫn sinh viên làm thực hành, thực tập, thí nghiệm.

e. Theo dõi, đánh giá kết quả thực hành, thực tập, thí nghiệm của sinh viên.

1.2. Nhiệm vụ của sinh viên

a. Hoàn thành công tác chuẩn bị cho thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu của giảng viên, đề xuất vấn đề, câu hỏi cần hỏi giảng viên.

b. Làm các bài thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu môn học và hướng dẫn của giảng viên. Chấp hành nghiêm chỉnh quy định về an toàn lao động.

c. Viết báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm và nộp cho giảng viên đúng hạn.

d. Hoàn chỉnh báo cáo thực hành, thực tập, thí nghiệm theo góp ý, đánh giá của giảng viên.

1.3. Các bước để xây dựng một giờ thực hành

Bước 1. Xác định mục tiêu dạy học của tiết học phù hợp với hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ.

Bước 2. Trên cơ sở đề cương môn học, hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ lập kế hoạch chi tiết và giáo án để xây dựng các kịch bản lên lớp.

Chuẩn bị các trang thiết bị vật chất và động vật thí nghiệm cho giờ thực hành.

Bước 3. Lựa chọn các phương pháp phù hợp với từng nội dung của từng bài.

- Kết hợp nhiều phương pháp trong một giờ học nhằm lấy ưu điểm của phương pháp này khắc phục những nhược điểm của phương pháp kia và tạo sự linh hoạt, đa dạng trong một giờ học;

- Trong quá trình lựa chọn các phương pháp phù hợp, giảng viên cần kết hợp yếu tố kiểm tra - đánh giá thường xuyên trong suốt quá trình dạy - học. Kiểm tra - đánh giá thường xuyên là một phương pháp hỗ trợ rất hiệu quả cho các PPDH.

Ví dụ một số giờ thực hành đặc thù của ngành chăn nuôi thú y.

Các môn học chuyên ngành của ngành chăn nuôi thú y thì hầu hết các môn đều có nội dung thực hành:

Để chuẩn bị tốt nội dung thực hành ta cần phải tiến hành:

Bước 1: Xác định được mục tiêu thực hành của môn học để xây dựng đề cương và kế hoạch cho phần thực hành của môn học phù hợp với hình thức tổ chức thực hiện giờ tín chỉ.

Bước 2: Chuẩn bị các trang thiết bị vật chất và động vật thí nghiệm cho giờ thực hành.

Ví dụ: Học phần tổ chức phôi thai học: cần có những tiêu bản để xem cấu trúc vi thể của các tổ chức trong cơ thể.

Học phần giải phẫu động vật cần có các mô hình khung xương của động vật: trâu, bò, lợn, gà... để cho sinh viên quan sát và xác định vị trí, cấu tạo và chức năng của các cơ quan trên cơ thể động vật.

Học phần vi sinh vật cần phải có kính hiển vi, các loại thuốc nhuộm, các tiêu bản, lam kính, la men kính, các môi trường, hóa chất để quan sát hình thái của các loại vi khuẩn, tính chất bắt màu và đặc tính sinh hóa...

Học phần Chăn nuôi trâu bò: cần có động vật sống để xác định khối lượng, bình tuyến giống và mổ khảo sát thân thịt.

Học phần Thú y cơ bản cần đến các dụng cụ để chẩn đoán bệnh cho gia súc, gia cầm, động vật sống để tiến hành các thao tác khám thử...

Giảng viên phát cho sinh viên tài liệu thực hành, yêu cầu sinh viên về nghiên cứu trước ở nhà để có thể nắm được nội dung thực hành.

Đồng thời giảng viên hướng dẫn cho các em nghiên cứu tìm những tài liệu tham khảo có liên quan đến bài và yêu cầu các em ghi những thắc mắc dưới dạng câu hỏi và nộp lại cho giảng viên.

Giảng viên sẽ tập hợp, chọn lọc các câu hỏi và sau đó đưa cho các nhóm cùng suy nghĩ để làm vỡ vạc vấn đề. Giúp cho các em sẽ có một hứng thú để chờ đón giờ thực hành.

Bước 3. Lựa chọn các phương pháp phù hợp với từng nội dung của từng bài.

Ví dụ như thực hành học phần sinh lý vật nuôi.

Trước khi thực hành yêu cầu sinh viên nhắc lại phần lý thuyết có liên quan đến phần thực hành. Đồng thời yêu cầu sinh viên khái quát những nội dung thực hành (các em đã được chuẩn bị trước ở nhà)

Giảng viên hướng dẫn sinh viên các thao tác trên động vật thí nghiệm. Sau đó yêu cầu các nhóm tự thực hành.

Giảng viên theo dõi, kiểm tra và đánh giá hiệu quả làm việc của từng nhóm.

Giảng viên có thể sử dụng các tư liệu như: các đoạn video, các đĩa CD về chuyên ngành hay các hình ảnh minh họa để tăng thêm hiệu quả của tiết học.

Trong điều kiện mà có đầy đủ các trang thiết bị thực hành, chúng ta có thể khắc phục bằng cách vận dụng thực hành tại mọi nơi, mọi lúc có thể được để củng cố, làm sáng tỏ cơ sở lý thuyết.

Đối với ngành chăn nuôi, các em có thể học hỏi thêm tại các cơ sở chăn nuôi ở địa phương: như các quy mô chăn nuôi tại hộ gia đình nhà mình, tại các gia trại hay trang trại lân cận trên địa bàn của địa phương. Mỗi kỳ nghỉ hè hay nghỉ tết ở nhà các em có thể tham gia chăn nuôi cùng gia đình, tập tiêm (ban đầu là những con vật nuôi nhỏ bé như gà, lợn, chó, mèo...sau đến những con gia súc lớn như trâu, bò, ngựa...Các công việc khác như: quy trình chăn nuôi, quy trình chăm sóc nuôi dưỡng, cách vệ sinh chuồng trại, cách bấm răng nanh cho lợn, quy cách vệ sinh chuồng trại, cách đỡ đẻ cho lợn. Sinh viên muốn nâng cao tay nghề thì phải có tinh thần ham học hỏi, say mê với nghề nghiệp và không ngại khó ngại khổ thì mới mong tiến bộ.

Ngay cả những lúc các em giúp gia đình nấu cơm ngày tết hay nấu cỗ các em có thể học hỏi được rất nhiều. Ví dụ như khi mổ gà, các em hãy áp dụng lý thuyết như quy trình kỹ thuật khi mổ khám gia cầm...để chúng ta xác định vị trí, hình thái của các cơ quan bộ phận của gia cầm, chẩn đoán các bệnh dựa vào đặc điểm bệnh tích trên các cơ quan nội tạng. Áp dụng lý thuyết của từng môn học, chúng ta có thể tìm các loại giun sán ký sinh để quan sát hình thái...

Tôi cũng đánh giá rất cao về hiệu quả của phương pháp học thực hành ngoài thực tế, khi đã được làm trực tiếp thì các kiến thức thực hành sẽ cô đọng lại trong não bộ và chúng ta khó có thể mà quên được.

Đối với nội dung thực hành môn sinh lý có nội dung:

- Mổ nối ruột non: áp dụng trong thực tế khi chúng ta phẫu thuật để cắt đi những đoạn ruột hoại tử.

- Mổ cầu nối ruột để lấy dịch vị nghiên cứu đặc tính của các loại men trong dịch vị.

- Mổ dạ dày để lấy dịch vị nghiên cứu cũng như nghiên cứu đặc điểm tiết dịch của từng loại vật nuôi.

Hoặc như để rèn luyện các kỹ năng tiêm phòng cho gia súc, gia cầm các em có thể liên hệ đến những nơi như lò mổ trâu, bò, lợn, các gia đình buôn bán thịt gia cầm tại các chợ. Những loại động vật sắp đưa vào giết mổ, chúng ta có thể xin phép họ cho chúng ta tập tiêm bằng nước, tập tiêm và lấy máu ở tĩnh mạch cổ của trâu bò để rèn luyện tay nghề...

Một phương pháp để học thực hành hữu hiệu là chúng ta theo các thầy cô hay thú y cơ sở tại xã, phường, trạm thú y huyện hay chi cục để học hỏi các kinh nghiệm chẩn đoán bệnh, dùng thuốc để chữa bệnh như thế nào cho có hiệu quả? Qua những lần đi điều trị chúng ta nên có một quyển sổ tay nhỏ để ghi lại lịch trình và những bí quyết mà chúng ta đã học được. Sau đó về so sánh với phần lý thuyết đã được học để rút ra những kiến thức riêng cho bản thân mình.

Để cho nội dung thực hành đạt hiệu quả cao trong điều kiện chúng ta chưa đủ các trang thiết bị phòng thí nghiệm, chúng ta có thể cho sinh viên xem những đoạn video về nội dung thực hành được ghi lại tại các phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn như của Viện chăn nuôi quốc gia, Viện thú y, Trung tâm Chẩn đoán thú y Trung ương, các Trung tâm thú y vùng để cho các em sinh viên sẽ có tầm nhìn mới về những tiến bộ khoa học hiện đại đang được áp dụng.

Những nội dung này, sinh viên được thực hành trên lớp. Nhưng do thời gian thực hành ở trên lớp là có hạn. Để rèn luyện kỹ năng thực hành, các em có thể làm lại nhiều lần các nội dung này ở nhà. Chúng ta có thể tự mua dạ dày lợn hay những đoạn ruột non lợn về để rèn luyện kỹ năng khâu nối ruột, mổ dạ dày đặt ống thông để lấy dịch vị nghiên cứu hay mổ và tạo ra một dạ dày mới.

Theo tôi, để được nâng cao tay nghề và kỹ năng thực hành các môn học ngành chăn nuôi thú y khi chúng ta đã nắm chắc được cơ sở lý thuyết, kết hợp với thực hành trên lớp và thực hành tại nhà, tại địa phương thì sẽ nâng cao hiệu quả thực hành rất nhiều.

Những kinh nghiệm đúc rút từ thực tiễn: “trăm nghe không bằng một thấy, trăm thấy không bằng một sờ”. Có làm thì chúng ta mới hy vọng rèn luyện được kỹ năng và nâng cao tay nghề. Với mong đợi sau khi ra trường các em sẽ trở thành các kỹ sư giỏi đáp ứng được yêu cầu của xã hội đề ra. Tôi rất mong các em sẽ nâng cao ý thức tự giác trong học tập, nghiên cứu và đặc biệt là nâng cao tay nghề thực hành.

Ngày nay, đang là thời đại công nghệ thông tin bùng nổ, các tiến bộ khoa học, các phương pháp nghiên cứu hay những thành công của các công trình nghiên cứu đều được đăng tải lên mạng internet. Để chúng ta có thể cập nhật các tin tức đó một cách hiệu quả thì ngay bây giờ các em phải phấn đấu tập trung học thật tốt ngoại ngữ và tin học (đặc biệt là tiếng anh chuyên ngành) để chúng ta không bị lạc hậu so với thế giới.

Trên đây là một số quan điểm của riêng cá nhân tôi về áp dụng phương pháp dạy học thực hành theo học chế tín chỉ. Rất mong nhận được sự đóng góp của các thầy cô và các em sinh viên. Cuối cùng tôi xin kính chúc các vị đại biểu, các thầy cô giáo luôn mạnh khỏe, hạnh phúc! Chúc các em sinh viên luôn mạnh khỏe, học tập tốt và thành công trong học tập! Chúc hội nghị thành công tốt đẹp!

THỨC ĐẨY MỐI QUAN HỆ CÁN BỘ THƯ VIỆN – GIẢNG VIÊN TRƯỚC YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI PHƯƠNG THỨC ĐT NIÊN CHẾ SANG HỌC TÍN CHỈ

Phạm Đức Triển
Trung tâm TT – TL – TV

Tín chỉ (credit) là đại lượng đo khối lượng lao động học tập trung bình của người học, tức là toàn bộ thời gian mà một người học thường phải sử dụng để học một môn học, bao gồm:

- 1) Thời gian học tập trên lớp
- 2) Thời gian học tập trong phòng thí nghiệm, thực tập hoặc làm các phần việc khác đã được quy định trong đề cương môn học
- 3) Thời gian dành cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài...

Tín chỉ còn được hiểu là khối lượng kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học mà người học cần phải tích lũy được trong một khoảng thời gian nhất định

Việc chuyển đổi sang hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ đã và đang đặt ra cho hệ thống thư viện các trường đại học Việt Nam nhiều cơ hội và thách thức. Tinh thần cốt lõi của học chế tín chỉ là:

- **Giảng viên** phải thay đổi **cách dạy**
- **Sinh viên** phải thay đổi **cách học**
- **Nhà trường** phải thay đổi **cách quản lý**

Phương pháp giảng dạy cũng cần thay đổi theo hướng:

- **Giảm cường độ** làm việc của thầy (nhưng lượng kiến thức không thay đổi)
- **Tăng cường độ** làm việc của trò.

Giảng viên phải tìm cách nâng cao chất lượng giờ giảng, bài giảng, buộc các thầy phải không ngừng tìm tòi bổ sung kiến thức mới, đổi mới cách thức truyền đạt kiến thức để làm cho bài giảng ngày càng trở nên phong phú và sinh động hơn.

Bảng dưới đây cho thấy hình thức các giờ tín chỉ và các công việc người giảng viên cần chuẩn bị cho mỗi giờ tín chỉ đó

Giờ tín chỉ	Nhiệm vụ của giảng viên
Giờ lý thuyết	<ul style="list-style-type: none">- Xây dựng đề cương môn học (syllabus)- Xác định những mục tiêu cụ thể cần đạt được sau mỗi bài học- Chuẩn bị các câu hỏi để hỏi SV ở trên lớp, các bài tập, bài kiểm tra trên lớp và các tiêu chí đánh giá- Xác định các nội dung tự học và cách học cho SV, các vấn đề, các câu hỏi, bài tập, <i>các loại tài liệu phải đọc, phải tìm kiếm bổ sung</i> để SV chuẩn bị cho thảo luận trên lớp- <i>Xây dựng, thu thập, phân loại, hướng dẫn sử dụng các học liệu/tài liệu phục vụ cho việc tự học, tự nghiên cứu của SV</i>- Xây dựng kịch bản cho một giờ lên lớp- Hướng dẫn cách học cho SV để hoàn thành khối lượng kiến thức bài học- Hướng dẫn, đánh giá SV thảo luận, làm bài tập trên lớp (nếu có)

<p>Giờ thảo luận</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, yêu cầu, <i>tài liệu tham khảo</i> để từng nhóm hoặc từng SV chuẩn bị và trình bày. Chỉ rõ các địa chỉ thông tin để SV có thể tìm được và hoàn thành nhiệm vụ được giao - Soạn kịch bản về các vấn đề cần thảo luận cho từng buổi thảo luận - Tham dự, hướng dẫn, đạo diễn, nhận xét và tổng kết thảo luận - Đánh giá, cho điểm phần chuẩn bị trình bày, thảo luận của từng nhóm hoặc từng SV và tích lũy vào kết quả cuối của môn học
<p>Giờ hoạt động theo nhóm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và giao các nội dung, các vấn đề, công việc và các yêu cầu liên quan cho các nhóm SV thực hiện, <i>nguồn tài liệu tham khảo tối thiểu...</i> - Xây dựng và giao mẫu báo cáo bài tập nhóm/tháng và giải thích yêu cầu hoàn thành báo cáo - Thông báo thời gian nộp báo cáo và thời gian nhận thông tin phản hồi từ GV - Đánh giá kết quả làm việc theo nhóm SV và tích lũy vào kết quả đánh giá cuối cùng của môn học
<p>Giờ thực hành, thực tập, thí nghiệm</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị kịch bản cho từng buổi hướng dẫn thực hành, thực tập, thí nghiệm theo yêu cầu từng môn học, trong đó nêu các vấn đề an toàn lao động liên quan - Xây dựng và giao cho SV chuẩn bị nội dung, vấn đề trước khi triển khai - Chỉ đạo hoặc/và chuẩn bị các điều kiện cần thiết để SV làm thực hành - Hướng dẫn SV làm thực hành, thực tập, thí nghiệm - Theo dõi, đánh giá kết quả
<p>Tự học, tự nghiên cứu</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Xác định và giao nhiệm vụ tự học, tự nghiên cứu cho SV. Liệt kê đủ chi tiết các công việc SV phải làm - Biên soạn các tiêu chí đánh giá, xác định thời gian nộp báo cáo kết quả tự học, tự nghiên cứu của SV và thông báo cho SV ngay khi giao nhiệm vụ - Cung cấp tài liệu và giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tối thiểu SV cần đọc, nghiên cứu. Hướng dẫn cách thức tìm kiếm, xử lý thông tin khi tự học, tự nghiên cứu (chỉ rõ cách tìm kiếm theo cấu trúc kiến thức bài học, cụ thể đến từng chương, mục, trang... của các học liệu thông qua phiếu học tập phát cho SV trong giờ lên lớp của bài học đó) - Tạo điều kiện cho SV được tiếp xúc dễ dàng và nhận các tư vấn cần thiết - Đánh giá, nhận xét kết quả tự học, tự nghiên cứu; tận dụng thời gian trả bài như một giờ giải đáp và sửa lỗi cho SV Đánh giá kết quả tự học, tự nghiên cứu cho SV và tích lũy kết quả cuối cùng của môn học

Như vậy ta thấy công việc của người giảng viên cần chuẩn bị cho các hình thức giờ tín chỉ là rất nặng nề, trong đó phần quan trọng và không thể thiếu của tất cả các loại hình giờ tín chỉ là **nguồn học liệu**. Có thể thấy **tài liệu** là yếu tố cốt lõi xuyên suốt quy trình đào tạo theo tín chỉ. Như vậy giảng viên phải là người nắm bắt rõ những nguồn tài liệu nào cần thiết và phục vụ trực tiếp cho môn học mình phụ trách, từ đó hướng dẫn cho sinh viên để họ có thể chuẩn bị cho môn học. Trên thực tế, cán bộ thư viện chính là những người hiểu biết chính xác và đầy đủ nhất về

các nguồn học liệu đã, đang và sẽ có trong thư viện. Chính vì vậy, sự hợp tác của thư viện đối với các giảng viên đóng một vai trò rất quan trọng.

Có thể khẳng định rằng giảng viên của các trường đại học rất quan tâm đến thư viện. Họ cần phải sử dụng thư viện bởi sự thành công của họ ngày nay gắn liền với nghiên cứu và giảng dạy, và thư viện có các tài liệu giúp cho các giảng viên thành công trong cả hai lĩnh vực trên. Tuy nhiên có một thực tế là tự tương tác, mối quan hệ giữa các giảng viên và thư viện còn nhiều hạn chế. Trong khi thư viện đã được thay đổi nhờ sự tác động của công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin truyền thông (ICT) thì nhiều giảng viên đã không nhận biết được hoặc không cảm thấy thoải mái với các phương pháp phổ biến thông tin mới. Một xu hướng chung thường thấy là sự mâu thuẫn giữa cách nhìn nhận của hai phía (cán bộ thư viện và giảng viên) về một vấn đề: cán bộ thư viện luôn cảm nhận rất rõ sự thay đổi của chính mình, với cơ sở vật chất ngày càng khang trang hơn, các nguồn lực thông tin ngày càng phong phú đa dạng hơn; nhưng giảng viên lại cảm nhận thư viện dường như có quá ít những sự thay đổi, đặc biệt là những nguồn tài liệu, những thông tin phù hợp và cần thiết cho công việc của họ. Sự phát triển và đi lên của thư viện dường như chỉ được nhìn nhận khu biệt trong khuôn viên bốn bức tường thư viện chứ chưa mang lại một sự hữu ích thực sự và một sự đánh giá cao từ phía các giảng viên. Điều đó cho thấy công tác liên lạc, thông tin tuyên truyền giữa thư viện và đội ngũ giảng viên còn nhiều hạn chế. Chính vì vậy cán bộ thư viện cần phải tìm những cơ hội để có quan hệ mật thiết hơn với các giảng viên để hỗ trợ họ trong công tác giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là khi phương thức đào tạo chuyển từ niên chế sang tín chỉ. Thông qua sự hỗ trợ đó, thư viện sẽ nâng cao vai trò, vị trí và khẳng định tầm quan trọng cũng như chỗ đứng của mình trong phương thức đào tạo tiên tiến này.

2. Tăng cường mối quan hệ giữa cán bộ thư viện và giảng viên

Để thiết lập một mối quan hệ hợp tác chặt chẽ giữa thư viện và đội ngũ giảng viên trong các trường đại học, cán bộ thư viện có thể bắt đầu theo các cách thức sau:

Tổ chức “Phòng đọc giảng viên”. Có thể dễ dàng nhận thấy điểm hạn chế nhất khiến cho giảng viên hiện nay chưa quan tâm nhiều đến thư viện chính là thư viện chưa tạo dựng được một khoảng không gian riêng thích hợp và cần thiết cho họ. Hiện nay hầu hết các thư viện đại học ở Việt Nam chưa tổ chức được phòng đọc dành riêng cho giảng viên. Điều này có nghĩa là khi đến thư viện, giảng viên phải sử dụng chung các dịch vụ với sinh viên. Tâm lý chung của đội ngũ giảng viên là luôn mong muốn có những khoảng không gian thích hợp trong việc nghiên cứu và cập nhật những kiến thức mới. Nhiều giảng viên phàn nàn rằng họ không tìm được một vị trí thích hợp để làm việc trong thư viện, và việc phải sử dụng chung một phòng đọc rộng lớn với rất nhiều người đã làm giảm khả năng tập trung nghiên cứu và sáng tạo. Công việc nghiên cứu chỉ thực sự đạt được hiệu quả cao khi môi trường xung quanh thật sự yên tĩnh, có đầy đủ các trang thiết bị hỗ trợ và nguồn tài liệu tham khảo phù hợp. Việc nhiều thư viện chưa tổ chức được phòng đọc cho giảng viên đã gây ra sự cản trở và hạn chế một số lượng lớn giảng viên tìm đến với thư viện. Với lượng sinh viên đông đảo như hiện nay, việc các thầy “tìm được chỗ” trong thư viện quả là một thách thức. Không những thế, nhu cầu nghiên cứu và làm việc của đội ngũ giảng viên có những đặc thù riêng, cần những không gian riêng và những điều kiện, phương tiện thiết bị hỗ trợ. Chính vì vậy việc hình thành các phòng đọc dành cho giảng viên là công việc đầu tiên

mà các thư viện nên hướng tới. Các thư viện dù diện tích còn chật hẹp cũng nên nghiên cứu tổ chức và sắp xếp một cách hợp lý để có thể tạo ra một không gian dành riêng cho giảng viên. Đi kèm với đó là các nguồn tài liệu tham khảo phù hợp, trang bị hệ thống máy tính, các đường kết nối Internet... để giảng viên có thể truy cập và sử dụng một cách hiệu quả. Tất cả những điều kiện thuận lợi đó sẽ góp phần thu hút giảng viên đến với thư viện nhiều hơn, trên cơ sở đó thiết lập mối quan hệ qua lại thường xuyên giữa đội ngũ giảng viên và cán bộ thư viện.

Công tác phát triển vốn tài liệu của thư viện cũng là một trong những cách hiệu quả để bắt đầu mối quan hệ với các giảng viên. Những đóng góp của giảng viên vào việc phát triển vốn tài liệu có ý nghĩa quan trọng. Cán bộ thư viện có thể sử dụng nhiều cách thức khác nhau để xác định nhu cầu của giảng viên thông qua các biện pháp trao đổi, phỏng vấn, sử dụng bản hỏi... để nhận được sự đánh giá về mức độ thoả mãn đối với nguồn lực thông tin hiện có. Điều này có thể bao gồm cả đánh giá về nguồn tài liệu hiện có, xác định diện bỏ xung những nguồn tài liệu cần thiết cũng như xác lập danh mục những nguồn tài liệu ít giá trị, không còn phù hợp hoặc lỗi thời để tiến hành thanh lý. Tất cả những yếu tố trên sẽ góp phần làm nâng cao chất lượng vốn tài liệu thư viện, phù hợp và đáp ứng hữu hiệu nhất cho nhu cầu của người dùng tin. Bên cạnh việc thảo luận về các nguồn tài liệu, cũng cần có các thông tin phản hồi về chất lượng dịch vụ hiện có của thư viện, từ đó xác lập việc duy trì hay bổ sung thêm các hình thức dịch vụ mới để cung cấp vốn tài liệu tới người dùng tin một cách hiệu quả nhất.

Tổ chức các cuộc gặp định kỳ. Công tác liên hệ cần bao gồm những hoạt động như các cuộc gặp gỡ định kỳ với giảng viên về dự định phát triển các bài giảng của họ và những nguồn tin mới cần có phục vụ cho việc phát triển bài giảng. Sự bùng nổ thông tin và việc những tri thức mới, những vấn đề mới nảy sinh trong môn học hay chuyên ngành mà giảng viên phụ trách khiến họ phải luôn luôn cập nhật và đổi mới bài giảng, giáo trình của mình. Việc bổ sung những kiến thức mới là hết sức cần thiết, tạo điều kiện cho các thông tin trong bài giảng không bị lạc hậu, lỗi thời. Vì vậy, trong các cuộc gặp gỡ định kỳ đó, giảng viên có thể trình bày với cán bộ thư viện ý định của mình về việc bổ sung hoặc cắt giảm các phần trong bài giảng của họ. Trên cơ sở đó cán bộ thư viện sẽ tư vấn cho giảng viên các nguồn tài liệu tham khảo cần thiết phục vụ cho những nội dung mới trong bài giảng. Điều này sẽ rất hữu ích cho giảng viên trong việc nắm bắt và làm chủ các nguồn thông tin cần thiết trong quá trình mở rộng phạm vi nội dung bài giảng. Trong đào tạo theo tín chỉ, giảng viên sẽ *không chỉ truyền đạt tri thức* mà còn phải biết *chỉ dẫn cho sinh viên những nguồn tri thức, nguồn tài liệu hữu ích để họ tự học, tự tham khảo*. Điều này rất quan trọng, bởi ngoài thời gian học tập trên lớp; học tập trong phòng thí nghiệm hay thực tập; sinh viên còn phải dành thời gian cho việc tự học ngoài lớp như đọc sách, nghiên cứu, tự giải quyết vấn đề hoặc chuẩn bị bài. Vì vậy, giảng viên cần biết rõ các nguồn thông tin có liên quan đến môn học, ngành học của mình trong thư viện, từ đó hướng dẫn cho sinh viên.

Hiểu biết nhất định về chuyên ngành. Để có thể làm tốt công tác liên hệ với giảng viên, nếu có điều kiện thì cán bộ thư viện nên có hiểu biết nhất định về chuyên ngành hoặc thể hiện mối quan tâm đến lĩnh vực chuyên ngành để làm cho các giảng viên tin cậy hơn. Giảng viên sẽ thật sự hào hứng và cộng tác nếu cán bộ có kiến thức nhất định về chuyên ngành của họ. Điều này là khác quan trọng, đặc biệt là đối với các thư viện chuyên ngành, khi mà vốn tài liệu chỉ tập trung vào một chuyên ngành hẹp (VD: Thư viện Trường Luật, Thư viện Trường Kinh tế...). Cán

bộ thư viện hiện nay chỉ đào tạo đơn ngành (thư viện học), nhưng khi ra công tác thì có thể họ sẽ nhận công việc ở một thư viện đa ngành hoặc ở một chuyên ngành khoa học cụ thể. Lúc đó cán bộ thư viện cần được đào tạo thêm kiến thức chuyên môn về ngành khoa học đó, hoặc tối thiểu cũng phải nắm được những khối lượng kiến thức cơ bản của chuyên ngành. Từ đó, công tác phục vụ, xử lý nghiệp vụ cũng như hướng dẫn tra cứu cho người dùng tin mới đảm bảo đạt yêu cầu và chất lượng. Khi cán bộ thư viện có hiểu biết về lĩnh vực chuyên ngành mà cán bộ giảng dạy quan tâm, họ có thể cung cấp những thông tin cập nhật về tài liệu mới có trong thư viện.

Thăm quan thư viện. Việc mời các giảng viên đến thư viện để xem giới thiệu sách mới, những cơ sở dữ liệu mới, thăm quan các phương tiện – trang thiết bị mới trong khu vực dịch vụ của thư viện, gặp gỡ cán bộ thư viện sẽ rất hữu ích, bởi nó giúp giảng viên cảm thấy mình là nhóm khách hàng đặc biệt và được quan tâm chào đón. Điều này tạo ra sự gần gũi, tăng cường tính liên kết và tạo ra mối liên hệ thường xuyên giữa cán bộ thư viện và giảng viên.

3. Kết luận

Như vậy, có thể thấy thông qua công tác liên hệ hiệu quả, thư viện có khả năng gắn kết chính sách bổ sung và dịch vụ của mình với nhu cầu của giảng viên. Điều đó sẽ làm tăng cường mối liên hệ của thư viện với người dùng tin trong trường đại học. Nó cho phép giảng viên nêu lên nhu cầu và mong muốn của mình cho cán bộ thư viện, những người có hiểu biết nhất định về chuyên ngành và những mối quan tâm của bạn đọc. Sự tương tác và mối quan tâm dài hạn của cán bộ thư viện đối với công tác nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên sẽ dẫn đến mối quan hệ đầy ý nghĩa, có tác dụng trên cả hai mặt. **Thứ nhất**, nó cho phép đẩy mạnh công tác nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, làm cho công tác này phát huy được hiệu quả một cách rõ rệt nhờ sự hỗ trợ đắc lực của nguồn tư liệu dồi dào và sẵn có nơi thư viện. **Thứ hai**, nó tạo điều kiện cho thư viện có thể có định hướng đúng và chủ động trong việc phát triển vốn tài liệu của mình sao cho phù hợp với nhu cầu của các đối tượng người sử dụng. Trên cơ sở các vốn tài liệu được bổ sung, thư viện cũng có thể nghiên cứu, xử lý và đưa ra các hình thức phục vụ, các dịch vụ thư viện phù hợp nhất với giảng viên và sinh viên.

Đó chính là lý do tại sao ngày nay người cán bộ thư viện phải trở thành những *người tư vấn một cách chủ động* chứ không thể chỉ là những *liên lạc viên thụ động*. Đó là những con người sẽ vươn ra khỏi khuôn viên của thư viện để đến tư vấn và làm việc cùng với giảng viên. Thông qua sự phối hợp hiệu quả đó, thư viện sẽ nâng cao vai trò, vị trí của mình trong quá trình phục vụ công tác đào tạo, đưa thư viện thực sự trở thành “người thầy thứ hai”, “giảng đường thứ hai”, xứng đáng là trái tim trong trường đại học.

NHIỆM VỤ ĐỔI MỚI PPGD THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở KHOA KHOA HỌC TỰ NHIÊN

*ThS. Hà Quế Cường
Khoa Khoa học Tự nhiên*

1. Mở đầu

Trong “Chương trình hành động của chính phủ” thực hiện nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa XI, kỳ họp thứ sáu của Quốc hội về giáo dục đã chỉ rõ: “Mở rộng, áp dụng học chế tín chỉ trong đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ...”. Đề án đổi mới giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020 đã được Chính phủ phê duyệt cũng khẳng định: “... xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học ở nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ...”. Cho đến nay, cả nước đã có hơn 20 trường trong toàn quốc chuyển đổi sang đào tạo theo Hệ thống tín chỉ với lộ trình và bước đi hợp lý.

Nếu như, trong đào tạo theo học phần – niên chế, sinh viên phải học theo tất cả những gì Nhà trường sắp đặt, không phân biệt sinh viên có điều kiện, năng lực tốt, hay sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, năng lực yếu. Ngược lại, đào tạo theo Hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên có thể chủ động học theo điều kiện và năng lực của mình. Những sinh viên giỏi có thể học theo đúng hoặc học vượt kế hoạch học tập toàn khóa, kế hoạch học tập từng học kỳ theo gợi ý của Nhà trường, để tốt nghiệp theo đúng thời gian chuẩn của chương trình hoặc sớm hơn. Những sinh viên bình thường và yếu có thể kéo dài thời gian học tập trong trường và tốt nghiệp muộn hơn. Vì thế, sinh viên phải tự lập kế hoạch học tập toàn khóa và từng học kỳ cho phù hợp với năng lực và điều kiện cụ thể của bản thân dưới sự giúp đỡ của giáo viên chủ nhiệm hay cố vấn học tập. Toàn bộ hệ thống quản lý đào tạo, quản lý sinh viên vì thế phải vận hành theo yêu cầu riêng của từng sinh viên làm cho quá trình quản lý trở nên hết sức phức tạp so với đào tạo theo học phần - niên chế. Chương trình đào tạo của tất cả các ngành đều phải cấu trúc lại theo hướng mô đun hóa thành những học phần; lịch trình giảng dạy phải thực hiện hết sức chính xác, không được đổi giờ hoặc bỏ giờ; mỗi giảng viên, mỗi sinh viên đều có thời khóa biểu riêng, không theo một quy luật nào cả v.v. Vì thế, nếu trước kia sinh viên phải “chạy” theo kế hoạch của nhà trường thì bây giờ nhà trường phải “chạy” theo kế hoạch của từng sinh viên. Khi triển khai đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, trong học kỳ thứ nhất và thứ hai, các nhà trường đều gặp phải những khó khăn nhất định, đó cũng là điều tất yếu, vì đào tạo theo Hệ thống tín chỉ yêu cầu một hệ thống quản lý khoa học, chặt chẽ, linh hoạt và mềm dẻo. Đào tạo theo tín chỉ còn đòi hỏi cả người dạy và người học phải thay đổi cách tư duy, đổi mới phương pháp dạy và học từ bị động sang chủ động một cách nghiêm túc. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chỉ có thể thành công, đi vào thể ổn định và phát triển, khi có sự chỉ đạo rất kiên quyết và khoa học của Ban giám hiệu, sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong trường, đội ngũ giảng viên nhận thức được trách nhiệm và tham gia vào quá trình đào tạo một cách tự giác, bằng cả tâm lòng của người thầy.

Trong thời gian qua, Trường Đại học Hùng Vương đã, đang chuẩn bị các điều kiện và từng bước chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ, bước đầu áp dụng cho khoá đào tạo K7 đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung.

Khoa Khoa học Tự nhiên thực hiện chức năng đào tạo các ngành Sư phạm và trong năm học qua tiến hành đào tạo theo học chế tín chỉ cho lớp K7. CĐSP Thể dục – CTĐ, chuẩn bị đào tạo các ngành ĐHSP Sinh học, CĐSP Hoá – Sinh, ĐHSP Hoá học trong các năm học tới. Trong

lộ trình đổi mới giáo dục đại học của nhà trường, Khoa Khoa học Tự nhiên đang từng bước chuyển đổi sang hình thức đào tạo mới này với nhiều khó khăn và thách thức.

2. Nhiệm vụ đổi mới PPGD theo học chế tín chỉ ở khoa KHTN

2.1 Những công việc đã làm được

Nhận thức về chuyển đổi đào tạo theo học chế tín chỉ đã được quán triệt tới toàn thể cán bộ, giảng viên của khoa.

Trong thời gian qua, khoa đã chỉ đạo các bộ môn cấu trúc lại chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ của các ngành CĐSP Thê dục – CTĐ, CĐPP Hoá – Sinh và xây dựng chương trình đào tạo mới cho ngành ĐHSP Sinh học, ĐHSP Hoá học theo yêu cầu của nhà trường. Hoạt động dạy - học đã được quan tâm. Giảng viên các bộ môn đã trú trọng đổi mới PPDH theo hướng tích cực hoá, kết hợp các phương pháp giảng dạy hợp lý; thực hiện quá trình đào tạo; gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học. Nhiều giảng viên đi học cao học, nghiên cứu sinh nâng cao năng lực chuyên môn và phương pháp giảng dạy. Nhiều giảng viên tham gia các buổi tập huấn, học tập kinh nghiệm về đổi mới PPGD.

Sinh viên trong khoa đã được học tập, trao đổi về phương pháp học tập tích cực từ các giảng viên và qua hội nghị học tốt cho sinh viên của Khoa.

2.2 Tồn tại

Việc chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ mới được thực hiện nên chưa đồng bộ, chưa đạt kết quả cao, cụ thể:

- Nhận thức về đào tạo theo học chế tín chỉ chưa đầy đủ, chưa chủ động được với phương thức đào tạo mới này.

- Do mới thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ ở học kỳ thứ 2 (K7. CĐSP TD-CTĐ và một số mảng kiến thức cho các ngành của khoa khác) nên khoa chưa tổ chức đánh giá, bổ sung, điều chỉnh cấu trúc, nội dung các chương trình đào tạo.

- Việc đổi mới PPGD của giảng viên và phương pháp học tập của sinh viên chưa đồng bộ. Giảng viên chưa thích nghi với PPGD mới, phần nhiều là thuyết trình. Kế hoạch giảng dạy của giảng viên còn chung chung, chưa xác định cụ thể mảng kiến thức giành cho thảo luận, thuyết trình hay tự học, ... Giờ học của một số giảng viên chủ yếu tập trung cung cấp kiến thức cho sinh viên mà chưa trú trọng hướng dẫn sinh viên học tập.

- Giờ học các ngành có nhiều nội dung thực hành như Hoá học, Sinh học không đảm bảo về mặt thời gian, không tránh khỏi sự quá tải kiến thức cho sinh viên, thậm chí rất vất vả cho giảng viên, sinh viên mới thực hiện được hết chương trình.

- Một bộ phận không nhỏ sinh viên còn thụ động trong quá trình học, chưa nhận thức đầy đủ về quá trình học tập của bản thân.

2.3 Kế hoạch

Để công tác đào tạo theo học chế tín chỉ đạt kết quả tốt, khoa khoa học tự nhiên cần thực hiện các công việc chính sau:

1. Giảng viên cần nhận thức rõ ràng việc chuyển đổi đào tạo theo học chế tín chỉ, tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu nội dung quy chế đào tạo, đặc điểm của phương pháp đào tạo này để vận dụng vào thực tiễn giảng dạy, nghiên cứu khoa học.

2. Cấu trúc lại nội dung chương trình đào tạo, nội dung các học phần, xác định rõ các yêu cầu, tiến trình dạy học thông qua việc môđun hoá các mảng kiến thức.

3. Việc thay đổi tư duy, thay đổi PPGD có tính chất quyết định đến chất lượng giáo dục. Giảng viên cần lựa chọn, thực hiện các PPGD thích hợp với đặc điểm chuyên môn của mình, trú trọng ứng dụng CNTT trong đổi mới PPGD. Các bộ môn tập trung trao đổi về PPGD trong các buổi sinh hoạt chuyên môn.

Bên cạnh đó, giảng viên cần trao đổi, hướng dẫn sinh viên các phương pháp học tập tích cực.

TRAO ĐỔI MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ TẠI BỘ MÔN HOÁ HỌC TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

*ThS. Triệu Quý Hùng
Khoa Khoa học Tự nhiên*

1. Đặt vấn đề

1.1 Học chế tín chỉ ra đời năm 1872 tại Đại học Harvard (Hoa Kỳ)

Phát triển rất nhanh, lan rộng ra toàn nước Mỹ và từ đầu thế kỷ 20 mở rộng ra Bắc Mỹ và thế giới (đặc biệt là các nước đang phát triển).

+ Cơ sở triết lý của đào tạo theo hệ thống tín chỉ:

- Tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo
- Chương trình đào tạo phải mềm dẻo để trường đại học dễ dàng đáp ứng các nhu cầu

luôn biến động của thị trường nhân lực

1.2. Ở Việt Nam:

+ Quyết định số 73/2005/QĐ-TTg ngày 6/4/2005 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 37/2004/QH11 khóa XI kỳ họp thứ 6 của Quốc hội về giáo dục:

...Điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách quy chế đào tạo, tuyển sinh theo hướng mở rộng áp dụng học chế tín chỉ trong đào tạo đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp,...

+ Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006-2020:

...Xây dựng và thực hiện lộ trình chuyển sang chế độ đào tạo theo hệ thống tín chỉ, tạo điều kiện thuận lợi để người học tích lũy kiến thức, chuyển đổi ngành nghề, liên thông chuyển tiếp tới các cấp học tiếp theo ở trong nước và ở nước ngoài.

+ Chỉ thị về nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo từ năm học 2008 – 2009:

... Các trường chuẩn bị đủ các điều kiện cần thiết và lộ trình hợp lý để chuyển sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ vào năm học 2009 – 2010 hoặc muộn nhất là vào năm học 2010 – 2011...

1.3. Tại Trường Đại học Hùng Vương: Đã có kế hoạch, chuẩn bị và đã chuyển đổi sang đào tạo theo học chế tín chỉ cho các khoá tuyển sinh từ năm học 2009 – 2010 (tính từ các lớp K7 ĐH, CĐ).

2. THỰC TRẠNG VÀ MỘT SỐ Ý KIẾN

2.1. Thực trạng

+ Đã triển khai đào tạo theo học chế tín chỉ từ năm học 2009 – 2010 cho các lớp K7 ĐH, CĐ trong trường.

Xây dựng, cấu trúc lại chương trình đào tạo, tập huấn đào tạo theo học chế tín chỉ, ban hành sổ tay cố vấn học tập, cử cố vấn học tập, biên soạn bài giảng, giáo trình, ...

Kết quả: Sau hơn một học kỳ cả giảng viên, sinh viên đều chưa thích ứng với hình thức đào tạo này.

Câu hỏi đặt ra là:

- Bản chất của đào tạo theo học chế tín chỉ là gì? Nhận thức của giảng viên, sinh viên như thế nào về vấn đề này?
- Các điều kiện và lộ trình chuyển đổi đào tạo theo học chế tín chỉ như thế nào?

Cần phải lưu ý rằng đào tạo theo hệ thống tín chỉ chỉ là một loại hình đào tạo mà nhiều nước tiên tiến áp dụng và chúng ta đang dần chuyển đổi sang loại hình đào tạo này nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học.

- Với việc chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo hệ thống tín chỉ, chương trình đào tạo được cấu trúc lại trong đó có sự giảm thời gian lên lớp, tăng thời gian chuẩn bị của sinh viên. Một cách chuyển đổi cơ học:

- Đơn vị học trình = 15 tiết lên lớp + 15 giờ chuẩn bị cá nhân
= 30 tiết/giờ

- Tín chỉ = 15 tiết lên lớp + 30 giờ chuẩn bị cá nhân
= 45 tiết/giờ

→ **1 tín chỉ = 1,5 đơn vị học trình**

Việc thực hiện chương trình đào tạo như thế nào? PPDH của giảng viên, PP học tập của sinh viên cần thay đổi như thế nào để phù hợp với thời lượng trên lớp giảm đi mà vẫn đảm bảo nội dung chương trình thậm chí còn cần đạt hiệu quả giáo dục cao?

+ **Về chương trình đào tạo:** Trong thời gian qua Bộ môn Hoá học thực hiện đào tạo ngành Hoá học – môn 2 cho ngành CĐSP Vật lý và một số học phần hoá học của các ngành Trồng trọt, Chăn nuôi – Thú y.

- Các chương trình được cấu trúc lại, gồm có:

CSDSP Lý – Hoá: Ngành phụ Hoá học – môn 2:

35 đvht → 18 tín chỉ (không hợp lý)

Ngành Trồng trọt, Chăn nuôi – Thú y:

Học phần Hoá học 6 đvht → 3 tín chỉ (không hợp lý)

Hoá học phân tích 3 đvht → 2 tín chỉ (hợp lý)

Về thời lượng các học phần trên là chưa hợp lý. Hơn nữa nhiều học phần chỉ là sự cộng gộp chương trình cũ với thời lượng như trên rất khó khăn cho giảng viên và sinh viên khi dạy - học các học phần đó.

+ Về phương pháp DẠY - HỌC của giảng viên hoá học và sinh viên:

Các giảng viên và sinh viên đều mới bước đầu làm quen với loại hình đào tạo mới này nên còn nhiều hạn chế. Thậm chí giảng viên còn có những hạn chế nhất định về mặt chuyên môn và PPGD ở bậc đại học.

Thời gian trên lớp của giảng viên chủ yếu là thuyết trình. Giảng viên kết hợp việc dạy – đi học nên không tránh khỏi thực hiện nhiều giờ trong một tuần.

Lớp học đông sinh viên (57 SV K7TT+K7CN-TY; 47 SV K7-CĐSP Lý – Hoá A), chưa có sự chia nhóm thảo luận, đa số chỉ là các câu hỏi đơn lẻ giảng viên giao thông qua các câu hỏi, bài tập về nhà hoặc trực tiếp trên lớp cho sinh viên.

Sinh viên đa số còn thụ động, chưa khắc phục lối học cũ của phổ thông, thậm chí một bộ phận sinh viên còn chưa quan tâm tới việc học tập (trong giờ học thay vì đọc giáo trình thì sinh viên đọc tài liệu ôn thi đại học).

2. Một số ý kiến:

2.1 Quán triệt nhận thức đối với giảng viên, sinh viên về đào tạo theo học chế tín chỉ vì đào tạo theo học chế tín chỉ có quy trình đào tạo mềm dẻo, chương trình đào tạo mềm dẻo nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, việc đánh giá kết quả học tập là chặt chẽ, xúc tiến quá trình hội nhập và quốc tế hoá trong giáo dục đại học. Hơn nữa đây là nhiệm vụ bắt buộc mà nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo và trường ĐHHV yêu cầu trong tiến trình đổi mới toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

2.2 Cần cấu trúc lại chương trình một cách cân đối, hợp lý về thời lượng và nội dung các học phần. Chương trình đào tạo cần ổn định và được công khai.

2.3 Cần đổi mới phương pháp dạy và học. Đây là yếu tố có tính chất quyết định tới chất lượng đào tạo.

Cần sử dụng linh hoạt các PPGD phù hợp với từng nội dung cần truyền đạt cho sinh viên.

+ Mỗi học phần cần xác định rõ các nội dung về lý thuyết, bài tập, số tiết thảo luận và thảo luận về nội dung nào. Nội dung nào giảng viên thuyết trình trên lớp (có thể đông sinh viên); nội dung nào thảo luận (chia nhóm, với số ít sinh viên), ... Việc này cần được thống nhất ở bộ môn, bộ môn có vai trò chủ đạo.

+ Sinh viên được học tập, trao đổi về phương pháp học tập tích cực.

ĐÔI NÉT VỀ THỰC TRẠNG ÁP DỤNG HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÙNG VƯƠNG

*Nguyễn Bích Thuý
Khoa Khoa học Tự nhiên*

1. Sơ lược lịch sử về học chế tín chỉ

Xuất phát từ đòi hỏi qui trình đào tạo phải tổ chức sao cho mỗi sinh viên có thể tìm được một cách học thích hợp nhất cho chính bản thân mình, đồng thời các trường đại học, cao đẳng phải nhanh chóng đáp ứng được nhu cầu của thực tiễn cuộc sống. Vào năm 1872 Viện đại học Harvard Hoa Kỳ đã quyết định thay thế hệ thống chương trình đào tạo theo niên chế cứng nhắc, bằng hệ thống chương trình mềm dẻo cấu thành bởi các mô đun, mà mỗi sinh viên có thể lựa chọn một cách rộng rãi và đó có thể được coi là học chế tín chỉ được khai sinh từ đó.

Đến đầu thế kỷ XX hệ thống tín chỉ được áp dụng rộng rãi ở hầu khắp các trường đại học ở Hoa kỳ. Và trước năm 1975 một số trường Đại học chịu ảnh hưởng của Mỹ tại Miền Nam Việt nam đã áp dụng đào tạo học chế tín chỉ như : Viện Đại học Cần Thơ, Viện Đại học Thủ Đức.

Vào cuối năm 1986 cùng với sự chuyển đổi của nền kinh tế hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường, theo định hướng Xã hội chủ nghĩa, thì giáo dục đại học ở nước ta cũng có nhiều thay đổi. Trường đại học Bách Khoa thành phố Hồ Chí Minh là nơi đầu tiên áp dụng triển khai học chế tín chỉ vào năm 1993 , rồi đến các trường Đại học Đà Lạt, Đại học Cần Thơ, Đại học Thủy sản... và cho đến ngày nay có khoảng 20 trường đại học trong cả nước thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ với các sắc thái và mức độ khác nhau, trong đó có trường Đại học Hùng Vương. Quyết định số 580 / QĐ- ĐHHV- ĐT ngày 14/10/2009 Hiệu Trưởng Trường Đại học Hùng Vương đã ra quyết định về việc ban hành qui định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ.

2. Đặc điểm chung của hệ thống tín chỉ

Bản chất của đào tạo theo hệ thống tín chỉ là sự tích lũy kiến thức được qui định trong các chương trình đào tạo. Sự tích lũy được đánh giá bằng tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu và điểm trung bình chung tích lũy tối thiểu qui định cho mỗi chương trình để sinh viên có thể tốt nghiệp.

Có hai loại học phần trong học chế tín chỉ đó là : Học phần bắt buộc và học phần tự chọn:

- Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình mà bắt buộc sinh viên phải tích lũy.

- Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết nhưng sinh viên được tự chọn, theo hướng dẫn của trường, nhằm đa dạng hoá hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tuỳ ý, để tích lũy đủ số học phần qui định cho mỗi chương trình.

- Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. một tín chỉ được tính bằng 15 tiết lý thuyết , 30 – 45 thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận , 45- 90 giờ thực tập tại cơ sở, 45- 60 giờ làm tiểu luận , bài tập lớn hoặc đề án, khoa luận tốt nghiệp. Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm để tiếp thu được 1 tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

- Đối với chương trình khối lượng của từng học phần đã được tính theo đơn vị học trình thì 1,5 đơn vị học trình được qui đổi thành 1 tín chỉ. Một tiết học được thực hiện trong 50 phút.

- Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau từng học kỳ theo các tiêu chí

- + Số tín chỉ của các học phần mà sinh viên đăng ký học vào đầu mỗi học kỳ.
- + Điểm trung bình chung học kỳ là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà sinh viên đăng ký học trong học kỳ đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần.
- + Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá theo thang điểm chữ A,B,C,D tính từ đầu khoá học .
- + Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A,B,C,D, mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khoá học cho tới thời điểm được xem xét vào lúc kết thúc mỗi học kỳ.

3. Thực trạng về việc áp dụng đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở Trường Đại học Hùng Vương

Thực hiện qui chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính qui theo hệ thống tín chỉ , ban hành kèm theo quyết định số 43/2007/BGDĐT ngày 15/8/2007 của BGD&ĐT năm học 2009-2010 trường Đại học Hùng Vương đã áp dụng đào tạo học chế tín chỉ cho sinh viên năm thứ nhất ở tất cả các ngành học theo đúng qui chế và hướng dẫn của Bộ. Bước đầu chúng tôi nhận thấy đào tạo theo hệ thống tín chỉ là điều kiện rất tốt cho sự phát triển năng lực của người học. Trong đào tạo niên chế sinh viên phải học tất cả những gì mà nhà trường sắp đặt, không phân biệt sinh viên có điều kiện hay năng lực tốt, hay sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, năng lực yếu. Ngược lại đào tạo tín chỉ sinh viên có điều kiện chủ động, thể hiện mình. Với những sinh viên giỏi có thể học vượt kế hoạch trong toàn khoá học. Vì vậy tổ chức đào tạo đòi hỏi phải rất khoa học, chính xác mềm dẻo và linh hoạt. Sau 1 năm thực hiện chương trình, chúng tôi thấy học chế tín chỉ có rất nhiều ưu điểm so với đào tạo niên chế nhưng cũng không ít những khó khăn

Một số ưu điểm nổi bật:

- + Hiệu quả đào tạo cao : Học chế tín chỉ cho phép sinh viên ghi nhận kịp thời tiến trình tích lũy kiến thức và kỹ năng của sinh viên.
- + Sinh viên hình dung và định lượng ra tất cả các yêu cầu đối với bản thân trong từng giai đoạn cũng như trong suốt cả quá trình học tập của mình.
- +Tạo điều kiện cho sinh viên chủ động lên kế hoạch, thiết kế hoạch học tập và thực hiện việc học tập của mình theo năng lực và điều kiện của mình, làm chủ thời gian và công việc.
- +Tăng cường tính mềm dẻo và khả năng thích ứng cao.Giúp sinh viên có thể chuyển đổi từ khoá học này sang khoá học khác trong cùng một hệ thống hay khác hệ thống mà không phải học lại từ đầu.

Một số nhược điểm:

- + Kiến thức bị cắt vụn. Phần lớn các mô đun trong học chế tín chỉ được qui định tương đối nhỏ chủ yếu là 2 hoặc 3 tín chỉ thậm chí còn 01 tín chỉ, do đó không đủ thời gian để trình bày kiến thức thật sự có đầu, có đuôi theo một trình tự diễn biến liên tục. Từ đó gây ra một ấn tượng kiến thức bị cắt vụn
- + Khó khăn tạo sự gắn kết trong sinh viên vì các lớp học học phần không ổn định, khó xây dựng các tập thể gắn kết chặt chẽ như các lớp đào tạo theo niên chế

Khó khăn:

- + Là năm học đầu tiên áp dụng học chế tín chỉ nên chưa có số liệu thông tin phản hồi hoàn chỉnh từ nhà sử dụng sản phẩm đầu ra, chưa có những đúc kết thực tiễn từ người dạy theo phương thức đào tạo đang hiện hành.
- + Người học chưa quen với mô hình đào tạo này do điều kiện dịch vụ phục vụ cho mô hình này chưa đáp ứng kịp yêu cầu.

+ Đội ngũ cố vấn học tập còn chưa chuyên nghiệp, chưa phát huy hết vai trò cố vấn cho sinh viên

+ Đề cương chi tiết môn học , kiểm tra đánh giá học phần công khai đến sinh viên còn nhiều hạn chế.

+ Sự chuyển đổi cơ chế từ đào tạo niên chế sang đào tạo học chế tín chỉ đòi hỏi có sự tìm hiểu thấu đáo và cần có thời gian tiếp cận và hoàn thiện dần.

+ Về phía sinh viên sức ỳ lớn nhất là các em vẫn quen với tác phong học tập bị động, phụ thuộc nhiều vào nội dung kiến thức mà thầy cô truyền đạt.

+ Về phía nhà trường là một trường Đại học mới được thành lập nên số lượng sinh viên ít việc tổ chức lớp học sinh viên và lớp học học phần còn khó khăn.

4. Đổi mới phương pháp dạy học theo học chế tín chỉ

- Việc đổi mới PPDH trong nhà trường là một việc làm hết sức quan trọng trong việc phát triển kinh tế của đất nước. Để một trường đại học được tồn tại chất lượng giáo dục được nâng cao thì không còn con đường nào khác là phải đổi mới PPDH, chuyển cho người học từ học bị động sang chủ động. Điều này không đơn giản là áp dụng thiết bị hiện đại vào dạy học mà cơ bản là phải hướng cho sinh viên cách học , biết tự học và tạo ra một môi trường dạy học tích cực và thân thiện. Để tạo ra một môi trường dạy học thân thiện thì điều đầu tiên phải có được sự tương tác giữa thầy và trò mà sự tương tác giữa thầy và trò được thể hiện rất rõ trong các giờ thảo luận và thực hành ngoài trời. Trong các tiết học đó người thầy có thể hướng dẫn cho trò tự học, tự vận động sáng tạo, đi tới đích bằng con đường không được vẽ sẵn. Muốn vậy người thầy phải tạo ra được một môi trường học nghiêm túc nhưng thân thiện , nó thể hiện ở ý thức của người thầy từ khâu chuẩn bị chu đáo bài giảng cho đến khâu sử dụng thành thạo các thiết bị hỗ trợ giảng dạy.

- Như vậy học theo học chế tín chỉ, thì số giờ giảng lý thuyết trên lớp của người thầy ít đi, nhưng số giờ tự học của sinh viên được tăng lên vì vậy người thầy có thể tổ chức được lớp tự học của sinh viên tốt, phải tạo được ý thức tự giác học tập cho sinh viên tốt, bằng cách qui định khối lượng tài liệu phải đọc và phải tham khảo cho mỗi học phần và cách ra đề thi cho mỗi học phần là dựa vào yêu cầu môn học và khối lượng tài liệu qui định, chứ không phải chỉ dựa vào những kiến thức mà giáo viên đã trình bày trên lớp và giáo viên cũng kiểm tra việc học ngoài giờ của sinh viên

Kết luận : Thế giới ngày nay đang khuyến khích các hệ thống mở nhiều lựa chọn và thiên về người học. Hệ thống đào tạo theo tín chỉ có đầy đủ các tiêu chí đó và có rất nhiều ưu điểm mà chúng ta cần khai thác và sử dụng. Đào tạo theo hệ thống tín chỉ sẽ thành công, đi vào thế ổn định và phát triển khi có sự chỉ đạo rất kiên quyết và khoa học của Ban Giám hiệu và đặc biệt của thầy Hiệu trưởng, sự phối hợp đồng bộ giữa các đơn vị trong trường, các giảng viên nhận thức được trách nhiệm đào tạo và tham gia vào quá trình đào tạo một cách tự giác bằng tất cả tâm huyết của một người thầy

HÌNH THÀNH CÁC MÔĐUN DẠY HỌC MỘT TRONG CÁC HƯỚNG THỰC HIỆN ĐỔI MỚI PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ Ở ĐẠI HỌC

*Th.s Vũ Hương Giang
Khoa Khoa học Tự nhiên*

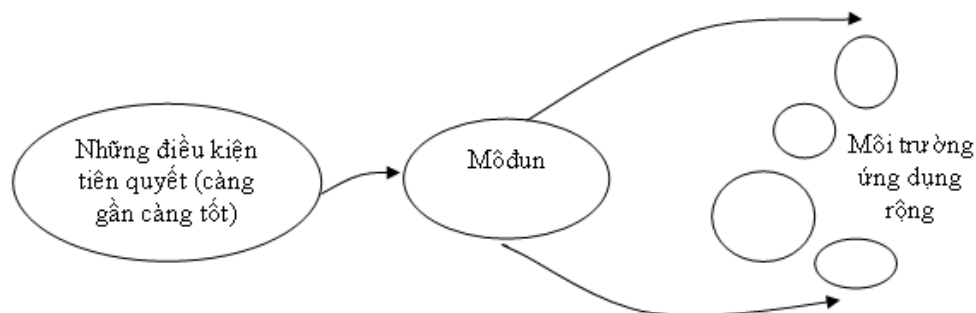
Đề án đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2006 – 2020 được Bộ Giáo dục và Đào tạo triển khai, khi định hình mục tiêu chung trong phát triển giáo dục đại học đến năm 2020 có nhấn mạnh đến các nhiệm vụ và giải pháp lớn, trong đó có đề cập đến việc “xây dựng học chế tín chỉ thích hợp cho giáo dục đại học nước ta và vạch ra lộ trình hợp lý để toàn bộ hệ thống giáo dục đại học chuyển sang đào tạo theo học chế tín chỉ, tạo thuận lợi cho người học có thể tích lũy dần kiến thức theo kỹ năng và điều kiện của mình, có thể di chuyển học tập trong nước và quốc tế”. Theo chủ trương của Chính phủ, đến năm 2010 hầu hết các trường đại học chuyển sang mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

Trường Đại học Hùng Vương tuy mới thành lập, với loại hình đặc thù là trường đại học đa cấp, đa ngành, thực hiện đào tạo liên thông, trường đang từng bước triển khai chương trình đào tạo theo học chế tín chỉ và tiếp tục hoàn thiện mô hình đó trong quá trình đào tạo sau này. Theo đó, học chế tín chỉ là một học chế được thiết kế theo tinh thần tích lũy từng môđun môn học. Môđun hóa nội dung dạy học thể hiện qua các môn học là một trong những phương hướng nhằm tạo ra các điều kiện trực tiếp cho sự thay đổi phương pháp dạy học. Chính vì vậy, việc hình thành các môđun dạy học có thể nói là một trong các hướng nhằm thực hiện đổi mới phương pháp dạy học ở đại học, đặc biệt là trong đào tạo theo học chế tín chỉ.

Trước hết chúng ta cần hiểu môđun dạy học là gì? Đó là đơn vị chương trình dạy học tương đối độc lập, được cấu trúc một cách đặc biệt, nhằm phục vụ cho người học và chứa đựng cả mục tiêu dạy học, nội dung dạy học, phương pháp dạy học và hệ thống công cụ đánh giá kết quả lĩnh hội, gắn bó chặt chẽ với nhau thành một thể hoàn chỉnh.

Thông thường một bài học được thiết kế như một cấu trúc mắt xích: Nó liên quan đến cái trước nó, là bước đi tới cái kế tiếp; nghĩa là không độc lập, mà là một khâu liên hoàn với cái trước và cái sau của nó.

Còn môđun dạy học thì tương đối độc lập, nó có một đời sống riêng; nó không gắn với cái gì đi trước nó hay sẽ đi sau nó về nội dung dạy học. Nhưng nó lại liên quan chặt chẽ với cái trước và cái sau nó về hoạt động học tập của người học: Nghĩa là muốn tiếp theo được môđun này người học phải có điều kiện tiên quyết gì về kiến thức, kỹ năng (càng gần môđun càng tốt) và học xong môđun này, người học có khả năng ứng dụng vào những lĩnh vực nào (Hình 1).



Hình 1

Các mô đun dạy học tồn tại với tư cách là các tài liệu tự học có hướng dẫn nhưng sẽ được sử dụng có hiệu quả trong các hình thức tự học của học sinh. Nếu sử dụng các mô đun dạy học trong hình thức tổ chức dạy học này nhất thiết phương pháp của người dạy và người học phải thay đổi tương ứng. Do vậy, với việc định hướng về cách thức thiết kế các mô đun dạy học, người dạy sẽ có khả năng tự tạo ra những điều kiện để hoàn thiện phương pháp dạy học của cả bản thân và người học.

Việc hình thành các mô đun dạy học đòi hỏi người dạy cần biết và nắm quy trình thiết kế nó để từ đó thiết kế các mô đun trong quá trình dạy học môn học. Mô đun dạy học được xây dựng trên cơ sở nhận biết các dấu hiệu cùng các thành tố cấu trúc của nó. Nghiên cứu lý luận và thực tiễn thiết kế, các mô đun dạy học được thực hiện theo quy trình gồm các bước sau:

a- Phân tích chương trình môn học

- Mục đích :

Tìm hiểu vị trí, chức năng môn học trong chương trình đào tạo của nhà trường cũng như nhận thức các mục tiêu, nội dung của môn học cùng các điều kiện thực hiện nó.

- Tiến hành :

+ Xác định vị trí, chức năng của môn học.

+ Xác định các điều kiện thực hiện môn học.

+ Nghiên cứu các mục tiêu của môn học đã được xác định rõ trong chương trình.

+ Nghiên cứu nội dung môn học.

+ Kết hợp kết quả của thao tác phân tích mục tiêu, phân tích nội dung môn học tìm ra các chủ đề làm cơ sở để biên soạn các mô đun.

b- Xác định các mô đun

- Mục đích:

Xác định tên, số lượng các mô đun được hình thành trong chương trình môn học.

- Tiến hành:

+ Đặt tên các mô đun trên cơ sở các chủ đề đã xác định (có thể trùng hoặc khác với tên của chủ đề).

+ Số lượng các mô đun được xác định cần tương ứng với với các chủ đề, có thể xác định thêm một số mô đun phụ đạo hoặc chuyên sâu.

+ Trình bày các mô đun cấu thành chương trình môn học theo một mẫu xác định.

c- Biên soạn mô đun

- Mục đích :

Hình thành các mô đun dạy học với cấu trúc và các dấu hiệu nhận biết đã được xác định.

- Tiến hành :

+ Xác định mục tiêu của mô đun.

+ Xác định các tiêu mô đun.

+ Xây dựng các công cụ kiểm tra đánh giá và các chỉ dẫn.

d- Thử nghiệm và đánh giá mô đun

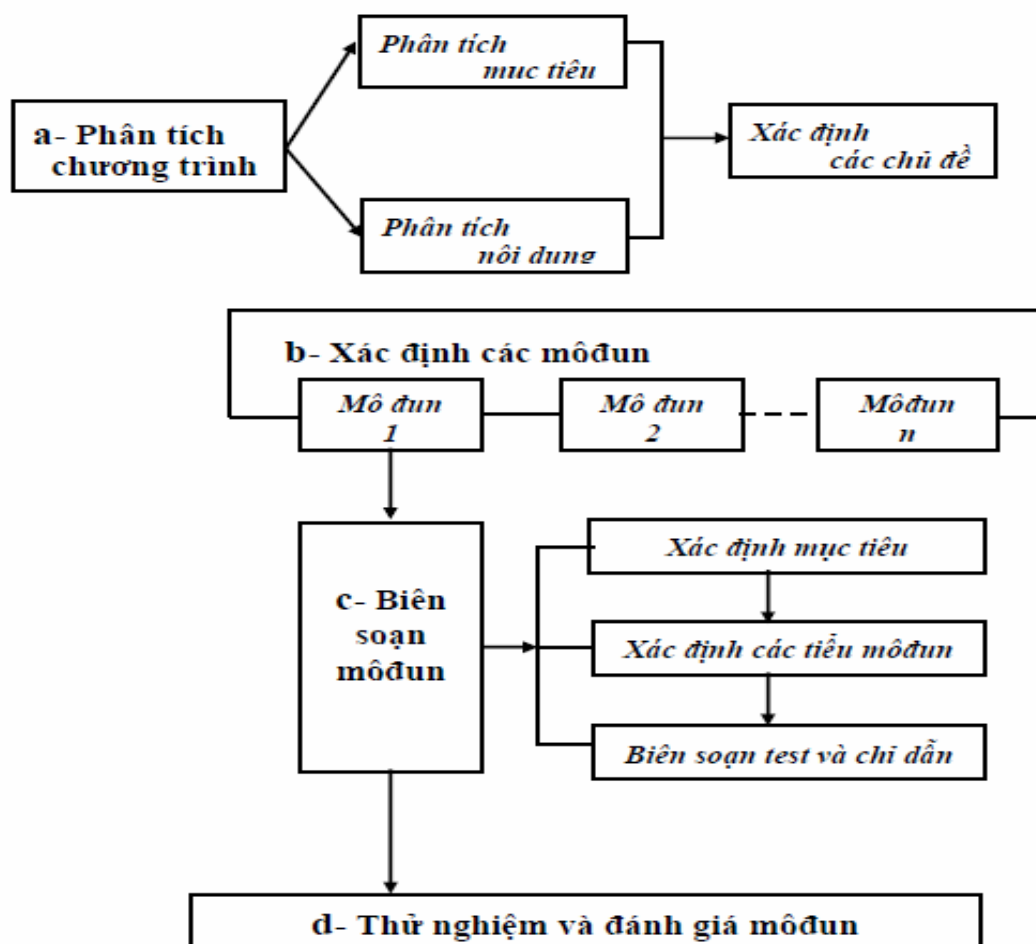
- Mục đích :

Chính thức hóa mô đun sau khi đã có những sửa đổi, khắc phục những thiếu sót được phát hiện sau khi thử nghiệm.

- Tiến hành :

- + Đánh giá tính khả thi của môđun (lưu ý khả năng tiếp nhận và sử dụng môđun một cách thuận lợi của người học).
- + Đánh giá hiệu quả của môđun.
- + Tiến hành sửa chữa những sai sót nếu có.

Sơ đồ quy trình thiết kế môđun dạy học



Hiện nay bộ môn Sinh đã và đang thực hiện giảng dạy theo phương pháp hình thành các môđun đối với sinh viên K7, song để quá trình thực hiện được hiệu quả hơn theo những định hướng và ý tưởng trên, từ ý kiến chủ quan, tôi có một vài đề xuất sau đây:

1. Giảng viên cần có nhận thức đúng về bản chất của quá trình dạy học dưới hình thức Môđun hóa, phải coi sinh viên và hoạt động học là lý do tồn tại của giảng viên và hoạt động dạy.
2. Cần phải xây dựng một chương trình về đổi mới phương pháp dạy học theo quy trình thiết kế Môđun và triển khai tập huấn cho tất cả giảng viên trong toàn trường.
3. Cần có những đề tài nghiên cứu trên phạm vi rộng, thời gian nghiên cứu dài hơn, cấp độ nghiên cứu cao hơn để thiết kế toàn bộ chương trình đào tạo cử nhân theo cấu trúc Môđun

BỘ MÔN TOÁN VỚI VIỆC SỬ DỤNG PPDH PHÙ HỢP VỚI PHƯƠNG THỨC ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ TRONG GIỜ LÝ THUYẾT

*Lê Văn Lĩnh
Khoa Giáo dục TH & MN*

1. Những thuận lợi và khó khăn

Thực hiện chủ trương của Chính phủ, năm học 2010 trường Đại học Hùng Vương đã chuyển sang một bước ngoặt lịch sử trong sự trưởng thành và phát triển đó là đào tạo theo học chế tín chỉ đối với các lớp K7 Đại học và Cao đẳng. Đây là phương thức đào tạo còn hết sức mới đối với tất cả các giảng viên nói chung, bộ môn toán khoa Giáo dục Tiêu học và Mầm non nói riêng. Do đó, việc triển khai phương thức đào tạo này trong đào tạo giáo viên muốn thành công đối với mỗi giảng viên là một vấn đề đòi hỏi sự nỗ lực lớn về mọi mặt trong chuyên môn, nghiệp vụ và nghệ thuật sư phạm.

1.1. Thuận lợi:

Đội ngũ giảng viên của bộ môn có trình độ chuyên môn tương đối vững vàng với nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy, rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên. Các giảng viên đã có quá trình chuẩn bị về mặt kiến thức: Năm được quy chế đào tạo theo học chế tín chỉ, những hiểu biết cơ bản về sử dụng PPDH phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ, được nhà trường tổ chức các buổi học tập nhằm nâng cao nhận thức về phương thức đào tạo này.

Sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Ban Giám Hiệu nhà trường, phòng Đào tạo và các phòng ban liên quan, Ban chủ nhiệm khoa trong quá trình thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

Bên cạnh những thuận lợi nói trên, bộ môn gặp không ít khó khăn trước mắt cần từng bước tháo gỡ:

1.2. Khó khăn

a. Về nhận thức

Với phương pháp đào tạo mới, nhiều giảng viên của khoa còn gặp không ít khó khăn trở ngại về các vấn đề như: Tổ chức thực hiện các giờ tín chỉ ra sao? quy trình thực hiện các phương pháp dạy học phù hợp với đào tạo theo tín chỉ thế nào? trong từng giờ học nhiệm vụ của giáo viên, sinh viên là gì?...Việc trả lời được các câu hỏi trên nhìn chung không quá khó về mặt lý luận. Song trên thực tế, với điều kiện về thời gian giảng dạy trên lớp có hạn, trình độ Toán học ở các đối tượng sinh viên còn hạn chế, sinh viên chưa thích ứng ngay được với các phương thức đào tạo theo tín chỉ... Đó là một trong những khó khăn trước mắt.

b. Về chương trình đào tạo:

Chương trình đào tạo theo niên chế vẫn còn "thống trị", các môn học, học phần móc xích với nhau chặt chẽ, hệ thống các bài học gắn kết với nhau thành một khâu liên hoàn giữa bài trước và bài sau. Vì vậy, người học khó có thể đăng ký học môn học, học trước, học vượt. Đối với chương trình theo niên chế dành nhiều thời gian cho các giờ học trên lớp. Thời gian dành cho các giờ học theo tín chỉ trên lớp ít đi, yêu cầu tự học đối sinh viên gấp 2 lần số giờ trên lớp, trong khi nội dung chương trình cơ bản không thay đổi. Nên một vấn đề đặt ra là: Giáo viên phải biết

đâu là kiến thức cốt lõi cần lựa chọn để hướng dẫn tổ chức cho sinh viên thu tập được thông tin, kiến thức, kỹ năng cần thiết, xác định được những nội dung nào để sinh viên tự học ở nhà, phương pháp học, mục tiêu cần đạt, và cách đánh giá sinh viên khi họ tự học v.v... Để giải đáp được các câu hỏi này đối với mỗi giảng viên phải có sự đầu tư công sức lớn với trình độ thích ứng, sự tâm huyết với nghề nghiệp cao.

c. Về tài liệu và các trang thiết bị kỹ thuật hiện đại phục vụ dạy học theo học chế tín chỉ:

Đối với PPDH được hiểu là đổi mới nội dung, giáo trình, cách tiến hành phương pháp dựa trên cơ sở khai thác triệt để các ưu điểm của phương pháp dạy học truyền thống, vận dụng một số PPDH tiên tiến.

Tuy nhiên hiện nay tài liệu, giáo trình dạy học môn toán chưa hoàn toàn được cấu trúc lại cho phù hợp với các phương thức đào tạo theo tín chỉ. Các trang thiết bị hiện đại, cơ sở vật chất hỗ trợ cho phương thức đào tạo mới còn thiếu thốn...

d. Đối với sinh viên:

Sinh viên hệ Đại học Tiểu học và Mầm non: Phần lớn học tốt các môn xã hội, năng khiếu, lỗ hổng trong kiến thức, kỹ năng toán học còn nhiều, khả năng hoạt động tích cực, độc lập trong các môn Toán còn hạn chế. Nhiều sinh viên vẫn còn quen thói quen học thụ động, khả năng tự điều khiển các hoạt động nhận thức còn yếu nên chưa thích ứng được với phương thức đào tạo mới, chưa phát huy được tối đa vị trí trung tâm của người học, nhu cầu và sở thích cũng như năng lực tiềm ẩn của mỗi cá nhân. Do đó, việc tự học toán trên lớp hay ở nhà, có hay không có hướng dẫn của giảng viên còn gặp không ít khó khăn, trở ngại.

2. Sử dụng PPDH phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ qua giờ học lý thuyết

Xuất phát từ những thuận lợi, khó khăn nói trên trong quá trình giảng dạy các môn học cho các lớp đại học hệ chính quy khóa 2009-2010, Bộ môn triển khai tổ chức cho các giảng viên học tập:

1. Quy chế đào tạo Đại học, Cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ mà Nhà trường đã ban hành.

2. Dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu Nhà trường, phòng Đào tạo và trên cơ sở chương trình đào tạo đã xây dựng, bộ môn triển khai cho các giảng viên xây dựng đề cương chi tiết môn học, tập bài giảng theo hướng dẫn.

3. Triển khai việc tổ chức dạy học các giờ lý thuyết theo phương thức đào tạo theo tín chỉ

- Trên cơ sở đề cương môn học đã xây dựng, giảng viên xác định rõ các mục tiêu cần đạt sau mỗi bài học về kiến thức, kỹ năng: cơ bản, nâng cao là gì? chuẩn bị các câu hỏi, bài tập theo thang bậc lồng ghép quá trình dạy học. Trong việc chuẩn bị một số nội dung bài dạy, cụ thể hóa nội dung trình bày trên lớp, thiết kế một số hoạt động giúp sinh viên tự điều khiển nhận thức và rèn luyện khả năng thu tập thông tin.

- Xác định các nội dung cốt lõi trong mỗi nội dung học tập và trong mỗi giờ học.

- Do các đặc điểm của dạy học theo tín chỉ, chương trình đào tạo cũng như quy trình tổ chức giờ học, các phương pháp dạy học phù hợp với phương thức đào tạo theo tín chỉ. Việc tự học của sinh viên được đặc biệt quan tâm, vì tầm quan trọng đặc biệt của nó. Vì sự nghiệp, cuộc sống sinh viên phải học tất cả, nhưng không thể được dạy tất cả. Chỉ có biết cách tự học mới có

thể đáp ứng được yêu cầu của chương trình học mới và rộng hơn là sự phát triển như vũ bão của khoa học kỹ thuật. Để sống và hoạt động suốt đời thì phải học tập suốt đời, để học tập suốt đời thì phải có khả năng tự học. Khả năng này cần được rèn luyện ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường. Vì vậy, quá trình dạy học phải bao hàm dạy tự học. Việc dạy tự học đương nhiên chỉ có thể thực hiện được trong một cách dạy học mà người học là chủ thể, tự họ hoạt động đáp ứng nhu cầu xã hội đã chuyển hóa thành nhu cầu của chính bản thân.

Do đó, trong mỗi nội dung học tập các giảng viên đã lựa chọn một số nội dung tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên khi ở nhà (ngoài các vấn đề đã trình bày tại lớp), chỉ ra các công việc mà sinh viên phải làm khi tự học: Tìm các giáo trình, tài liệu tham khảo phục vụ môn học ở đâu? Chỉ rõ mục tiêu cần đạt qua việc tự học là gì về kiến thức, kỹ năng? Cách giải quyết vấn đề như thế nào? Yêu cầu sinh viên kiểm tra lại kiến thức xem đã đạt được mục tiêu đặt ra chưa ..

Trên cơ sở các nội dung đã chuẩn bị, giảng viên xây dựng kịch bản cho giờ lên lớp, xác định các chủ đề, nội dung, yêu cầu cho giờ đó, cụ thể hóa phần nội dung, mục tiêu cần đạt, các yêu cầu cần thực hiện, cấu trúc các đơn vị kiến thức của bài, chuyển tải nội dung trình bày, xác định thời gian cần thiết, các nội dung sinh viên thảo luận, các nội dung sinh viên cần giải quyết, hướng dẫn cách học và cách đánh giá cho sinh viên...

Để giảng bài thành công trong các giờ lý thuyết song song với nhiệm vụ của giảng viên, giảng viên cần giao cho sinh viên các nhiệm vụ một cách cụ thể ở các giờ trước đó và phải thực hiện cho được các nhiệm vụ này, cụ thể:

- Cần lập kế hoạch chi tiết để thực hiện tất cả các nhiệm vụ đối với từng giờ học mà giảng viên giao cho, tìm đọc, ghi chép những tài liệu liên quan, hoàn thành các bài tập, chuẩn bị trình bày tại các buổi thảo luận, chuẩn bị nội dung làm việc theo nhóm, các vấn đề cần trao đổi với giảng viên, ôn bài, đọc bài mới...

- Thực hiện tốt kế hoạch chi tiết nói trên để tích lũy được kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu của từng bài học, nội dung học.

- Trước khi lên lớp cần xem xét lại việc hoàn thành kế hoạch học tập của mình..

- Trên lớp cần ghi lại mục tiêu, cấu trúc nội dung của bài, những kiến thức cốt lõi trọng tâm của bài, các hướng dẫn của giảng viên dành cho sinh viên tự học như: Vật liệu học ở đâu, địa chỉ cụ thể các kiến thức cần tìm, cách xử lý kiến thức để hoàn thành mục tiêu bài học.

Trên đây là một số ý kiến tham luận về việc sử dụng PPGD phù hợp với PT đào tạo theo tín chỉ. Do khả năng có hạn chắc chắn các ý kiến còn nhiều hạn chế, kính mong các Quý đại biểu, các thầy cô tham gia góp ý.

TRIỂN KHAI LÀM TIỂU LUẬN TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THEO TÍN CHỈ

Lê Thị Hồng Chi
Khoa Giáo dục TH & MN

Đào tạo theo hệ thống tín chỉ là một hướng đổi mới tích cực trong giáo dục đại học hiện nay. Bắt đầu được tổ chức vào cuối thế kỉ XIX tại đại học Havard – Hoa Kỳ và nhanh chóng lan rộng trên toàn thế giới, hệ thống tín chỉ ngày càng thể hiện nhiều ưu điểm vượt trội so với niên chế. Đó là quy trình, chương trình đào tạo mềm dẻo; đánh giá chặt chẽ; tiết kiệm; hiệu quả; thuận lợi trong việc công nhận các nội dung đào tạo, xúc tiến quá trình hội nhập và quốc tế hóa trong giáo dục đại học.

Vấn đề đặt ra là phải đổi mới phương pháp dạy học như thế nào cho phù hợp với hình thức này? Đào tạo ở bậc Đại học (dù là theo học chế nào) cũng luôn nhấn mạnh đến khả năng tự học, tự nghiên cứu của SV, với học chế tín chỉ, vấn đề này càng trở nên bức bách và mang tính chất sống còn. Bởi vì, đặc trưng của dạy học theo tín chỉ là giảm thời gian lên lớp nhưng không cắt giảm nội dung chương trình. Làm thế nào để vẫn đảm bảo khối lượng kiến thức cho SV trong khi thời gian dành cho việc giảng bài trên lớp lại giảm đi đáng kể? Trả lời câu hỏi này, chúng ta đang hướng đến việc tăng cường hướng dẫn có kiểm tra đánh giá việc tự học tập, tự nghiên cứu của SV. Chúng ta càng quan tâm nhiều đến việc tổ chức cho SV làm bài tập lớn, dự án, nghiên cứu khoa học...

Trong khuôn khổ bài viết này, tôi muốn đề cập đến vấn đề tổ chức cho SV làm tiểu luận. Thực tế đào tạo ở Đại học đã chứng tỏ việc tổ chức triển khai làm tiểu luận thực sự đem lại hiệu quả. Hướng tiếp cận này giúp cho người học tích cực, tự giác, chủ động tham gia vào quá trình khám phá tri thức, phát huy được tối đa khả năng sáng tạo, tính độc lập, hợp tác trong quá trình học tập, nghiên cứu - những phẩm chất vô cùng quan trọng cần có ở những người chủ đất nước trong thời đại mới. Chính vì vậy, việc nghiên cứu quy trình tổ chức và tăng cường ứng dụng việc triển khai các đề tài tiểu luận trong quá trình dạy học đại học là một hướng đi góp phần đổi mới phương pháp đào tạo, phù hợp với học chế tín chỉ hiện nay.

1. Triển khai làm tiểu luận trong đào tạo theo hệ thống tín chỉ

Trong chương trình đào tạo theo tín chỉ, giảng viên (GV) cần dành thời gian cho sinh viên (SV) tự nghiên cứu nhiều hơn nhằm phát huy tính tích cực, sáng tạo của mình. Do đó, phải tăng cường sử dụng những phương pháp và hình thức dạy học đòi hỏi người học có sự đào sâu, tìm tòi, thực sự tư duy, tự học và sáng tạo.

Tiểu luận là một bài tập nghiên cứu khoa học có nội dung liên quan chặt chẽ đến một lĩnh vực khoa học nhất định, góp phần giải đáp, mở rộng hoặc nâng cao kiến thức về lĩnh vực khoa học đó.

Người thực hiện tiểu luận phải đưa ra những nghiên cứu riêng, ý kiến riêng của mình về vấn đề khoa học được đề cập tới trong tiểu luận mà không dừng ở mức độ chỉ tổng hợp các tài liệu và ý kiến có sẵn.

Qua làm tiểu luận, SV được mở rộng, đào sâu tri thức, biết giải quyết các thắc mắc khoa học có liên quan đến nghề nghiệp tương lai, được rèn luyện kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, trình bày một vấn đề, lập luận chứng minh một tri thức khoa học, bồi dưỡng niềm tin khoa học, hình thành thói quen làm việc có kế hoạch v.v...

Đồng thời, cũng qua quá trình hướng dẫn SV làm tiểu luận, GV thu được thông tin ngược phản ánh mức độ tri thức của SV, kịp thời điều chỉnh hoạt động dạy và học để đạt hiệu quả tối ưu.

Nói tóm lại, tổ chức cho SV làm tiểu luận tỏ ra thích hợp trong đào tạo tín chỉ bởi những điểm mạnh và ưu thế sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo vị thế tích cực, chủ động của người học.

Thứ hai, hình thành phương pháp làm việc khoa học.

Thứ ba, phát triển hứng thú nhận thức, thoả mãn nhu cầu tìm tòi, khám phá của người học.

Thứ tư, bảo đảm tốt nhất yêu cầu cá biệt hoá dạy học, phù hợp với tốc độ, nhịp độ của từng người học.

Thứ năm, phù hợp đặc điểm tâm lí nhận thức, nhân cách của người học trưởng thành.

Thứ sáu, gắn đào tạo với việc giải quyết các nhiệm vụ thực tiễn.

Thứ bảy, bảo đảm xu hướng dân chủ hoá nhà trường.

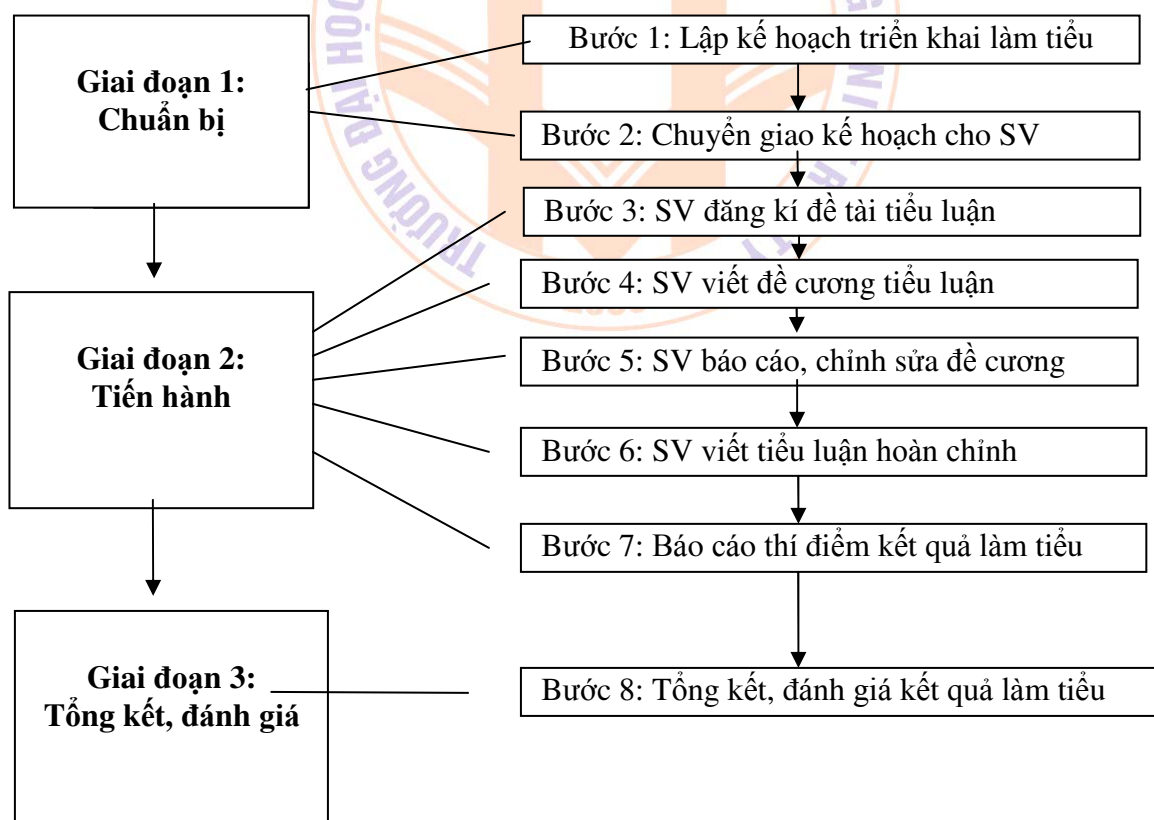
Thứ tám, phù hợp với đặc điểm người dạy đại học.

Thứ chín, phù hợp với điều kiện không gian và thời gian của việc đào tạo trong xã hội hiện đại.

Với các ưu thế của mình, dạy học theo hình thức tổ chức cho SV làm tiểu luận đáp ứng mục tiêu giáo dục đại học trong khung cảnh thời đại mới.

2. Đề xuất quy trình tổ chức cho SV làm tiểu luận

Trên cơ sở nghiên cứu lí luận và thực tiễn các vấn đề về triển khai làm tiểu luận ở đại học, chúng tôi đề xuất quy trình gồm 3 giai đoạn với tám bước để dạy SV ngành Giáo dục tiểu học cách viết tiểu luận chuyên đề *Thực hành giải toán ở tiểu học* như sau:



Cụ thể: Giai đoạn 1: Chuẩn bị

Bước 1: Lập kế hoạch triển khai làm tiểu luận

Lập kế hoạch là bước chuẩn bị không thể thiếu trong quá trình hướng dẫn SV làm tiểu luận. Bản kế hoạch cần nêu rõ: mục tiêu, các đề tài, cấu trúc, thời gian thực hiện, tiêu chí đánh giá, bản hướng dẫn viết tiểu luận, tài liệu, phương tiện cần thiết.

Ví dụ, trong chuyên đề *Thực hành giải toán ở tiểu học*, với mục tiêu:

+Giúp SV nắm được một cách sâu sắc một số PP giải toán thường dùng ở TH.

+Rèn luyện cho SV PP tự học, tự nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức.

+Rèn luyện các kỹ năng: thu thập, xử lý thông tin, làm việc theo nhóm, thuyết trình...

+Rèn luyện đức tính và phong cách làm việc của người lao động mới như: ý chí khắc phục khó khăn, thói quen xét đoán có căn cứ, tính cẩn thận, cụ thể, chu đáo, làm việc có kế hoạch...

GV có thể dự kiến các đề tài tiểu luận:

1. Tìm hiểu PP sơ đồ đoạn thẳng và ứng dụng trong giải toán ở TH.
2. Tìm hiểu PP rút về đơn vị - Tỉ số và ứng dụng trong giải toán ở TH.
3. Tìm hiểu PP chia tỉ lệ và ứng dụng trong giải toán ở TH.
4. Tìm hiểu PP thử chọn và ứng dụng trong giải toán ở TH.
5. Tìm hiểu PP tính ngược từ cuối và ứng dụng trong giải toán ở TH.
6. Tìm hiểu PP thay thế và ứng dụng trong giải toán ở TH.
7. Tìm hiểu PP đồ thị và ứng dụng trong giải toán ở TH.
8. Tìm hiểu PP diện tích và ứng dụng trong giải toán ở TH.
9. Tìm hiểu PP giả thiết tạm và ứng dụng trong giải toán ở TH.
10. Tìm hiểu PP ứng dụng nguyên lí Đi – rich – lê và ứng dụng trong giải toán ở TH.

Bước 2: Chuyển giao kế hoạch cho SV

SV cần được biết kế hoạch tiểu luận ngay từ đầu học phần. Tùy theo khả năng của SV, GV có thể phổ thông kế hoạch gửi cho SV (nếu SV đã làm quen với hình thức viết tiểu luận) hoặc dành thời gian để hướng dẫn chi tiết kế hoạch này (có thể bao gồm cả việc phân tích một tiểu luận mẫu để giúp SV nắm bắt cấu trúc và cách thức viết tiểu luận).

Giai đoạn 2: Tiến hành:

Bước 3: SV đăng kí đề tài tiểu luận.

Trong bước này, SV nhận đề tài, gặp gỡ GV để thống nhất tiến độ hoàn thành công việc, được hướng dẫn về nguồn tài liệu tham khảo. Ví dụ, với đề tài tiểu luận 1 ở trên, SV có thể sử dụng các tài liệu tham khảo sau:

1. Hà Sỹ Hồ, Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan (2001) – *Phương pháp dạy học toán ở tiểu học* – Giáo trình chính thức đào tạo GVTH hệ CĐSP và SP 12+2 - Tập 1, 2, NXBGD.
2. Đỗ Đình Hoan (cb) (2003)- *Sách giáo khoa, Sách giáo viên Toán ở tiểu học*, NXB GD.
3. Đỗ Trung Hiệu, Đỗ Đình Hoan, Vũ Dương Thụy, Vũ Quốc Chung (1995) –*Phương pháp dạy học môn toán ở tiểu học* -Trường ĐHSP Hà Nội I.
4. Nguyễn Bá Kim, Vũ Dương Thụy (2002) - *Phương pháp dạy học môn toán* - Trường ĐHSP Hà Nội I.
5. Trần Diên Hiền (2006) *Thực hành giải toán tiểu học* - Tập 1, 2 – NXBĐHSP.
6. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2000),*Tài liệu bồi dưỡng GV tiểu học về chương trình, Sách giáo khoa môn toán tiểu học mới*, NXB GD.

7. Nguyễn Thị Kim Thoa (cb) (2007), *Bồi dưỡng HS giỏi toán ở tiểu học*, Dự án Phát triển GVTH.

8. Trần Diên Hiền (2003) - *Mười chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán 4 – 5*, NXBGD.

9. Đỗ Trung Hiệu, Vũ Dương Thụy (1998), *Các PP giải toán ở TH*, NXBGD.

10. Đỗ Đình Hoan (cb), *SGK Toán 1, 2, 3, 4, 5*, NXBGD

11. Google.com.vn

Bước 4: SV viết đề cương tiểu luận

Trên cơ sở các tài liệu tham khảo thu thập được, SV đọc tài liệu và tự xây dựng đề cương cho đề tài của mình, trong đó dự kiến các phần, các chương, các mục, nội dung từng mục...

Bước 5: SV báo cáo, chỉnh sửa đề cương

Sau khi SV tự lập đề cương, GV cần dành thời gian để SV trình bày, thảo luận về đề cương của mình và của bạn, từ đó nêu rõ khó khăn, thuận lợi, mặt mạnh, mặt yếu, biện pháp khắc phục và thống nhất đề cương.

Chẳng hạn, với các đề tài tiểu luận đã nêu ở trên, nội dung chính của mỗi đề tài bao gồm các phần sau:

1. Khái niệm PP....

2. Các bước giải toán bằng PP ...

3. Ứng dụng PP ... để giải các bài toán ở tiểu học

4. Quy trình thiết kế các đề toán giải bằng PP ...

5. Thiết kế, sưu tầm, giới thiệu các bài toán ở tiểu học giải bằng PP...

Bước 6: SV viết tiểu luận hoàn chỉnh

Đây là bước chiếm nhiều thời gian và công sức nhất trong quá trình làm tiểu luận. SV phải dựa trên đề cương đã xây dựng, viết bản thảo, chỉnh sửa bản thảo và hoàn thiện tiểu luận của mình theo đúng cấu trúc và thời gian dự kiến.

Bước 7: Báo cáo thí điểm kết quả làm tiểu luận

Để hình thành được kỹ năng làm tiểu luận, GV cần tổ chức cho SV báo cáo kết quả bài tiểu luận của mình. Thông qua đó, SV học được kỹ năng trình bày vấn đề, kỹ năng chia sẻ và thu nhận thông tin, bác bỏ hoặc bảo vệ một vấn đề... Những kỹ năng đó đôi khi còn quan trọng hơn cả kiến thức trong bài tiểu luận. Do đó, cả SV và GV cần chuẩn bị tốt cho buổi báo cáo này.

Các hoạt động chính trong buổi báo cáo thí điểm như sau:

HD1: Người chủ trì kiểm tra tình hình chuẩn bị, nhắc lại mục đích buổi báo cáo

HD2: Công bố tiến trình, danh sách và thứ tự người báo cáo.

HD3: SV báo cáo theo đề cương đã chuẩn bị trên powerpoint.

Chẳng hạn, khi trình bày tiểu luận: Tìm hiểu PP rút về đơn vị - tỉ số và ứng dụng trong giải toán ở TH, SV/nhóm SV trình bày theo gợi ý sau:

+ *Vấn đề 1: Khái niệm về PP rút về đơn vị-PP tỉ số.*

Yêu cầu:

-Nêu được khái niệm về PP rút về đơn vị và PP tỉ số.

-Nêu ví dụ về đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch.

-Nêu ví dụ bài toán về đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch. Phân tích chỉ rõ 3 đại lượng không đổi trong bài toán đó.

+ *Vấn đề 2: Các bước giải toán bằng PP rút về đơn vị-PP tỉ số.*

Yêu cầu:

-Nêu được các bước giải toán bằng PP rút về đơn vị, các bước giải toán bằng PP tỉ số và cho ví dụ minh họa.

+ *Vấn đề 3: Các ứng dụng của PP rút về đơn vị-PP tỉ số trong giải toán TH.*

Yêu cầu:

-Trình bày ứng dụng PP rút về đơn vị - PP tỉ số để giải toán về đại lượng tỉ lệ thuận, đại lượng tỉ lệ nghịch. Cụ thể:

+ Cho ví dụ minh họa, phân tích và trình bày lời giải theo từng dạng toán về tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch và tỉ lệ kép.

+*Vấn đề 4: Quy trình thiết kế một đề toán giải bằng PP rút về đơn vị - PP tỉ số*

Yêu cầu:

-Trình bày quy trình thiết kế một đề toán giải bằng PP rút về đơn vị - PP tỉ số và ví dụ minh họa.

+*Vấn đề 5:Thiết kế, sưu tầm, giới thiệu các bài toán ở tiểu học giải bằng PP rút về đơn vị - PP tỉ số*

HD4: SV thảo luận

SV hoặc GV là người nêu ra câu hỏi thảo luận. GV có thể chuẩn bị một số câu hỏi định hướng cho SV như sau:

1)Nhận xét cách diễn đạt đại lượng không đổi trong bài toán về đại lượng tỉ lệ.

2)Điều kiện để một bài toán chỉ giải được bằng một PP rút về đơn vị hoặc PP tỉ số, giải được bằng cả hai PP rút về đơn vị và tỉ số?

3)Ngoài 2 PP rút về đơn vị, PP tỉ số, các bài toán về đại lượng tỉ lệ có thể giải theo cách nào?

4)Những lưu ý đối với giáo viên và học sinh khi giải toán bằng PP rút về đơn vị, PP tỉ số.

HD5: GV tổng kết, bổ sung, chính xác hoá kiến thức cơ bản và nêu lên một số vấn đề để người học về nhà tiếp tục suy nghĩ.

Giai đoạn 4: Tổng kết, đánh giá

Bước 8: Tổng kết, đánh giá kết quả làm tiểu luận

Trong bước này, SV và GV nhận xét các bài tiểu luận. Dựa theo tiêu chí đánh giá, GV công bố điểm, nhận xét về tinh thần, thái độ làm việc, những ưu điểm, nhược điểm của SV, thảo luận, rút kinh nghiệm cho quá trình làm tiểu luận lần sau.

3. Kết luận

Qua các nội dung trình bày ở trên, có thể khẳng định dạy học theo hình thức tổ chức cho SV làm tiểu luận kích thích SV tự tìm tòi, sáng tạo, hình thành và rèn luyện thói quen làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, tập dượt phương pháp nghiên cứu khoa học, đáp ứng các yêu cầu của đào tạo theo học chế tín chỉ. Vì vậy, cần được quan tâm, nghiên cứu, ứng dụng nhiều hơn để nâng cao hiệu quả tổ chức hình thức này.

Tài liệu tham khảo

1. Lâm Quang Thiệp – Lê Viết Khuyến. **Giáo dục học đại học**. Khoa Sư phạm, ĐHQG Hà Nội, 2003.

2. Trần Diên Hiền. **Thực hành giải toán ở tiểu học**. NXBĐHSP. 2006

3. Geoffrey Petty. **Dạy học ngày nay**. Tài liệu dịch. 1993

MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TÍN CHỈ TRONG THỜI GIAN TỚI

*Th.s Lưu Ngọc Sơn
Khoa Giáo dục TH & MN*

Bên cạnh phát triển quy mô đào tạo, việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo được xem là nhiệm vụ trung tâm, then chốt trong chương trình hành động của Trường Đại học Hùng Vương nói chung và của khoa GD Tiểu học & Mầm non nói riêng.

Trong những năm qua, nhà trường đã và đang thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp, tăng cường điều kiện và phương tiện để đảm bảo và nâng cao chất lượng dạy và học trong nhà trường. Một trong những chủ trương quan trọng là đổi mới quy trình đào tạo thực hiện đào tạo theo học chế tín chỉ.

Từ năm học 2009 - 2010 trường Đại học Hùng Vương đã chuyển đổi từ đào tạo theo niên chế sang đào tạo theo học chế tín chỉ cùng với việc áp dụng chương trình đào tạo mới. Trường đã tiến hành rà soát, sắp xếp lại các chương trình đào tạo trên cơ sở thực hiện quy định của Bộ về cấu trúc và khối lượng kiến thức bậc Đại học dựa trên những quan niệm mới phù hợp với sự chuyển đổi kinh tế xã hội của đất nước và học chế tín chỉ đã là tiền đề cho việc liên thông đào tạo giữa các ngành học, tăng tính chủ động, khả năng thích nghi, chuyển đổi của sinh viên trong quá trình học tập và sau khi ra trường.

Qua một năm thực hiện kế hoạch đào tạo theo học chế tín chỉ nhà trường nhận thức được những điều kiện cần thiết để triển khai công tác đào tạo. Trong thời gian tới, để nâng cao chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ (HTTC), nhà trường nói chung và khoa nói riêng cần thực hiện tốt 10 giải pháp sau đây:

1. Bổ sung, hoàn chỉnh các quy định, hướng dẫn đào tạo theo HTTC cho phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường, trên cơ sở nhận thức đúng đắn bản chất của đào tạo theo HTTC là *quá trình tích lũy kiến thức và đào tạo sạch*.

- Thực hiện quy định 1 lần tích lũy 1 lần thi
- Mở rộng đối tượng sinh viên (SV) có nhu cầu tích lũy lại các học phần để cải thiện điểm
- Sử dụng thang điểm chữ nhiều mức
- Công nhận tốt nghiệp cho SV sau mỗi học kỳ...

2. Tiếp tục quán triệt những vấn đề cơ bản, cốt lõi trong đào tạo theo HTTC cho cán bộ, giảng viên, sinh viên nhằm tạo ra *sự đồng thuận và thích ứng cao* của các chủ thể đối với phương thức đào tạo mới này. Thực tế cho thấy rằng, một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến chất lượng đào tạo theo HTTC của các trường là do quán tính đào tạo theo phương thức cũ còn khá lớn cả từ phía người dạy lẫn người học.

Thông qua các kênh: Sinh hoạt ở các khoa, tổ bộ môn, trang Web của Nhà trường; tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, hội nghị Học tốt; tăng cường giao diện giữa giảng viên và SV qua accout của nhau...

3. Tiếp tục bổ sung, điều chỉnh khung chương trình và chương trình chi tiết các học phần trên cơ sở 20% cho phép hàng năm nhằm cập nhật các thành tựu mới nhất trên các lĩnh vực khoa học- kỹ

thuật- công nghệ và đáp ứng nhu cầu của thế giới việc làm. Tăng khả năng liên thông giữa các ngành, các hệ đào tạo. Thống nhất về số lượng học phần, số lượng tín chỉ đối với tất cả các ngành học có cùng thời gian đào tạo.

4. Đẩy mạnh các sinh hoạt chuyên môn, học thuật tập trung vào vấn đề tổ chức dạy học theo HTTC như:

- Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo HTTC.

Sử dụng các phương pháp dạy học (PPDH) tích cực là một trong những đặc trưng của đào tạo theo HTTC. Nếu trong đào tạo theo HTTC, người giảng viên (GV) vẫn sử dụng các PPDH truyền thống, dựa trên cơ sở thuyết trình- diễn giảng là chủ yếu thì không thể nào nâng cao được chất lượng và hiệu quả của phương thức đào tạo này.

Trong đào tạo theo HTTC, thông thường GV chỉ lên lớp 50%, thời gian còn lại dành cho các hoạt động độc lập (như thí nghiệm, thực hành, xemine, học nhóm, tự học, tự nghiên cứu..) của SV. Vì thế, công việc chủ yếu của GV ở trên lớp là phải tổ chức hoạt động nhận thức của SV theo hướng gợi mở, phát hiện và giải quyết vấn đề. Với cách dạy này, đòi hỏi GV phải nhanh chóng sử dụng và sử dụng có hiệu quả các PPDH mới như: PPDH giải quyết vấn đề; PPDH nghiên cứu; PPDH hợp tác, PPDH cùng tham gia...

- Bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu cho sinh viên.

Đây là vấn đề có ý nghĩa mấu chốt trong đào tạo theo HTTC, khi thời gian học tập trên lớp giảm đi, thời gian dành cho các hoạt động độc lập của SV tăng lên. Nếu SV không tự học, tự nghiên cứu thì không thể đáp ứng được yêu cầu của đào tạo theo HTTC. Tuy nhiên, để việc tự học, tự nghiên cứu đạt kết quả cao, bản thân SV cần được cung cấp hệ thống học liệu và bồi dưỡng phương pháp tự học, tự nghiên cứu.

5. Hình dung cho hết những vấn đề trong quản lý đào tạo theo HTTC để đặt tiếp các bài toán cho phần mềm.

Ngay từ khi bắt tay vào xây dựng phần mềm cho đào tạo theo HTTC, cả người đặt hàng và nhà cung cấp chưa thể hình dung hết các bài toán cần phải giải quyết. Trong quá trình triển khai sẽ phát sinh hàng loạt những vấn đề phải tiếp tục hoàn thiện để làm cho phần mềm quản lý đào tạo theo HTTC ngày càng tiện ích và thân thiện hơn đối với người sử dụng.

Cụ thể: - Có module quản lý SV học ngành 2, trong đó có chức năng tự động chuyển điểm các học phần chung SV đã học ở ngành 1 sang ngành 2.

- Có module cảnh báo đối với SV thuộc diện : có nguy cơ buộc phải thôi học; học hết chương trình nhưng không đủ điểm trung bình chung để được công nhận tốt nghiệp; tích lũy số học phần trong chương trình đào tạo...

- Có module quản lý Câu lạc bộ giáo dục thể chất...

6. Thực hiện tốt việc đánh giá kết quả học tập của sinh viên theo HTTC. Cần tiếp tục trao đổi về quy định các thang điểm đánh giá kết quả học tập (gồm thang điểm 10, thang điểm chữ A, B, C, D, F và thang điểm 4) để thấy đây là hệ thống thang điểm rất khoa học, được các trường đại học hàng đầu trên thế giới áp dụng và đây cũng là tiêu chí để đánh giá quá trình đào tạo theo HTTC có triệt để hay không. Hệ thống thang điểm này nói lên bản chất của đào tạo theo HTTC là *đào tạo sạch và đánh giá quá trình*. Điều này được lý giải như sau: Thang điểm 10 dùng để đánh giá

các điểm thành phần (điểm chuyên cần, điểm KTTX, điểm thực hành...) và điểm thi kết thúc học phần. Nghĩa là đánh giá cả quá trình học tập học phần, chứ không chỉ dựa vào điểm thi cuối kỳ như trước. Việc chuyển từ thang điểm 10 sang thang điểm chữ (A,B,C,D,F) nhằm phân loại kết quả kiểm học, phân thành các mức độ đánh giá và quy định thế nào là điểm đạt và không đạt. Thang điểm chữ này mang tính chất *thang điểm trung gian*. Tiếp theo, lại chuyển từ thang điểm chữ sang thang điểm 4, ta lưu ý điểm F. Điểm F trong thang điểm 10 có giá trị từ 0 đến 3,9 nhưng với thang điểm 4 thì chỉ có giá trị 0. Nhưng giá trị 0 này vẫn tham gia vào tính điểm trung bình chung học kỳ. Đây chính là bản chất *đào tạo sạch* của HTTC (nó không chấp nhận bất cứ một kết quả nào dưới 4 của thang điểm 10).

7. Xây dựng hệ thống học liệu cho các ngành đào tạo, tiến tới tất cả các học phần đều có giáo trình, tài liệu tham khảo cho SV.

Đây là một yêu cầu không thể thiếu được đối với đào tạo theo HTTC, khi việc tự học, tự nghiên cứu chiếm tới 50% thời gian học tập của SV. Để tự học, tự nghiên cứu SV phải có giáo trình, tài liệu tham khảo.

8. Đổi mới hệ thống đào tạo và công tác quản lý đào tạo theo hướng *phân cấp về cho các khoa, các tổ bộ môn*; xây dựng hệ thống văn bản chặt chẽ chi tiết về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, các khoa, trung tâm trong công tác quản lý đào tạo...

9. Phát huy vai trò của Trưởng bộ môn trong quản lý dạy học và vai trò của Cố vấn học tập trong việc giúp đỡ SV học tập theo HTTC.

Trong đào tạo theo HTTC, công tác quản lý dạy học có ý nghĩa rất quan trọng. Trưởng bộ môn chính là người chịu trách nhiệm quản lý trực tiếp việc giảng dạy các học phần do bộ môn của mình phụ trách. Vì thế, cần chú ý phát huy vai trò của Trưởng bộ môn trong quản lý dạy học.

Cố vấn học tập được xem là một mắt xích trong sợi dây chuyền đào tạo theo HTTC. Cố vấn học tập cần giúp đỡ SV, khi các em đăng ký học, học ngành hai, học tích lũy lại các học phần bị điểm F hoặc D để cải thiện điểm trung bình chung tích lũy...

10. Từng bước tháo gỡ những khó khăn về cơ sở vật chất phục vụ cho đào tạo theo HTTC. Nhà trường phải có kế hoạch xây dựng thêm những phòng học lớn (500, 300, 200 chỗ ngồi), trang bị các thiết bị hỗ trợ giảng dạy (100% các lớp học đều có hệ thống âm thanh, thiết bị trình chiếu, máy tính, Projector lắp cố định); nâng cấp hệ thống thông tin nội bộ, mạng Internet, trang Web, tăng cường thiết bị thí nghiệm... Trước mắt là phát huy tốt các phòng học trực tuyến hiện có đi đôi với cải tiến công tác quản lý việc học tập của SV ở các phòng này.

PHƯƠNG PHÁP DẠY MỘT TIẾT HỌC LÝ THUYẾT TRONG ĐÀO TẠO THEO HỌC CHẾ TÍN CHỈ

*CN. Vũ Huyền Trang
Khoa Kinh tế & QTKD*

Nền kinh tế ngày càng phát triển, đòi hỏi xã hội phải cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao. Tuy nhiên, một thực trạng đáng buồn là lực lượng sinh viên tốt nghiệp ra trường hiện nay của đất nước ta đa phần vẫn còn thiếu năng động và thiếu những kỹ năng làm việc thực tế. Sự khiêm khuyết đó phải kể đến một phần lý do là phương pháp dạy đại học của chúng ta còn nhiều bất cập. Năm 2006, đoàn khảo sát thực địa thuộc Viện Hàn lâm quốc gia Hoa kỳ đã nhận xét về phương pháp dạy và học đại học của Việt Nam như sau:

- Phương pháp giảng dạy không hiệu quả, quá phụ thuộc vào các bài thuyết trình và ít sử dụng các kỹ năng học tích cực, kết quả là có ít sự tương tác giữa sinh viên và giảng viên trong và ngoài lớp học;

- Quá nhấn mạnh và ghi nhớ kiến thức theo kiểu thuộc lòng mà không nhấn mạnh vào học khái niệm hoặc học ở cấp độ cao (như phân tích và tổng hợp) dẫn đến hậu quả là học hời hợt thay vì học chuyên sâu;

- Sinh viên học một cách thụ động (nghe diễn thuyết, ghi chép, nhớ lại những thông tin thuộc lòng khi làm bài thi).

Chính phương pháp đào tạo đó đã dẫn đến việc sinh viên ra trường thụ động và kém nhạy bén với sự thay đổi của nền kinh tế.

Từ cuối thế kỷ 19, các nước có nền giáo dục tiên tiến trên thế giới đã tiến hành đổi mới phương pháp đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ, tức là “tôn trọng người học, xem người học là trung tâm”. Thấy được hiệu quả to lớn của phương pháp này, từ năm 1994, nước ta đã triển khai áp dụng phương pháp đào tạo tín chỉ để khắc phục tình trạng yếu kém nói trên của nền giáo dục đại học trong nước.

Bắt đầu áp dụng phương pháp dạy tín chỉ từ đầu năm học 2009 – 2010, việc dạy và học theo hình thức tín chỉ vẫn còn nhiều mới mẻ với cán bộ giảng viên và sinh viên trường Đại học Hùng Vương. Trong khuôn khổ buổi thảo luận ngày hôm nay, tôi xin chia sẻ một số kinh nghiệm về phương pháp dạy một tiết học tín chỉ mà tôi đã tham khảo và học hỏi được.

Trước khi đi vào chi tiết quy trình một tiết lên lớp, người dạy cần phân biệt rõ giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và phương pháp dạy theo tín chỉ.

1. Đặc điểm của phương pháp dạy học truyền thống

- Giảng viên giữ vị trí trung tâm, thầy đọc, trò ghi thụ động;
- Giảng viên quan tâm chủ yếu tới cách trình bày của mình sáng sủa, rõ ràng, logic và dễ hiểu;
- Giảng viên chưa quan tâm tới nhu cầu cá nhân của sinh viên;
- Sinh viên học theo kiểu bắt chước và thụ động tiếp thu;
- Kiến thức trực tiếp và dưới dạng có sẵn;
- Kiểm tra đánh giá: Giảng viên có vai trò gần như tuyệt đối.

2. Phương pháp dạy học theo tín chỉ

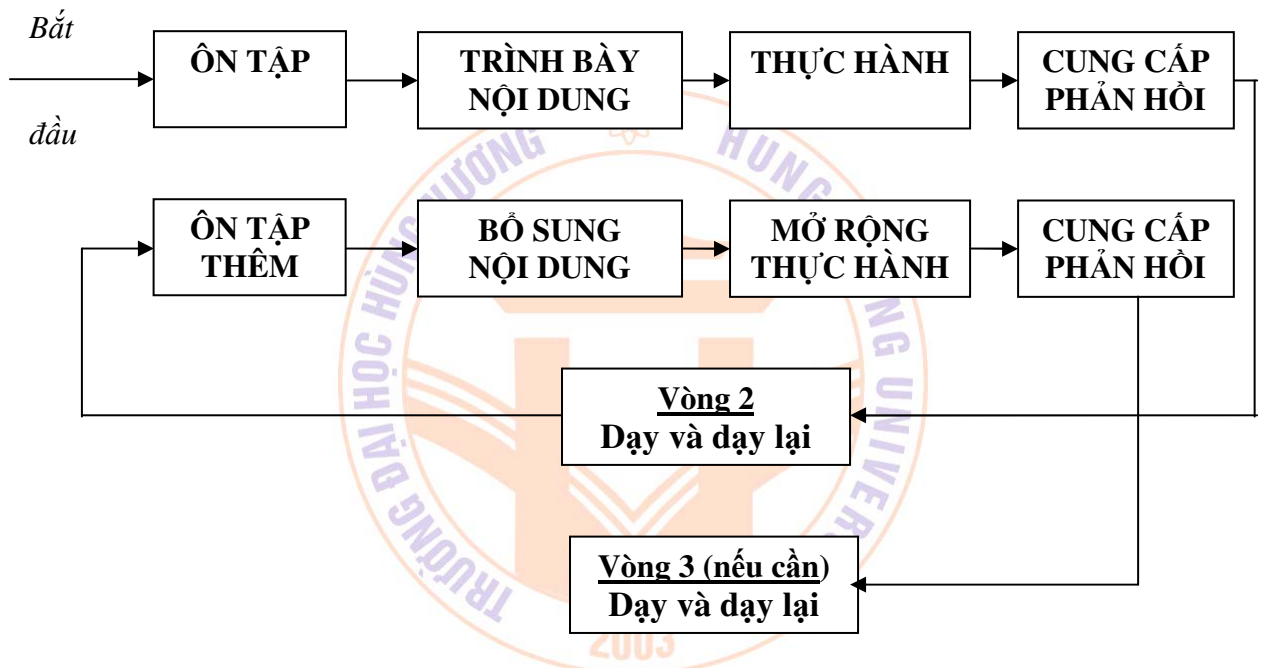
- Giảng viên đóng vai trò là người đạo diễn, trọng tài, cố vấn, tổ chức;
- Sinh viên là chủ thể, trở thành trung tâm được định hướng để xây dựng kiến thức mới;

- Kiến thức được truyền thụ do sự khám phá của sinh viên qua quá trình giải quyết vấn đề do giảng viên đề nghị;

- Kết hợp sự đánh giá của thầy và tự đánh giá của trò.

Điều này có nghĩa là với phương pháp dạy truyền thống thì việc dạy ở các trường đại học không khác gì việc dạy ở các “trường phổ thông cấp 4”. Sinh viên đại học chỉ là những “thợ chép”. Thầy nói gì viết gì trên bảng thì cứ việc cặm cụi chép và cuộn vở cùng với giáo trình trở thành cảm nang duy nhất cho việc thi cử thậm chí cả cho việc hành nghề sau này. Chính cách học thụ động đó đã sinh ra những nhà trí thức thụ động, khả năng nghiên cứu và sáng tạo nghèo nàn.

Chính vì vậy, để sinh viên ra trường có thể năng động phản ứng tốt với nhu cầu ngày càng cao của thị trường, cần phải có phương pháp giảng dạy tích cực trong mỗi tiết học, tức là thay vì người dạy là trung tâm, người học sẽ là trung tâm của bài giảng, sẽ là người đóng vai trò chủ động trong mỗi tiết học. Có thể mô phỏng quy trình căn bản của một tiết lên lớp như sau:



Quy trình căn bản của một tiết lên lớp

Cụ thể như sau:

- Cuối tiết học của buổi học trước, giảng viên cần tóm lược những ý chính cần tìm hiểu cho buổi học hôm sau và yêu cầu sinh viên về nhà đọc và chuẩn bị trước.

- Buổi học tiếp theo:

- **Ôn tập**

- Ôn định tổ chức

- Giảng viên ôn lại buổi học hôm trước bằng cách yêu cầu sinh viên nhắc lại những kiến thức trọng tâm của buổi học đó. Sau đó giảng viên sẽ nhận xét và tổng kết lại.

- **Trình bày nội dung, thực hành và cung cấp phản hồi**

Khác với cách học truyền thống, thay vì “dạy kiến thức”, giảng viên sẽ là người “dạy cách học” cho sinh viên, tức là hướng cho sinh viên cách tiếp cận, nghiên cứu kiến thức. Bởi vì kiến thức của sinh viên có thể đến bằng nhiều nguồn khác nhau như: máy tính và mạng máy tính,

sách vở, báo chí, môi trường tự nhiên, xã hội, gia đình, các phương tiện nghệ nhìn,... chứ không nhất thiết chỉ đến bằng kiến thức của thầy.



Mô hình người học là trung tâm

Hoạt động của thầy chỉ là một phần của môi trường học tập đó nhưng nó lại chiếm vị trí quan trọng nhất vì khi đó hoạt động của thầy là hoạt động có mục tiêu và có định hướng rõ ràng nhất. Tức là chúng ta phải là người định hướng và hướng dẫn cho sinh viên cách để tiếp cận kiến thức. Trong quá trình lên lớp, thay vì thuyết trình, đọc, chép; chúng ta phải đưa ra những tình huống liên quan đến bài giảng và yêu cầu sinh viên tự tìm tòi, xử lý sau đó sẽ tổng kết lại. Giảng viên cần tăng cường tính chủ động của sinh viên bằng cách lồng ghép thảo luận nhóm trong các tiết học. Trong đó, giảng viên phải là người dẫn dắt sinh viên đi đúng trọng tâm của buổi học. Đặc biệt, trong thời đại công nghệ thông tin, giảng viên không chỉ phải khai thác tốt các kiến thức trên internet mà còn phải là người hướng dẫn sinh viên cách khai thác thông tin trên mạng để phục vụ cho chủ đề thảo luận. Giảng dạy đại học thời kỳ hiện nay của nước ta là phải kết hợp 3 tiêu chí sau:

- Tiêu chí hàng đầu là dạy cách học, dạy cách nghiên cứu;
- Phẩm chất cần phát huy mạnh mẽ là tính chủ động của người học;
- Công cụ cần khai thác triệt để là công nghệ thông tin truyền thông.

Có nhiều cách giảng dạy khác nhau, nhưng giảng viên có thể tham khảo một số mô hình phổ biến như sau:

(i) Phân nhóm học tập

- Tổ chức lớp học thành nhiều nhóm học tập khác nhau, mỗi nhóm từ 5 – 7 sinh viên là hiệu quả. Việc phân nhóm học tập này có thể diễn ra vào tiết học đầu tiên của kỳ.

(ii) Tiến trình giảng

Cách 1: Giảng viên trình bày và sinh viên thảo luận

- Giảng viên trình bày các kiến thức trọng tâm. Ở mỗi phần có thể đưa ra các tình huống liên quan đến kiến thức sau đó yêu cầu các nhóm thảo luận và trình bày ý kiến của nhóm. Để sinh viên có một vốn kiến thức đầy đủ, toàn diện không chỉ trong sách vở mà trong cả thực tế, giảng viên nên đưa ra các tình huống thực tế trong đời sống – xã hội và yêu cầu sinh viên dựa trên những kiến thức đã học để phân tích và nhận định tình huống đó.

Ví dụ: Đối với môn học “Quản trị chiến lược”, sau khi dạy về các chiến lược kinh doanh, giảng viên có thể cung cấp cho sinh viên những câu chuyện về chiến lược kinh doanh của các công ty trong thực tế như CocaCola, Swatch,... Sau đó, yêu cầu các nhóm thảo luận và phân tích, nhận định xem các công ty này đã áp dụng và áp dụng như thế nào những chiến lược kinh doanh vừa học trong đó.

Việc đưa ra các tình huống kinh doanh thực tế là một điều vô cùng quan trọng với sinh viên kinh tế. Bởi vì thương trường là chiến trường, ngay từ khi còn ngồi trên ghế giảng đường, sinh viên cần phải chủ động tìm hiểu các kiến thức kinh tế đã được ứng dụng để bản thân sau này có thể phản ứng tốt hơn, nhạy bén hơn với công việc thực tế.

Hoặc:

Cách 2: Sinh viên thảo luận và giảng viên trình bày

- Cuối buổi học trước, giảng viên đưa ra tình huống thực tế liên quan đến bài học của buổi sau cho sinh viên và yêu cầu các nhóm về tìm hiểu

- Buổi học hôm sau: Các nhóm lần lượt trình bày ý kiến của mình về tình huống đó. Giảng viên lắng nghe, nhận xét, rút ra nội dung kiến thức thực tế có liên quan tới bài học và trình bày những những nội dung còn thiếu.

Ví dụ: Buổi sau học về các chiến lược kinh doanh, cuối buổi trước giảng viên cung cấp cho sinh viên một tình huống (câu chuyện, bài báo,...) mà trong đó có hàm chứa các kiến thức của buổi học ví dụ chiến lược kinh doanh của CocaCola. Đầu buổi học sau, các nhóm sinh viên sẽ trình bày các chiến lược mà CocaCola đã áp dụng trong tình huống đó. Các nhóm còn lại tiến hành phát vấn. Cuối cùng, giảng viên sẽ nhận xét, tổng kết bài tập, trình bày các chiến lược mà CocaCola đã áp dụng và bổ sung những chiến lược còn thiếu trong bài học.

Hoặc

Cách 3: Sinh viên trình bày và giảng viên nhận xét

- Cuối buổi học trước, giảng viên tóm lược các nội dung cần tìm hiểu của buổi học sau. Nếu lớp học có 4 nhóm, giảng viên có thể chia nội dung bài học hôm sau thành 4 phần và giao cho 4 nhóm về tìm hiểu.

- Buổi học sau: Các nhóm sẽ lần lượt lên trình bày nội dung của buổi học mà giảng viên đã hướng dẫn và giao cho. Khi một nhóm trình bày xong, 3 nhóm còn lại có thể đưa ra các câu hỏi về nội dung trình bày và yêu cầu nhóm đó giải thích. Sự tự phát vấn và tự phản biện giữa các nhóm với nhau sẽ làm sinh viên tự hiểu sâu sắc hơn về bài học. Cuối buổi, giảng viên sẽ nhận xét và tóm lược lại những nội dung sinh viên đã trình bày được và trình bày những nội dung còn thiếu.

Theo đó, giảng viên có thể thay thế các bài kiểm tra trình bày bằng cách chấm điểm các bài thảo luận nhóm của sinh viên để kích thích tinh thần tự tìm tòi của sinh viên và đánh giá toàn diện hơn người học. Việc chấm bài nên kết hợp giữa sự đánh giá của giảng viên và sự tự đánh giá của sinh viên. Tức là, giảng viên có thể lấy phiếu thăm dò từ sinh viên, yêu cầu mỗi nhóm tự chấm điểm cho mình và chấm điểm cho các nhóm khác. Dựa trên các phiếu đó, giảng viên sẽ cân nhắc và cho điểm.

• **Cuối buổi**

Giảng viên đưa ra các nội dung các công việc hoặc các tình huống cần thảo luận cho buổi sau.

Tóm lại, để có một tiết học trên lớp hiệu quả thì đó không chỉ là sự nỗ lực của một mình giảng viên mà còn đòi hỏi sự nỗ lực của toàn bộ sinh viên. Trong đó, giảng viên phải là người định hướng còn sinh viên là người chủ động trong việc học. Nếu có sự kết hợp đồng điệu giữa thầy và trò thì chắc chắn thế hệ sinh viên ngày nay sẽ không chỉ có một vốn kiến thức sâu sắc mà còn là những người thực sự năng động, sáng tạo và hiểu biết thực tế.

THAM LUẬN PHƯƠNG PHÁP TỔ CHỨC THỰC TẬP VÀ RÈN NGHỀ CHO SINH VIÊN KHOA KINH TẾ & QTKD

*CN. Phùng Thị Khang Ninh
Khoa Kinh tế & QTKD*

1. Mục tiêu của thực tập, rèn nghề

Đi đôi với việc đổi mới chương trình đào tạo từ niên chế sang tín chỉ. Chuyển từ hướng đào tạo cứng nhắc sang hướng đào tạo mềm dẻo đòi hỏi phương pháp dạy – học mới; từ chỗ người học là người tiếp nhận kiến thức thụ động trong lớp học, theo quan niệm hiện nay, người học được xem là trung tâm của hoạt động đào tạo; phương pháp giáo dục đại học mới phải coi trọng việc bồi dưỡng năng lực tự học, tạo điều kiện cho người học phát triển tư duy sáng tạo, rèn luyện kỹ năng thực hành, rèn nghề.

Khoa Kinh tế - QTKD có nhiệm vụ đào tạo cử nhân kinh tế các ngành khoa học gồm: Kế toán, QTKD, Tài chính ngân hàng. Hiện nay, khoa có 5 lớp kế toán, 2 lớp QTKD, 3 lớp tài chính ngân hàng, với hơn 500 sinh viên.

Đối với khoa Kinh tế - QTKD thì Thực tập giáo trình, thực tập tốt nghiệp, rèn nghề tạo điều kiện cho sinh viên làm quen với thực tế ngay khi còn trên ghế nhà trường để phát triển kỹ năng nghề nghiệp. Với mục đích:

- Giúp sinh viên tiếp cận với hoạt động sản xuất, kinh doanh thực tiễn tại các doanh nghiệp hiện nay.

- Gắn liền học tập lý thuyết với thực hành, củng cố, trau dồi những kiến thức được học trong nhà trường, hình thành kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

- Xây dựng tác phong làm việc hiệu quả, khoa học, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác trong công việc.

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng vi tính, ngoại ngữ và các kỹ năng mềm như làm việc đội nhóm và kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp một cách nhuần nhuyễn và tự tin. Nhờ vậy, sinh viên không chỉ có khả năng làm việc ngay mà còn có khả năng tự làm chủ công việc của mình.

2. Nội dung tổ chức thực tập rèn nghề.

2.1. Sinh viên đi thực tập cần chuẩn bị những gì?

• Về kiến thức

- Sinh viên đã hoàn thành các học phần chuyên ngành

- Sử dụng các kỹ năng chuyên môn (đã được trang bị thông qua các môn học chuyên ngành) để đi sâu tìm hiểu thực hành tại cơ sở sản xuất kinh doanh.

- Trên cơ sở đối chiếu, so sánh giữa lý luận với thực tiễn nhằm bổ sung, hoàn chỉnh kiến thức được trang bị trong nhà trường; mặt khác từ những cơ sở lý luận, cơ sở khoa học và kỹ năng chuyên môn vận dụng vào thực tiễn để phát hiện các hạn chế trong thực tiễn; từ đó hình thành các ý tưởng, các đề xuất, chuẩn bị cho việc làm khóa luận tốt nghiệp.

• **Về ý thức**

- Sinh viên cần phải có ý thức tổ chức kỷ luật tốt, tư thế tác phong đúng mực phù hợp với văn hoá doanh nghiệp.

• **Về địa điểm thực tập, rèn nghề**

- Sinh viên sẽ tự đăng ký địa điểm thực tập theo nhóm, mỗi nhóm từ 3 -5 sinh viên, khuyến khích địa điểm thực tập nằm trong tỉnh Phú Thọ.

2.2. Những thuận lợi đối với sinh viên khi đi thực tập, rèn nghề:

- Khoa kinh tế là một khoa mũi nhọn của trường Đại học Hùng Vương nên được Lãnh đạo trường và lãnh đạo khoa rất quan tâm tạo điều kiện cho khoa phát triển.

- Khoa có đội ngũ giảng viên trẻ với trình độ chuyên môn cao, nhiệt tình trong công tác giảng dạy và hướng dẫn sinh viên thực tập, rèn nghề.

- Sinh viên khoa kinh tế có ý thức cao trong học tập và tổ chức kỷ luật, đảm bảo trình độ, tay nghề để đi thực tập, rèn nghề đạt kết quả tốt.

- Trên địa bàn tỉnh Phú Thọ có rất nhiều cơ sở kinh doanh đây là môi trường tốt cho sinh viên thực tập.

2.3. Những khó khăn sinh viên thường gặp phải khi đi thực tập, rèn nghề:

- Sinh viên chọn được nơi thực tập, rèn nghề phù hợp với chuyên môn, có người hướng dẫn tại cơ sở tận tình là khó.

- Sinh viên ít được trực tiếp thực hành tại cơ sở kinh doanh.

- Quá trình sinh viên độc lập nghiên cứu, và nghiên cứu theo nhóm chưa cao: Phần lớn các báo cáo thực tập có kết cấu và nội dung giống các báo cáo đã làm từ trước, thiếu tính mới nên hàm lượng khoa học trong báo cáo chưa cao.

2.4. Giải pháp khắc phục khó khăn để đạt thực tập, rèn nghề đạt kết quả cao

Chọn nơi thực tập, rèn nghề phù hợp để có cơ hội thể hiện năng lực của mình. Để dễ tìm được nơi thực tập, được người hướng dẫn tại cơ sở tận tình và xác suất được giữ lại công ty để làm việc chính thức sinh viên nên làm theo các bước sau:

- Tiếp cận các công ty trong những ngày hội việc làm

- Tận dụng các mối quen biết với các doanh nghiệp (Nhờ các mối quan hệ, thông tin trên mạng...)

- Lập danh sách các công ty có chương trình thực tập và hiện đang có nhu cầu, bạn nên nộp đơn cho tất cả các công ty đó. (Ở mỗi công ty đòi hỏi những thủ tục khác nhau). Sau đó, hãy cố gắng liên lạc với người có trách nhiệm liên quan để xác nhận việc nhận bộ hồ sơ và thăm dò ý kiến của họ về vấn đề xin thực tập này. Điều chính yếu là tìm hiểu cho mình công ty phù hợp với tiêu chuẩn của bản thân.

• **Cần tìm hiểu trước khi đi thực tập những thông tin sau:**

- Cần tìm hiểu trước mẫu báo cáo thực tập của trường (yêu cầu) để khi đi thực tập không bị động. (Khi viết báo cáo nên tham khảo các báo cáo trước để rút kinh nghiệm và nên viết về các điểm mạnh của nơi mình thực tập).

- Thời gian thực tập?

- Trách nhiệm, bổn phận hàng ngày của sinh viên (khi thực tập) sẽ là gì?

- Công việc đối với cơ cấu tổ chức của công ty như thế nào? (Nơi và bộ phận mà sinh viên muốn thực tập)

- Điều gì là ưu tiên chính của công việc, mối quan hệ với các phòng ban khác ra sao?

- Sinh viên cũng cần tìm hiểu thêm như: Công ty có tài trợ cho sinh viên thực tập không? Nếu công ty trả lương cho sinh viên thực tập, bạn sẽ làm công việc gì?

• Ý thức của sinh viên

- Nên tạo mối quan hệ tốt với nơi thực tập bởi khi viết luận văn cũng cần một lần nữa làm việc với đơn vị để xin số liệu và chứng nhận cho báo cáo thực tập

Sinh viên cần kiên nhẫn, cởi mở và hòa đồng với nhân viên công ty thì sẽ sớm có được số liệu, sớm được hướng dẫn. Điều chính yếu là chỉ cần chịu khó, hăng hái và làm tốt phần việc được giao. Nên có ý thức học hỏi và nhanh nhạy, chú tâm trong công việc, đặc biệt là phải trung thực, chân thành.

Sinh viên cần tận dụng cơ hội, nhiệt tình với công việc và chú tâm học hỏi. Nên cao tinh thần, thái độ tích cực như đang thử việc để đợt thực tập đạt kết quả cao.

3. Kết luận

Để việc thực tập mang lại hiệu quả cao, sinh viên cần phải có một sự chuẩn bị tốt không những kiến thức mà còn ở tâm lý vì có kết quả hay không cơ bản phụ thuộc vào sự nỗ lực của mỗi người.

BẢN THAM LUẬN VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY 1 TIẾT THẢO LUẬN TRÊN LỚP

*Th.s Ngô Thị Thanh Tú
Khoa Kinh tế & QTKD*

Đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, lần đầu tiên được tổ chức tại trường Đại học Harvard, Hoa Kỳ vào năm 1872, sau đó lan rộng ra khắp Bắc Mỹ và thế giới. Đây là phương thức đào tạo theo triết lý “Tôn trọng người học, xem người học là trung tâm của quá trình đào tạo”. Theo đánh giá của Tổ chức ngân hàng thế giới (WB) thì đào tạo theo Hệ thống tín chỉ, không chỉ có hiệu quả đối với các nước phát triển mà còn rất hiệu quả đối với các nước đang phát triển.

Ở Việt Nam, đào tạo theo học chế tín chỉ hiện là một trong 7 bước đi quan trọng trong lộ trình đổi mới giáo dục đại học giai đoạn 2006-2020.

Trường Đại học Hùng Vương hiện cũng đang trong lộ trình chuyển từ đào tạo theo niên chế sang phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ. Tuy nhiên với truyền thống nhiều năm liền dạy theo niên chế thì theo tôi việc đầu tiên phải thực hiện và cần thực hiện một cách quyết liệt là đổi mới phương pháp đào tạo và giảng dạy. Trước đây gần như sinh viên học theo lối truyền thống là thầy đọc trò chép, các kiến thức của thầy là chuẩn mực, chính phương pháp này đã làm hạn chế rất lớn khả năng sáng tạo của sinh viên và thiếu sự trao đổi giữa giảng viên và sinh viên, sinh viên với sinh viên.

Khi hoà nhập vào hình thức đào tạo chuyển từ niên chế hiện nay sang tín chỉ, sinh viên sẽ là đối tượng được hưởng lợi nhiều nhất. Đào tạo theo tín chỉ là phương thức đào tạo tiên tiến, vì thế nó đòi hỏi sự đổi mới trong phương pháp dạy và học, từ tiếp cận nội dung sang tiếp cận phương pháp.

Hiện nay trong đào tạo theo học phần – niên chế, 01 đơn vị học trình (ĐVHT) = 15 tiết lên lớp (nói chung các trường đều bố trí chung cho cả lý thuyết và bài tập) và để tiếp thu được 01 ĐVHT sinh viên chỉ cần chuẩn bị 15 tiết ở nhà. Trong đào tạo theo tín chỉ, 01 tín chỉ (TC) = 15 tiết chuẩn = 12 tiết lên lớp lý thuyết + 6 tiết lên lớp thảo luận, thí nghiệm v.v. = 18 tiết lên lớp, và để tiếp thu được 1 TC sinh viên phải chuẩn bị 30 tiết ở nhà. Điều này cho thấy giờ dạy lý thuyết trên lớp giảm nhưng giờ thảo luận và tự học của sinh viên tăng nhiều. Sinh viên có cơ hội để tự học và học theo kiểu thảo luận nhóm, còn giảng viên chỉ là người giúp đỡ sinh viên cách tư duy, phương pháp tự học, sáng tạo, chứ không phải đơn thuần là truyền thụ lại kiến thức.

Cái chúng ta cần ở sinh viên ngày nay khi ra trường không phải là những kiến thức ghi chép được trong sách vở mà thầy đọc cho như trước kia, mà là năng lực tự học, sáng tạo, để giải quyết những vấn đề trong thực tiễn, thậm chí chưa bao giờ được học ở trường. Do đó hoạt động thảo luận trên lớp đóng vai trò rất quan trọng.

Một câu nói của Francis Bacon: *Đọc sách làm nên một con người trợn vẹn, thảo luận làm nên một con người sẵn sàng và viết làm nên một con người chính xác*”.

Như vậy rõ ràng, thảo luận là một kỹ năng vô cùng quan trọng và cần thiết của mỗi sinh viên.

Và trong nội dung của buổi hội thảo ngày hôm nay, tôi xin phép chia sẻ cùng các đồng nghiệp và các anh chị sinh viên về phương pháp dạy 1 tiết thảo luận theo học chế tín chỉ.

Tôi đã tham gia giảng dạy học kỳ I theo phương thức đào tạo tín chỉ tại các lớp K7 khối ngành kinh tế, trong quá trình giảng dạy của mình tôi đã cố gắng đẩy mạnh các hoạt động thảo

luận trên lớp và tạo điều kiện để sinh viên có thêm nhiều cơ hội được thảo luận. Theo tôi có ba bước cơ bản để thực hiện một buổi thảo luận.

Ba bước cơ bản để thực hiện một buổi thảo luận

Bước 1: Đưa ra các chủ đề, nhóm chủ đề, tình huống hoặc đề tài thảo luận (do giảng viên thực hiện).

Bước 2: Chuẩn bị nội dung thảo luận (sinh viên và giảng viên cùng thực hiện).

Bước 3: Thảo luận (sinh viên thực hiện, giảng viên đóng vai trò hướng dẫn thảo luận và điều hành buổi thảo luận đi đến hiệu quả).

Tuy nhiên, qua quá trình giảng dạy học kỳ I đối với K7 khối ngành kinh tế, tôi thấy có những khó khăn đối với giảng viên khi lên lớp thảo luận:

- (1) Sinh viên quá thụ động, giảng viên dạy cái gì học cái đó
- (2) Sinh viên thiếu mở rộng nghiên cứu, bỏ tấc kiến thức khác
- (3) Tài liệu tham khảo rất nghèo nàn, sinh viên không biết cách khai thác thông tin
- (4) Sinh viên không xem lại và xem trước bài trước khi đến lớp
- (5) Sinh viên không biết cách đọc tài liệu sao cho hiệu quả
- (6) Sinh viên không có điều kiện để tự nghiên cứu
- (7) Sinh viên không tận dụng được thời gian nhàn rỗi

Và theo tôi những nguyên nhân chính là:

- (1) Do sinh viên quen với lối học phổ thông
- (2) Không có thói quen tự học, tự nghiên cứu
- (3) Lông lẻo trong vấn đề quản lý
- (4) Giảng viên dạy theo lối cũ, đọc – chép
- (5) Quá trình học tập thiếu sự trao đổi giữa giảng viên và sinh viên, sinh viên với sinh viên.

Để thực hiện 1 tiết thảo luận thành công theo tôi:

• Về phía giảng viên lên lớp

(1) Ở giảng đường, giảng viên chỉ nên đưa ra những gợi mở về phương hướng cho sinh viên tìm tòi tự nghiên cứu và các phương pháp luận. Mỗi lần vào các nhóm tự học, sinh viên sẽ phải chuẩn bị kỹ lưỡng đề tài của mình.

(2) Giảng viên giảng dạy bằng phương pháp nghiên cứu tình huống: Giảng viên đưa ra bài tập dưới dạng tình huống, sinh viên/nhóm sinh viên chuẩn bị bài làm và nộp báo cáo cho giảng viên để đánh giá. Phương pháp này giúp sinh viên có nhiều sự cọ xát với thực tế, tính tự nghiên cứu và nâng cao kỹ năng.

(3) Giảng viên sử dụng phương pháp thảo luận trực tiếp: với phương pháp này giảng viên đưa ra câu hỏi thảo luận cho sinh viên nghiên cứu trước (theo cá nhân hoặc theo nhóm), phân công trả lời các câu hỏi. Trong buổi học giảng viên đóng vai trò người điều hành lớp còn sinh viên sẽ trả lời các câu hỏi và thảo luận giữa các nhóm. Chúng ta thấy đặc điểm của phương pháp này rất lớn, sinh viên phát huy được nhiều kỹ năng. Trong phương pháp này có thể dẫn đến một kết quả là sinh viên sẽ bàn cãi và không có đáp án cuối cùng, bây giờ giảng viên sẽ là người khẳng định và giải thích câu trả lời đúng cho câu hỏi.

(4) Bằng phương pháp tổ chức những buổi seminar: sinh viên/nhóm sinh viên đăng ký chủ đề và trình bày trước lớp, lần lượt các nhóm trình bày và góp ý. Với phương pháp này sinh viên phát huy được nhiều kỹ năng: tự nghiên cứu, cộng tác nhóm, viết báo cáo, diễn thuyết và trả lời chất vấn.

(5) Mỗi môn học, sinh viên phải viết báo cáo thu hoạch về chủ đề, đề tài của môn học. Bài báo cáo là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả môn học.

• Về phía sinh viên

(1) Chủ động thu nhận và chất lọc thông tin từ các bài giảng của thầy cung cấp.

(2) Tích cực mở rộng nghiên cứu, bổ túc kiến thức khác

(3) Chủ động tìm tòi tài liệu tham khảo từ nhiều nguồn đặc biệt là khai thác thông tin từ hệ thống internet.

(4) Phải xem lại và xem trước bài trước khi đến lớp

(5) Tự xây dựng phương pháp đọc tài liệu sao cho hiệu quả: Từ chọn tài liệu đọc, địa điểm đọc và thời gian đọc tài liệu.

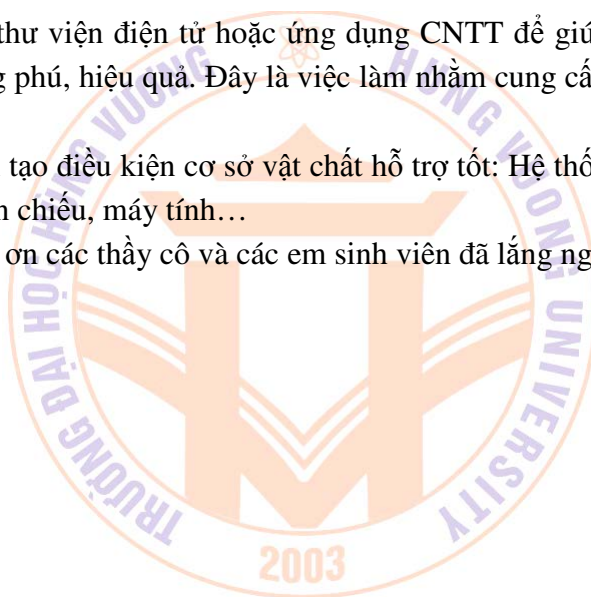
• Các hoạt động bổ trợ khác

(1) Nhà trường và khoa cần có các hoạt động khuyến khích, hướng dẫn sinh viên tham gia vào các đề tài nghiên cứu khoa học. Ngay từ những buổi đầu, nhà trường và khoa cần có những định hướng, gợi ý cho sinh viên tập làm quen với phương pháp học mới, phương pháp tự học, tự nghiên cứu.

(2) Cần xây dựng thư viện điện tử hoặc ứng dụng CNTT để giúp cho sinh viên khai thác thông tin một cách phong phú, hiệu quả. Đây là việc làm nhằm cung cấp nhiều tài nguyên nghiên cứu cho sinh viên.

(3) Nhà trường cần tạo điều kiện cơ sở vật chất hỗ trợ tốt: Hệ thống phòng học rộng rãi, hệ thống máy projector, màn chiếu, máy tính...

Cuối cùng xin cảm ơn các thầy cô và các em sinh viên đã lắng nghe, chúc các bạn sức khỏe và sự thành công.



THAM LUẬN VỀ VIỆC TỔ CHỨC TỐT VIỆC TỰ HỌC CHO SINH VIÊN

*Ths. Đỗ Thị Minh Hương
Khoa Kinh tế & QTKD*

Tự học có vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình học ở Đại học của sinh viên. Tự học nhằm phát huy tính tự giác, tích cực năng lực đọc sách và nghiên cứu để thực hiện nhiệm vụ giáo dục ở các trường Đại học là “biến quá trình đào tạo thành quá trình tự đào tạo của sinh viên”. Việc đào tạo theo học chế tín chỉ đòi hỏi thời lượng tự học, tự nghiên cứu của sinh viên chiếm 2/3 so với giờ học trên lớp. Do đó, tổ chức tốt việc tự học cho sinh viên nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của các trường Đại học theo hình thức tín chỉ hiện nay là việc làm cấp thiết.

Muốn làm tốt việc này trước hết cần giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của việc tự học. Có thể nói, tự học là nhân tố trực tiếp trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ở các trường Đại học. Một học sinh trở thành sinh viên Đại học là phải làm quen với phương thức học tập mới. Sinh viên Đại học học phương pháp là chủ yếu, thầy cô đóng vai trò là những người hướng dẫn học tập, các giờ lên lớp chỉ cung cấp được những kiến thức cơ bản nhất. Ở bậc Đại học không còn sự kiểm tra sát sao của giáo viên, kết quả học tập phụ thuộc vào bản thân sinh viên là chính. Bởi vậy, việc tự học của sinh viên cần tăng lên, tự học giúp trang bị những kiến thức mới và đạt kết quả như mong muốn. Bên cạnh đó, tự học còn giúp nâng cao thành tích, hoạt động trí tuệ của sinh viên trong việc hiểu và tiếp thu tri thức mới. Trong quá trình tự học, sinh viên sẽ gặp nhiều vấn đề mới và việc đi tìm lời giải đáp cho các vấn đề đó là cách tốt nhất để kích thích hoạt động trí tuệ. Việc tự học rèn cho sinh viên thói quen suy nghĩ, tác phong làm việc độc lập, sáng tạo. Tự học được tổ chức tốt giúp sinh viên rất nhiều trong công việc sau này khi họ trở thành những người chủ thực sự góp phần xây dựng đất nước. Họ có năng lực thực tiễn không? Chất lượng công tác thế nào?...Tất cả những vấn đề này phụ thuộc phần lớn vào công tác tự học.

Tự học là một quá trình học tập, một quá trình nhận thức không trực tiếp có thầy cô giáo. Quá trình này vất vả hơn rất nhiều so với việc học có thầy vì người học phải xây dựng cho mình cách học và sử dụng hợp lý các điều kiện, hình thức, phương tiện học tập để đạt được kết quả mong muốn. Tự học có nghĩa là sinh viên phải độc lập, tự xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập cho mình, tự năng động tìm tòi, phân tích những tài liệu, sách vở tiến tới làm chủ tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

Để đảm bảo việc tự học có hiệu quả cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Đảm bảo tính tự giác
- Đảm bảo tính khoa học trong quá trình tự học
- Đảm bảo “học đi đôi với hành”
- Đảm bảo nâng cao dần đến mức tự giác, tích cực trong quá trình tự học
- Đảm bảo nâng cao dần và củng cố kỹ năng, kỹ xảo.

Một sinh viên có ý thức tự học tốt phải là người biết sắp xếp thời gian học tập, biết phân phối sức lực để học tập, khát khao hiểu biết, ham tìm tòi, nghiên cứu, mong muốn làm chủ những thành tựu khoa học. Họ phải biết học hết mình, biết kết hợp giữa học tập và giải trí. Ở trên lớp, người có ý thức tự học tốt là người tập trung nghe giảng, đào sâu suy nghĩ, hăng hái phát biểu, ghi chép có chọn lọc những tư tưởng cốt lõi của bài giảng. Tự học ở nhà chính là bước giúp sinh viên đào sâu suy nghĩ, hệ thống lại những tri thức đã lĩnh hội, liên hệ nó với thực tế. Ngoài việc tự học trên lớp và ở nhà, sinh viên còn cần phải biết tự học ngay trong cuộc sống đời thường.

Trước đây, tài liệu học tập chủ yếu là bài giảng ghi chép được trên giảng đường và sách giáo khoa. Những tài liệu này có khối lượng ít, việc tự học thật đơn giản, thậm chí có thể học thuộc lòng. Ngày nay, ngoài những tài liệu đó còn có rất nhiều các tài liệu tham khảo khác, đặc

biệt là từ nguồn thông tin trên Internet. Nguồn thông tin này ngày càng nhiều, càng đa dạng. Vậy sinh viên cần phải tự học như thế nào? Chắc chắn việc tự học không thể đơn thuần là việc bỏ thời gian thu thập càng nhiều thông tin càng tốt, mà trước hết phải học phương pháp tiếp cận, xử lý thông tin để hành động. Có một số cách học:

- *Học quan sát*: Bao gồm những khả năng quan sát một tình huống, phân tích tình huống đó và phân biệt những thông tin chính, sơ đồ hoá tất cả những yếu tố thuộc một vấn đề.

- *Học thu thập, phân tích và xử lý thông tin*: bao hàm những khả năng rút ra những thông tin từ một tư liệu và ghi chép từ một bài báo hay bài phát biểu.

- *Học cách tổng hợp vấn đề*: đòi hỏi phát triển khả năng tổng hợp, cấu trúc cách giải quyết vấn đề, sắp xếp thông tin về một vấn đề.

- *Học cách khái quát hoá*: tức là quy nạp những ý kiến từ những sự kiện, xây dựng một giả thuyết và kiểm tra giả thuyết đó.

- *Học phán đoán*: dựa vào những nguyên lý để rút ra những hệ quả.

- *Học thông báo*: điều này yêu cầu thể hiện những thông tin bằng sơ đồ, đồ thị hay bằng một ngôn ngữ tượng trưng hay kỹ thuật và ngược lại; những yêu cầu trình bày lại một văn bản bằng cách dùng ngôn từ khác, cách diễn đạt khác.

- *Học quyết định và hành động*: điều này nhất thiết bao hàm việc lựa chọn đúng đắn những phương pháp thuật toán, phương pháp thực hành, bao hàm khả năng lập và thực hiện một chương trình hành động.

- *Học đánh giá*: khả năng phát biểu những tiêu chuẩn đánh giá, đánh giá theo những tiêu chuẩn đã được chọn, hiệu chỉnh một phương pháp hay một hành động.

Các cách học này được ứng dụng cụ thể như sau:

+ Đối với giờ học lý thuyết trên lớp: Không chỉ ghi chép những lời thầy cô giảng trên lớp một cách thụ động mà phải nghe, suy ngẫm và nắm được “linh hồn” những vấn đề mà thầy cô truyền đạt? Thầy cô đặt vấn đề như thế nào? Tại sao lại đặt vấn đề như thế? Thông số đầu vào là những thông số nào? Thông số đầu ra cần phải xác định là những thông số nào? Nguyên tắc để giải quyết vấn đề là gì? Phương pháp và con đường cụ thể để giải quyết những vấn đề đó là gì? Mà chưa cần nắm rõ những chi tiết cụ thể.

+ Đối với giờ học thảo luận trên lớp: Cần làm rõ những vấn đề của giờ lý thuyết áp dụng vào những bài tập cụ thể. Nếu như giờ lý thuyết chủ yếu là nghe, viết và suy ngẫm thì giờ thảo luận phải là nói nhiều và tranh luận. Ưu tiên đặt câu hỏi hơn là trả lời. Tránh đi vào những vấn đề quá sâu, phức tạp và mất nhiều thời gian. Đừng nôn nóng hiểu sâu mà hãy hiểu những vấn đề cơ bản trước đã.

+ Đối với việc tự học ở nhà: Sinh viên cần đào sâu suy nghĩ, hệ thống lại những tri thức đã lĩnh hội, liên hệ nó với thực tế. Học cách tự đọc tài liệu để hiểu sâu vấn đề cốt lõi của từng chương và tiến tới cả học phần. Tự triển khai những vấn đề cụ thể của học phần như giải bài tập, thiết kế, chuẩn bị câu hỏi cho các giờ thảo luận trên lớp. Hãy đi từ dễ đến khó, từ đơn giản đến phức tạp. Tăng cường trao đổi bài theo nhóm. Người biết khi giảng cho người chưa biết sẽ càng giỏi hơn, người chưa biết hỏi người biết sẽ hiểu được vấn đề.

Việc học và làm chủ được các phương pháp học tập trên là điều không hề đơn giản. Hãy học dần từng phương pháp, thực hành nhiều lần cho thành thạo. Những phương pháp này không chỉ đơn giản giúp các bạn sinh viên tự học có kết quả thi cử tốt mà nó sẽ còn là một hành trang rất hữu ích cho các bạn khi ra trường, lập nghiệp và hoạt động xã hội. Tự học có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình học của sinh viên Đại học. Quy luật khắc nghiệt của cuộc sống sẽ đào thải những ai không theo kịp, tụt hậu so với nó. Muốn chiến thắng cần phải trang bị tri thức toàn diện. Để làm được điều này, với sinh viên chỉ có thể là xây dựng cho mình một thói quen, một phương thức tự học thích hợp, hiệu quả..